

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7506 /BTC-TCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023


V/v xin ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Kính gửi: Bộ Tư pháp


Căn cứ Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 21/4/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về thuế tối thiểu toàn cầu; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới; thực hiện Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 19/7/2023 về việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế;

Bộ Tài chính đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị quyết, Báo cáo đánh giá tác động; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân.

Để kịp trình Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề pháp luật ngày 26/7/2023, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (gửi kèm).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Vụ: CST, NSNN, HTQT, PC;
- Các Cục: TCDN, QLGSKTCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).  (7)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Cao Anh Tuấn

Số: 158 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

(Để phục vụ Bộ Tư pháp thẩm định về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội)

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 19/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ về việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế.

Thực hiện Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

- Ngày 08/10/2021, OECD đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước thành viên IF.

- Thuế tối thiểu toàn cầu về bản chất là thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với các trường hợp có mức thuế thực tế thấp hơn mức thuế tối thiểu do OECD đề xuất để áp dụng trên toàn cầu. Việc ban hành chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Việt Nam là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, cụ thể là:

+ Phù hợp với Nghị quyết số 07- NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung “*Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...*”.

+ Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tại Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam:

“*Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế*”.

“*Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế.... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế*”.

+ Phù hợp với Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện là: “*...khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế*”.

+ Phù hợp với Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TNDN: “*Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế; thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống chuyển giá, chống xói mòn nguồn thu theo thông lệ quốc tế.*”

- Theo quy định tại khoản 4, Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì Quốc hội “*quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế*”. Thuế tối thiểu toàn cầu là quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Vì vậy, việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu cần phải trình Quốc hội xem xét, quy định.

2. Đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn phát sinh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, sự phát triển của công nghệ thông tin mà các mô hình kinh tế mới (*kinh tế chia sẻ, kinh tế số...*) đã và đang làm thay đổi các mô hình kinh doanh truyền thống, các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua các hoạt động chuyển lợi nhuận, chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng, tranh chấp giữa các nước. Cụ thể, các quốc gia đã và đang thực hiện hạ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để thu hút và giữ chân nhà đầu tư. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có

lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế.

Trước bối cảnh đó, vào tháng 6/2013, OECD đã khởi xướng và được nguyên thủ các quốc gia G20 thông qua sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (*Base Erosion and Profit Shifting – BEPS*) với 2 nội dung chính:

(i) Phân chia quyền đánh thuế, thực hiện đánh giá về phân bổ lợi nhuận và xây dựng các nguyên tắc phân bổ lợi nhuận toàn cầu;

(ii) Đảm bảo rằng tất cả các doanh nghiệp hoạt động đầu tư quốc tế phải trả mức thuế tối thiểu.

Năm 2015, Bộ trưởng Tài chính các nước G20 đề nghị OECD thiết lập Khuôn khổ hợp tác chung, theo đó đến đầu năm 2016 các nước không thuộc nhóm G20, đặc biệt là các nước đang phát triển tham gia Diễn đàn hợp tác chung IF trên cơ sở bình đẳng như nhau. Năm 2017, Việt Nam đã tham gia và là thành viên thứ 100 của BEPS. Đến nay, đã có 142 nước tham gia Diễn đàn này.

Ngày 5/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “*tối thiểu là 15%*”.

Triển khai các hành động của BEPS, ngày 9/7/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức về thuế phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế*. Ngày 08/10/2021, OECD đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế. Đối với giải pháp này, các Tập đoàn công ty đa quốc gia (MNE) có mức doanh thu hợp nhất ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm xem xét đạt tối thiểu 750 triệu EUR căn cứ theo báo cáo tài chính của tập đoàn, thì tập đoàn đó thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, tức sẽ bị đánh thuế bổ sung phần chênh lệch nếu thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu 15%.

Đến ngày 16/12/2022, Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS (IF) đã công bố có 138 nước đồng thuận (*không phân đối*) đối với nội dung về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số mà OECD đưa ra ngày 8/10/2021 nêu trên. Việt Nam là thành viên thứ 100 của BEPS và không có ý kiến bảo lưu về nội dung này, nên là một trong những nước đồng thuận. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước thành viên IF.

Về tình hình triển khai Trụ cột 2 (Thuế tối thiểu toàn cầu), đối với các nước có vốn đầu tư ra nước ngoài, về cơ bản sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn

cầu từ năm 2024 để thu thêm phần chênh lệch từ mức thuế thực tế so với Thuế tối thiểu toàn cầu (15%), trong đó có các nước có số vốn đầu tư lớn vào Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore....

Đối với các nước nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, tương tự như Việt Nam đang nghiên cứu đề đưa ra chính sách ứng phó Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có việc áp dụng quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) để tránh việc nộp thuế bổ sung đối với phần thu nhập của công ty thành viên có thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu về các nước có công ty mẹ đóng trụ sở chính, đồng thời cũng nghiên cứu một số giải pháp hỗ trợ về tài chính (ví dụ như Thái Lan) để giữ chân các doanh nghiệp FDI thuộc đối tượng của Thuế tối thiểu toàn cầu và thu hút các nhà đầu tư mới.

Theo nguyên tắc áp dụng, Thuế tối thiểu toàn cầu không phải là điều ước quốc tế, không phải là cam kết quốc tế, không bắt buộc các quốc gia phải áp dụng. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận việc các quốc gia khác áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, có quyền thu thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam (nếu thuộc đối tượng áp dụng) mà được hưởng mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn mức tối thiểu toàn cầu 15%, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việt Nam là nước chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, theo đó sẽ bị ảnh hưởng bởi Thuế tối thiểu toàn cầu.

Trước bối cảnh các quốc gia có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam đã có kế hoạch áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu để giành quyền thu thuế và các quốc gia nhận vốn đầu tư tương tự như Việt Nam đã và đang nghiên cứu chính sách ứng phó, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư trước tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Việt Nam cần khẳng định áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam thông qua việc ban hành văn bản quy định việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

Việc áp dụng các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mang lại cho Việt Nam những cơ hội mới, cụ thể:

a) Tăng nguồn thu ngân sách nhà nước từ phần thu thuế bổ sung:

b) Tăng cường hội nhập quốc tế:

Việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ góp phần tăng cường hội nhập quốc tế của Việt Nam, cải cách hệ thống thuế theo hướng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế thông qua việc sửa đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Giảm thiểu hiện tượng trốn thuế, tránh thuế, chuyển giá, chuyển lợi nhuận:

Việc các nước ban hành các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp để thu hút đầu tư nước ngoài khiến cho hiện tượng trốn thuế, tránh thuế, chuyển giá, chuyển lợi nhuận diễn ra ngày càng phức tạp. Các doanh nghiệp đã lợi dụng các cơ hội để chuyển lợi nhuận từ nước có thuế suất cao

sang nước có thuế suất thấp hơn, từ đó xảy ra tình trạng thất thu thuế. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tạo một bằng chung về thuế tại tất cả các quốc gia, từ đó tránh việc cạnh tranh về thuế giữa các nước hiện nay và giảm thiểu tình trạng chuyển giá, chuyển lợi nhuận, giữ vững nguồn thu thuế.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

1. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Xây dựng chính sách thuế Thuế tối thiểu toàn cầu để áp dụng từ năm 2024 (*bao gồm quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) và thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT)*) và các giải pháp hỗ trợ phù hợp để giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút nhà đầu tư mới, đảm bảo bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhà đầu tư trực tiếp và nhà đầu tư gián tiếp.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam;
- Tạo mức độ tin tưởng giữa doanh nghiệp và Chính phủ để doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và mở rộng đầu tư tại Việt Nam;
- Thể hiện sự tiên bộ và minh bạch trong hệ thống quản lý thuế và môi trường đầu tư kinh doanh tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế;
- Giữ nguyên các chính sách ưu đãi hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Chủ trương và các chính sách của Việt Nam chủ động ứng phó đối với đề xuất thuế tối thiểu toàn cầu của OECD phải đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết và trước hết, phù hợp với chủ trương, giải pháp của Đảng về hoàn thiện chính sách thu, phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới.

- Việt Nam ủng hộ và chủ động áp dụng quy định Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024, tạo cơ chế thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp nộp bổ sung thuế tại Việt Nam.

- Do Thuế tối thiểu toàn cầu chỉ áp dụng với một nhóm đối tượng, nên cần tiếp tục duy trì các chính sách ưu đãi thuế hợp lý đối với các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản quy định việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo

quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Quy định GloBE). Trong đó, quy định GloBE là bộ quy định của Diễn đàn hợp tác chung OECD/G20 về quy định chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (Diễn đàn), bao gồm: Quy định mẫu, Tài liệu diễn giải, Hướng dẫn hành chính, Hướng dẫn quy định miễn trừ và các văn bản quy định chi tiết khác.

2. Đối tượng áp dụng

Công ty thành viên, Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao ít nhất hai trong số bốn năm tài chính ngay trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, trừ các trường hợp sau:

- a) Các tổ chức của chính phủ;
- b) Tổ chức quốc tế;
- c) Tổ chức phi lợi nhuận;
- d) Quỹ hưu trí;
- đ) Quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao;
- e) Tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao
- g) Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức nêu trên.

3. Mục tiêu, nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết

3.1. Chính sách 1: Quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

3.1.1. Mục tiêu

- Tuân thủ theo hướng dẫn tại các văn bản, tài liệu quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD;
- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế;
- Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế.

3.1.2. Giải pháp

- *Về đối tượng áp dụng:* Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, có hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, có lợi nhuận tại Việt Nam vượt ngưỡng trong năm tính thuế và có mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn thuế suất tối thiểu trong năm tính thuế.

- *Các trường hợp loại trừ, gồm:* Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, tổ

chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, hoặc Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các đối tượng vừa nêu theo quy định của Chính phủ.

- Cách xác định số thuế bổ sung theo quy định QDMTT:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0 (không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn) trong một năm tính thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(i) Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

(ii) Thu nhập bình quân theo GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.

- **Về khai thuế:** Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

3.1.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Giành quyền đánh thuế, hạn chế việc chuyển số thuế sang các quốc gia khác;

- Đảm bảo sự tiên bộ và minh bạch trong hệ thống quản lý thuế và môi trường đầu tư kinh doanh tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế;

- Đạt được mục đích giữ các chính sách ưu đãi hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

3.2. Chính sách 2: Quy định Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

3.2.1. Mục tiêu

- Tuân thủ theo hướng dẫn tại các văn bản, tài liệu quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD;

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế;

- Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế.

3.2.2. Giải pháp

- **Về đối tượng điều chỉnh:** Công ty mẹ tối cao hoặc Công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam hoặc Công ty mẹ trung gian theo quy định của

Chính phủ của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kể trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, nắm giữ (*trực tiếp hoặc gián tiếp*) quyền sở hữu Công ty thành viên chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo quy định GloBE tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tính thuế.

- **Các trường hợp loại trừ, gồm:** Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, hoặc Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các đối tượng vừa nêu theo quy định của Chính phủ.

- **Cách xác định số thuế bổ sung theo quy định IIR:**

+ Tổng thuế bổ sung tại một nước = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (*nếu có*) – Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn (*nếu có*).

+ Thuế bổ sung của Công ty thành viên sẽ được xác định cho mỗi Công ty thành viên của một nước có Thu nhập GloBE trong năm tính thuế được đưa vào khi tính Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó theo công thức sau:

Thuế bổ sung của Công ty thành viên

$$= \text{Tổng thuế bổ sung tại một nước} \times \frac{\text{Thu nhập theo quy định GloBE của Công ty thành viên đó}}{\text{Tổng thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên có tại nước đó}}$$

+ Thuế phân bổ cho Công ty mẹ từ thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp bằng số Thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp theo quy định GloBE nhân với tỷ lệ sở hữu thu nhập của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên chịu thuế suất thấp trong năm tính thuế.

+ Thuế bổ sung của Công ty thành viên tại một nước được xác định bằng 0 (không chịu thuế bổ sung) trong một năm tính thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(i) Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

(ii) Thu nhập bình quân theo GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.

- **Về khai thuế:** Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

2.2.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Tăng thu ngân sách nhà nước đối với phần thuế thu nhập doanh nghiệp thu bổ sung từ các Tập đoàn kinh tế của Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài;

- Giành quyền đánh thuế với tư cách là quốc gia của công ty mẹ thực hiện đầu tư ra nước ngoài;

- Đảm bảo bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhà đầu tư trực tiếp và nhà đầu tư gián tiếp;

- Ngăn chặn các Tập đoàn đa quốc gia của Việt Nam thực hiện chuyển lợi nhuận, chuyển giá sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

Từ những nội dung của dự án Nghị quyết của Quốc hội nêu trên, để triển khai tốt Nghị quyết của Quốc hội này cần phải:

1. Có sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng từ Trung ương xuống cơ sở, các cấp chính quyền; sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan, đoàn thể.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Nghị quyết của Quốc hội nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

3. Cần có sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế trong quá trình thực hiện.

4. Thực hiện đồng bộ các chính sách, biện pháp: Thuế, phí, lệ phí; hành chính, tuyên truyền giáo dục,...

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết của Quốc hội như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết của Quốc hội

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết của Quốc hội bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết của Quốc hội và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định tại Nghị quyết của Quốc hội kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết của Quốc hội, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định:

a) Tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

c) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;

d) Quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia;

đ) Đại xá;

e) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.”

Tại Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên

tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Tại Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định UBTVQH quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH; trình Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội.

Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định các trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm:

“2. Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c Khoản 2 Điều 15 của Luật; nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 16 của Luật.”.

Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và cho phép xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV).

Dự án Nghị quyết được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Công thông tin điện tử Chính phủ và Công thông tin điện tử Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và hoàn thiện dự án Nghị quyết (báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự án Nghị quyết trình kèm).

Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định về dự án Nghị quyết. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trình kèm).

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu như sau:

- Chính phủ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, trình UBTVQH để bổ sung vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 vào kỳ họp tháng tới.

- Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2023).

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Trình kèm: Đề cương dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; Đề án áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam; Báo cáo đánh giá tác động)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị: CST, PC;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



Nghị quyết số 4 / 2023/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG
THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số .../TTr-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số .../BC-UB... ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban ..., Báo cáo số .../BC-UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Định hướng quy định:

“Nghị quyết này quy định việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu”.

Điều 2. Người nộp thuế

Định hướng quy định:

“Công ty thành viên, Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, trừ các trường hợp sau:

1. Các tổ chức của chính phủ;
2. Tổ chức quốc tế;
3. Tổ chức phi lợi nhuận;
4. Quỹ hưu trí;
5. Quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao;

6. Tổ chức đầu tư bắt động sản là Công ty mẹ tối cao.

7. Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này theo quy định của Chính phủ.”

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Định hướng quy định:

“Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Quy định GloBE)* là bộ quy định của Diễn đàn hợp tác chung OECD/G20 và các nước mà Việt Nam là thành viên về quy định chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu, bao gồm: Quy định mẫu, Tài liệu diễn giải, Hướng dẫn hành chính, Hướng dẫn quy định miễn trừ và các văn bản quy định chi tiết khác.

2. *Tập đoàn* là một trong các trường hợp sau:

a) Tập hợp các Công ty, tổ chức có mối quan hệ liên kết thông qua việc sở hữu hoặc kiểm soát theo đó các loại tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các Công ty đó được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao;

b) Một Công ty tại một nước và có một hoặc nhiều Cơ sở thường trú tại nước ngoài với điều kiện là Công ty đó không phải là một công ty, tổ chức của một Tập đoàn khác.

3. *Tập đoàn đa quốc gia* là Tập đoàn có ít nhất một Công ty thành viên không đặt tại nước của Công ty mẹ tối cao.

4. *Công ty mẹ tối cao* là Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát bất kỳ Công ty nào và không bị một Công ty nào khác nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát.

5. *Công ty mẹ trung gian* là Công ty thành viên (không phải là Công ty mẹ tối cao, không phải Công ty mẹ bị sở hữu một phần, không phải Cơ sở thường trú hoặc Công ty đầu tư) trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu trong một Công ty thành viên khác trong cùng một Tập đoàn đa quốc gia.

6. *Công ty mẹ bị sở hữu một phần* là một Công ty thành viên (không phải là Công ty mẹ tối cao, không phải Cơ sở thường trú hoặc không phải Công ty đầu tư) đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu đối với một Công ty thành viên khác của cùng một Tập đoàn đa quốc gia;

b) Có hơn 20% quyền sở hữu bị các đối tượng khác không phải là thành viên của Tập đoàn đa quốc gia nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp.

7. *Công ty thành viên* là bất kỳ Công ty, tổ chức nào thuộc một Tập đoàn và bất kỳ Cơ sở thường trú nào của một Công ty thuộc Tập đoàn.

8. *Công ty thành viên chịu thuế suất thấp* là Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia nằm tại nước đánh thuế thấp, có thu nhập chịu thuế theo các quy định GloBE và chịu thuế suất thực tế trong năm tính thuế thấp hơn thuế suất tối thiểu.

9. *Báo cáo tài chính hợp nhất* là:

a) Báo cáo tài chính do Công ty lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, trong đó tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của Công ty đó và các Công ty khác mà Công ty đó có quyền kiểm soát được trình bày dưới dạng báo cáo của một đơn vị kinh tế duy nhất;

b) Trong trường hợp Công ty là Tập đoàn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này, thì Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận;

c) Trong trường hợp Công ty mẹ tối cao có báo cáo tài chính được quy định tại điểm a, điểm b khoản này không được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, thì báo cáo tài chính hợp nhất là những báo cáo tài chính được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu;

d) Trong trường hợp Công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính được quy định tại các điểm trên thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao là những báo cáo được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính khác được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu.

10. *Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận* là Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của Úc, Brazil, Canada, Các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, các Quốc gia Thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

11. *Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận* là một tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được cơ quan kế toán có thẩm quyền tại nước nơi Công ty đặt trụ sở cho phép áp dụng.

12. *Thu nhập hoặc Lỗ của mỗi Công ty thành viên* là thu nhập hoặc lỗ thuần tại Báo cáo tài chính được xác định cho Công ty thành viên đó trong năm tính thuế theo quy định GloBE.

13. *Doanh thu bình quân, Thu nhập hoặc Lỗ bình quân tại một nước* là giá trị trung bình 3 năm (gồm năm tính thuế hiện tại và hai năm trước liền kề) của Doanh thu, Thu nhập hoặc Lỗ theo quy định GloBE.

14. *Doanh thu tại một nước trong năm tính thuế* là tổng doanh thu của tất cả các Công ty thành viên tại nước đó trong năm tính thuế theo quy định GloBE.

15. *Thu nhập hoặc Lỗ tại một nước trong năm tính thuế* là Thu nhập ròng hoặc Lỗ ròng theo quy định GloBE tại nước đó.”

Điều 4. Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

Định hướng quy định:

“1. Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, có lợi nhuận tại Việt Nam vượt ngưỡng trong năm tính thuế và có mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn thuế suất tối thiểu trong năm tính thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn theo quy định tại Điều này.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

3. Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu – Thuế suất thực tế.

4. Thuế suất tối thiểu là 15%.

5. Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước có Thu nhập ròng theo quy định GloBE sẽ được tính cho mỗi năm tính thuế. Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước bằng tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của từng Công ty thành viên tại nước đó chia cho thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó trong năm tính thuế.

6. Lợi nhuận vượt ngưỡng = Thu nhập ròng theo quy định GloBE – Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE.

7. Thu nhập ròng theo quy định GloBE = Thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên – Lỗ theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên.

8. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE tại một nước được trừ khi xác định Lợi nhuận vượt ngưỡng là giá trị bằng 5% tổng giá trị tài sản hữu hình của tất cả các Công ty thành viên và 5% tổng tiền lương của tất cả các Công ty thành viên theo quy định GloBE. Trong giai đoạn chuyển tiếp 10 năm tính từ năm 2023, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ cho từng năm như sau:

Năm	Tỷ lệ tiền lương (%)	Tỷ lệ tài sản hữu hình (%)
2023	10	8
2024	9,8	7,8
2025	9,6	7,6
2026	9,4	7,4

2027	9,2	7,2
2028	9	7
2029	8,2	6,6,
2030	7,4	6,2
2031	6,6	5,8
2032	5,8	5,4

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn) trong một năm tính thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

b) Thu nhập bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.”

Điều 5. Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

Định hướng quy định:

“1. Người nộp thuế theo quy định tại Điều 2 tại Việt Nam, nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) quyền sở hữu Công ty thành viên chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo quy định GloBE tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tính thuế phải khai và nộp thuế theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu bằng phần thuế phân bổ từ thuế bổ sung theo quy định GloBE của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp ở nước ngoài trong năm tính thuế, gồm:

a) Công ty mẹ tối cao,

b) Công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam, Công ty mẹ trung gian theo quy định của Chính phủ.

1. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với Công ty thành viên tại Việt Nam của Người nộp thuế quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổng thuế bổ sung tại một nước = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có) – Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn (nếu có)

4. Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu – Thuế suất thực tế.

5. Thuế suất tối thiểu là 15%.

6. Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết này.

7. Lợi nhuận vượt ngưỡng được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết này.

8. Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại một nước được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết này.

9. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE tại một nước được trừ được xác định theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết này. 10. Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn là số tiền phải trả theo quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại một nước trong năm tính thuế.

11. Thuế bổ sung của Công ty thành viên sẽ được xác định cho mỗi Công ty thành viên của một nước có Thu nhập GloBE trong năm tính thuế được đưa vào khi tính Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó theo công thức sau:

$$\text{Thuế bổ sung của Công ty thành viên} = \text{Tổng thuế bổ sung tại một nước} \times \frac{\text{Thu nhập theo quy định GloBE của Công ty thành viên đó}}{\text{Tổng thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên có tại nước đó}}$$

12. Thuế phân bổ cho Công ty mẹ từ thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp bằng số Thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp theo quy định GloBE nhân với tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên chịu thuế suất thấp trong năm tính thuế.

13. Thuế bổ sung của Công ty thành viên tại một nước sẽ được xác định bằng 0 trong một năm tính thuế được xác định theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết này.”

Điều 6. Kê khai và Nộp thuế

Định hướng quy định:

1. Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

2. Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

3. Người nộp thuế theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 Công ty thành viên nộp thuế tại Việt Nam thì Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài có văn bản thông báo chỉ định một trong những công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; trường hợp Tập đoàn đa quốc gia không có thông báo chỉ định công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì cơ quan thuế sẽ chỉ định.

Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 Công ty thành viên nộp thuế tại Việt Nam thì Công ty mẹ tối cao thông báo Công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tính thuế. Cơ

quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo.

Khi có sự kiện dẫn đến việc thay đổi Công ty thành viên nộp tờ khai và nộp thuế thì Công ty mẹ tối cao có trách nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện thay đổi. Quá thời hạn nêu trên mà Công ty mẹ tối cao không thông báo, cơ quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế.

Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế mà cơ quan thuế có thông tin về sự kiện dẫn đến việc thay đổi Công ty thành viên nộp tờ khai và nộp thuế thì cơ quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên khác phải nộp tờ khai và nộp thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin.

4. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu do Chính phủ quy định.

5. Phần thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu được nộp vào ngân sách trung ương theo quy định.

6. Tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng doanh thu, thu nhập quy định tại Điều 2, Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này là trung bình tỷ giá trung tâm (tính chéo cho các đồng tiền) của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tỷ giá ngoại tệ để khai, nộp thuế thực hiện theo Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận.

7. Các trường hợp được miễn trừ theo quy định GloBE.”

Điều 7. Giao Chính phủ

Định hướng quy định:

“1. Căn cứ quy định của Nghị quyết này, Luật Quản lý thuế, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định GloBE để quy định chi tiết việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu nêu tại Nghị quyết này.

2. Trường hợp Người nộp thuế theo quy định tại Nghị quyết này có đề nghị được đảm bảo ưu đãi đầu tư thì Chính phủ xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về đầu tư để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp.”

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Định hướng quy định:

“1. Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính sách quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm không vi phạm quy định GloBE, phù hợp với cam kết, thông lệ quốc tế, công khai minh bạch, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường đầu tư.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức

thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.”

Điều 9. Điều khoản thi hành

Định hướng quy định:

“1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày Nghị quyết này được thay thế bởi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này”/.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC
ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO
QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BÁT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, sự phát triển của công nghệ thông tin mà các mô hình kinh tế mới (*kinh tế chia sẻ, kinh tế số...*) đã và đang làm thay đổi các mô hình kinh doanh truyền thống, các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua các hoạt động chuyển lợi nhuận, chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng, tranh chấp giữa các nước. Cụ thể, các quốc gia đã và đang thực hiện hạ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để thu hút và giữ chân nhà đầu tư. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế.

Trước bối cảnh đó, vào tháng 6/2013, OECD đã khởi xướng và được nguyên thủ các quốc gia G20 thông qua sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (*Base Erosion and Profit Shifting – BEPS*) với 2 nội dung chính:

(i) Phân chia quyền đánh thuế, thực hiện đánh giá về phân bổ lợi nhuận và xây dựng các nguyên tắc phân bổ lợi nhuận toàn cầu;

(ii) Đảm bảo rằng tất cả các doanh nghiệp hoạt động đầu tư quốc tế phải trả mức thuế tối thiểu.

Năm 2015, Bộ trưởng Tài chính các nước G20 đề nghị OECD thiết lập Khuôn khổ hợp tác chung, theo đó đến đầu năm 2016 các nước không thuộc nhóm G20, đặc biệt là các nước đang phát triển tham gia Diễn đàn hợp tác chung IF trên cơ sở bình đẳng như nhau. Năm 2017, Việt Nam đã tham gia và là thành viên thứ 100 của BEPS. Đến nay, đã có 142 nước tham gia Diễn đàn này.

Ngày 5/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “tối thiểu là 15%”.

Triển khai các hành động của BEPS, ngày 9/7/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức về thuế phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế*. Ngày 08/10/2021, OECD đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế. Đối với giải pháp này, các Tập đoàn công ty đa quốc gia (MNE) có mức doanh thu hợp nhất ít nhất 2 năm trong 4 năm liên kế trước năm xem xét đạt tối thiểu 750 triệu EUR căn cứ theo báo cáo tài chính của tập đoàn, thì tập đoàn đó thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, tức sẽ bị đánh thuế bổ sung phần chênh lệch nếu thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu 15%.

Đến ngày 16/12/2022, Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS (IF) đã công bố có 138 nước đồng thuận (*không phản đối*) đối với nội dung về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số mà OECD đưa ra ngày 8/10/2021 nêu trên. Việt Nam là thành viên thứ 100 của BEPS và không có ý kiến bảo lưu về nội dung này, nên là một trong những nước đồng thuận. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước thành viên IF.

Về tình hình triển khai Trụ cột 2 (Thuế tối thiểu toàn cầu), đối với các nước có vốn đầu tư ra nước ngoài, về cơ bản sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024 để thu thêm phần chênh lệch từ mức thuế thực tế so với Thuế tối thiểu toàn cầu (15%), trong đó có các nước có số vốn đầu tư lớn vào Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore....

Đối với các nước nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, tương tự như Việt Nam đang nghiên cứu để đưa ra chính sách ứng phó Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có việc áp dụng quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) để tránh việc nộp thuế bổ sung đối với phần thu nhập của công ty thành viên có thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu về các nước có công ty mẹ đóng trụ sở chính, đồng thời cũng nghiên cứu một số giải pháp hỗ trợ về tài chính (ví dụ như Thái Lan) để giữ chân các doanh nghiệp FDI thuộc đối tượng của Thuế tối thiểu toàn cầu và thu hút các nhà đầu tư mới.

Trước bối cảnh các quốc gia có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam đã có kế hoạch áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu để giành quyền thu thuế và các quốc gia nhận vốn đầu tư tương tự như Việt Nam đã và đang nghiên cứu chính sách ứng phó, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư trước tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Việt Nam cần khẳng định áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam thông qua việc ban hành

văn bản quy định việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể

Xây dựng chính sách thuế Thuế tối thiểu toàn cầu để áp dụng từ năm 2024 (bao gồm quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) và thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT)) để giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút nhà đầu tư mới, đảm bảo bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhà đầu tư trực tiếp và nhà đầu tư gián tiếp.

- Mục tiêu cụ thể

- + Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam;
- + Tạo mức độ tin tưởng giữa doanh nghiệp và Chính phủ để doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và mở rộng đầu tư tại Việt Nam;
- + Thể hiện sự tiên bộ và minh bạch trong hệ thống quản lý thuế và môi trường đầu tư kinh doanh tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế;
- + Giữ nguyên các chính sách ưu đãi hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Chính sách 1: Quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

a) Xác định vấn đề bất cập

Thuế tối thiểu toàn cầu không phải là điều ước quốc tế, không phải là cam kết quốc tế, không bắt buộc các quốc gia phải áp dụng. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận việc các quốc gia khác áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, có quyền thu thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam (nếu thuộc đối tượng áp dụng) mà được hưởng mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn mức tối thiểu toàn cầu 15%, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nếu Việt Nam áp dụng quy định về Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn để ứng phó với việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của các nước thì sẽ thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với những doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu có dự án đang được hưởng ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam với số thuế thực tế thấp hơn mức tối thiểu và sẽ góp phần tăng thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp từ những đối tượng này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tuân thủ theo hướng dẫn tại các văn bản, tài liệu quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD;
- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế;

- Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

(c2) Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện hành, không áp dụng Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

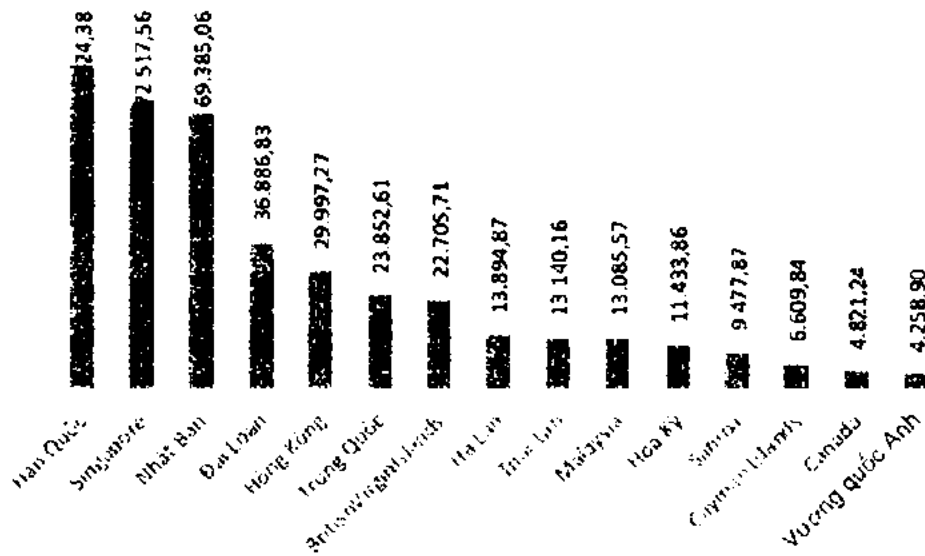
(d1) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế, xã hội:

Đến nay¹, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam². Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn đầu tư nước ngoài.

Biểu 1. Tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo quốc gia
(Lũy kế tính đến ngày 20/3/2023)

Đơn vị: Triệu USD



Các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thu hút đầu tư của Việt Nam được đánh giá là hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Nhờ có chính sách ưu đãi thuế cạnh tranh, cùng với các thế mạnh như: tình

¹ Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá tác động của thuế suất tối thiểu toàn cầu tới thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

² Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

hình kinh tế chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào..., dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục tăng qua các năm³. Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên vào nhóm 20 nước thu hút FDI hàng đầu thế giới, trong khi đầu tư nước ngoài trên toàn cầu có xu hướng giảm. Đến năm 2021, vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022, Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch. Tuy nhiên, Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới dòng vốn FDI toàn cầu, do đó Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút FDI thông qua ưu đãi thuế.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD).

Theo rà soát của Tổng cục Thuế thì hiện có 619 Tập đoàn MNE (khoảng 1.017 công ty thành viên tại Việt Nam) có doanh thu hợp nhất trong năm 2021 đạt khoảng 750 triệu EUR trở lên, trong đó có 438 Tập đoàn có một công ty thành viên tại Việt Nam và 181 Tập đoàn có nhiều công ty thành viên tại Việt Nam (576 công ty thành viên).

Theo số liệu quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, Tổng cục Thuế tính toán sơ bộ có khoảng 122 Tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng từ năm 2024 (sau khi đã loại trừ các trường hợp không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu). Theo đó, nếu các quốc gia khác đều áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu bắt đầu từ năm 2024, các quốc gia có công ty mẹ sẽ được thu thêm phần thuế chênh lệch năm 2024 ước tính **khoảng trên 14.600 tỷ đồng**. Trong đó:

+ Hàn Quốc có 18 Tập đoàn MNE đầu tư tại Việt Nam, với số thuế chênh lệch phải nộp ở Hàn Quốc năm 2024 **hơn 10.700 tỷ đồng**.

+ Nhật Bản có 36 Tập đoàn MNE đầu tư tại Việt Nam, với số thuế chênh lệch phải nộp ở Nhật Bản năm 2024 **hơn 250 tỷ đồng**.

+ Một số nước khác có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam (Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Canada, Hồng Kông, Hà Lan,

³ Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 51,3 tỷ USD, tăng 55,6% so với giai đoạn 2011 -- 2013.

⁴ Các trường hợp được loại trừ không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm:
- Doanh nghiệp không đạt ngưỡng doanh thu và lợi nhuận.
- Doanh nghiệp có thuế suất thực tế lớn hơn mức tối thiểu 15%.

Malaysia, British Virgin Islands, Vương quốc Anh) có 50 Tập đoàn MNE, với số thuế chênh lệch phải nộp ở nước đầu tư hơn 3.560 tỷ đồng.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và chi phí hành thu của cơ quan thuế đối với nhóm đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

(d2) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế, xã hội:

Việt Nam không áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu thì số thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp không bị ảnh hưởng. Nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng ở các quốc gia khác mà Việt Nam không có những giải pháp ứng phó kịp thời, những lợi ích mang lại từ các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà các dự án được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn, ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam, dẫn đến mất lợi thế cạnh tranh của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài và ảnh hưởng tới kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

2. Chính sách 2: Quy định Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

a) Xác định vấn đề bất cập

Theo nguyên tắc áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu thì quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) sẽ được ưu tiên áp dụng trước cho công ty mẹ tối cao tại quốc gia nơi công ty mẹ tối cao đặt trụ sở chính. Trường hợp quốc gia của công ty mẹ tối cao không thực hiện quy định IIR thì quốc gia của công ty nắm giữ vốn thứ cấp kế tiếp trong chuỗi cơ cấu sở hữu của Tập đoàn sẽ được thực hiện quy định IIR đối với công ty này.

Khi Việt Nam áp dụng Quy định Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) đối với những doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài mà có doanh thu hợp nhất đạt tối thiểu 750 triệu EUR (thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu), có công ty thành viên ở nước khác nếu có số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế thấp hơn mức tối thiểu thì có khả năng thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp từ những doanh nghiệp này, từ đó tăng thu ngân sách nhà nước.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tuân thủ theo hướng dẫn tại các văn bản, tài liệu quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD;

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế;

- Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Quy định Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

(c2) Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện hành, không áp dụng Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

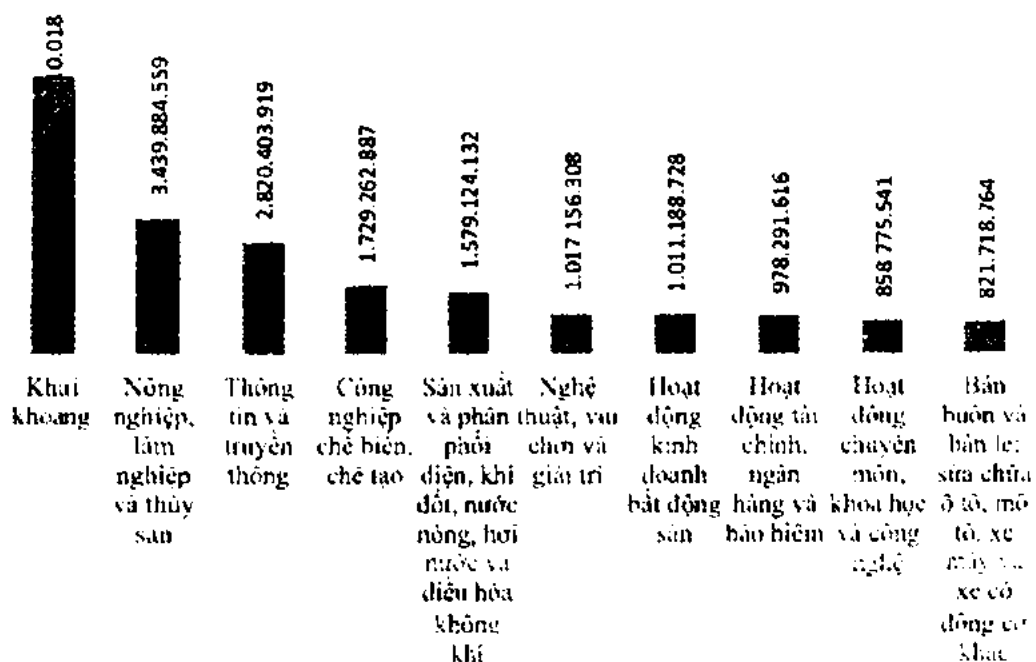
(d1) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế, xã hội:

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lũy kế đến 20/3/2023, Việt Nam đã có 1.625 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam gần 21,9 tỷ USD. Trong đó, có 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước với tổng vốn đầu tư gần 11,67 tỷ USD, chiếm gần 53,3% tổng vốn đầu tư cả nước. Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài tập trung nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (31,8%); nông, lâm nghiệp, thủy sản (15,7%).

Biểu 2. Đầu tư Việt Nam ra nước ngoài theo ngành
(Lũy kế đến ngày 20/3/2023)

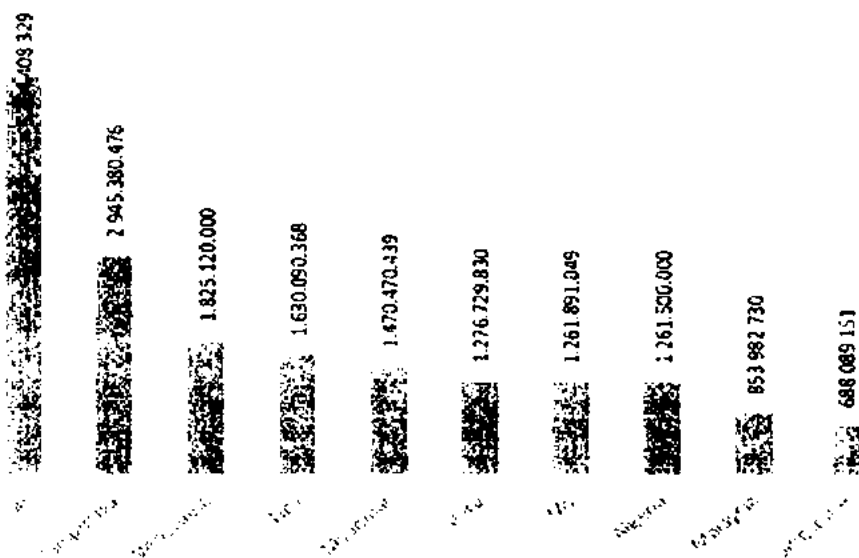
Đơn vị: USD



Các địa bàn nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là: Lào (24,5%), Campuchia (13,5%), Venezuela (8,3%)....

Biểu 3. Đầu tư Việt Nam ra nước ngoài theo địa bàn
(Lũy kế đến ngày 20/3/2023)

Đơn vị: USD



Như vậy, không chỉ là nước nhận đầu tư, Việt Nam cũng có các nhà đầu tư ra nước ngoài như Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội Viettel, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN, Tập đoàn Vingroup, Tổng công ty Cao su Việt Nam (VRG), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các Ngân hàng thương mại.... Trong đó có 2 Tập đoàn của Việt Nam có đầu tư lớn ra nước ngoài là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN. Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã rà soát và đánh giá sơ bộ về ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu đối với 2 Tập đoàn này, cụ thể như sau:

- Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel

Theo số liệu báo cáo của Viettel thì hiện tại việc đầu tư ra nước ngoài do Tổng công ty cổ phần đầu tư quốc tế Viettel thực hiện (VTG), riêng đối với thị trường Peru do Công ty mẹ tập đoàn trực tiếp đầu tư.

Tính đến 31/12/2022 Viettel đầu tư tại 10 quốc gia, trong đó: VTG đang đầu tư tại 9 quốc gia (trong đó tại Camaroon hiện không còn hoạt động kinh doanh), với tổng số vốn đầu tư là 7.464.928.316.822 đồng; Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào một quốc gia là Cộng hoà Peru với vốn đầu tư 100,5 triệu đô la.

Doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Viettel: năm 2021 là 149.494 tỷ đồng; Năm 2022 là: 163.799 tỷ đồng (trong doanh thu hợp nhất của tập đoàn chỉ bao gồm doanh thu của Công ty mẹ VTG, không bao gồm doanh thu các công ty thành viên ở các thị trường).

Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn Viettel tại các nước thì về cơ bản, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại các nước do Viettel đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp qua VTG đầu tư đều trên 15%, trừ tại Viettel Đông Timor mức thuế 10% (được miễn thuế theo từng khu vực, bình

quân thuế suất thực tế từ 5-7 %). Như vậy, nếu Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (*Quy định IIR*) mà Đông Timor không áp dụng quy định QDMTT thì sẽ có khả năng thu thêm phần thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch giữa thuế tối thiểu toàn cầu so với mức thuế thực tế Viettel phải nộp tại Đông Timor.

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN

Theo số liệu tại công văn số 3267/DKVN-KTĐT ngày 17/6/2022 của PVN báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn dầu khí Việt Nam.

Tính đến 31/12/2021, PVN và 8 đơn vị thành viên đăng ký 33 dự án đầu tư ra nước ngoài tại 14 Quốc gia, lãnh thổ. Trong đó, lĩnh vực dầu khí là 30 dự án (*bao gồm cả dự án kinh doanh xăng dầu*); khai thác khoáng sản, đá là 3 dự án. Trong đó:

Tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài đăng ký theo giấy phép là **6.678.725.000 USD**, tổng số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài là 3.982.135.000 USD. Tổng số vốn thu hồi lũy kế là 2.631.620.000 USD, trong đó lợi nhuận chuyển về nước là **1.060.453.000 USD**.

Đến hết năm 2021, chỉ còn 06 dự án trong lĩnh vực dầu khí của PVN đang triển khai (*Trong đó, chỉ có 02 dự án khai thác hoạt động bình thường*). PVN đã thu hồi vốn đầu tư xong 14 dự án. Các dự án còn lại đang trong giai đoạn dừng, giãn, dời chuyển nhượng hoặc dời quyết định đầu tư cuối cùng của Phía tham gia.

Theo thông tin Tập đoàn PVN cung cấp, hiện tại hầu hết các dự án đầu tư ra nước ngoài đang hoạt động của PVN chỉ còn tập trung tại một số Quốc gia: Nga, Malaysia, Singapore, Lào....

Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn PVN tại các nước thì về cơ bản, các dự án đầu tư ra nước ngoài của PVN tập trung chủ yếu là các dự án trong lĩnh vực dầu khí, chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc loại thuế tương tự thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia khá cao *từ 30% đến 60%*. Do đó việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của PVN. PVN không phải nộp bổ sung tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia đầu tư (*nếu các quốc gia áp dụng QDMTT*) hoặc tại Việt Nam (*nếu Việt Nam áp dụng Quy định IIR*).

Duy nhất, đối với dự án tại Nước cộng hòa Côngô thì mức thuế suất thuế TNDN là 0% (*Dự án chỉ chịu mức thuế Tài nguyên là 15%*). Tuy nhiên, Dự án tìm kiếm thăm dò chưa có doanh thu, PVN và các đối tác đang kết thúc dự án. Do đó dự án không bị ảnh hưởng khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Đối với các dự án kinh doanh xăng dầu, khai thác khoáng sản tại Lào: mức thuế suất thuế TNDN từ 20% trở lên, vì vậy hiện tại không bị ảnh hưởng khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và chi phí hành thu của cơ quan thuế đối với nhóm đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

(d2) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế, xã hội: Không tăng thu ngân sách nhà nước; Không tăng chi phí tuân thủ thuế của người nộp thuế, chi phí quản lý thuế của cơ quan thuế.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

III. KẾT LUẬN

Việc thực hiện áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Nghị quyết của Quốc hội sẽ mang lại cho Việt Nam nhưng cơ hội mới, cụ thể:

a) Tăng nguồn thu ngân sách nhà nước từ phần thu thuế bổ sung:

b) Tăng cường hội nhập quốc tế:

Việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ góp phần tăng cường hội nhập quốc tế của Việt Nam, cải cách hệ thống thuế theo hướng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế thông qua việc sửa đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Giảm thiểu hiện tượng trốn thuế, tránh thuế, chuyển giá, chuyển lợi nhuận:

Việc các nước ban hành các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp để thu hút đầu tư nước ngoài khiến cho hiện tượng trốn thuế, tránh thuế, chuyển giá, chuyển lợi nhuận diễn ra ngày càng phức tạp. Các doanh nghiệp đã lợi dụng các cơ hội để chuyển lợi nhuận từ nước có thuế suất cao sang nước có thuế suất thấp hơn, từ đó xảy ra tình trạng thất thu thuế. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tạo một bằng chung về thuế tại tất cả các quốc gia, từ đó tránh việc cạnh tranh về thuế giữa các nước hiện nay và giảm thiểu tình trạng chuyển giá, chuyển lợi nhuận, giữ vững nguồn thu thuế.

d) Việt Nam sẽ phải xây dựng những chính sách đầu tư hấp dẫn, bền vững hơn không dựa trên thuế như: thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, nguồn lao động chất lượng cao...

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu./.

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM	1
PHẦN II SỰ CẦN THIẾT ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....	3
1. Quá trình hình thành Thuế tối thiểu toàn cầu.....	3
2. Nội dung của Thuế tối thiểu toàn cầu	6
2.1. Đối tượng áp dụng.....	6
2.2. Các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu.....	7
2.3. Thứ tự ưu tiên trong thực hiện các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu .	11
2.4. Nguyên tắc áp dụng.....	12
2.5. Thiết kế quy định	12
2.6. Cách tính thuế bổ sung theo quy định GloBE.....	12
2.7. Quy định giảm trừ khoản thu nhập gắn với tài sản hữu hình và lao động (Substance-based Income Exclusion – SBIE)	13
2.8. Ví dụ trường hợp tính thuế bổ sung khi Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu nhưng chưa áp dụng Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn...	14
2.9. Một số điểm lưu ý quan trọng trong hướng dẫn về Thuế tối thiểu toàn cầu	15
3. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của các nước	16
3.1. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của khối các nước chủ yếu có vốn đầu tư ra nước ngoài	17
3.2. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của khối các nước chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài	20
PHẦN III ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU ĐỐI VỚI VIỆT NAM.....	22
1. Tác động đối với chính sách ưu đãi thuế.....	22
1.1. Đối với chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	22
1.2. Đối với chính sách ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.....	29
1.3. Đối với chính sách ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.....	30
1.4. Đối với chính sách ưu đãi về tiền thuế đất.....	31
1.5. Đối với chính sách miễn, giảm tiền thuế đất đối với tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất trong khu kinh tế, khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đất đai	33

1.6. Đối với chính sách miễn tiền thuế đất đối với trường hợp ưu đãi đầu tư đặc biệt	36
1.7. Đối với chính sách trích khấu hao tài sản cố định	36
2. Tác động về thu ngân sách nhà nước	36
3. Tác động về thu hút đầu tư.....	38
3.1. Về chính sách ưu đãi	38
3.2. Về tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	38
3.3. Về tình hình đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	40
3.4. Về kiến nghị của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về Thuế tối thiểu toàn cầu.....	43
4. Tác động đến cơ cấu nền kinh tế, các động lực tăng trưởng, công ăn việc làm, xếp hạng tín nhiệm quốc gia... ..	46
PHẦN IV GIẢI PHÁP TRONG VIỆC ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....	47
1. Quan điểm chi đạo.....	47
2. Mục tiêu.....	48
3. Giải pháp	48
3.1. Giải pháp về thuế	48
3.2. Giải pháp về hỗ trợ nhà đầu tư	55
PHẦN V PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN.....	55
1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý.....	55
2. Phương án cụ thể.....	55
3. Lý do lựa chọn phương án và lộ trình thực hiện.....	62
4. Tổ chức thực hiện.....	63
5. Lộ trình thực hiện.....	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	MNE	Công ty đa quốc gia
2	OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
3	G20	Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới
4	BEPS	Xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận
5	IF	Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS
6	G7	Nhóm các nền kinh tế phát triển
7	EUR	Đồng tiền chung Châu Âu
8	USD	Đô la Mỹ
9	IIR	Quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu
10	UTPR	Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu
11	STTR	Quy định thuế khấu trừ tại nguồn tối thiểu
12	QDMTT	Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn
13	QRTC	Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn
14	GloBE	Quy định Chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu
15	MLI	Hiệp định đa phương nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận
16	SBIE	Khoản giảm trừ thu nhập gắn với tài sản hữu hình và lao động
17	EU	Liên minh Châu Âu
18	GILTI	Quy định Thu nhập vô hình toàn cầu chịu thuế
19	BEAT	Thuế chống lạm dụng xói mòn cơ sở
20	ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
21	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
22	ATAF	Diễn đàn quản lý thuế Châu Phi
23	ĐTMR	Đầu tư mở rộng
24	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
25	VTG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel
26	PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
27	EVIPA	Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN
ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

PHẦN I
QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

Tháng 10/2021, tại Rome (Italia), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về Giải pháp Hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số và kêu gọi Diễn đàn IF nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

Theo đó, ngày 19/5/2022, Bộ Tài chính có công văn số 496/BTC-TCT gửi Thủ tướng Chính phủ về việc Báo cáo Trụ cột 2 của Diễn đàn IF về Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ công tác đặc biệt để nghiên cứu các giải pháp Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ngày 4/8/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 55/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác đặc biệt về nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến thuế suất tối thiểu toàn cầu của OECD (*sau đây gọi là Tổ công tác đặc biệt*) do Phó Thủ tướng Lê Minh Khái làm Tổ trưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính là Tổ phó Thường trực và Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ phó Tổ công tác đặc biệt.

Ngày 14/2/2023, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 157/QĐ-BTC thành lập Nhóm giúp việc Tổ công tác đặc biệt do Thứ trưởng Bộ Tài chính làm Trưởng nhóm.

Từ tháng 2 năm 2023 đến nay, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã chủ trì các cuộc họp của Tổ công tác đặc biệt với các Bộ, ngành có liên quan để triển khai thuế suất tối thiểu toàn cầu.

Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp ngày 22/2/2023, Bộ Tài chính có Báo cáo 33/BC-BTC ngày 17/3/2023 gửi Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ngày 28/3/2023, Tổng cục Thuế đã có cuộc trao đổi với một số doanh nghiệp có khả năng chịu ảnh hưởng lớn của Thuế tối thiểu toàn cầu (gồm: Công ty TNHH Samsung Electronics, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Competition Team Technology, Công ty TNHH LG Display, Công ty Bosch Việt Nam...) để trao đổi kinh nghiệm, lắng nghe ý kiến đóng góp, đề xuất của các doanh nghiệp nêu trên.

Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp ngày 31/3/2023, Bộ Tài chính tiếp tục có Báo cáo 55/BC-BTC ngày 12/4/2023 báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về Thuế suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).

Ngày 14/4/2023, Tổ trưởng Tổ công tác có Quyết định số 22/QĐ-TCTDB ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ công tác đặc biệt.

Ngày 18/4/2023, Bộ Tài chính tổ chức Hội thảo Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu: Kinh nghiệm áp dụng của các quốc gia, dự kiến tác động và khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam.

Ngày 21/4/2023, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 58/TB-VPCP về Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về thuế tối thiểu toàn cầu của OECD như sau:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế trên tinh thần hài hòa lợi ích các bên, khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu cũng như các nhà đầu tư mới, bảo đảm ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

- Bộ Tài chính tiếp thu đầu đủ các ý kiến xác đáng tại cuộc họp, đồng thời nghiên cứu, tham khảo Báo cáo nghiên cứu chuyên đề của Ban Kinh tế Trung ương, các tài liệu tham khảo của OECD, tham vấn các cơ quan liên quan và nội dung đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để khẩn trương hoàn thiện Đề án báo cáo cấp có thẩm quyền về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD và hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ (bao gồm Đề án, Báo cáo, Tờ trình của Chính phủ, dự thảo văn bản của Quốc hội).

Ngày 24/4/2023, Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội tổ chức Hội thảo Thuế tối thiểu toàn cầu và Tác động đối với chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam. Bộ Tài chính bao gồm Tổng cục Thuế, Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, Vụ Chính sách thuế và một số Cục Thuế đã tham dự để báo cáo và trao đổi về việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ngày 27/4/2023, Tổng cục thuế đã tổ chức cuộc họp trực tuyến với Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Thuế doanh nghiệp lớn để quán triệt về việc đánh giá tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu theo các công văn: Công văn số 1128/TCT-CS ngày 15/4/2022; Công văn số 542/TCT-CS ngày 24/2/2023; Công văn số 1444/TCT-CS ngày 21/04/2023; Công văn số 1631/TCT-CS ngày 9/5/2023, Công văn số 1939/TCT-CS ngày 19/5/2023.

Ngày 9/5/2023, Bộ Tài chính tổ chức cuộc họp với Nhóm giúp việc Tổ công tác đặc biệt gồm các Bộ, ngành có liên quan để lấy ý kiến về dự thảo Đề án áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về nội dung Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ngày 25/5/2023, Tổng cục Thuế đã có buổi làm việc với Công ty TNHH Intel Products Việt Nam để lắng nghe ý kiến từ Công ty - một đại diện cho nhóm doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Từ ngày 30/5/2023 đến ngày 2/6/2023, Tổng cục Thuế đã phối hợp với đoàn chuyên gia của OECD tổ chức hội thảo Hướng dẫn quy định mẫu về Thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đó, các chuyên gia OECD đã có những hướng dẫn về mặt kỹ thuật cũng như tham vấn liên quan đến việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về nội dung Thuế tối thiểu toàn cầu.

Trên cơ sở các công việc đã triển khai nêu trên, Bộ Tài chính hoàn thiện Đề án áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam.

PHẦN II

SỰ CẦN THIẾT ÁP DỤNG

THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

1. Quá trình hình thành Thuế tối thiểu toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, sự phát triển của công nghệ thông tin mà các mô hình kinh tế mới (*kinh tế chia sẻ, kinh tế số...*) đã và đang làm thay đổi các mô hình kinh doanh truyền thống. Nhiều loại hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ thông tin ra đời, đem lại những tiện ích mới cho khách hàng, đồng thời đặt các cơ quan quản lý vào tình huống cần phải thay đổi các biện pháp quản lý phù hợp, đặc biệt là các biện pháp quản lý thu thuế. Bên cạnh đó, sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ, sự chênh lệch về trình độ quản lý và sự khác biệt về các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài, đang tạo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động đa quốc gia (MNE) lợi dụng để tránh việc thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (*bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu...*) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (*mà không có sự hiện diện pháp nhân, thể nhân hay cơ sở kinh doanh ở một quốc gia*) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng, tranh chấp giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế trên toàn

cầu được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách:

- Một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*);

- Các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*);

- Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*)... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% vào năm 2021.

Như vậy, việc hạ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia đã giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế.

Trong bối cảnh đó, vào tháng 6/2013, OECD đã khởi xướng và được nguyên thủ các quốc gia G20 thông qua sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (*Base Erosion and Profit Shifting – BEPS*) với 2 nội dung chính:

- (i) Phân chia quyền đánh thuế, thực hiện đánh giá về phân bổ lợi nhuận và xây dựng các nguyên tắc phân bổ lợi nhuận toàn cầu;

- (ii) Đảm bảo rằng tất cả các doanh nghiệp hoạt động đầu tư quốc tế phải trả mức thuế tối thiểu.

Năm 2015, Bộ trưởng Tài chính các nước G20 đề nghị OECD thiết lập Khuôn khổ hợp tác chung, theo đó đến đầu năm 2016 các nước không thuộc nhóm G20, đặc biệt là các nước đang phát triển tham gia Diễn đàn hợp tác chung IF trên cơ sở bình đẳng như nhau. Năm 2017, Việt Nam đã tham gia và là thành viên thứ 100 của BEPS. Đến nay, đã có 142 nước tham gia Diễn đàn này.

Diễn đàn hợp tác chung IF đã thông qua gói giải pháp của dự án chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (BEPS) gồm 15 hành động nhằm thiết lập một hệ thống thuế quốc tế hiện đại và công bằng toàn cầu. Việc thực hiện rộng rãi và thống nhất là yêu cầu then chốt mang lại hiệu quả của dự án BEPS, đặc biệt là việc thực hiện các quy tắc thuế quốc tế.

(Bảng tóm tắt 15 hành động xin báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo)

Ngày 5/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “tối thiểu 15%”.

Theo thống kê của OECD có 81 quốc gia, vùng lãnh thổ có mức thuế suất

thuế thu nhập doanh nghiệp trên 15%; có 10 quốc gia, vùng lãnh thổ có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% và có 23 quốc gia, vùng lãnh thổ có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%.

(Bảng thống kê mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các quốc gia, vùng lãnh thổ xin báo cáo tại Phụ lục 2 kèm theo)

Triển khai các hành động của BEPS, ngày 9/7/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức về thuế phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế*, bao gồm:

- **Trụ cột thứ nhất** phân bổ thuế đối với hoạt động kinh doanh dựa trên kỹ thuật số (*phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh*). Giải pháp Trụ cột 1 phân bổ quyền đánh thuế đối với thu nhập của các công ty MNE có ngưỡng doanh thu toàn cầu trên 20 tỷ EUR và tỷ lệ lợi nhuận trên 10% (*tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/doanh thu*). Các nước nơi có hoạt động kinh doanh và phát sinh thu nhập sẽ được phân bổ phần 25% lợi nhuận (*phần này phải vượt trên 10% doanh thu của MNE*) theo tỷ lệ phân bổ trên cơ sở các tiêu chí cụ thể (*doanh thu, số người sử dụng, số lượt sử dụng...*).

- **Trụ cột thứ hai** đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế. Đối với giải pháp này, các Tập đoàn công ty đa quốc gia (MNE) có mức doanh thu hợp nhất ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm xem xét đạt tối thiểu 750 triệu EUR căn cứ theo báo cáo tài chính của tập đoàn, thì tập đoàn đó thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, tức sẽ bị đánh thuế bổ sung phần chênh lệch nếu thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu 15%.

Ngày 08/10/2021, OECD đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số.

(Tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số (bản gốc Tiếng Anh và bản dịch Tiếng Việt) xin báo cáo tại Phụ lục 3 kèm theo).

Đến ngày 16/12/2022, Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS (IF) đã công bố có 138 nước đồng thuận (*không phân đối*) đối với nội dung về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số mà OECD đưa ra ngày 8/10/2021 nêu trên. Việt Nam là thành viên thứ 100 của BEPS và không có ý kiến bảo lưu về nội dung này, nên là một trong những nước đồng thuận. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước thành viên IF.

Về tiến độ thực hiện Giải pháp Hai trụ cột:

- Đối với Trụ cột 1, để thực hiện phân bổ thu nhập từ kinh tế kỹ thuật số, OECD đang hoàn thiện nội dung Hiệp định đa phương về phân bổ quyền đánh

thuế đối với thu nhập từ kinh tế số (*Hiệp định đa phương MLC*), dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Theo OECD, Việt Nam có thể được phân bổ 20 – 60 tỷ EUR/năm nếu tham gia ký kết Hiệp định đa phương MLC.

Tuy nhiên, theo thông tin báo chí và chuyên gia quốc tế, Hoa Kỳ, Ấn Độ và Ả Rập Xê Út đang có động thái không ủng hộ việc phân bổ thu nhập của các công ty MNE theo Trụ cột 1. Trước tình hình trên, Bộ trưởng Tài chính Pháp Bruno Le Maire có ý kiến Liên minh Châu Âu nên chuẩn bị đánh thuế dịch vụ kỹ thuật số đối với các công ty công nghệ đa quốc gia.

Hiện tại, Việt Nam đang bám sát tình hình và phân tích lợi ích của việc tham gia Hiệp định, cũng như thông tin về động thái của các nước trong trường hợp Hoa Kỳ và một số nước không ủng hộ việc phân bổ thu nhập từ kinh tế số theo Trụ cột 1. Liên quan đến việc quản lý thuế đối với hoạt động kinh tế số, ngày 21/3/2022 đến nay, Việt Nam đã triển khai công thông tin điện tử để thực hiện kê khai thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số. Theo thống kê của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính), kể từ khi vận hành công đến nay, tổng số thuế các nhà cung cấp nước ngoài đã nộp là trên 7.000 tỷ đồng, trong đó, số thuế đã nộp trong năm 2023 là khoảng trên 3.700 tỷ đồng.

- Đối với Trụ cột 2 (*Thuế tối thiểu toàn cầu*), đến nay, nhiều nước đã có kế hoạch hoàn thành thủ tục nội luật trong năm 2023 để thực hiện Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024, trong đó có Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản... là các nước có số vốn đầu tư nước ngoài lớn vào Việt Nam, có nhiều doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu. Như vậy, do các nước trên thế giới đã có các biện pháp và kế hoạch áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024, Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và mất quyền thu thuế nếu không có những biện pháp ứng phó kịp thời.

Đề án này phân tích các nội dung, đánh giá tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu (*Trụ cột 2*) tới các doanh nghiệp, tới môi trường đầu tư của Việt Nam và đề xuất triển khai các giải pháp về việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam.

2. Nội dung của Thuế tối thiểu toàn cầu

2.1. Đối tượng áp dụng

Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ được áp dụng đối với các Tập đoàn công ty đa quốc gia (*MNE*) có mức doanh thu hợp nhất hàng năm đạt tối thiểu 750 triệu EUR (*khoảng 19.500 tỷ đồng¹*) căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn. Nếu ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế mà doanh thu hợp nhất đạt từ 750 triệu EUR trở lên thì tập đoàn đó thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Các nước đều có thể áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu đối với các công ty mẹ tối cao của các Tập đoàn công ty đa quốc gia tại nước mình, trong cả trường hợp các doanh nghiệp không đáp ứng ngưỡng doanh thu hợp nhất nêu trên.

¹ Nếu tính theo tỷ giá 1 EUR = 26.000 đồng.

Ví dụ: Công ty A tại Việt Nam, có trụ sở Công ty mẹ tối cao (*Tập đoàn A*) tại Hàn Quốc. Hàn Quốc sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu vào năm 2024. Để xem xét xem Tập đoàn A có thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu năm 2024 hay không thì cần xem xét doanh thu hợp nhất của Tập đoàn A trong 4 năm liền kề trước đó (2020 – 2023). Nếu trong 4 năm từ 2020 – 2023 có ít nhất 2 năm doanh thu hợp nhất của Tập đoàn A đạt từ 750 triệu EUR trở lên thì Tập đoàn A sẽ thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu. Như vậy, Công ty A tại Việt Nam có khả năng sẽ phải nộp thuế bổ sung tại Hàn Quốc.

Các tổ chức được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu:

- Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao của Tập đoàn MNE, tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn MNE hoặc bất kỳ hình thức nào của các đối tượng này đều không chịu điều chỉnh của quy định Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Cơ chế Thuế tối thiểu toàn cầu quy định loại trừ tối thiểu theo quốc gia, theo đó loại trừ các Công ty thành viên có doanh thu ít hơn 10 triệu EUR (*khoảng 260 tỷ đồng*) và thu nhập ròng ít hơn 1 triệu EUR (*khoảng 26 tỷ đồng*) hoặc lỗ ròng tính trung bình trong 3 năm (*bao gồm năm xem xét và 2 năm liền kề trước đó*).

- Đối với các Tập đoàn MNE có thu nhập từ vận tải quốc tế (*bao gồm cả vận tải hàng hoá và vận tải hành khách*), thì thu nhập từ hoạt động này nếu đáp ứng điều kiện sẽ được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

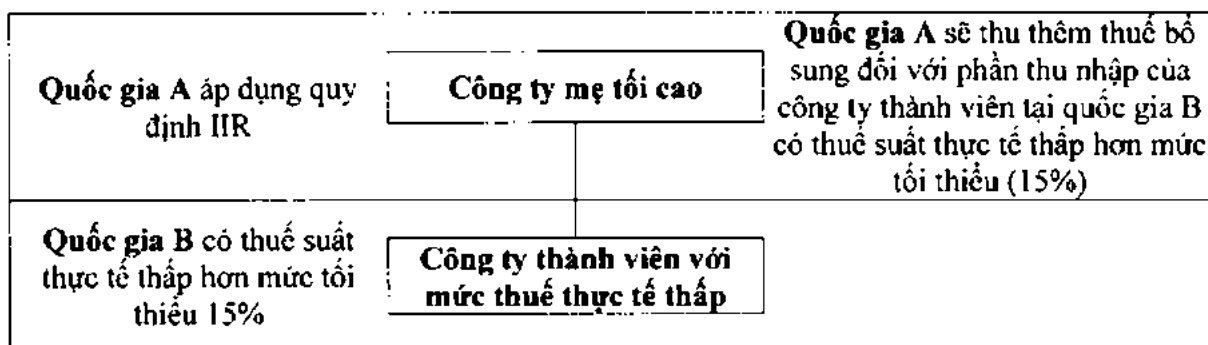
2.2. Các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu

2.2.1. Quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (Income Inclusion Rule - IIR):

- Là quy định đánh thuế từ trên xuống, theo đó cho phép quốc gia nơi đặt trụ sở của công ty mẹ tối cao được quyền đánh thuế bổ sung công ty mẹ tối cao đối với thu nhập của công ty thành viên ở các nước mà chịu thuế thực tế thấp hơn mức thuế tối thiểu 15%.

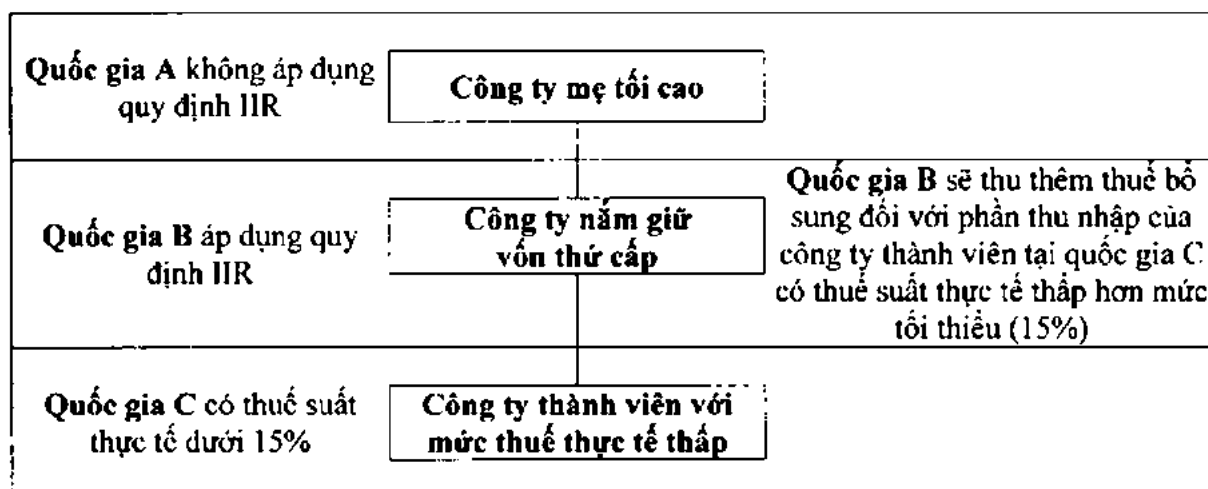
Ví dụ: Tập đoàn A của Hàn Quốc sở hữu 100% công ty thành viên B hoạt động tại Việt Nam. Công ty B được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất thực tế là 7%. Như vậy, mức thuế suất ở Việt Nam thấp hơn mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 8% ($= 15\% - 7\%$). Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu Tập đoàn A nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu (15%) của công ty thành viên B tại Việt Nam.

- Cơ chế vận hành Quy định IIR cơ bản:



- Trường hợp công ty mẹ tối cao cư trú tại quốc gia chưa áp dụng IIR, thì công ty nắm giữ vốn thứ cấp kế tiếp trong chuỗi cơ cấu sở hữu của Tập đoàn (*Công ty mẹ trung gian*²) sẽ tính toán và nộp phần thuế bổ sung cho các công ty thành viên đang được hưởng thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu.

- Cơ chế vận hành IIR khi quốc gia có công ty mẹ tối cao không áp dụng quy định IIR:



- Trường hợp có công ty mẹ bị sở hữu một phần³ tại quốc gia áp dụng quy định IIR thì công ty này sẽ phải tính toán và nộp phần thuế bổ sung cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn MNE đang được hưởng thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu.

2.2.2. Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (Undertaxed Payment Rule - UTPR): Quy định này được thiết kế để bổ trợ cho quy định IIR nêu trên, áp dụng trong trường hợp công ty thành viên đang chịu thuế thực tế thấp hơn mức tối thiểu nhưng chưa bị đánh thuế bổ sung theo quy định IIR tại một nước nào khác (*do quốc gia có công ty mẹ tối cao hoặc công ty nắm giữ vốn thứ cấp chưa áp dụng IIR*) thì các quốc gia có công ty thành viên thuộc tập đoàn (*nếu*

² Công ty mẹ trung gian: Là một pháp nhân cấu thành trong tập đoàn mà trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu pháp nhân cấu thành khác trong cùng một nhóm MNE và không đủ điều kiện là công ty mẹ tối cao, công ty mẹ sở hữu một phần, cơ sở thường trú hoặc thực thể đầu tư.

³ Công ty mẹ bị sở hữu một phần: Là công ty thành viên (không phải công ty mẹ tối cao, cơ sở thường trú hoặc tổ chức đầu tư) mà:

- Sở hữu (trực tiếp hoặc gián tiếp) công ty thành viên của Tập đoàn MNE; và
- Có hơn 20% lợi nhuận của mình được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi những người không phải các công ty thành viên của Tập đoàn MNE.

các quốc gia này áp dụng quy định UTPR) sẽ có quyền thu thuế bổ sung đối với công ty thành viên ở quốc gia đó, bao gồm cả các công ty thành viên đặt tại quốc gia đặt trụ sở của công ty mẹ tối cao.

Trong trường hợp có nhiều quốc gia nơi hoạt động của các công ty thành viên của Tập đoàn MNE áp dụng quy định UTPR, mỗi quốc gia sẽ được phân bổ⁴ một phần của số thuế bổ sung dựa trên số lượng nhân viên và giá trị sổ sách ròng của tài sản hữu hình ở mỗi quốc gia. Số thuế mà công ty thành viên đó phải nộp bổ sung theo quy định UTPR được thực hiện bằng cách giảm trừ vào chi phí được trừ hoặc cộng vào nghĩa vụ thuế của công ty thành viên đó.

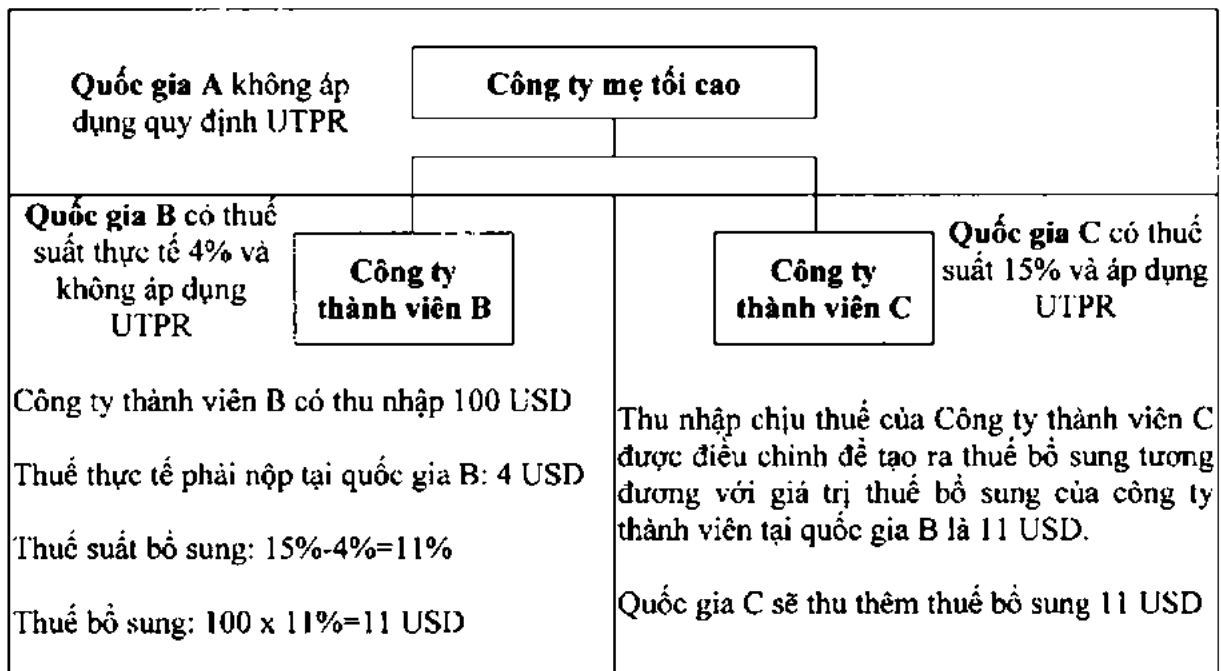
Ví dụ:

Tập đoàn A có trụ sở chính tại Hàn Quốc, có các công ty thành viên hoạt động tại các quốc gia: Hàn Quốc (*công ty thành viên tại chính quốc*), Singapore, Hồng Kông và Ấn Độ. Nếu Hàn Quốc không áp dụng các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu (*quy định GloBE*) thì quy định UTPR được áp dụng như sau:

+ Trường hợp chỉ có Singapore áp dụng quy định UTPR, Singapore sẽ có quyền thu thuế bổ sung của các công ty thành viên của Tập đoàn A tại Hàn Quốc, Hồng Kông và Ấn Độ theo quy định UTPR.

+ Trường hợp có Singapore và Hồng Kông áp dụng quy định UTPR, Ấn Độ không áp dụng quy định UTPR thì Singapore và Hồng Kông sẽ được phân bổ một phần thuế bổ sung thu được từ các công ty thành viên của Tập đoàn A tại Hàn Quốc và Ấn Độ theo quy định UTPR.

- Cơ chế vận hành cơ bản của UTPR:



2.2.3. Quy định thuế khấu trừ tại nguồn tối thiểu (*The Subject to Tax*)

⁴ Tỷ lệ phân bổ theo quy định UTPR được xác định theo công thức sau:

$$50\% \times \frac{\text{Số nhân viên ở quốc gia áp dụng UTPR}}{\text{Số nhân viên ở tất cả các QG áp dụng UTPR}} + 50\% \times \frac{\text{Tổng giá trị sổ sách ròng của các TS hữu hình ở quốc gia áp dụng UTPR}}{\text{Tổng giá trị sổ sách ròng của các TS hữu hình ở tất cả các QG áp dụng UTPR}}$$

Rule-STTR) cho phép quốc gia nguồn nơi phát sinh thu nhập (*như lãi tiền vay, tiền bản quyền*) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán thu nhập nêu trên cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác. Số thuế phải nộp theo quy định STTR sẽ được coi là một loại thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu. Để thực hiện quy định STTR thì các nước phải ký Hiệp định đa phương nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận (MLI).

Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Ai-len quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty liên kết tại Ai-len, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Ai-len thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung bằng hình thức khấu trừ tại nguồn phần chênh lệch giữa thuế suất danh nghĩa (5%) và thuế suất tối thiểu (9%), mặc dù Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Ai-len trước đó đã quy định mức thuế suất danh nghĩa đối với tiền bản quyền là 5%.

2.2.4. Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) là quy định quan trọng đối với các quốc gia để giành quyền đánh thuế bổ sung trước các quốc gia khác, được quy định tại Điều 10.1 trong tài liệu Quy định mẫu của OECD. Theo quy định mẫu của OECD, các nước có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế thấp hơn 15% được quyền ban hành quy định pháp luật để giành quyền thu thuế bổ sung theo quy định QDMTT trước các quốc gia khác (*Các quốc gia đang áp dụng quy định IIR và UTPR nêu trên*). Việc ban hành các quy định này phải bảo đảm “*đạt tiêu chuẩn*” theo hướng dẫn của OECD.

Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (*thường dành cho nước nhận đầu tư*) là một loại thuế tối thiểu được quy định tại nội luật của một nước, theo đó:

- Xác định các khoản Thu nhập chịu thuế tối thiểu (*sau khi giảm trừ các khoản thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động*) của các Công ty thành viên tại một nước (*Thu nhập chịu thuế tối thiểu nội địa*) theo cách tính tương đương với Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu;

- Quy định nhằm tăng nghĩa vụ thuế nội địa đối với Thu nhập chịu thuế tối thiểu nội địa lên Mức tối thiểu tính cho các Công ty thành viên tại nước đó trong Năm tài chính; và

- Được thực hiện và quản lý sao cho tương ứng với kết quả được quy định theo các Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu và Tài liệu diễn giải, với điều kiện là nước đó không cho các công ty được hưởng bất kỳ lợi ích nào liên quan trực tiếp đến các Quy định đó.

Quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn có thể quy định tính thu nhập chịu thuế tối thiểu trong nước dựa trên Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận để ngăn chặn mọi sự thay đổi có ảnh hưởng trọng yếu đến cạnh tranh, thay vì chuẩn mực kế toán

tài chính được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối chiếu với quy định IIR và UTPR nêu trên, khi áp dụng QDMTT thì số thuế bổ sung theo quy định QDMTT sẽ được trừ khi tính thuế bổ sung tại Công ty mẹ tối cao áp dụng IIR hoặc UTPR theo công thức Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ví dụ: Nếu Việt Nam quy định QDMTT tại nội luật, các công ty thành viên đặt tại Việt Nam của các Tập đoàn MNE (bao gồm cả Tập đoàn MNE nước ngoài và Tập đoàn MNE có vốn đầu tư trong nước) thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ nộp thuế bổ sung theo quy định QDMTT tại Việt Nam trước, và phần thuế bổ sung này sẽ được trừ khỏi thuế bổ sung phải nộp tại quốc gia có công ty mẹ hoặc các công ty khác trong tập đoàn khi các quốc gia đó áp dụng quy định IIR hoặc UTPR.

2.2.5. Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit - QRTC)

Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn (QRTC) là khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả với điều kiện khoản giảm trừ này thực tế phải được trả bằng tiền hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng 4 năm kể từ khi Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện được giảm trừ thuế thu nhập theo luật của nước cho giảm trừ. Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào được giảm trừ hoặc được hoàn trả theo các quy định cho phép khấu trừ thuế của công ty vào nghĩa vụ thuế của cổ đông.

2.3. Thứ tự ưu tiên trong thực hiện các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu

Quy định thuế khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR) sẽ được ưu tiên áp dụng trước quy định GloBE (Quy định IIR và UTPR), trong đó số thuế đã nộp theo quy định STTR sẽ được tính vào số thuế của quy định GloBE. Trong quy định GloBE thì quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) sẽ được ưu tiên áp dụng trước cho công ty mẹ tối cao tại quốc gia nơi công ty mẹ tối cao đặt trụ sở chính. Trường hợp quốc gia của công ty mẹ tối cao không thực hiện quy định IIR thì quốc gia của công ty nắm giữ vốn thứ cấp kế tiếp trong chuỗi cơ cấu sở hữu của Tập đoàn sẽ được thực hiện quy định IIR đối với công ty này. Trong trường hợp các quốc gia có công ty mẹ tối cao hoặc công ty nắm giữ vốn thứ cấp không áp dụng quy định IIR thì quy định UTPR sẽ được áp dụng cho công ty thành viên. Tuy nhiên, các quốc gia được ưu tiên áp dụng quy định QDMTT để giành quyền đánh thuế trước các quốc gia áp dụng quy định IIR và UTPR.

Ngoài ra, trong một số trường hợp thì hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa các nước có thể thực hiện việc tránh đánh thuế 2 lần theo cơ chế loại trừ (tức là một khoản thu nhập đã được đánh tại quốc gia này thì sẽ không bị đánh thuế tại quốc gia kia bất kể thuế suất là bao nhiêu) thay vì cơ chế bù trừ (tức là số thuế đã thu đối với một khoản thu nhập tại quốc gia này sẽ được bù trừ khi tính thuế đối với khoản thu nhập đó tại quốc gia kia). Trong trường hợp này, một quy định chuyển nguồn tại Hiệp định có thể được thêm vào để có thể thực hiện quy định IIR.

2.4. Nguyên tắc áp dụng

Theo nguyên tắc áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu mà OECD/G20 công bố thì các nước thành viên IF:

- **Không bắt buộc phải áp dụng** các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu, nhưng nếu lựa chọn áp dụng các quy định này thì các nước sẽ phải thực hiện nhất quán theo hướng dẫn của Thuế tối thiểu toàn cầu, phù hợp với quy định mẫu và hướng dẫn của IF; và

- Trong trường hợp một nước **không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận** các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu được các thành viên IF khác áp dụng.

2.5. Thiết kế quy định

- Trong trường hợp công ty mẹ tối cao sở hữu dưới 80% cổ phần của công ty thành viên chịu thuế thấp thì số thuế bổ sung theo quy định IIR sẽ được tính theo nguyên tắc phân bổ.

- Quy định UTPR sẽ phân bổ thuế cho các quốc gia áp dụng quy định UTPR có các công ty thành viên của công ty mẹ tối cao (*trong trường hợp quốc gia của công ty mẹ tối cao không áp dụng quy định IIR*).

- Quy định GloBE cho phép loại trừ quy định UTPR đối với các MNE đang trong giai đoạn đầu sản xuất kinh doanh quốc tế, cụ thể là các MNE có tối đa 50 triệu EUR tài sản hữu hình ở nước ngoài và hoạt động tại không quá 06 quốc gia. Việc loại trừ này được giới hạn trong 5 năm sau khi MNE lần đầu thuộc đối tượng của quy định GloBE. Đối với các MNE thuộc đối tượng của quy định GloBE khi các quy định này có hiệu lực thì thời gian 5 năm sẽ được bắt đầu kể từ khi quy định UTPR có hiệu lực.

2.6. Cách tính thuế bổ sung theo quy định GloBE

<p>Bước 1: Xác định đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu Xác định các Tập đoàn MNE thuộc đối tượng áp dụng (<i>loại trừ các đối tượng dưới ngưỡng doanh thu và thu nhập</i>) và nước đầu tư của các Tập đoàn.</p>
<p>Bước 2: Xác định thu nhập GloBE theo từng quốc gia Thu nhập GloBE của một quốc gia = Thu nhập GloBE của các Công ty thành viên – Lỗ GloBE của các Công ty thành viên</p>
<p>Bước 3: Xác định thuế đã nộp theo từng quốc gia Tính số thuế đã nộp sau điều chỉnh theo từng quốc gia bằng tổng số thuế đã nộp sau điều chỉnh của các công ty thành viên trong năm tài chính đó</p>
<p>Bước 4: Tính thuế suất thực tế theo từng quốc gia Tính toán thuế suất thực tế của Tập đoàn MNE và chọn các Tập đoàn MNE có thuế suất thực tế dưới mức tối thiểu</p>

Bước 5: Tính thuế bổ sung theo từng quốc gia

Tính thuế bổ sung theo quy định IIR hoặc UTPR cho từng quốc gia

Cụ thể, các bước tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung theo từng quốc gia và thuế bổ sung của từng công ty thành viên (*Bước 4*) như sau:

Thuế đã nộp sau điều chỉnh tính trên cơ sở từng quốc gia	=	Thuế suất thực tế của từng quốc gia
Thu nhập GloBE tính trên cơ sở từng quốc gia		
Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu = Thu nhập GloBE – Thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động (SBIE*)	X	Thuế suất bổ sung = Thuế suất tối thiểu (15%) – Thuế suất thực tế theo từng quốc gia
Thuế bổ sung của từng quốc gia = (Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu x Thuế suất bổ sung) – Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)		

2.7. Quy định giảm trừ khoản thu nhập gắn với tài sản hữu hình và lao động (*Substance-based Income Exclusion – SBIE*)

Một cấu phần quan trọng trong quy định GloBE có ảnh hưởng tới hệ thống thuế nội địa là quy định giảm trừ các khoản thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động (*SBIE*). Quy định này loại trừ một phần thu nhập khi tính toán thu nhập chịu thuế tối thiểu do vậy làm giảm tác động của GloBE đối với các công ty thành viên chịu thuế thấp mà có thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động. Việc giảm này dựa trên giá trị đầu tư tài sản hữu hình và lao động tại quốc gia có nguồn thu nhập phát sinh. Nói tóm lại, khi một công ty thành viên chịu thuế thấp đã xác định được tài sản hữu hình hoặc chi phí lao động thì thu nhập chịu thuế tối thiểu sẽ giảm. Khi thuế suất thực tế dưới 15% thì thu nhập chịu thuế tối thiểu sẽ giảm nhờ quy định này. Theo như OECD giải thích thì quy định này cho phép các nước nhận đầu tư tiếp tục đưa ra ưu đãi thuế giúp làm giảm thuế trên thu nhập thông thường từ đầu tư vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động mà không tạo thêm thuế bổ sung.

Quốc gia A có thuế suất 20% và áp dụng IIR	Công ty mẹ tối cao	Công ty mẹ tối cao có nguồn tính thuế 60 USD
Quốc gia B có thuế suất thực tế 5%	Công ty thành viên	Công ty thành viên có thu nhập 100 USD. Thuế suất thực tế 5%. Về mặt danh nghĩa tạo ra thuế suất bổ sung 10% (=15% - 5%), tương ứng số thuế bổ sung 10 USD. Khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế theo SBIE được ngoại trừ của Công ty thành

	viên là 40 USD. Khoản thu nhập của Công ty thành viên để tính thuế là 60 USD (=100 – 40). Thuế bổ sung là 10% x 60 USD = 6 USD
--	--

Các quy định GloBE cho phép giảm trừ một khoản vào lợi nhuận tương ứng 5% giá trị tài sản hữu hình trừ khấu hao và chi phí tiền lương. Trong giai đoạn chuyển tiếp 10 năm, phân thu nhập này được tính 8% giá trị tài sản hữu hình trừ khấu hao của năm đầu tiên và 10% chi phí tiền lương của năm đầu tiên; giảm hàng năm 0,2 điểm phần trăm (0,2%) trong 5 năm đầu; trong 5 năm còn lại, hàng năm giảm 0,4 điểm phần trăm (0,4%) đối với tài sản hữu hình trừ khấu hao và giảm 0,8 điểm phần trăm (0,8%) đối với chi phí tiền lương.

2.8. Ví dụ trường hợp tính thuế bổ sung khi Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu nhưng chưa áp dụng Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn

Tập đoàn A ở Hàn Quốc có 3 Công ty thành viên (B, C, D) đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Hàn Quốc thực hiện thu thuế bổ sung theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu và Việt Nam chưa áp dụng quy định thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

Trong đó:

- Số thuế phải nộp của Tập đoàn A tại Việt Nam bằng tổng số thuế các công ty thành viên phải nộp tại Việt Nam.
- Thu nhập trước thuế của Tập đoàn A tại Việt Nam bằng tổng thu nhập trước thuế của các công ty thành viên tại Việt Nam.

Đơn vị: Triệu USD

Stt	Công ty thành viên tại Việt Nam	Số thuế phải nộp tại Việt Nam	Thu nhập trước thuế tại Việt Nam	Thuế suất thực tế của công ty thành viên tại Việt Nam
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty thành viên B	70	500	14%
2	Công ty thành viên C	50	600	8,3%
3	Công ty thành viên D	105	700	15%
	Tập đoàn A	225	1.800	12,5%

Công ty mẹ	Số thuế phải nộp tại Việt Nam	Thu nhập trước thuế tại Việt Nam	Thuế suất thực tế	Thuế suất bổ sung	Chi phí tiền lương	Tài sản hữu hình	Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu	Thuế bổ sung phải nộp tại Hàn Quốc
(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = 15% - (8)	(10)	(11)	(12) = (7) - 5%*((10)+(11))	(13) = (9)*(12)
Tập đoàn A	225	1.800	12,5%	2,5%	100	1.200	1.735	43,375

2.9. Một số điểm lưu ý quan trọng trong hướng dẫn về Thuế tối thiểu toàn cầu

Theo hướng dẫn chi tiết về Thuế tối thiểu toàn cầu được Diễn đàn hợp tác chung IF đưa ra vào tháng 3/2022 thì có một số điểm quan trọng trong quy định GloBE như sau:

2.9.1. Về tỷ giá quy đổi

Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu là các Tập đoàn MNE đạt được doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất 2 năm trong 4 năm liên tiếp trước năm xem xét. Khi nội luật hóa quy định này sẽ cần tỷ giá quy đổi sang Việt Nam Đồng. Để tránh việc tỷ giá có thể biến động dẫn đến một số nước có thể có ngưỡng thấp hơn hoặc cao hơn đáng kể mức 750 triệu EUR, Thuế tối thiểu toàn cầu yêu cầu các nước phải đánh giá lại tỷ giá quy đổi mỗi năm một lần, thời gian đánh giá tùy vào quy định nội luật.

2.9.2. Về việc tính toán số thuế được phân bổ theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu

Theo quy định UTPR thì các quốc gia nơi có (các) công ty thành viên sẽ chỉ được thu thêm thuế đúng bằng số tiền được phân bổ theo quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu. Việc này có thể kéo dài 15 tháng kể từ khi năm tài chính kết thúc để Công ty mẹ tối cao có thể hợp nhất và tính toán số thuế phân bổ cho từng quốc gia. Trong trường hợp các doanh nghiệp điều chỉnh số thuế phải nộp do điều chỉnh theo UTPR thì các quốc gia không được phạt nộp tờ khai muộn.

2.9.3. Về việc khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định GloBE

Khi áp dụng các quy định GloBE, công ty thành viên phải nộp Tờ khai thông tin theo quy định GloBE cho cơ quan quản lý thuế. Trường hợp Tập đoàn MNE có nhiều công ty thành viên tại một quốc gia thì Tập đoàn có thể chỉ định một công ty thành viên nộp Tờ khai.

Tờ khai thông tin theo quy định GloBE sẽ được thiết kế theo mẫu tiêu chuẩn được phát triển theo Khung triển khai GloBE và sẽ bao gồm các thông tin liên quan đến Tập đoàn MNE.

Tờ khai thông tin theo quy định GloBE sẽ được nộp cho cơ quan quản lý thuế của quốc gia áp dụng quy định GloBE không quá 15 tháng sau ngày cuối cùng của năm tài chính.

2.9.4. Về Chuẩn mực kế toán được áp dụng

Chuẩn mực kế toán được áp dụng khi thực hiện quy định GloBE bao gồm Chuẩn mực kế toán được công nhận và Chuẩn mực toán được chấp nhận:

- Chuẩn mực kế toán được chấp nhận là Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận của Úc, Brazil, Canada, Các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, các Quốc gia Thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

- Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận, đối với bất kỳ tổ chức nào, là một tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được Cơ quan Kế toán có thẩm quyền tại nước đặt trụ sở của tổ chức đó cho phép áp dụng.

2.9.5. Về quá trình thực hiện rà soát đồng cấp

Khi một quốc gia nội luật hóa các quy định GloBE tại nội luật, quá trình rà soát đồng cấp sẽ được thực hiện để xem xét liệu quy định tại nội luật của quốc gia đó có đạt chuẩn hay không.

Quá trình rà soát đồng cấp bao gồm 2 bước:

Bước 1: Tự rà soát, đánh giá;

Bước 2: Rà soát, đánh giá chi tiết. Bước này được thực hiện bởi Nhóm công tác số 11 của OECD. Đây là Nhóm công tác của OECD, bao gồm đại diện của các quốc gia thành viên IF.

Ví dụ, khi trường hợp quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa được đánh giá là đạt chuẩn thì số thuế đã nộp theo quy định này sẽ được khấu trừ toàn bộ vào khoản thuế bổ sung phát sinh theo các quy tắc mẫu GloBE tại một quốc gia, nghĩa là nếu Việt Nam áp dụng QDMTT, thu nhập của công ty thành viên phát sinh tại Việt Nam sẽ không phải chịu thêm bất kỳ khoản thuế bổ sung nào theo các quy tắc mẫu GloBE tại bất kỳ quốc gia nào khác. Trong trường hợp một hình thức thuế bổ sung nội địa khác không đạt chuẩn được áp dụng (*như áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động*), sẽ có rủi ro là thuế đã nộp ở Việt Nam có thể không được ghi nhận toàn bộ vào công thức tính Thuế áp dụng điều chỉnh theo đúng quy định, do đó có thể phát sinh thuế bổ sung, ảnh hưởng đến lợi ích của công ty đầu tư tại Việt Nam.

Kết quả rà soát đồng cấp sẽ được công khai trên website của OECD, là cơ sở quan trọng để các tập đoàn tự tính toán số thuế phải nộp và các quốc gia khác tính toán số thuế được thu bổ sung.

(Nội dung quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) của OECD/G20 ngày 14/12/2021 xin báo cáo tại Phụ lục 4 kèm theo).

3. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của các nước

Thuế tối thiểu toàn cầu được hầu hết các nước trên thế giới ủng hộ và thực hiện, coi đó là xu hướng phù hợp trong hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, mỗi quốc gia với các đặc điểm, mục tiêu, chiến lược khác nhau sẽ có những căn cứ khác nhau để đề xuất các giải pháp ứng phó. Đặc biệt, căn cứ vào vị thế mỗi quốc gia trong hoạt động đầu tư nước ngoài khác nhau, các quốc gia sẽ ban hành những chính sách Thuế tối thiểu toàn cầu khác nhau.

Trong hoạt động đầu tư quốc tế hiện nay có thể phân chia vị thế của các quốc gia gồm: những quốc gia chủ yếu có vốn đầu tư ra nước ngoài và những quốc gia chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài. Đối với những quốc gia chủ yếu có vốn đầu tư ra nước ngoài, có các tập đoàn đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, các nước này sẽ có mục tiêu thu thuế bổ sung từ

các doanh nghiệp của họ đầu tư tại nước khác có thuế suất thực tế thấp và đưa các nhà đầu tư này trở về nước đầu tư. Đối với những quốc gia chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, các nước này sẽ có xu hướng đề xuất các giải pháp ứng phó do Thuế tối thiểu toàn cầu phần nào sẽ ảnh hưởng tới chính sách thu hút đầu tư của các nước này.

Nếu nhận xét ở góc độ sử dụng ưu đãi thuế để thu hút đầu tư thì:

- *Đối với những nước mà chính sách ưu đãi thuế không phải là yếu tố chính để thu hút đầu tư nước ngoài*, các nước này có xu hướng ủng hộ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu giúp hạn chế lợi thế của các nước sử dụng ưu đãi thuế để cạnh tranh thu hút đầu tư với họ.

- *Đối với những nước chủ yếu ưu tiên ưu đãi về thuế để thu hút đầu tư nước ngoài*, khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, các nước này sẽ mất lợi thế thu hút đầu tư và các nhà đầu tư thay vì xem xét ưu đãi về thuế, họ sẽ xem xét về môi trường kinh doanh. Để giảm thiểu tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu, các nước này cần phải tiến hành nhiều cải cách thuế trong nước, cũng như cải tiến môi trường đầu tư kinh doanh.

- *Đối với những nước coi chính sách ưu đãi thuế chỉ là một công cụ để thu hút đầu tư*, ngoài ra còn nhiều chính sách ưu đãi đầu tư khác nhưng mức thuế thực tế vẫn thấp hơn mức thuế tối thiểu (trong đó có Việt Nam), các nước này vẫn cần có các giải pháp ứng phó, đặc biệt là các hình thức ưu đãi đầu tư khác ngoài thuế để tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài.

3.1. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của khối các nước chủ yếu có vốn đầu tư ra nước ngoài

3.1.1. Các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU): Đã thông qua Chi thị về thuế tối thiểu (*EU Directive*) có hiệu lực từ ngày 1/1/2024. Theo đó, các nước EU (*Hi Lạp, Đan Mạch, Ru-ma-ni, Bỉ, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Slovakia, Slovenia, Ireland, Áp, Italia, Séc, Croatia, Bồ Đào Nha, Pháp, Phần Lan, Luc-xăm-bua, Hà Lan, Đức, Ba Lan, Hungary*) đã thống nhất áp dụng quy định IIR từ 1/1/2024 và áp dụng quy định UTPR từ 1/1/2025. Các nước thuộc phạm vi điều chỉnh của EU Directive sẽ phải hoàn thành thủ tục nội luật hóa trong năm 2023 để thực hiện Thuế tối thiểu toàn cầu đúng kỳ hạn. Cụ thể phản ứng chính sách của một số nước:

- *Thụy Điển:* Đã trình Thủ Tướng và Bộ Tài Chính vào tháng 2/2023 dự thảo Luật về thuế bổ sung đối với công ty thuộc các Tập đoàn lớn (*A Law on additional tax for companies in large groups*), trong đó nội dung về QDMTT được đề xuất trong Chương 9 về Thuế nội địa bổ sung (*Additional National Tax hoặc National surtax*).

- *Hà Lan:* Hoàn thành xin ý kiến sau khi công bố bản Dự thảo sửa đổi luật Hệ thống thuế Quốc tế, trong đó QDMTT được quy định tại Chương 3. Thuế nội địa bổ sung.

- *Đức:* Ngày 20/3/2023, Bộ Tài chính Đức đã công bố dự thảo luật để thực hiện chi thị EU về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các tập đoàn doanh nghiệp đa quốc gia và tập đoàn nội địa lớn trong nước (*Đạo luật thực hiện chi thị về thuế tối*

thiểu - MinBestRL-UmsG). Dự thảo Luật bao gồm hướng dẫn chi tiết về Thuế bổ sung toàn cầu và Thuế bổ sung nội địa (*Phần 10*). Ngoài ra, Dự thảo có hướng dẫn về nguyên tắc “*miễn trừ*” (*Safe harbour*) liên quan đến QDMTT.

3.1.2. Các nước Châu Âu không phải thành viên EU

- *Thụy Sĩ*: Áp dụng các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024.

+ Ngày 16/12/2022, Quốc hội Thụy Sĩ đã thông qua Sắc lệnh của Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ về việc sửa đổi Hiến pháp để thực hiện Quy tắc Mẫu Hai Trụ cột của OECD quy định mức thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Việc sửa đổi hiến pháp sẽ được trưng cầu dân ý công khai vào tháng 6 năm 2023.

+ Bản Dự thảo Pháp lệnh quy định mức thuế tối thiểu đối với các tập đoàn đa quốc gia lớn thông qua việc đóng thuế bổ sung trên phần lợi nhuận của các công ty dựa trên 2 trường hợp: “Thuế bổ sung của Thụy Sĩ” (*Swiss Supplementary Tax*); và “Thuế bổ sung quốc tế” (*International Supplementary Tax*).

- *Vương quốc Anh*: Áp dụng quy định IIR và QDMTT từ năm 2024, quy định UTPR từ năm 2025.

+ Ngày 23/3/2023, Vương quốc Anh đã công bố Dự thảo luật Tài chính mùa xuân 2023 (*dự thảo luật*) bao gồm IIR và QDMTT.

+ Dự thảo luật rất toàn diện bao gồm các khía cạnh liên quan của Quy tắc mẫu, Bình luận và Hướng dẫn chi tiết đã xuất bản khác của OECD.

+ Đặc biệt, dự thảo quy định Quy tắc IIR (*được đặt tên là Thuế bổ sung đa quốc gia*) và Thuế bổ sung nội địa (*có thể hiểu là QDMTT*).

- *Na Uy*: Chưa xác định thời gian áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Na Uy đang lấy ý kiến về dự thảo Luật cải cách thuế Na Uy một cách toàn diện, trong đó bao gồm vấn đề thuế suất tối thiểu toàn cầu (*mục tiêu áp dụng từ năm 2024*).

- *Liechtenstein*: Áp dụng quy định IIR và QDMTT từ năm 2024, quy định UTPR từ năm 2025.

+ Ngày 29/03/2023, công bố dự thảo luật để thực hiện Quy tắc Trụ cột Hai GloBE, bao gồm IIR, UTPR và QDMTT.

+ Dự thảo Luật sẽ được lấy ý kiến cho đến ngày 2/6/2023, với dự kiến bản cuối cùng sẽ được trình Quốc hội vào đầu tháng 9/2023.

3.1.3. Các nước Châu Á

- *Hàn Quốc*: Sẽ áp dụng Quy định IIR và UTPR từ 1/1/2024. Ngày 23/12/2022, Quốc hội Hàn Quốc đã tổ chức phiên họp toàn thể và quyết định thông qua Luật Thuế sửa đổi, lấy Quy tắc Thuế suất tối thiểu toàn cầu làm tâm điểm. Các Nghị định thực thi, hướng dẫn cụ thể sẽ được ban hành trong năm 2023.

- *Nhật Bản*: Ngày 28/3/2023, Hạ viện đã thông qua Dự thảo luật sửa đổi một phần Đạo luật thuế thu nhập. Hiệp Hội Tiêu chuẩn Kế Toán Nhật Bản (ASBJ) sẽ ban hành bản chính thức của Báo cáo ứng phó thực tế đối với các xử lý thuế

đặc biệt trong ngắn hạn liên quan đến thuế hoãn lại phát sinh từ Thuế tối thiểu toàn cầu. Luật này chỉ bao gồm nội dung về IIR. QDMTT và UTPR dự kiến sẽ được đưa vào Dự thảo Cải cách thuế năm 2024.

- *Đài Loan*: Sẽ áp dụng Quy định QDMTT từ năm 2024. Năm 2020, Đài Loan đã ban hành mức thuế suất mới, có tính chất tương tự như Thuế tối thiểu toàn cầu, tuy nhiên mới ở mức 12%. Nhìn chung, các doanh nghiệp tại Đài Loan không có phản ứng nhiều về quy định thuế mới này do hầu như doanh nghiệp Đài Loan có đầu tư tại khu vực Âu - Mỹ hoặc Nhật Bản đều đang chịu mức thuế suất cao hơn 15%. Dự kiến dự thảo Luật sẽ có hiệu lực kể từ 1/1/2024 tùy theo xu hướng luật hóa của các quốc gia EU và Hàn Quốc.

- *Hồng Kông*: Sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2025. Ngày 22/2/2023, Hồng Kông công bố kế hoạch áp dụng thuế tối thiểu từ 2025 trong Kế hoạch ngân sách 2023.

- *Singapore*: Áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2025. Singapore đã công bố kế hoạch áp dụng thuế suất tối thiểu toàn cầu thông qua Kế hoạch ngân sách năm 2023.

- *Úc*: Sẽ áp dụng Quy định IIR từ năm 2024 và Quy định UTPR từ năm 2025. Úc đã công bố kế hoạch luật hóa và đã hoàn thành lấy ý kiến công khai về việc có luật hóa hay không.

3.1.4. Các nước Châu Mỹ

- *Hoa Kỳ*:

+ Ngày 9/3/2023, Nhà Trắng đã công bố Báo cáo Ngân sách năm tài chính 2024, cùng với phần giải thích chung (*Greenbook*) bởi Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Trong đó đề xuất một vài nội dung liên quan đến thuế quốc tế trong bối cảnh Thuế tối thiểu toàn cầu:

+ Hoa Kỳ đang áp dụng Luật GILTI (Global Intangible Low-taxed Income), là một cơ chế thuế tối thiểu hiện hành của Mỹ đối với thu nhập vô hình toàn cầu chịu thuế thấp. Các công ty của Hoa Kỳ ở nước ngoài nếu có thuế suất thực tế thấp hơn 10.5% đang phải nộp thuế chênh lệch về Hoa Kỳ theo các quy định tại Luật GILTI. Hiện tại, Hoa Kỳ đang xem xét nâng mức thuế suất tối thiểu của Luật GILTI từ 10.5% lên 21% và sửa đổi các quy tắc liên quan để phù hợp với các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Thay thế Thuế chống lạm dụng xói mòn cơ sở (*BEAT*) bằng "Quy định điều chỉnh lợi nhuận chưa bị đánh thuế" (*UTPR*) phù hợp với UTPR trong Thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Báo cáo Ngân sách cũng đề cập đến Thuế bổ sung tối thiểu nội địa nhằm ngăn cản việc các quốc gia khác áp đặt UTPR.

- *Canada*: Áp dụng quy định IIR và QDMTT từ năm 2024, quy định UTPR từ năm 2025. Ngày 28/3/2023, Canada đã công bố Ngân sách quốc gia năm 2023, xác nhận rằng Canada sẽ ban hành luật thực hiện IIR và QDMTT áp dụng cho các tập đoàn Đa quốc gia của Canada, có hiệu lực từ 2024. UTPR sẽ có hiệu lực vào

2025.

Như vậy, đối với các nước có vốn đầu tư ra nước ngoài, về cơ bản sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024 để thu thêm phần chênh lệch từ mức thuế thực tế so với Thuế tối thiểu toàn cầu (15%), trong đó có các nước có số vốn đầu tư lớn vào Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore....

3.2. Tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của khối các nước chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài

3.2.1. Các nước trong khối ASEAN

- *Indonesia*: Sẽ áp dụng Quy định IIR từ năm 2024 và UTPR từ năm 2025. Indonesia đang tiến hành nghiên cứu rà soát về tác động tương hỗ giữa thuế suất tối thiểu toàn cầu và chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, đánh giá mức độ ảnh hưởng..., dự kiến sẽ công bố dự thảo Luật khi OECD phát hành hướng dẫn thực hiện chi tiết.

- *Malaysia*: Sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024. Malaysia đang vận hành Tổ công tác đặc biệt bao gồm Bộ Tài chính, cơ quan thuế và các bộ ngành liên quan với mục đích phân tích tác động ảnh hưởng và luật hóa thuế suất tối thiểu toàn cầu. Tháng 8/2022, quốc gia này đã tổ chức buổi công khai lấy ý kiến liên quan đến Thuế tối thiểu toàn cầu. Trong báo cáo ngân sách hiện tại có bao gồm nội dung áp dụng QDMTT từ năm 2024, do đó dự kiến sẽ bổ sung vào báo cáo ngân sách sau này.

- *Thái Lan*: Áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2025.

+ Ngày 7/3/2023, Nội các Thái Lan, đã phê duyệt các biện pháp hỗ trợ thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu theo đề xuất của Ủy ban Đầu tư Thái Lan.

+ Cục Doanh thu cũng cho biết họ đang trong quá trình soạn thảo dự luật thu thuế bổ sung để dự thảo luật được công bố để phê duyệt trong năm 2023 và có hiệu lực vào năm 2025.

+ Thái Lan đề xuất thu thuế bổ sung thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn và thực hiện phân bổ 50% - 70% nguồn thu thuế bổ sung này sang Quỹ Hỗ trợ công nghiệp trọng điểm thuộc Đạo luật tăng cường cạnh tranh. Quỹ này sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp một phần do thực hiện việc điều chỉnh tăng thuế tối thiểu toàn cầu.

- Ngoài ra, các quốc gia khác trong khối ASEAN chưa xác định thời gian bắt đầu áp dụng quy định Thuế tối thiểu toàn cầu.

3.2.2. Các nước Châu Á không thuộc khối ASEAN

- *Trung Quốc*: Chưa xác định thời gian bắt đầu áp dụng các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Trung Quốc đã thành lập Tổ công tác với các thành viên chủ chốt là Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế, tổng hợp lấy ý kiến các công ty đa quốc gia. Trung Quốc dự kiến thực hiện luật hóa theo hướng có thể thúc đẩy tăng trưởng FDI của các công ty đa quốc gia.

+ Ngày 27/2/2023, hoạt động tham vấn thực hiện bởi Bộ Tài chính đã kết

thúc.

- *Án Độ*: Chưa xác định thời gian bắt đầu áp dụng các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Dự kiến sẽ tìm kiếm phương án sửa đổi Luật thuế trong nước sau khi rà soát nghiên cứu quy tắc lập pháp và Hướng dẫn chi tiết của OECD.

+ Dự kiến sẽ đề cập đối sách ứng phó thuế suất tối thiểu toàn cầu trong báo cáo ngân sách được công bố vào tháng 2.2023.

3.2.3. Các nước Châu Phi

Các nước Châu Phi đều chưa xác định thời gian bắt đầu áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, để hỗ trợ các nước Châu Phi muốn ban hành QDMTT, ATAF (*Diễn đàn quản lý thuế châu Phi*) đã phát triển Phương pháp tiếp cận đề xuất để soạn thảo luật thuế bổ sung tối thiểu trong nước. Ngoài ra, đối với Nam Phi, trong năm 2023, Chính phủ sẽ công bố quan điểm dự thảo về việc thực hiện Thuế tối thiểu toàn cầu để lấy ý kiến công chúng và dự thảo luật sẽ được chuẩn bị để đưa vào Dự luật sửa đổi Luật thuế năm 2024.

Như vậy, các nước nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, tương tự như Việt Nam đang nghiên cứu để đưa ra chính sách ứng phó Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có việc áp dụng quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (*QDMTT*) để tránh việc nộp thuế bổ sung đối với phần thu nhập của công ty thành viên có thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu về các nước có công ty mẹ đóng trụ sở chính, đồng thời cũng nghiên cứu một số giải pháp hỗ trợ về tài chính (*ví dụ như Thái Lan*) để giữ chân các doanh nghiệp FDI thuộc đối tượng của Thuế tối thiểu toàn cầu và thu hút các nhà đầu tư mới.

(Bảng tổng hợp tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu ở các nước (Cập nhật ngày 31/3/2023) xin báo cáo tại Phụ lục 5 kèm theo)

Theo nguyên tắc áp dụng, Thuế tối thiểu toàn cầu không phải là điều ước quốc tế, không phải là cam kết quốc tế, không bắt buộc các quốc gia phải áp dụng. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận việc các quốc gia khác áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, có quyền thu thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam (nếu thuộc đối tượng áp dụng) mà được hưởng mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn mức tối thiểu toàn cầu 15%, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việt Nam là nước chủ yếu nhận vốn đầu tư từ nước ngoài, theo đó sẽ bị ảnh hưởng bởi Thuế tối thiểu toàn cầu.

Trước bối cảnh các quốc gia có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam đã có kế hoạch áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu để giành quyền thu thuế và các quốc gia nhận vốn đầu tư tương tự như Việt Nam đã và đang nghiên cứu chính sách ứng phó, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư trước tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Việt Nam cần khẳng định áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam thông qua việc ban hành văn bản quy định việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

PHẦN III ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Tác động đối với chính sách ưu đãi thuế

1.1. Đối với chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện tại, Việt Nam đang áp dụng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và các Luật sửa đổi, bổ sung, các Nghị định quy định chi tiết và các Thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp. **Hiện thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20%**, tuy nhiên, để thu hút đầu tư, trong đó có đầu tư nước ngoài, trong những năm qua Việt Nam đã thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, trong đó có chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kể từ ngày 1/1/2014, **Luật số 32/2013/QH13** sửa đổi đối tượng ưu đãi từ pháp nhân (*doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư*) sang **dự án đầu tư mới (thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới)**. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế TNDN hiện hành có quy định:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động:

+ Theo quy định tại **Luật số 14/2008/QH12, Luật số 32/2013/QH13** áp dụng thuế suất 10% đối với: Thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa (*giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường*); thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư – kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 Luật Nhà ở; thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, kể cả quảng cáo trên báo in theo quy định của Luật báo chí; thu nhập của cơ quan xuất bản từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản; thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối của hợp tác xã được miễn thuế; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, trừ thu nhập của hợp tác xã được miễn thuế.

+ Kể từ ngày 1/1/2015, **Luật số 71/2014/QH13** bổ sung thêm thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến nông, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn vào diện được áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

- Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi phát sinh doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo áp dụng đối với các lĩnh vực:

+ Ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên

đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; đầu tư xây dựng-kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường; thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao; thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (*trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản*) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt mười nghìn tỷ đồng/năm, chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu; Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động.

+ Kể từ 1/1/2015, **Luật số 71/2014/QH13** bổ sung thêm lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đối với: Thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật công nghệ cao, Luật khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 năm kể từ ngày được cấp phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 năm (*tổng thời gian không quá 30 năm*).

- **Thuế suất ưu đãi 15% trong suốt thời gian hoạt động:** Từ 1/1/2015, **Luật số 71/2014/QH13** bổ sung quy định áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

- **Thuế suất ưu đãi 17% trong thời gian 10 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo:**

Theo quy định tại **Luật số 14/2008/QH12**, **Luật số 32/2013/QH13** thì mức ưu đãi này áp dụng đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; một số lĩnh vực sau: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy

sản; phát triển ngành nghề truyền thống (bao gồm xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống về sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, các sản phẩm văn hóa).

- **Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo:** Luật số 32/2013/QH13 bổ sung quy định miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp (trừ Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh).

- **Ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng (ĐTMR):** Luật số 32/2013/QH13 áp dụng từ ngày 1/1/2014 bổ sung quy định doanh nghiệp đang hoạt động có dự án ĐTMR vào lĩnh vực và địa bàn ưu đãi thuế nếu đáp ứng tiêu chí quy định của Luật thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do ĐTMR mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do ĐTMR bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Về địa bàn ưu đãi đầu tư:** Trước ngày 27/12/2015 được thực hiện theo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008). Từ ngày 27/12/2015 trở đi được thực hiện theo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư (Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021).

(Nội dung cụ thể về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và Danh mục địa bàn ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp xin báo cáo tại Phụ lục 6 kèm theo).

Đặc biệt, Luật Đầu tư năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp về mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt với mức cao hơn⁵. Theo đó, năm 2021, Thủ

⁵ Tại khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư quy định:

“**Điều 75. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến đầu tư kinh doanh**
4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13 như sau:

a) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 13 như sau:

“5a. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng thuế suất ưu đãi giảm không quá 50% so với thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này; thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này và được kéo dài thêm không quá 15 năm và không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư.”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 14 như sau:

tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt với các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cao hơn so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo đó, Quyết định 29/2021/QĐ-TTg cho phép:

- Thuế suất ưu đãi 9% trong 30 năm; Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế từ thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư: “b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư”.

- Thuế suất ưu đãi 7% trong 33 năm; Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau: Là dự án công nghệ cao mức 1; có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 1; giá trị gia tăng chiếm từ trên 30% đến 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng do tổ chức kinh tế cung cấp; đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 1.

- Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 37 năm; Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau: Là dự án công nghệ cao mức 2; có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 2; giá trị gia tăng chiếm trên 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp; đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 2.

(Nội dung cụ thể về Quyết định 29/2021/QĐ-TTg xin báo cáo tại Phụ lục 7 kèm theo)

Qua tính toán so sánh: Nếu áp dụng các mức ưu đãi (gồm thuế suất và thời

“1a. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo.”

gian miễn giảm thuế) của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì về cơ bản, doanh nghiệp sẽ nộp tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp cao hơn so với áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động, tức là doanh nghiệp sẽ được lợi hơn nếu áp dụng thuế suất 15% suốt đời dự án, trừ trường hợp được ưu đãi theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg. Cụ thể:

- Giả sử doanh nghiệp có thời gian hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50 năm⁶, có phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động, không chuyển lỗ, doanh nghiệp được áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN theo Luật thuế TNDN là thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo, hết thời gian ưu đãi doanh nghiệp nộp theo mức thuế suất 20% (sau đây gọi là *ưu đãi theo Luật thuế TNDN*):

Theo tính toán tại Phụ lục 8 kèm theo thì:

+ *Trường hợp 1*: Thu nhập tính thuế ổn định 100 tỷ/năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **765 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **750 tỷ đồng**.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ thấp hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

+ *Trường hợp 2*: Thu nhập tính thuế 100 tỷ/năm và tăng trưởng đều 5%/năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **3.861 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **3.140 tỷ đồng**.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ thấp hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

+ *Trường hợp 3*: Cũng với thu nhập tính thuế ổn định 100 tỷ/năm nhưng thời gian hoạt động ngắn hơn là 30 năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **365 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **450 tỷ đồng**.

⁶ Thời gian hoạt động căn cứ theo quy định tại Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020 thì dự án đầu tư ngoài khu kinh tế có thời hạn hoạt động không quá 50 năm, riêng dự án đầu tư trong khu kinh tế và ở các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm thì thời hạn hoạt động không quá 70 năm. Trường hợp trong thời gian hoạt động, doanh nghiệp có di chuyển địa điểm thì sẽ không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ cao hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

+ *Trường hợp 4*: Cũng với thời gian hoạt động ngắn hơn là 30 năm, thu nhập tính thuế 100 tỷ/năm và tăng trưởng đều 5%/năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **1.003 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **997 tỷ đồng**.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ thấp hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp được kéo dài thời gian ưu đãi về thuế suất thuế TNDN 10% từ 15 năm lên 30 năm theo thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Luật Thuế TNDN thì số liệu tính toán có kết quả như sau:

+ *Trường hợp 1*: Thu nhập tính thuế ổn định 100 tỷ/năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **615 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **750 tỷ đồng**.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ cao hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

+ *Trường hợp 2*: Thu nhập tính thuế 100 tỷ/năm và tăng trưởng đều 5%/năm, thì:

- Ưu đãi theo Luật thuế TNDN: Doanh nghiệp sẽ phải nộp tổng số thuế TNDN là **3.412 tỷ đồng** trong suốt thời gian hoạt động.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp phải nộp tổng số thuế TNDN là **3.140 tỷ đồng**.

Như vậy, số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp nếu áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% sẽ thấp hơn so với ưu đãi theo Luật thuế TNDN.

Tổng hợp các trường hợp trên cho thấy, nếu áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động, doanh nghiệp sẽ phải nộp số thuế TNDN thấp hơn (*được lợi hơn*) so với mức ưu đãi của Luật thuế TNDN là thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo, sau đó nộp theo thuế suất 20% (*trừ trường hợp thời gian hoạt động ngắn và không có tăng trưởng về thu nhập - trường hợp 3*). Riêng trường hợp được Thủ tướng Chính phủ kéo dài thời gian ưu đãi về thuế suất thuế TNDN 10% từ 15 năm lên 30 năm thì số thuế phải nộp theo thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động so với số thuế phải nộp nếu được ưu đãi sẽ tùy thuộc vào việc doanh nghiệp có thu nhập tăng trưởng trong các năm sau hay không. Còn đối với các mức ưu đãi tại Luật thuế TNDN thấp hơn mức này, như thuế suất 15% trong 12

năm, miễn 2 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 8 năm tiếp theo; thuế suất 17% trong 10 năm, miễn 2 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo... thì việc áp dụng mức thuế suất 15% suốt đời dự án càng lợi hơn.

Tuy nhiên, trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN (*thuế suất và miễn, giảm*) thì doanh nghiệp sẽ có mức thuế suất thực tế thấp hơn mức thuế suất 15%. Cụ thể, giả sử doanh nghiệp có thời gian hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50 năm, có phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động, không chuyển lỗ, thu nhập ổn định 100 tỷ/năm.

+ Nếu doanh nghiệp nộp thuế theo mức thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động thì số thuế TNDN phải nộp hằng năm là: **15 tỷ đồng/năm**.

+ Nếu doanh nghiệp được áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN theo Luật Thuế TNDN hiện hành là thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo, hết thời gian ưu đãi doanh nghiệp nộp theo mức thuế suất 20% thì:

- Số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm đầu được miễn thuế (*thuế suất 10%*): **0 đồng/năm**. Như vậy là thấp hơn 15 tỷ đồng/năm so với mức thuế suất 15% là 15 tỷ đồng/năm.

- Số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm giảm 50% tiếp theo (*thuế suất 10%*): **5 tỷ đồng/năm**. Như vậy là thấp hơn 10 tỷ đồng/năm so với mức thuế suất 15% là 15 tỷ đồng/năm.

- Số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo (*thuế suất 10%, không miễn, không giảm*): **10 tỷ đồng/năm**. Như vậy là thấp hơn 5 tỷ đồng/năm so với mức thuế suất 15% là 15 tỷ đồng/năm.

- Số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong những năm còn lại, từ năm thứ 16 trở đi (*thuế suất 20%*): **20 tỷ đồng/năm**. Như vậy là cao hơn 5 tỷ đồng/năm so với mức thuế suất 15% là 15 tỷ đồng/năm.

- Nếu doanh nghiệp đủ điều kiện áp dụng các mức ưu đãi theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg thì tổng số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp suốt thời gian hoạt động sẽ **thấp hơn** số thuế TNDN phải nộp theo mức 15% (*theo Thuế tối thiểu toàn cầu*), bao gồm các mức ưu đãi:

- + Thuế suất 9% trong 30 năm, miễn thuế TNDN trong 5 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 10 năm tiếp theo;

- + Thuế suất 7% trong 33 năm, miễn thuế TNDN trong 6 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 12 năm tiếp theo;

- + Thuế suất 5% trong 37 năm, miễn thuế TNDN trong 6 năm đầu, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 13 năm tiếp theo.

Đến thời điểm hiện tại, mới có Công ty TNHH Intel Products Việt Nam có dự án đầu tư Nhà máy Lắp ráp và Thử nghiệm vi mạch điện tử - Intel (*đối với phần đầu tư mở rộng 2,6 tỷ USD*) được cấp ưu đãi về thuế TNDN theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg.

(Nội dung cụ thể về tính toán so sánh giữa áp dụng mức ưu đãi của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, của Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg so với áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu xin báo cáo tại Phụ lục 8 kèm theo).

Như vậy, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% về cơ bản đã đảm bảo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành mà nhiều trường hợp được hưởng⁷ nếu tính trong cả thời gian hoạt động bình thường của dự án (khoảng 50 năm) thì cũng không ưu đãi hơn so với mức nộp 15% (mức Thuế tối thiểu toàn cầu) suốt đời dự án, trừ trường hợp dự án được kéo dài thời gian ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% từ 15 năm lên 30 năm và dự án được hưởng ưu đãi theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg. Tuy nhiên, do áp dụng ưu đãi thuế suất thấp và được ưu đãi miễn thuế, giảm thuế nên trên thực tế thuế suất đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp FDI có ưu đãi sẽ có thuế suất thực tế (bình quân từ 6% đến 8%) trong thời gian được hưởng ưu đãi, thấp hơn mức thuế suất tối thiểu là 15%.

1.2. Đối với chính sách ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2016 có quy định về miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với một số hàng hóa, cụ thể như sau:

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu.

Sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước.

- Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng).

⁷ Từ mức ưu đãi thấp như miễn 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, không được hưởng ưu đãi về thuế suất cho đến mức ưu đãi miễn 4 năm, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo và được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất (*không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt*).

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

- Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí.

- Dự án, cơ sở đóng tàu thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư được miễn thuế

- Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường.

- Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho giáo dục.

- Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ.

1.3. Đối với chính sách ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012 có quy định về miễn thuế và giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

(i) Miễn thuế đối với các trường hợp sau:

- Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng trên 50% số lao động là thương binh, bệnh binh.

- Đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế.

(ii) Giảm 50% số thuế phải nộp đối với các trường hợp sau:

- Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng từ 20% đến 50% số lao động là thương binh, bệnh binh;

- Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất từ 20% đến 50% giá tính thuế.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 9 kèm theo)

1.4. Đối với chính sách ưu đãi về tiền thuê đất

Theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2016 có quy định về miễn và giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

(i) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp, khu chế xuất được Nhà nước cho thuê đất hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất để thực hiện theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

- Dự án sử dụng đất xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền từ ngân sách nhà nước, đơn vị được giao quản lý sử dụng cho sinh viên ở không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công; đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có) bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm.

- Đất xây dựng cơ sở, công trình cung cấp dịch vụ hàng không trừ đất xây dựng cơ sở, công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hàng không.

- Đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ.

- Đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý,

điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

- Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai.

(ii) *Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản* theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

(iii) *Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm (ii) nêu trên, cụ thể như sau:*

- 3 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư; đối với cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.

- 7 năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- 11 năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- 15 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, cụ thể như sau:

+ 11 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Toàn bộ thời gian thuê đất nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể.

- Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn và được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm (ii) nêu trên.

(iv) Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các trường hợp sau:

- Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại.

- Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh mà không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối hoặc không phải trường hợp được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản khi bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất khả kháng thì được giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong thời gian ngừng sản xuất kinh doanh.

Việc giảm tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 9 kèm theo)

1.5. Đối với chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất trong khu kinh tế, khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đất đai

Theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, có hiệu lực từ ngày 20/6/2017, cụ thể như sau:

(i) Miễn, giảm tiền thuê đất trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

+ 11 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc

Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

+ 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

+ 15 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

+ 17 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

+ 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời hạn thuê (trừ trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản):

+ Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

+ Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động trong Khu kinh tế hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu kinh tế để thực hiện theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công trong Khu kinh tế.

+ Đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng trong Khu kinh tế theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ.

+ Đất xây dựng công trình cấp nước trong Khu kinh tế bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

- Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản quy định nêu trên, cụ thể như sau:

+ 11 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

+ 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

+ Toàn bộ thời gian thuê đất nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất trong Khu kinh tế để thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì áp dụng mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

(ii) Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao

- Nguyên tắc miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định nêu trên về miễn, giảm tiền thuê đất.

- Miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

+ Đất xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất có mặt nước, công viên sử dụng công cộng theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được phê duyệt.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công lập.

+ Đất xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

+ Đất thực hiện dự án nhà ở cho chuyên gia, người lao động thuê khi làm việc tại Khu công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao).

- Mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các trường hợp không thuộc trường hợp miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê, cụ thể như sau:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: 15 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao; 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Trường hợp người sử dụng đất thuê đất trong Khu công nghệ cao để thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể

thao, môi trường thì áp dụng mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 9 kèm theo)

1.6. Đối với chính sách miễn tiền thuê đất đối với trường hợp ưu đãi đầu tư đặc biệt

Theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, có hiệu lực thi hành từ ngày 06/10/2021 có quy định:

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 18 năm và giảm 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 9 kèm theo)

1.7. Đối với chính sách trích khấu hao tài sản cố định

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định về trích khấu hao nhanh, cụ thể:

Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được trích khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ đối với một số tài sản cố định theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 9 kèm theo)

Đối với các chính sách ưu đãi thuế xuất khẩu, nhập khẩu, đất đai, khấu hao nhanh nêu trên, trường hợp áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu thì các chính sách ưu đãi đầu tư này sẽ làm giảm thuế suất thực tế nên cũng không đem lại nhiều ý nghĩa đối với các trường hợp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Tác động về thu ngân sách nhà nước

Trong 3 năm 2020-2022, số thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số thu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Bảng 2. Số thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2020 - 2022*Đơn vị tiền: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng số thu NSNN nội địa	1.264.220.467	1.304.619.414	1.433.631.851
2	Tổng số thu thuế TNDN (=2.1+2.2+2.3)	231.315.472	286.345.261	279.030.454
2.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	49.228.136	55.053.430	59.917.746
2.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	94.895.313	112.071.168	110.229.750
2.3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	87.192.022	119.220.663	115.882.959
3	Tỷ lệ giữa tổng số thu thuế TNDN trên tổng số thu ngân sách nội địa (=2/1)	18,3%	21,95%	19,46%
4	Tỷ lệ giữa số thu thuế TNDN từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số thu ngân sách nội địa (=2.2/1)	7,51%	8,59%	7,69%
5	Tỷ lệ giữa số thu thuế TNDN từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số thu thuế TNDN (=2.2/2)	41,02%	39,14%	39,5%

Nếu Việt Nam không áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu thì số thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp không bị ảnh hưởng. Nếu Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có quy định về Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn để ứng phó với việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của các nước thì sẽ thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với những doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu có dự án đang được hưởng ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam với số thuế thực tế thấp hơn mức tối thiểu và sẽ góp phần tăng thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp từ những đối tượng này. Theo tính toán sơ bộ của Tổng cục Thuế thì số thuế thu thêm tính cho năm 2024 khoảng trên 14.000 tỷ đồng (*nội dung cụ thể xin nêu tại khoản 3 mục này*).

Mặt khác, khi Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (*quy định IIR*) đối với những doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài mà có doanh thu hợp nhất đạt tối thiểu 750 triệu EUR (*thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu*), có công ty thành viên ở nước khác nếu có số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế thấp hơn mức tối thiểu thì có khả năng thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp từ những doanh nghiệp này, từ đó tăng thu ngân sách nhà nước.

3. Tác động về thu hút đầu tư

3.1. Về chính sách ưu đãi

Theo quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020, các dự án đầu tư đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Ngoài các hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; khấu hao nhanh nêu trên, Điều 18 Luật Đầu tư còn quy định các hình thức hỗ trợ đầu tư khác, cụ thể:

- Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư;
- Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hỗ trợ tín dụng;
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;
- Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;
- Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin;
- Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

(Nội dung cụ thể về chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành xin báo cáo tại Phụ lục 10 kèm theo).

3.2. Về tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

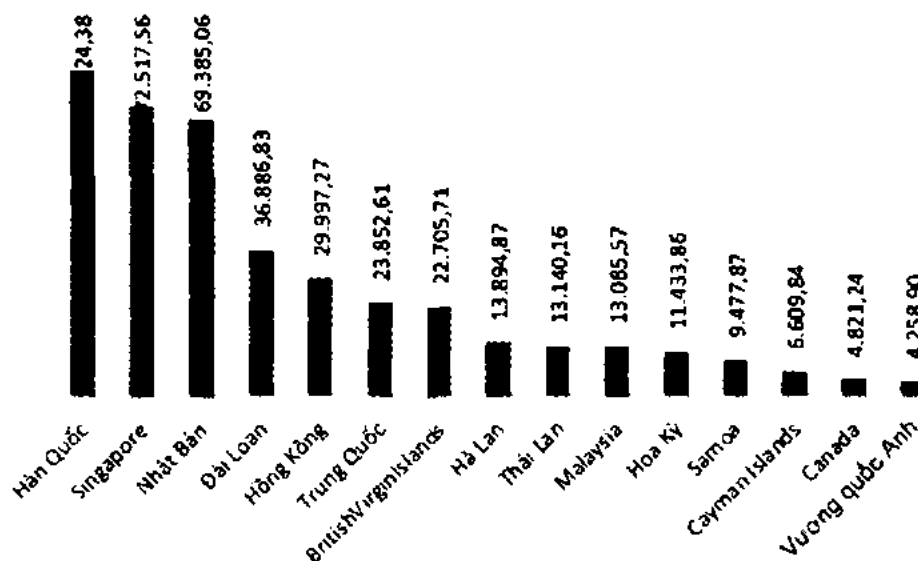
Đến nay⁸, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam⁹. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn đầu tư nước ngoài.

⁸ Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá tác động của thuế suất tối thiểu toàn cầu tới thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

⁹ Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

Biểu 1. Tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo quốc gia
(Lũy kế tính đến ngày 20/3/2023)

Đơn vị: Triệu USD



Các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thu hút đầu tư của Việt Nam được đánh giá là hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Nhờ có chính sách ưu đãi thuế cạnh tranh, cùng với các thế mạnh như: tình hình kinh tế chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào..., dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục tăng qua các năm¹⁰. Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên vào nhóm 20 nước thu hút FDI hàng đầu thế giới, trong khi đầu tư nước ngoài trên toàn cầu có xu hướng giảm. Đến năm 2021, vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022, Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch. Tuy nhiên, Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới dòng vốn FDI toàn cầu, do đó Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút FDI do ưu đãi thuế đã cấp cho các doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn lớn không còn tác dụng.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD (*Danh sách cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 11 kèm theo*) hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (*như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...*). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (*đạt khoảng 131,3 tỷ USD*).

Theo rà soát của Tổng cục Thuế thì hiện có 619 Tập đoàn MNE (*khoảng 1.017 công ty thành viên tại Việt Nam*) có doanh thu hợp nhất trong năm 2021 đạt khoảng 750 triệu EUR trở lên, trong đó có 438 Tập đoàn có một công ty thành

¹⁰ Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 51,3 tỷ USD, tăng 55,6% so với giai đoạn 2011 - 2013.

viên tại Việt Nam và 181 Tập đoàn có nhiều công ty thành viên tại Việt Nam (576 công ty thành viên).

Theo số liệu quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, Tổng cục Thuế tính toán sơ bộ có khoảng 122 Tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng từ năm 2024 (sau khi đã loại trừ các trường hợp không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu¹¹). Theo đó, nếu các quốc gia khác đều áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu bắt đầu từ năm 2024, các quốc gia có công ty mẹ sẽ được thu thêm phần thuế chênh lệch năm 2024 ước tính **khoảng trên 14.600 tỷ đồng**. Trong đó:

+ Hàn Quốc có 18 Tập đoàn MNE đầu tư tại Việt Nam, với số thuế chênh lệch phải nộp ở Hàn Quốc năm 2024 **hơn 10.700 tỷ đồng**.

+ Nhật Bản có 36 Tập đoàn MNE đầu tư tại Việt Nam, với số thuế chênh lệch phải nộp ở Nhật Bản năm 2024 **hơn 250 tỷ đồng**.

+ Một số nước khác có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam (*Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Canada, Hồng Kông, Hà Lan, Malaysia, British Virgin Islands, Vương quốc Anh*) có 50 Tập đoàn MNE, với số thuế chênh lệch phải nộp ở nước đầu tư **hơn 3.560 tỷ đồng**.

(Nội dung cụ thể xin báo cáo tại Phụ lục 12 kèm theo).

Nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng và Việt Nam không có những giải pháp ứng phó kịp thời, những lợi ích mang lại từ các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà các dự án được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn, ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam, dẫn đến mất lợi thế cạnh tranh của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài và ảnh hưởng tới kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án.

3.3. Về tình hình đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài

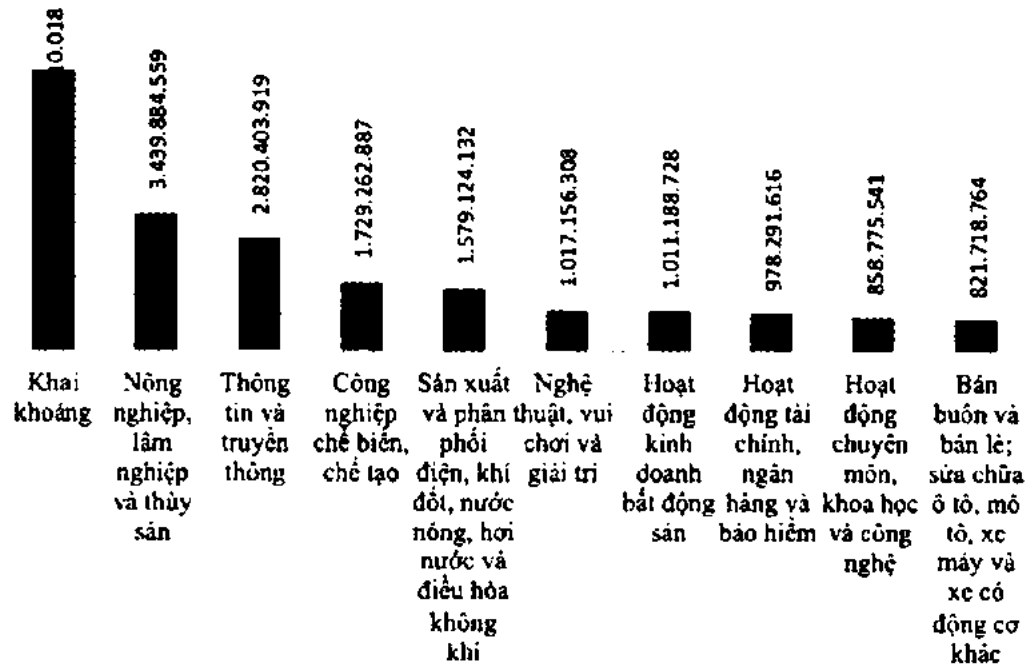
Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lũy kế đến 20/3/2023, Việt Nam đã có 1.625 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam gần 21,9 tỷ USD. Trong đó, có 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước với tổng vốn đầu tư gần 11,67 tỷ USD, chiếm gần 53,3% tổng vốn đầu tư cả nước. Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài tập trung nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (31,8%); nông, lâm nghiệp, thủy sản (15,7%).

¹¹ Các trường hợp được loại trừ không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm:

- Doanh nghiệp không đạt ngưỡng doanh thu và lợi nhuận.
- Doanh nghiệp có thuế suất thực tế lớn hơn mức tối thiểu 15%.

Biểu 2. Đầu tư Việt Nam ra nước ngoài theo ngành
(Lũy kế đến ngày 20/3/2023)

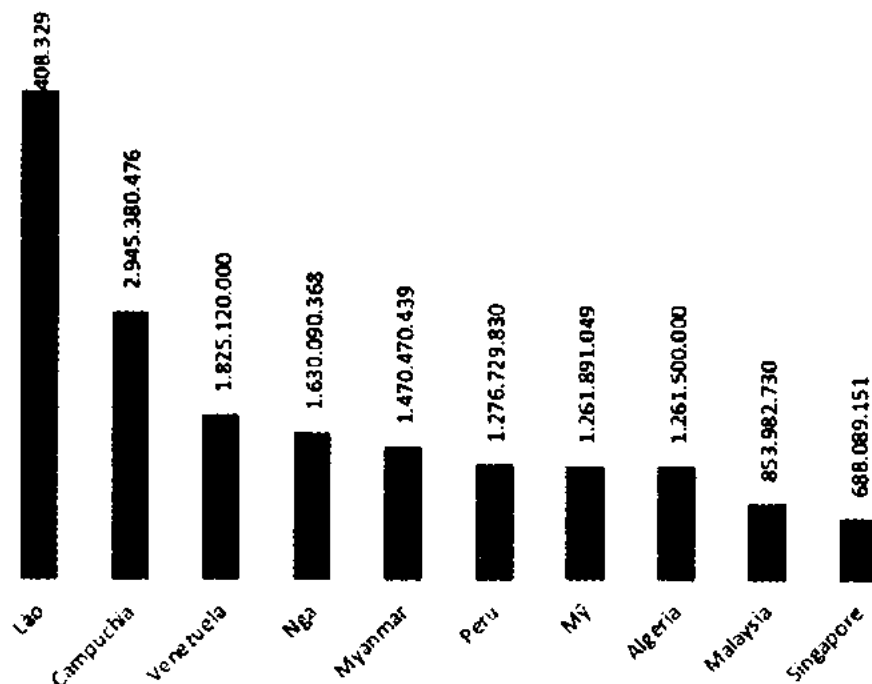
Đơn vị: USD



Các địa bàn nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là: Lào (24,5%), Campuchia (13,5%), Venezuela (8,3%)....

Biểu 3. Đầu tư Việt Nam ra nước ngoài theo địa bàn
(Lũy kế đến ngày 20/3/2023)

Đơn vị: USD



Như vậy, không chỉ là nước nhận đầu tư, Việt Nam cũng có các nhà đầu tư

ra nước ngoài như Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội Viettel, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN, Tập đoàn Vingroup, Tổng công ty Cao su Việt Nam (VRG), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các Ngân hàng thương mại.... Trong đó có 2 Tập đoàn của Việt Nam có đầu tư lớn ra nước ngoài là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN. Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã rà soát và đánh giá sơ bộ về ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu đối với 2 Tập đoàn này, cụ thể như sau:

- Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel

Theo số liệu báo cáo của Viettel thì hiện tại việc đầu tư ra nước ngoài do Tổng công ty cổ phần đầu tư quốc tế Viettel thực hiện (VTG), riêng đối với thị trường Peru do Công ty mẹ tập đoàn trực tiếp đầu tư.

Tính đến 31/12/2022 Viettel đầu tư tại 10 quốc gia, trong đó: VTG đang đầu tư tại 9 quốc gia (*trong đó tại Camaroon hiện không còn hoạt động kinh doanh*), với tổng số vốn đầu tư là **7.464.928.316.822** đồng; Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào một quốc gia là Cộng hoà Peru với vốn đầu tư 100,5 triệu đô la.

Doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Viettel: năm 2021 là **149.494 tỷ đồng**; Năm 2022 là: **163.799 tỷ đồng** (*trong doanh thu hợp nhất của tập đoàn chỉ bao gồm doanh thu của Công ty mẹ VTG, không bao gồm doanh thu các công ty thành viên ở các thị trường*).

Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn Viettel tại các nước thì về cơ bản, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại các nước do Viettel đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp qua VTG đầu tư đều trên 15%, trừ tại Viettel Đông Timor mức thuế 10% (*được miễn thuế theo từng khu vực, bình quân thuế suất thực tế từ 5-7 %*). Như vậy, nếu Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (*Quy định IIR*) mà Đông Timor không áp dụng quy định QDMTT thì sẽ có khả năng thu thêm phần thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch giữa thuế tối thiểu toàn cầu so với mức thuế thực tế Viettel phải nộp tại Đông Timor.

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN

Theo số liệu tại công văn số 3267/DKVN-KTĐT ngày 17/6/2022 của PVN báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn dầu khí Việt Nam.

Tính đến 31/12/2021, PVN và 8 đơn vị thành viên đăng ký 33 dự án đầu tư ra nước ngoài tại 14 Quốc gia, lãnh thổ. Trong đó, lĩnh vực dầu khí là 30 dự án (*bao gồm cả dự án kinh doanh xăng dầu*); khai thác khoáng sản, đá là 3 dự án. Trong đó:

Tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài đăng ký theo giấy phép là **6.678.725.000 USD**, tổng số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài là 3.982.135.000 USD. Tổng số vốn thu hồi lũy kế là 2.631.620.000 USD, trong đó lợi nhuận chuyển về nước là **1.060.453.000 USD**.

Đến hết năm 2021, chỉ còn 06 dự án trong lĩnh vực dầu khí của PVN đang triển khai (*Trong đó, chỉ có 02 dự án khai thác hoạt động bình thường*). PVN đã

thu hồi vốn đầu tư xong 14 dự án. Các dự án còn lại đang trong giai đoạn dừng, giãn, dời chuyển nhượng hoặc dời quyết định đầu tư cuối cùng của Phía tham gia.

Theo thông tin Tập đoàn PVN cung cấp, hiện tại hầu hết các dự án đầu tư ra nước ngoài đang hoạt động của PVN chỉ còn tập trung tại một số Quốc gia: Nga, Malaysia, Singapore, Lào....

Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn PVN tại các nước thì về cơ bản, các dự án đầu tư ra nước ngoài của PVN tập trung chủ yếu là các dự án trong lĩnh vực dầu khí, chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc loại thuế tương tự thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia khá cao *từ 30% đến 60%*. Do đó việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của PVN. PVN không phải nộp bổ sung tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia đầu tư (*nếu các quốc gia áp dụng QDMTT*) hoặc tại Việt Nam (*nếu Việt Nam áp dụng Quy định IIR*).

Duy nhất, đối với dự án tại Nước cộng hòa Côngô thì mức thuế suất thuế TNDN là 0% (*Dự án chỉ chịu mức thuế Tài nguyên là 15%*). Tuy nhiên, Dự án tìm kiếm thăm dò chưa có doanh thu, PVN và các đối tác đang kết thúc dự án. Do đó dự án không bị ảnh hưởng khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Đối với các dự án kinh doanh xăng dầu, khai thác khoáng sản tại Lào: mức thuế suất thuế TNDN từ 20% trở lên, vì vậy hiện tại không bị ảnh hưởng khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

3.4. Về kiến nghị của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về Thuế tối thiểu toàn cầu

Ngày 28/3/2023, Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) đã có cuộc trao đổi với một số doanh nghiệp có khả năng chịu ảnh hưởng lớn của Thuế tối thiểu toàn cầu (*gồm: Công ty TNHH Samsung Electronics, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Competition Team Technology, Công ty TNHH LG Display, Công ty Bosch Việt Nam...*), đại diện các doanh nghiệp đưa ra kiến nghị chủ yếu như sau:

3.4.1. Công ty TNHH Samsung Electronics (Công ty Hàn Quốc)

Qua trao đổi với Tập đoàn Samsung, được biết dự kiến Tập đoàn sẽ phải chi trả thêm hàng trăm triệu USD mỗi năm khi thuế suất tối thiểu toàn cầu được áp dụng trong cả hai trường hợp: *(i)* nếu Chính phủ Hàn Quốc truy thu phần thuế chênh lệch đối với phần lợi nhuận của Samsung tại Việt Nam; hoặc *(ii)* nếu Chính phủ Việt Nam đánh thuế 15% đối với thu nhập của Samsung tại Việt Nam. Công ty Samsung có kiến nghị:

- Cần xây dựng các hình thức hỗ trợ nhằm bù đắp cho các doanh nghiệp FDI bị ảnh hưởng do áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Phương án triển khai các hình thức hỗ trợ này sẽ tùy theo đặc điểm của từng loại hình doanh nghiệp để có các tiêu chuẩn áp dụng kèm theo. Nói cách khác, cần áp dụng chính sách hỗ trợ thay thế cho những ưu đãi về thuế TNDN đã bị ảnh hưởng bởi quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu. Việc hỗ trợ này được thực hiện thông qua các quy trình thủ tục đăng ký sau khi các doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế kể cả thuế bổ

sung tối thiểu nên Chính phủ Việt Nam sẽ không gặp khó khăn trong quá trình huy động nguồn tài chính cũng như thực hiện các thủ tục hỗ trợ tiếp theo.

- Để có được nguồn tài chính cho các hình thức hỗ trợ nêu trên, cần đảm bảo quyền đánh thuế bằng cách áp dụng cơ chế thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt tiêu chuẩn (QDMTT). Nếu doanh nghiệp nộp đủ thuế suất 15% tại Việt Nam theo QDMTT, Việt Nam sẽ có đủ nguồn tài chính để hỗ trợ lại doanh nghiệp các khoản chi phí như chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí đầu tư trang thiết bị, chi phí sản xuất công nghệ cao (Ví dụ: Ấn Độ có chính sách hỗ trợ một khoản tiền đối với mỗi chiếc điện thoại trị giá khoảng 130 USD). Và chính sách hỗ trợ này sẽ áp dụng chung cho các doanh nghiệp, quy định hỗ trợ sẽ dựa trên đặc điểm, tính chất, tiêu chuẩn của từng loại hình doanh nghiệp, như vậy sẽ không vi phạm quy tắc không phân biệt đối xử.

- Hơn nữa, việc dự kiến quy định cho doanh nghiệp có quyền lựa chọn hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp hoặc áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án có thể vi phạm điều kiện "tính bắt buộc của nghĩa vụ nộp thuế" theo quy định của OECD, nên sẽ dẫn đến có rủi ro các doanh nghiệp vẫn bị đánh thuế bổ sung ở các nước khác.

3.4.2. Công ty TNHH Intel Products Việt Nam (Công ty Hoa Kỳ)

Đối với nội dung về Thuế tối thiểu toàn cầu, Công ty TNHH Intel Products Việt Nam có một số ý kiến như sau:

- Công ty mẹ tối cao của Intel Việt Nam là Tập đoàn Intel tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Intel Việt Nam là Công ty Intel tại Hà Lan. Về việc tình hình áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của 2 nước này, Hoa Kỳ đang xem xét và chưa quyết định áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, còn Hà Lan thuộc Liên minh Châu Âu (EU) sẽ áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024. Như vậy, trong trường hợp năm 2024 mà Hoa Kỳ không áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu thì Hà Lan sẽ có quyền thu thuế bổ sung đối với Công ty Intel Việt Nam. Hiện tại, Công ty Intel đang chủ động làm việc với Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Hà Lan để tham khảo động thái các nước. Tuy nhiên, Hoa Kỳ hiện tại đang áp dụng Luật GILTI (một cơ chế thuế tối thiểu hiện hành của Hoa Kỳ) với mức thuế suất là 10,5%, và Công ty Intel cũng đang phải nộp thuế bổ sung về Hoa Kỳ theo Luật GILTI đối với thu nhập của Công ty tại Việt Nam. Qua theo dõi, Hoa Kỳ đang xem xét nâng mức thuế suất tối thiểu của Luật GILTI từ 10,5% lên 21% và sửa đổi các quy tắc liên quan để phù hợp với các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Về nội dung Thuế tối thiểu toàn cầu, nếu Việt Nam áp dụng từ năm 2024, các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng nói riêng và ưu đãi thuế nói chung sẽ không còn tác dụng. Vì vậy, Việt Nam cần xem xét các hình thức ưu đãi khác ngoài thuế để đảm bảo cạnh tranh và đảm bảo tính hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty có ý kiến rằng nên song song ban hành quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu và chính sách hỗ trợ nhà đầu tư để đảm bảo tính cạnh tranh của các doanh nghiệp. Nếu chưa ban hành chính sách hỗ trợ nhà đầu tư thì Chính phủ nên cân nhắc chưa áp dụng Thuế tối thiểu

toàn cầu ngay từ năm 2024 vì sẽ không đảm bảo sự liên kết giữa việc thu ngân sách và việc hỗ trợ, ảnh hưởng tới sự cạnh tranh của doanh nghiệp nói chung và của Công ty Intel nói riêng. Hơn nữa, Công ty Intel Việt Nam cũng đang đàm phán với Chính phủ Việt Nam dự án lớn khác. Vì vậy, nếu không có chính sách hỗ trợ đầu tư sớm thì sẽ ảnh hưởng rất lớn tới Công ty. Theo Công ty Intel, Singapore cũng đang lùi thời gian áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu để nghiên cứu thêm.

- Về chính sách hỗ trợ ngoài thuế, Công ty Intel có đề xuất áp dụng hình thức hỗ trợ bằng tiền mặt (*Cash grant*). Theo Công ty Intel, hình thức hỗ trợ bằng tiền mặt sẽ là giải pháp then chốt để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng đề xuất giải pháp hỗ trợ bằng hình thức khoản giảm trừ thuế hoàn lại (*Refundable Tax Credit*), tức hoàn thuế dựa trên đầu tư vào tài sản cố định và nghiên cứu phát triển (*R&D*). Việt Nam có thể cân nhắc các chính sách hỗ trợ sản phẩm chip của các quốc gia để áp dụng cho chính sách hỗ trợ của Việt Nam.

3.4.3. Các doanh nghiệp khác

- Công ty TNHH Canon Việt Nam (Công ty Nhật Bản) đề xuất một số phương án hỗ trợ doanh nghiệp trước ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu như sau:

+ Hỗ trợ tiền điện: Thực hiện theo cơ chế chi phí tháng trước được trừ vào chi phí phải nộp của tháng sau.

+ Hỗ trợ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ phòng chống thiên tai: Thực hiện theo cơ chế chi phí tháng trước được trừ vào chi phí phải nộp của tháng sau.

+ Hỗ trợ các chi phí khác như trợ cấp nhà ở/ký túc xá, xe đưa đón, đào tạo cho người lao động, tiền thuê đất, phí quản lý khu công nghiệp, các khoản đầu tư về môi trường như năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sạch...: Thực hiện theo cơ chế chi phí của tháng này được khấu trừ vào số tiền thuế phải nộp của tháng sau.

- Công ty TNHH Competition Team Technology (Công ty Đài Loan) là công ty thành viên của Tập đoàn Foxconn đầu tư nhà máy sản xuất đồ công nghệ tại Việt Nam như Macbook, tivi Sony, hộp phát wifi, tai nghe, đồ linh kiện Apple, với quy mô vốn đầu tư là 2 tỷ USD, đề xuất một số giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp trước những ảnh hưởng của thuế suất tối thiểu toàn cầu như: hỗ trợ tiền mặt dựa trên sản lượng sản xuất trong năm, dựa trên doanh thu, dựa trên tỷ lệ thuế phải nộp; hỗ trợ về chi phí được trừ khi tính thuế TNDN (ví dụ tăng 50% chi phí được trừ); hỗ trợ bù đắp nguyên giá tài sản cố định; hỗ trợ chi phí xây dựng ký túc xá cho công nhân...

3.4.4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã làm việc với các doanh nghiệp FDI, có báo cáo¹² về ý kiến của các doanh nghiệp này như sau:

¹² Công văn số 1945/BIKHĐT-DTNN ngày 17/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo các cấp có thẩm quyền xin chủ trương về nguyên tắc áp dụng các giải pháp ứng phó với Thuế tối thiểu toàn cầu, cụ thể: *(i)* cho phép thu ngay phần thuế trong nước chênh lệch so với mức Thuế tối thiểu toàn cầu và; *(ii)* trao đổi với các nhà đầu tư lớn theo hướng Chính phủ sẽ có các giải pháp bù đắp phần chênh lệch đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng khi áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp cao hơn so với mức ưu đãi được hưởng. Các giải pháp này cần được thực hiện thận trọng để đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế và luật pháp trong nước.

- Nghiên cứu khả năng hợp tác với các nước đang phát triển khác để đàm phán: *(i)* các điều kiện hạn chế/ngoại lệ nhằm bảo vệ các lợi ích ưu đãi thuế của nhà đầu tư nước ngoài trong các ngành cụ thể (*ví dụ: mức độ sử dụng lao động, chuyển giao công nghệ để hiện đại hóa phát triển kinh tế...*); hoặc *(ii)* có giai đoạn chuyên tiếp/gia hạn đăng ký (*ví dụ 2-3 năm*) đối với đầu tư vào các nước đang phát triển; *(iii)* nguyên tắc bắt hồi tố đối với các dự án đã được cấp trước khi Thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực.

- Kết nối và đàm phán với các nước nơi nhà đầu tư nước ngoài cư trú/thành lập để ký các hiệp định song phương về việc không áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD cho các dự án đầu tư cụ thể (*Ví dụ như dự án của Samsung, Intel...*).

- Xem xét sửa đổi các luật thuế để đưa ra các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư mới mà các nước đang triển khai áp dụng như: ưu đãi dựa trên chi phí, tăng ưu đãi thuế nhập khẩu, tăng thời gian hưởng ưu đãi tiền thuê đất, miễn giảm thuế khác như thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng... Đồng thời, trao đổi với các nhà đầu tư lớn thuộc đối tượng chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu về các phương án hỗ trợ dự kiến để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư cũng như cho thấy sự đồng hành của Chính phủ với doanh nghiệp.

4. Tác động đến cơ cấu nền kinh tế, các động lực tăng trưởng, công ăn việc làm, xếp hạng tín nhiệm quốc gia...

Thuế tối thiểu toàn cầu có thể tác động đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên nhiều phương diện, cụ thể:

- Như đã đề cập ở trên, việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ khiến các chính sách ưu đãi thuế hiện tại của Việt Nam trở nên kém hấp dẫn với các nhà đầu tư là các Tập đoàn MNE thuộc đối tượng áp dụng, theo đó ảnh hưởng tới việc thu hút và mở rộng đầu tư chất lượng cao của các Tập đoàn này – Những doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của Việt Nam. Đồng thời, Thuế tối thiểu toàn cầu cũng gây ra tác động không nhỏ tới các doanh nghiệp vệ tinh của các Tập đoàn MNE cũng như có thể dẫn đến việc chuyển dịch đầu tư từ Việt Nam sang quốc gia khác có chính sách ưu đãi hấp dẫn hơn, môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hơn. Việc thiếu vắng các Tập đoàn MNE lớn cũng như các doanh nghiệp vệ tinh sẽ ảnh hưởng lớn tới môi trường đầu tư và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên quốc tế.

- Ngoài sự đóng góp về vốn đầu tư cũng như tạo việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp FDI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực trong nước, xây dựng các hệ sinh thái ngành, đặc biệt

trong lĩnh vực quan trọng là công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu để góp phần phát triển công nghiệp Việt Nam. Theo đó việc chuyển dịch đầu tư từ các doanh nghiệp FDI lớn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu phát triển công nghiệp quốc gia của Việt Nam

- Các Tập đoàn MNE lớn (*như Samsung*) trong những năm vừa qua đã đóng góp nhiều vào tăng trưởng xuất khẩu và dự trữ ngoại hối của Việt Nam, vì vậy Thuế tối thiểu toàn cầu cũng sẽ có tác động trên cả phương diện này.

- Qua khảo sát¹³ cho thấy, chính sách và quy định không rõ ràng, khó khăn về thủ tục hành chính và thủ tục visa là những rào cản lớn nhất để doanh nghiệp nước ngoài quyết định đầu tư vào Việt Nam. Đặc biệt, khó khăn về thủ tục hành chính là yếu tố lớn nhất (*chiếm 70%*) mà Việt Nam cần phải cải thiện để thu hút đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, cải thiện về thủ tục visa và cho phép chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam cũng ngày càng quan trọng, chiếm 47% những yếu tố để thu hút đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó là các yếu tố về phát triển về cơ sở hạ tầng (*chiếm 53%*), phát triển, đào tạo nguồn nhân lực (*chiếm 35%*), phát triển về tăng trưởng xanh (*chiếm 29%*). Đặc biệt, yếu tố ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đứng gần cuối danh sách những yếu tố thu hút đầu tư nước ngoài (*chỉ chiếm 28%*). Như vậy, việc thay đổi chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu cũng ảnh hưởng một phần trên phương diện các chỉ số xếp hạng tín nhiệm quốc gia, những yếu tố khác liên quan tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cần được chú trọng hơn.

PHẦN IV GIẢI PHÁP TRONG VIỆC ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

1. Quan điểm chỉ đạo

- Chủ trương và các chính sách của Việt Nam chủ động ứng phó đối với đề xuất thuế tối thiểu toàn cầu của OECD phải đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết và trước hết, phù hợp với chủ trương, giải pháp của Đảng về hoàn thiện chính sách thu, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế sâu rộng và hiệu quả; được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tác động đầy đủ và tham khảo kinh nghiệm ứng phó của các nước, nhất là của các nước đang phát triển; thực hiện tham vấn rộng rãi để tạo sự đồng thuận của các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải nộp thuế bổ sung; phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới.

- Việt Nam ủng hộ và chủ động áp dụng quy định Thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó có việc áp dụng quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (*IIR*) và thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (*QDMTT*) từ năm 2024; trong giai đoạn

¹³ Theo Báo cáo về Chi số môi trường kinh doanh Quý 4 năm 2022 của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (Eurocham).

thực hiện sửa đổi tổng thể Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các luật có liên quan phù hợp với việc áp dụng quy định Thuế tối thiểu toàn cầu cần đầy nhanh nghiên cứu, ban hành chủ trương về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu; tạo cơ chế thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp nộp bổ sung thuế tại Việt Nam, đồng thời có cơ chế, giải pháp hỗ trợ phù hợp cho các doanh nghiệp để tăng tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư FDI nhưng bảo đảm không vi phạm các quy định của OECD và các cam kết quốc tế, hạn chế thấp nhất các khiếu nại, khiếu kiện của các doanh nghiệp.

- Do Thuế tối thiểu toàn cầu chỉ áp dụng với một nhóm đối tượng, nên các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn là một công cụ hữu ích thu hút đầu tư, trong đó có đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì các chính sách ưu đãi thuế hợp lý đối với các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu; đồng thời tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

2. Mục tiêu

Xây dựng chính sách Thuế tối thiểu toàn cầu để áp dụng từ năm 2024 (*trong đó có quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) và thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)*) và các giải pháp hỗ trợ phù hợp để giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút nhà đầu tư mới, đảm bảo bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhà đầu tư trực tiếp và nhà đầu tư gián tiếp.

3. Giải pháp

3.1. Giải pháp về thuế

Việc áp dụng quy định Thuế tối thiểu toàn cầu, cần phải:

- Phù hợp với Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022.

- Theo đúng quy định, hướng dẫn của OECD/G20 về Thuế tối thiểu toàn cầu để đảm bảo đạt chuẩn và được sự công nhận của OECD và các nước thành viên Diễn đàn IF, phù hợp với thực tế, không ảnh hưởng tới các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

Theo Thuế tối thiểu toàn cầu có các quy định đánh thuế, gồm: (i) Quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (*IIR*); (ii) Quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (*QDMTT*); (iii) Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (*UTPR*) và (iv) quy định khấu trừ tại nguồn tối thiểu (*STTR*). Đối chiếu với quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, về bản chất Thuế tối thiểu toàn cầu là thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với các trường hợp có mức thuế thực tế thấp hơn mức thuế tối thiểu do OECD đề xuất để áp dụng

trên toàn cầu. Để tập trung giành quyền đánh thuế, hạn chế việc chuyển số thuế sang các quốc gia khác, đồng thời để đảm bảo tính khả thi (*do đây là chính sách mới, chưa có nước nào đã áp dụng*) và tham khảo tình hình triển khai áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu của các nước trên thế giới (*như đã nêu tại khoản 3 mục I*), cần nghiên cứu áp dụng quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) và quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) từ năm 2024; chưa áp dụng quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR) và chưa áp dụng quy định khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR). Nội dung cụ thể như sau:

3.1.1. Áp dụng quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) từ năm 2024

- Về đối tượng điều chỉnh:

+ Công ty mẹ tối cao hoặc Công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam hoặc Công ty mẹ trung gian theo quy định của Chính phủ của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, nắm giữ (*trực tiếp hoặc gián tiếp*) quyền sở hữu Công ty thành viên chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo quy định GloBE tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tính thuế.

+ Quy định này không áp dụng đối với Công ty thành viên tại Việt Nam của Tập đoàn đa quốc gia.

- **Các trường hợp loại trừ, gồm:** Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, hoặc Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các các đối tượng vừa nêu theo quy định của Chính phủ.

- Cách xác định số thuế bổ sung theo quy định IIR:

+ Tổng thuế bổ sung tại một nước = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (*nếu có*) – Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn (*nếu có*).

+ Thuế bổ sung của Công ty thành viên sẽ được xác định cho mỗi Công ty thành viên của một nước có Thu nhập GloBE trong năm tính thuế được đưa vào khi tính Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó theo công thức sau:

$$\text{Thuế bổ sung của Công ty thành viên} = \text{Tổng thuế bổ sung tại một nước} \times \frac{\text{Thu nhập theo quy định GloBE của Công ty thành viên đó}}{\text{Tổng thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên có tại nước đó}}$$

+ Thuế phân bổ cho Công ty mẹ từ thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp bằng số Thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp theo quy định GloBE nhân với tỷ lệ sở hữu thu nhập của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên chịu thuế suất thấp trong năm tính thuế.

+ Thuế bổ sung của Công ty thành viên tại một nước sẽ được xác định bằng 0 (không phải chịu thuế bổ sung theo quy định IIR) trong một năm tính

thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(i) Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

(ii) Thu nhập hoặc Lỗ bình quân theo GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.

- **Về khai thuế:** Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

3.1.2. Áp dụng quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) từ năm 2024

- **Về đối tượng áp dụng:** Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, có hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, có lợi nhuận tại Việt Nam vượt ngưỡng trong năm tính thuế và có mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn thuế suất tối thiểu trong năm tính thuế.

- **Các trường hợp loại trừ, gồm:** Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, hoặc Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các các đối tượng vừa nêu theo quy định của Chính phủ.

- Cách xác định số thuế bổ sung theo quy định QDMTT:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn) trong một năm tính thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(i) Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

(ii) Thu nhập hoặc Lỗ bình quân theo GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.

- **Về khai thuế:** Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

3.1.3. Chưa áp dụng quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR) và quy định khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR) ngay từ năm 2024

- *Đối với quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR),* nếu nước mẹ của Tập đoàn có công ty thành viên tại Việt Nam và các nước khác mà chưa áp dụng quy định IIR, thì Việt Nam và các nước khác có quyền thu thuế bổ sung theo quy định UTPR. Hơn nữa, quy định UTPR được OECD thiết kế với mục tiêu là cơ chế dự phòng cho IIR, khuyến khích các quốc gia ưu tiên áp dụng quy định IIR trước. Theo đề xuất nêu trên, quy định IIR sẽ được áp dụng từ năm 2024 nên không nhất thiết phải áp dụng quy định UTPR ngay. Còn nếu Việt Nam và các nước khác cùng áp dụng quy định này sẽ phải thực hiện phân bổ số thuế bổ sung giữa các quốc gia có công ty thành viên dựa trên số lượng nhân viên và giá trị sổ sách ròng của tài sản hữu hình ở mỗi quốc gia, do đó số thuế bổ sung mà Việt Nam có thể thu được từ việc áp dụng quy định UTPR sẽ không nhiều.

Ngoài ra, quy định UTPR cho phép quốc gia thu thuế bổ sung của các công ty thành viên ở các quốc gia khác dù không phải là nước đầu tư hay nước nhận đầu tư, do vậy công tác quản lý thuế và tính toán số thuế bổ sung Việt Nam có thể thu về từ công ty thành viên tại nước mình và các nước khác theo quy định UTPR cũng phức tạp hơn (*theo hướng dẫn của OECD, quy định UTPR sẽ không có hiệu lực trước năm 2025*).

- *Đối với quy định khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR),* để áp dụng quy định này Việt Nam cần phải ký Hiệp định đa phương nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận (MLI). Hiệp định này vẫn đang được các nước tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo, và OECD cũng đang xây dựng cơ chế áp dụng quy định STTR, chưa có văn bản chính thức nào quy định nội dung này. Hơn nữa, hiện tại Việt Nam đang ký Hiệp định thuế với nhiều quốc gia trên thế giới. Nếu đưa nội dung quy định STTR vào pháp luật trong nước ngay thời điểm này thì cũng không có tác dụng nhiều vì pháp luật Việt Nam vẫn đang chịu điều chỉnh của các Hiệp định đã ký. Vì vậy, việc áp dụng quy định STTR cần phải nghiên cứu thêm trong trung hạn để thống nhất với các Hiệp định đã ký.

Do đó, đối với các nội dung liên quan đến quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR) và quy định khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR) sẽ được nghiên cứu thêm để đưa vào Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (*sửa đổi*).

3.1.4. Đánh giá tác động của việc áp dụng quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) và quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) từ năm 2024

- Việc áp dụng Quy định IIR sẽ làm tăng thu ngân sách nhà nước đối với phần thuế thu nhập doanh nghiệp thu bổ sung từ các Tập đoàn Việt Nam (*nếu có*). Đây là quyền đánh thuế của nước mẹ của Tập đoàn có đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu, được thể chế hoá bằng văn bản do Quốc hội quy định nên doanh nghiệp không có cơ sở để kiện Chính phủ.

- Việc áp dụng quy định QDMTT để thu thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam mà có Công ty mẹ thuộc đối tượng của Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ dẫn đến khả năng doanh nghiệp khiếu nại, khiếu kiện do Luật Đầu tư và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam có đưa ra các quy định về bảo đảm đầu tư và ổn

định chính sách.

Liên quan đến bảo hộ đầu tư, Việt Nam đã ký Hiệp định Bảo hộ đầu tư với Liên minh Châu Âu và các nước thành viên Liên minh Châu Âu ngày 30/6/2019 (*Hiệp định EVIPA*), đã được Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 103/2020/QH14 ngày 08/6/2020. Về bảo hộ đầu tư¹⁴, Hiệp định có quy định các nguyên tắc về đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, đối xử đầu tư, bồi thường thiệt hại, trung dụng, chuyên tiền và thế quyền. Thuế tối thiểu toàn cầu không mâu thuẫn với quy định về bảo hộ đầu tư của Hiệp định. Việc quy định bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp (*QDMTT*) theo quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD nhằm tạo một mặt bằng tối thiểu về thuế thu nhập doanh nghiệp trên toàn cầu vì doanh nghiệp không nộp phần thuế bổ sung này ở nước nhận đầu tư (*nếu có thuế suất thực tế thấp hơn 15%*) thì cũng sẽ phải nộp ở nước Công ty mẹ hoặc một nước khác nên khả năng xảy ra kiện liên quan đến việc bảo hộ đầu tư đối với các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đang được hưởng là không cao do doanh nghiệp, nhà đầu tư khó chứng minh được thiệt hại về vật chất do áp dụng Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (*QDMTT*). Tuy nhiên, trường hợp có doanh nghiệp không thống nhất với quy định này thì có thể áp dụng Điều 13¹⁵ (*quy định về bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật*) của Luật Đầu tư.

- Đánh giá việc áp dụng quy định *QDMTT (Quy định đạt chuẩn)* so với việc áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động của dự án đối với các dự án đã đầu tư, đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và cả dự án đầu tư mới trong thời gian tới (*từ năm 2024 trở đi*):

+ Khi áp dụng quy định *QDMTT* sẽ được khấu trừ toàn bộ vào khoản thuế bổ sung phát sinh theo các quy định mẫu GloBE tại một quốc gia, nghĩa là nếu

¹⁴ Được quy định tại Chương 2 - Bảo hộ đầu tư của Hiệp định EVIPA. Nội dung cụ thể tại Phụ lục 13 đính kèm.

¹⁵ Điều 13 Luật Đầu tư quy định:

“Điều 13. Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật

1. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư mới, ưu đãi đầu tư cao hơn thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư, trừ ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 của Luật này.

2. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư.

3. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng trong trường hợp thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường.

4. Trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này thì được xem xét, giải quyết bằng một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ thiệt hại thực tế của nhà đầu tư vào thu nhập chịu thuế;

b) Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư;

c) Hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục thiệt hại.

5. Đối với hiện pháp bảo đảm đầu tư quy định tại khoản 4 Điều này, nhà đầu tư phải có yêu cầu bằng văn bản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày văn bản pháp luật mới có hiệu lực thi hành.”

Việt Nam áp dụng QDMTT, thu nhập của công ty thành viên phát sinh tại Việt Nam sẽ không phải chịu thêm bất kỳ khoản thuế bổ sung nào theo các quy định GloBE tại bất kỳ quốc gia nào khác. Trong trường hợp một hình thức thuế bổ sung nội địa như áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động được áp dụng sẽ có hạn chế là không có cơ sở để đưa vào công thức tính thuế bổ sung theo quy định GloBE và trường hợp không đạt chuẩn thì các nước thành viên Diễn đàn chung IF không công nhận nên số thuế đã nộp ở Việt Nam có thể không được ghi nhận toàn bộ vào công thức tính Thuế áp dụng điều chỉnh theo đúng quy định, do đó có thể phát sinh thuế bổ sung, ảnh hưởng đến lợi ích của công ty đầu tư tại Việt Nam.

+ Việc áp dụng quy định QDMTT cho phép một quốc gia áp dụng một loại thuế bổ sung đúng đối tượng cần áp dụng mà không vượt quá giới hạn đó. Ví dụ: QDMTT được thiết kế để chỉ áp dụng cho các công ty thành viên của các Tập đoàn MNE thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đó, các công ty không thuộc đối tượng áp dụng sẽ không phải chịu thuế bổ sung tại Việt Nam.

+ QDMTT đảm bảo cho phép áp dụng một loại thuế bổ sung vừa đủ, tránh thu thừa, gây thiệt hại cho các nhà đầu tư. Cụ thể, QDMTT áp dụng nguyên tắc quan trọng về việc tính toán theo thuế suất thực tế trên cơ sở từng quốc gia (*tổng hợp toàn bộ thu nhập các công ty thành viên thuộc Tập đoàn MNE tại cùng một quốc gia*). Theo đó, sẽ có sự bù trừ kết quả kinh doanh (*lãi/lỗ*) cũng như thuế suất khác nhau giữa các công ty. Trong khi đó, nếu áp dụng thuế suất 15% cho các công ty riêng lẻ sẽ không có sự bù trừ nêu trên, dẫn đến việc nhà đầu tư phải nộp số thuế bổ sung lớn hơn nhiều so với quy định QDMTT (*có công ty đang được hưởng ưu đãi, có công ty đã hết hoặc không được hưởng ưu đãi*). Hơn nữa, QDMTT cho tận dụng các khoản giảm trừ thu nhập cơ bản dựa trên tài sản hữu hình và lao động (*SBIE*). Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp có chi phí tài sản hữu hình và nhân công lớn sẽ nộp số thuế bổ sung thấp hơn so với các doanh nghiệp có chi phí tài sản hữu hình và nhân công thấp. Điều này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam trong bối cảnh các doanh nghiệp này sản xuất tại Việt Nam đang có số lượng nhân công lớn và máy móc thiết bị có giá trị cao.

+ Các Tập đoàn MNE thuộc đối tượng điều chỉnh của Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ phải hiểu, tuân thủ và thực hiện Thuế tối thiểu toàn cầu tại tất cả các vùng lãnh thổ mà họ hoạt động kinh doanh. Nếu các nước, trong đó có Việt Nam, thiết kế các quy định theo chuẩn quy định Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tạo điều kiện cho việc tuân thủ thuế tối thiểu theo quy định mẫu, theo đó sẽ dễ dàng hơn cho các Tập đoàn MNE trong việc tính thuế bổ sung theo cách tính toán đã được thống nhất, từ đó tiết kiệm được chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

+ Với việc áp dụng QDMTT, Chính phủ có thể duy trì các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. QDMTT có thể được thiết kế sao cho chỉ áp dụng với các công ty thành viên thuộc Tập đoàn MNE là đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu. Vì vậy, các doanh nghiệp khác nếu không thuộc đối tượng áp dụng có thể tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập

doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ QDMTT còn cho phép kết hợp các quy định về miễn trừ trách nhiệm (*Safe harbour*). Theo quy định mẫu về Thuế tối thiểu toàn cầu, dự kiến sẽ có một số quy định về miễn trừ trách nhiệm được thiết kế để giảm gánh nặng tuân thủ của các Tập đoàn MNE trong một số tình huống nhất định.

+ Việc áp dụng QDMTT còn đem lại một số ý nghĩa quan trọng khác đối với Việt Nam như: Tạo mức độ tin tưởng giữa doanh nghiệp và Chính phủ để doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và mở rộng đầu tư tại Việt Nam; thể hiện sự tiến bộ và minh bạch trong hệ thống quản lý thuế và môi trường đầu tư kinh doanh tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế; tạo sự ổn định trong áp dụng chính sách khi áp dụng QDMTT đạt chuẩn thay vì áp dụng các giải pháp không đạt chuẩn khác vì Việt Nam có thể phải tiếp tục sửa đổi và cập nhật trong quá trình thực thi khi các chính sách đem lại bất lợi cho doanh nghiệp và cho môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam; đạt được mục đích giữ các chính sách ưu đãi hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ngoài ra, không nên đưa ra quyền lựa chọn giữa việc áp dụng tiếp các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và nộp thuế bổ sung theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu vì thuế mang tính nghĩa vụ (*bắt buộc*). Trong trường hợp cho phép các doanh nghiệp lựa chọn, các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chịu áp lực từ nước có công ty mẹ tối cao đóng trụ sở chính hoặc một nước khác và sẽ phải quyết định nộp thuế ở nước có công ty mẹ hoặc một nước khác thay vì nộp ở nước đầu tư. Trong trường hợp này, nước có doanh nghiệp đầu tư đã tự từ bỏ quyền đánh thuế của mình, đồng thời mất đi một khoản thu và mất đi cơ hội chủ động trong việc xây dựng chính sách và cải thiện môi trường thu hút đầu tư.

Vì vậy, Đề án đề xuất áp dụng quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam của Tập đoàn MNE thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu và không đưa ra quyền lựa chọn cho các doanh nghiệp hoặc quy định về thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động đối với các nhà đầu tư mới.

3.1.5. Về việc nộp ngân sách nhà nước số tiền Thuế tối thiểu toàn cầu

Đề án đề xuất phần thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu được nộp vào *ngân sách trung ương* theo quy định, với những lý do sau:

- Khi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu, Tập đoàn công ty đa quốc gia có trường hợp các công ty thành viên ở các địa phương khác nhau. Trong trường hợp này, Công ty mẹ tối cao có văn bản thông báo chỉ định một trong những công ty thành viên tại Việt Nam nộp Tờ khai và nộp thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tính chung cho tất cả các công ty thành viên này, trong đó có công ty thành viên có thuế suất thực tế thấp hơn 15% và cả công ty có thuế suất thực tế cao hơn 15%. Do vậy, ngoài thủ tục báo cáo thêm (kê khai) về thuế tối thiểu toàn cầu nộp bổ sung, nếu phần thuế bổ sung được nộp vào ngân sách địa phương, Công ty sẽ

phải tính toán xác định số thuế phân bổ cho các địa phương có các công ty thành viên bị ảnh hưởng nhưng khó xác định và dễ tranh chấp nguồn thu (*do không có nguyên tắc phân bổ*), đồng thời phát sinh thêm thủ tục hành chính về phân bổ thuế, gây phức tạp trong quá trình quản lý thuế.

- Hiện nay, đối với khoản thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà cung cấp nước ngoài nộp qua công thông tin điện tử từ ngày 1/1/2022 đang được nộp về ngân sách trung ương.

- Ngoài ra, việc nộp thuế bổ sung vào ngân sách trung ương sẽ tạo thuận lợi cho việc theo dõi nguồn thu và chi hỗ trợ cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Thuế tối thiểu toàn cầu từ nguồn thu bổ sung này.

3.2. Giải pháp về hỗ trợ nhà đầu tư

Theo Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 21/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về thuế tối thiểu toàn cầu của OECD có giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế trên tinh thần hài hòa lợi ích các bên, khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu cũng như các nhà đầu tư mới, bảo đảm ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

Ngày 9/6/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có công văn số 388/BKHĐT-ĐTNN gửi Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, trong đó có đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư và dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư.

PHẦN V PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý

Theo hướng dẫn của OECD về quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (*quy định GloBE*), Thuế tối thiểu toàn cầu có bản chất là thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung và các nước cần quy định trong hệ thống pháp luật của mình cho phù hợp. Theo quy định tại khoản 4, Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì Quốc hội “*quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế*”. Vì vậy, việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (*Thuế tối thiểu toàn cầu*) cần phải trình Quốc hội xem xét, quy định.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quốc hội có thể ban hành Luật hoặc Nghị quyết quy định về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

2. Phương án cụ thể

Đề án đề nghị thực hiện theo phương án: **Ban hành Nghị quyết của Quốc**

hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo trình tự thủ tục rút gọn.

Trường hợp ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu thì sẽ đưa nội dung quy định IIR và QDMTT vào Nghị quyết, cụ thể bao gồm các nội dung sau:

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

2.2. Người nộp thuế

Công ty thành viên, Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kể trước năm tính thuế tương đương 750 triệu EUR trở lên, trừ các trường hợp sau:

- + Các tổ chức của chính phủ;
- + Tổ chức quốc tế;
- + Tổ chức phi lợi nhuận;
- + Quỹ hưu trí;
- + Quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao;
- + Tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao
- + Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức nêu trên theo quy định của Chính phủ.

2.3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Quy định GloBE)* là bộ quy định được xây dựng bởi Diễn đàn hợp tác chung OECD/G20 và các nước mà Việt Nam là thành viên về quy định chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu, bao gồm: Quy định mẫu, Tài liệu diễn giải, Hướng dẫn hành chính, Hướng dẫn quy định miễn trừ và các văn bản quy định chi tiết khác do Diễn đàn ban hành.

- *Tập đoàn* là một trong các trường hợp sau:

+ Tập hợp các Công ty, tổ chức có mối quan hệ liên kết thông qua việc sở hữu hoặc kiểm soát theo đó các loại tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các Công ty đó được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao;

+ Một Công ty tại một nước và có một hoặc nhiều Cơ sở thường trú tại các nước khác với điều kiện là Công ty đó không phải là một phần của một Tập đoàn khác.

- *Tập đoàn đa quốc gia* là Tập đoàn có ít nhất một Công ty hoặc một Cơ sở thường trú không đặt tại nước của Công ty mẹ tối cao.

- *Công ty mẹ tối cao* là Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát bất kỳ Công ty nào và không bị một Công ty nào khác nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát.

- *Công ty thành viên* là bất kỳ Công ty, tổ chức nào thuộc một Tập đoàn và bất kỳ Cơ sở thường trú nào của một Công ty thuộc Tập đoàn.

- *Công ty mẹ trung gian* là Công ty thành viên (*không phải là Công ty mẹ tối cao, không phải Công ty mẹ bị sở hữu một phần, không phải Cơ sở thường trú hoặc Công ty đầu tư*) trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu trong một Công ty thành viên khác trong cùng một Tập đoàn đa quốc gia.

- *Công ty mẹ bị sở hữu một phần* là một Công ty thành viên (*không phải là Công ty mẹ tối cao, không phải Cơ sở thường trú hoặc không phải Công ty đầu tư*) đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

+ Trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền sở hữu đối với một Công ty thành viên khác của cùng một Tập đoàn đa quốc gia;

+ Có hơn 20% quyền sở hữu bị các đối tượng khác không phải là thành viên của Tập đoàn đa quốc gia nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp.

- *Công ty thành viên chịu thuế suất thấp* là Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia nằm tại nước đánh thuế thấp, có thu nhập chịu thuế theo các quy định GloBE và chịu thuế suất thực tế trong năm tính thuế thấp hơn thuế suất tối thiểu.

- *Báo cáo tài chính hợp nhất* là:

+ Báo cáo tài chính do Công ty lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, trong đó tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của Công ty đó và các Công ty khác mà Công ty đó có quyền kiểm soát được trình bày dưới dạng báo cáo của một đơn vị kinh tế duy nhất;

+ Trong trường hợp Công ty là Tập đoàn theo trường hợp thứ 2 về định nghĩa của Tập đoàn nêu trên, thì Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận;

+ Trong trường hợp Công ty mẹ tối cao có báo cáo tài chính được quy định theo 2 điểm trên mà không được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, thì báo cáo tài chính hợp nhất là những báo cáo tài chính được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu.

+ Trong trường hợp Công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính được quy định tại các điểm trên thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao là những báo cáo được lập theo Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính khác được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu.

- *Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận* là Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (*IFRS*) và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của Úc,

Brazil, Canada, Các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, các Quốc gia Thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

- *Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận* là một tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được cơ quan kế toán có thẩm quyền tại nước nơi Công ty đặt trụ sở cho phép áp dụng.

- *Thu nhập hoặc Lỗ của mỗi Công ty thành viên* là thu nhập hoặc lỗ thuần tại Báo cáo tài chính được xác định cho Công ty thành viên đó trong năm tính thuế theo quy định GloBE.

- *Doanh thu bình quân, Thu nhập hoặc Lỗ bình quân tại một nước* là giá trị trung bình 3 năm (gồm năm tính thuế hiện tại và hai năm trước liền kề) của Doanh thu, Thu nhập hoặc Lỗ theo quy định GloBE.

- *Doanh thu tại một nước trong năm tính thuế* là tổng doanh thu của tất cả các Công ty thành viên tại nước đó trong năm tính thuế theo quy định GloBE.

- *Thu nhập hoặc Lỗ tại một nước trong năm tính thuế* là Thu nhập ròng hoặc Lỗ ròng theo quy định GloBE tại nước đó.

2.4. Quy định về Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

- Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên của Tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại điểm 2.1.2 về Người nộp thuế có hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, có lợi nhuận tại Việt Nam vượt ngưỡng trong năm tính thuế và có mức thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn thuế suất tối thiểu trong năm tính thuế thì phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn theo quy định này.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

- Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu – Thuế suất thực tế.

- Thuế suất tối thiểu là 15%.

- Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước có Thu nhập ròng theo quy định GloBE sẽ được tính cho mỗi năm tính thuế. Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước bằng tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của mỗi Công ty thành viên tại nước đó chia cho thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó trong năm tính thuế.

- Lợi nhuận vượt ngưỡng = Thu nhập ròng theo quy định GloBE – Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE.

- Thu nhập ròng theo quy định GloBE = Thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên – Lỗ theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên.

- Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE tại một nước được trừ khi xác định Lợi nhuận vượt ngưỡng là giá trị bằng 5% tổng giá trị tài sản hữu hình của tất cả các Công ty thành viên và 5% tổng tiền lương của tất cả các Công ty thành viên theo quy định GloBE. Trong giai đoạn chuyển tiếp 10 năm tính từ năm 2023, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ cho từng năm như sau:

Năm	Tỷ lệ tiền lương (%)	Tỷ lệ tài sản hữu hình (%)
2023	10	8
2024	9,8	7,8
2025	9,6	7,6
2026	9,4	7,4
2027	9,2	7,2
2028	9	7
2029	8,2	6,6
2030	7,4	6,2
2031	6,6	5,8
2032	5,8	5,4

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn) trong một năm tính thuế nếu Công ty thành viên hoặc tập hợp các Công ty thành viên trong năm tính thuế liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

+ Doanh thu bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

+ Thu nhập bình quân theo quy định GloBE tại Việt Nam dưới 1 triệu EUR hoặc lỗ.

2.5. Quy định về Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm 2.1.2 nêu trên tại Việt Nam, nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) quyền sở hữu Công ty thành viên chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo quy định GloBE tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tính thuế phải khai và nộp thuế theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu bằng phần thuế phân bổ từ thuế bổ sung theo quy định GloBE của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp ở nước ngoài trong năm tính thuế, gồm:

+ Công ty mẹ tối cao;
 + Công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam, Công ty mẹ trung gian theo quy định của Chính phủ.

- Quy định này không áp dụng đối với Công ty thành viên tại Việt Nam của Người nộp thuế.

- Tổng thuế bổ sung tại một nước = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận vượt ngưỡng) + Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có) – Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn (nếu có)

- Tỷ lệ thuế bổ sung = Thuế suất tối thiểu – Thuế suất thực tế.

- Thuế suất tối thiểu là 15%.

- Thuế suất thực tế của Tập đoàn đa quốc gia tại một nước được xác định tương tự theo quy định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

- Lợi nhuận vượt ngưỡng được xác định tương tự theo quy định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

- Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại một nước được xác định tương tự theo quy định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

- Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định GloBE tại một nước được trừ được xác định tương tự như quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn:

- Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn là số tiền phải trả theo quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại một nước trong năm tính thuế.

- Thuế bổ sung của Công ty thành viên sẽ được xác định cho mỗi Công ty thành viên của một nước có Thu nhập GloBE trong năm tính thuế được đưa vào khi tính Thu nhập ròng theo quy định GloBE tại nước đó theo công thức sau:

$$\text{Thuế bổ sung của Công ty thành viên} = \text{Tổng thuế bổ sung tại một nước} \times \frac{\text{Thu nhập theo quy định GloBE của Công ty thành viên đó}}{\text{Tổng thu nhập theo quy định GloBE của tất cả các Công ty thành viên có tại nước đó}}$$

- Thuế phân bổ cho Công ty mẹ từ thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp bằng số Thuế bổ sung của Công ty thành viên chịu thuế suất thấp theo quy định GloBE nhân với tỷ lệ sở hữu thu nhập của Công ty mẹ đối với Công ty thành viên chịu thuế suất thấp trong năm tính thuế.

- Thuế bổ sung của Công ty thành viên tại một nước sẽ được xác định bằng 0 trong một năm tính thuế được xác định tương tự theo quy định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

2.6. *Kê khai và Nộp thuế*

- Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

- Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tính thuế.

- Người nộp thuế theo điểm 2.1.2 nêu trên thực hiện nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 Công ty thành viên nộp thuế tại Việt Nam thì Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài có văn bản thông báo chỉ định một trong những công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; trường hợp Tập đoàn đa quốc gia không có thông báo chỉ định công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì cơ quan thuế sẽ chỉ định.

Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 Công ty thành viên nộp thuế tại Việt Nam thì Công ty mẹ tối cao thông báo Công ty thành viên tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tính thuế. Cơ quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo.

Khi có sự kiện dẫn đến việc thay đổi Công ty thành viên nộp tờ khai và nộp thuế thì Công ty mẹ tối cao có trách nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện thay đổi. Quá thời hạn nêu trên mà Công ty mẹ tối cao không thông báo, cơ quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế.

Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo chỉ định Công ty thành viên phải nộp tờ khai và nộp thuế mà cơ quan thuế có thông tin về sự kiện dẫn đến việc thay đổi Công ty thành viên nộp tờ khai và nộp thuế thì cơ quan thuế sẽ thông báo chỉ định Công ty thành viên khác phải nộp tờ khai và nộp thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin.

- Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu do Chính phủ quy định.

- Phần thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu được nộp vào ngân sách trung ương theo quy định.

- Tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng doanh thu, thu nhập là trung bình tỷ giá trung tâm (*tính chéo cho các đồng tiền*) của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tỷ giá ngoại tệ để kê khai, nộp thuế thực hiện theo Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận.

2.7. Giao Chính phủ

- Căn cứ quy định của Nghị quyết này, Luật Quản lý thuế, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định GloBE để quy định chi tiết việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định GloBE nêu tại Nghị quyết này.

- Trường hợp Người nộp thuế theo quy định tại Nghị quyết này có đề nghị

được đảm bảo ưu đãi đầu tư thì Chính phủ xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về đầu tư để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp.

2.8. Tổ chức thực hiện

- Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính sách quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm không vi phạm quy định GloBE, phù hợp với cam kết, thông lệ quốc tế, công khai minh bạch, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường đầu tư.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2.9. Về điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày Nghị quyết này được thay thế bởi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (*sửa đổi*) có hiệu lực thi hành.

- Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này.

(Dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu đính kèm theo)

3. Lý do lựa chọn phương án và lộ trình thực hiện

Phương án ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu có ưu điểm là:

- Tại khoản 3 Mục III Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị đã nêu: *“Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”*. Theo đó, việc pháp luật hoá (bằng Nghị quyết của Quốc hội) về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Việt Nam là phù hợp với chủ trương, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị.

- Nội dung thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu là nội dung mới và khó, bắt nguồn từ chính sách của nước ngoài, chưa được quy định tại Luật, khác với quy định hiện hành. Vì vậy, trước tình hình triển khai Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ áp dụng trên toàn thế giới từ năm 2024, **phương án ban hành Nghị quyết là đáp ứng yêu cầu cấp bách để áp dụng từ năm 2024.**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp

luật quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết để quy định: “*b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;*”. Nội dung Thuế tối thiểu toàn cầu là chính sách mới, chỉ áp dụng đối với một nhóm đối tượng (*khoảng hơn 1.000 doanh nghiệp trên tổng số gần 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động*), thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Đây là chính sách chưa từng có tiền lệ, khác với quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của luật hiện hành và có tác động tới chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, vì vậy việc ban hành Nghị quyết cũng là phương án phù hợp để thực hiện thí điểm chính sách mới (*từ năm 2024 đến ngày Nghị quyết này được thay thế bởi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) có hiệu lực thi hành*), từ đó có những điều chỉnh phù hợp để tiến hành sửa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện ổn định về sau này.

- Tại khoản 3.1 Điều 3 Nghị quyết 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đã nêu: “*Nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu đến thu hút đầu tư vào Việt Nam để có các giải pháp phù hợp*” vào nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023 của Việt Nam. Như vậy, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội kịp thời vào năm 2024 là phù hợp.

Vì vậy, Đề án đề xuất trình Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép ban hành Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, bổ sung Nghị quyết này vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trình Quốc hội thông qua theo quy trình tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2023). Đồng thời trình Chính phủ giao Bộ Tư pháp đăng ký bổ sung Nghị quyết vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội năm 2023. Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội vào kỳ họp tháng tới.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Chính phủ chỉ đạo Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ triển khai các giải pháp về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Việt Nam, chỉ đạo ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các giải pháp hỗ trợ.

4.2. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ, Quốc hội dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, tổ chức triển khai thực hiện việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Việt Nam từ năm 2024.

4.3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối với các Bộ, ngành có liên quan báo cáo Chính phủ, Quốc hội về việc áp dụng các biện pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ

khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế trên tinh thần hài hòa lợi ích các bên, khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu cũng như các nhà đầu tư mới, bảo đảm ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp; xây dựng Trình Chính phủ, Quốc hội về việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội quy định các biện pháp hỗ trợ này riêng và tách bạch với nhiệm vụ của Bộ Tài chính là xây dựng chính sách thuế để áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, đảm bảo không nằm ngoài phạm vi của Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị.

4.4. Bộ Tư pháp chủ trì thẩm định việc xây dựng Nghị quyết trình Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư; lập đề nghị chương trình xây dựng văn bản, trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023 theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4.5. Bộ Ngoại giao phối hợp với các Bộ, ngành cấp nhật, trao đổi thường xuyên về phản ứng, lộ trình, kinh nghiệm thích ứng, nhu cầu hợp tác của các nước (nhất là các nước có đầu tư lớn vào Việt Nam) liên quan đến việc triển khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu trong thời gian tới; làm việc với các tổ chức quốc tế, nhất là OECD, cơ quan nghiên cứu, chuyên gia tư vấn quốc tế, các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên quan để tranh thủ hướng dẫn, hỗ trợ Việt Nam xây dựng nội luật và xử lý những vấn đề còn vướng mắc trong điều kiện triển khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, đồng thời thúc đẩy tuyên truyền chủ trương, chính sách và môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong bối cảnh mới; nghiên cứu đề xuất sáng kiến với các nước ASEAN nhằm chủ động tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thống nhất của khối để cạnh tranh với các đối thủ ngoài khối trong thu hút đầu tư nước ngoài khi các nước trên thế giới triển khai áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

4.6. Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát tác động của việc tham gia các FTA và các cam kết quốc tế đến các chính sách ứng phó với Thuế tối thiểu toàn cầu của Việt Nam (bao gồm Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư), đảm bảo khi xây dựng các chính sách hỗ trợ sẽ hạn chế tranh chấp có liên quan đến các Hiệp định quốc tế, biện pháp đối kháng trợ cấp của các khối nước và quốc gia khác.

5. Lộ trình thực hiện

- Trong năm 2023, Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10

năm 2023) để triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2024.

- Trên cơ sở triển khai Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, Chính phủ xây dựng Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét thông qua theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội để thay thế cho Nghị quyết này./.

DANH MỤC PHỤ LỤC

STT	Tên phụ lục
Phụ lục 1	Tóm tắt 15 hành động của Dự án BEPS do OECD đề xuất, G20 thông qua vào tháng 11/2015
Phụ lục 2	Mức thuế thu nhập doanh nghiệp các quốc gia/vùng lãnh thổ trên 15%
Phụ lục 3	(Bản dịch) Tuyên bố về Giải pháp Hai Trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế số
Phụ lục 4	Nội dung Thuế tối thiểu toàn cầu
Phụ lục 5	Tình hình áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại các nước
Phụ lục 6	Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
Phụ lục 7	Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt
Phụ lục 8	So sánh giữa áp dụng mức ưu đãi của Luật Thuế TNDN hiện hành và áp dụng Trụ cột 2
Phụ lục 9	Chính sách ưu đãi thuế xuất nhập khẩu, đất đai
Phụ lục 10	Quy định về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư
Phụ lục 11	355 Dự án quy mô lớn theo Công văn số 1945/BKHĐT-DTNN ngày 17/3/2023 của Bộ KHĐT
Phụ lục 12	Bảng tổng hợp đánh giá tác động Thuế tối thiểu toàn cầu
Phụ lục 13	Chương 2 Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA) về Bảo hộ đầu tư

Phụ lục 1
TÓM TẮT 15 HÀNH ĐỘNG CỦA DỰ ÁN BEPS
DO OECD ĐỀ XUẤT, G20 THÔNG QUA VÀO THÁNG 11/2015

Stt	Hành động	Tóm tắt	Kết quả
1	Nền kinh tế số	Giải quyết các thách thức về thuế trong nền kinh tế số	Báo cáo
2	Khoảng trống chính sách thuế	Vô hiệu hóa các hành vi lợi dụng những kẽ hở trong chính sách thuế giữa các quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu hưởng các ưu đãi miễn giảm thuế ở hai hoặc nhiều quốc gia	Sửa đổi quy định trong nước/ sửa đổi hiệp định mẫu
3	Công ty nước ngoài có kiểm soát	Xây dựng các quy định hiệu quả nhằm kiểm soát việc thành lập các công ty ở nước ngoài có kiểm soát để chuyển lợi nhuận và lợi dụng thuế suất thấp	Sửa đổi quy định trong nước
4	Khấu trừ lãi suất	Hạn chế việc khấu trừ lãi suất và các chi phí tài chính quá mức trong tổng chi phí nhằm giảm thu nhập chịu thuế	Sửa đổi quy định trong nước/ hướng dẫn về định giá chuyển nhượng
5	Thông lệ thuế có hại	Hạn chế các thông lệ thuế có hại thông qua việc minh bạch và trao đổi thông tin bắt buộc về các chính sách ưu đãi thuế, gắn với các hoạt động cốt lõi thực sự cần ưu đãi	Rà soát, thống nhất các nguyên tắc và cơ chế ưu đãi
6	Lợi dụng hiệp định thuế	Ngăn ngừa các hành vi lợi dụng các ưu đãi trong các hiệp định thuế, bao gồm cả việc tránh nộp thuế ở tất cả các nước	Sửa đổi quy định trong nước/ sửa đổi hiệp định mẫu
7	Cơ sở thường trú	Ngăn ngừa việc cố tình tránh hình thành cơ sở thường trú nhằm mục tiêu tránh nộp thuế	Sửa đổi hiệp định mẫu
8 - 10	Giá chuyển nhượng	Sử dụng các biện pháp đối chiếu giá thị trường nhằm xác định mức giá chuyển nhượng hợp lý	Hướng dẫn về định giá chuyển nhượng
11	Đo lường và kiểm soát BEPS	Thu thập thông tin và số liệu về các hành vi của doanh nghiệp nhằm xác định các hành vi BEPS	Khuyến nghị
12	Bắt buộc cung cấp thông tin	Xây dựng các quy định bắt buộc cung cấp thông tin về hoạt động doanh nghiệp	Khuyến nghị

Stt	Hành động	Tóm tắt	Kết quả
13	Lập hồ sơ giá chuyên nhượng	Hướng dẫn các nước lập hồ sơ về giá chuyên nhượng và xây dựng báo cáo thông tin quốc gia chuẩn hóa	Khuyến nghị
14	Cơ chế giải quyết tranh chấp	Sửa đổi cơ chế giải quyết tranh chấp để đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn, đặc biệt là thủ tục thỏa thuận song phương (MAP)	Sửa đổi mô hình mẫu
15	Công cụ đa phương	Xây dựng một công cụ đa phương nhằm sửa đổi đồng thời nhiều hiệp định thuế song phương	Công ước đa phương

Phụ lục 2¹
MỨC THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ

I. MỨC THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ TRÊN 15%

Stt	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
1	Cô-lôm-bi-a	35%	-	35%
2	Man-ta	35%	-	35%
3	Bra-xin	34%	-	34%
4	Na-mi-bi-a	32%	-	32%
5	Bồ Đào Nha	30%	1,5%	31,5%
6	Ác-hen-ti-na	30%	-	30%
7	Cộng hòa Dân chủ Congo	30%	-	30%
8	Cô-xta Ri-ca	30%	-	30%
9	Ga-bon	30%	-	30%
10	Hon-du-rát	25%	-	30%
11	Kê-ni-a	30%	-	30%
12	Mê-hi-cô	30%	-	30%
13	Mon-tse-rát	30%	-	30%
14	Ni-giê-ri-a	30%	-	30%
15	Saint Lucia	30%	-	30%
16	Saint Vincent và Grenadines	30%	-	30%
17	Sénégal	30%	-	30%
18	Úc	30%	-	30%
19	Đức	15,8%	14%	29,8%
20	Nhật Bản	22,4%	7,4%	29,7%
21	Pê-ru	29,5%	-	29,5%
22	Grenada	28%	-	28%
23	Niu Di-lân	28%	-	28%
24	Ý	23,9%	3,9%	27,8%
25	Burkina Faso	27,5%	-	27,5%
26	Eswatini	27,5%	-	27,5%
27	Hàn Quốc	25%	2,5%	27,5%
28	Nam Phi	27%	-	27%
29	Greenland	26,5%	-	26,5%
30	Ca-na-đa	15%	11,2%	26,2%
31	Pháp	25,8%	-	25,8%
32	Hoa Kỳ	19,7%	6,1%	25,8%

¹ Nguồn: OECD

Stt	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
33	Hà Lan	25,8%	-	25,8%
34	Ấn Độ	25,2%	-	25,2%
35	Âng-gô-la	25%	-	25%
36	Áo	25%	-	25%
37	Aruba	25%	-	25%
38	Bi	25%	-	25%
39	Bờ Biển Ngà	25%	-	25%
40	Đô-mi-ni-ca	25%	-	25%
41	Gia-mai-ca	25%	-	25%
42	Liberia	25%	-	25%
43	Monaco	25%	-	25%
44	Pa-na-ma	25%	-	25%
45	Seychelles	25%	-	25%
46	Tây ban nha	25%	-	25%
47	Trung Quốc	25%	-	25%
48	Ukraina	25%	-	25%
49	Uruguay	25%	-	25%
50	Lúc-xăm-bua	18,2%	6,8%	24,9%
51	Israel	23%	-	23%
52	Thổ Nhĩ Kỳ	23%	-	23%
53	Botswana	22%	-	22%
54	Curacao	22%	-	22%
55	Đan mạch	22%	-	22%
56	Hy Lạp	22%	-	22%
57	Indonesia	22%	-	22%
58	Na Uy	22%	-	22%
59	Slovakia	21%	-	21%
60	Thụy Điển	20,6%	20,6%	20,6%
61	Á-rập Xê-út	20%	-	20%
62	Estonia	20%	-	20%
63	Iceland	20%	-	20%
64	Lát-vi-a	20%	-	20%
65	Phần Lan	20%	-	20%
66	Quần đảo Cook	20%	-	20%
67	Thái Lan	20%	-	20%
68	Việt Nam	20%	-	20%
69	Thụy sĩ	6,8%	12,9%	19,7%
70	Anh	19%	-	19%
71	Ba Lan	19%	-	19%
72	Cộng hòa Séc	19%	-	19%
73	Slovenia	19%	-	19%

Stt	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
74	Bru-nây	18,5%	-	18,5%
75	Ác-mê-ni-a	18%	-	18%
76	Croatia	18%	-	18%
77	Quần đảo Faeroe	18%	-	18%
78	San Ma-ri-nô	17%	-	17%
79	Singapore	17%	-	17%
80	Hồng Kông, Trung Quốc	16,5%	-	16,5%
81	Ru-ma-ni	16%	-	16%

II. MỨC THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ BẰNG 15%

Stt	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
1	Albania	15%	-	15%
2	Gruzia	15%	-	15%
3	Litva	15%	-	15%
4	Maldives	15%	-	15%
5	Mauritius	15%	-	15%
6	Montenegro	15%	-	15%
7	Ô-man	15%	-	15%
8	Trinidad và Tobago	15%	-	15%
9	Tunisia	15%	-	15%
10	Xéc-bi-a	15%	-	15%

III. MỨC THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ DƯỚI 15%

Stt	Quốc gia/vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
1	Gibraltar	12,5%	-	12,5%
2	Ireland	12,5%	-	12,5%
3	Liechtenstein	12,5%	-	12,5%
4	Andorra	10%	-	10%
5	Bắc Macedonia	10%	-	10%
6	Bosnia và Herzegovina	10%	-	10%
7	Bulgari	10%	-	10%
8	Chi-lê	10%	-	10%
9	Paraguay	10%	-	10%

Stt	Quốc gia/vùng lãnh thổ	Trung ương /Liên bang	Địa phương /Bang	Tổng thuế TNDN
10	Hungary	9%	-	9%
11	Barbados	5,5%	-	5,5%
12	Anguilla	0%	-	0%
13	Bahamas	0%	-	0%
14	Bahrain	0%	-	0%
15	Belize	0%	-	0%
16	Bermuda	0%	-	0%
17	Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	0%	-	0%
18	Đảo Man	0%	-	0%
19	Guernsey	0%	-	0%
20	Jersey	0%	-	0%
21	Quần đảo British Virgin	0%	-	0%
22	Quần đảo Cayman	0%	-	0%
23	Quần đảo Turks và Caicos	0%	-	0%

Phụ lục 3
TUYÊN BỐ VỀ GIẢI PHÁP HAI TRỤ CỘT ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC
THÁCH THỨC PHÁT SINH TỪ NỀN KINH TẾ SỐ

Ngày 8 tháng 10 năm 2021

Giới thiệu

Diễn đàn IF của OECD/G20 về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận đã thống nhất giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế số. Các nội dung đã thống nhất về mỗi Trụ cột được mô tả như dưới đây.

Kế hoạch thực hiện chi tiết nêu tại Phụ lục.

Trụ cột 1

Phạm vi

Các công ty thuộc phạm vi điều chỉnh là các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) có doanh thu toàn cầu trên 20 tỷ euro và tỷ suất lợi nhuận trên 10% (là lợi nhuận trước thuế/doanh thu [được tính theo cơ chế bình quân] với ngưỡng doanh thu giảm xuống 10 tỷ euro, phụ thuộc vào việc thực hiện thành công bao gồm cả việc đảm bảo ổn định số tiền thuế tính trên số tiền A, sẽ được xem xét bắt đầu sau 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực và việc xem xét sẽ được hoàn thành trong vòng một năm.

Loại trừ các dịch vụ khai khoáng và dịch vụ tài chính.

Quy tắc về mối liên hệ (Nexus)

Sẽ có quy tắc mới về mối liên hệ với mục đích đặc biệt cho phép phân bổ số tiền A cho một nước thị trường khi MNE thuộc phạm vi điều chỉnh có doanh thu ít nhất 1 triệu euro từ nước thị trường đó. Đối với các nước thị trường nhỏ hơn có GDP thấp hơn 40 tỷ euro, sẽ được đặt ở mức 250 000 euro.

Quy tắc về mối liên hệ với mục đích đặc biệt chỉ áp dụng để xác định xem một nước có đủ điều kiện để được phân bổ Số tiền A hay không.

Chi phí tuân thủ (bao gồm theo dõi số lượng nhỏ doanh số bán hàng) sẽ được giới hạn ở mức tối thiểu.

Phân phân bổ

Đối với các MNE trong phạm vi điều chỉnh, trong phần lợi nhuận vượt quá 10% doanh thu thì 25% phần lợi nhuận còn lại này sẽ được phân bổ cho các nước thị trường theo mối liên hệ giữa doanh nghiệp và nước ngày căn cứ trên doanh thu phân bổ.

Xác định nguồn doanh thu

Doanh thu được xác định có nguồn phát sinh tại nước thị trường cuối cùng nơi tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng

nguyên tắc này, các quy tắc chi tiết về xác định nguồn phát sinh cho các loại giao dịch cụ thể sẽ được xây dựng. Khi áp dụng các quy tắc xác định nguồn doanh thu, MNE trong phạm vi điều chỉnh phải sử dụng phương pháp đáng tin cậy dựa trên các bằng chứng, hoàn cảnh cụ thể của MNE.

Xác định cơ sở tính thuế

Việc tính toán lợi nhuận hoặc lỗ có liên quan của MNE trong phạm vi điều chỉnh sẽ được xác định bằng cách tham chiếu đến thu nhập kế toán tài chính, với một số điều chỉnh nhỏ.

Các khoản lỗ sẽ được chuyển tiếp.

Phân đoạn

Việc phân đoạn sẽ chỉ xảy ra trong những trường hợp ngoại lệ khi một phân đoạn đáp ứng các quy tắc về phạm vi, dựa trên các phân đoạn được trình bày trong các tài khoản kế toán.

Quy định mức trừ đôi với lợi nhuận tiếp thị và phân phối

Trường hợp lợi nhuận còn lại của một MNE trong phạm vi điều chỉnh đã bị đánh thuế tại nước thị trường, thì quy định miễn trừ đôi với lợi nhuận tiếp thị và phân phối sẽ giới hạn lợi nhuận còn lại được phân bổ cho nước thị trường thông qua số tiền A. Về thiết kế các quy định miễn trừ sẽ được thực hiện tiếp theo, có tính đến tổng thể các nội dung.

Xóa bỏ việc đánh thuế hai lần

Việc đánh thuế hai lần đối với lợi nhuận được phân bổ cho các nước thị trường sẽ được xử lý bằng cách sử dụng phương pháp miễn thuế hoặc khấu trừ thuế.

(Các) tổ chức có nghĩa vụ thuế sẽ là các tổ chức có lợi nhuận còn lại.

Mức độ chắc chắn về thuế

Các MNE trong phạm vi điều chỉnh sẽ được áp dụng từ các cơ chế ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp, cơ chế này sẽ tránh đánh thuế hai lần đối với Khoản A, bao gồm tất cả các vấn đề liên quan đến Khoản A (ví dụ như tranh chấp về xác định giá chuyển nhượng và lợi nhuận kinh doanh). Tranh chấp về các vấn đề có thể liên quan đến Khoản A sẽ được giải quyết theo cơ chế bắt buộc và ràng buộc nghĩa vụ thực hiện mà không làm trì hoãn cơ chế ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp cơ bản.

Sẽ có cơ chế giải quyết tranh chấp tùy chọn và ràng buộc trách nhiệm thực hiện đối với các vấn đề liên quan đến Khoản A cho các nước có nền kinh tế đang phát triển đủ điều kiện hoãn rà soát đồng cấp theo Hành động 14¹ của Chương trình BEPS và các nước này không có hoặc có rất ít tranh chấp về MAP. Các nước được thực hiện cơ chế lựa chọn này sẽ được rà soát thường xuyên, các nước không đủ tiêu chuẩn qua rà soát sẽ vẫn được coi là không đủ tiêu chuẩn cho các năm tiếp

¹ Hành động 14 Chương trình BEPS.

sau.

Khoản B

Việc áp dụng nguyên tắc giá thị trường cho các hoạt động cơ bản về tiếp thị và phân phối trong nước sẽ được đơn giản hóa và sắp xếp hợp lý, đặc biệt tập trung vào nhu cầu của các quốc gia có năng lực thấp. Công việc sẽ hoàn thành vào cuối năm 2022.

Quản lý thuế

Việc thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ được quy định hợp lý (bao gồm cả nghĩa vụ kê khai) và cho phép các MNE trong phạm vi điều chỉnh quản lý quy trình thực hiện thông qua một tổ chức nhất định.

Các biện pháp đơn phương

Hiệp định đa phương (MLC) yêu cầu tất cả các nước thành viên xóa bỏ tất cả các loại Thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số (DST) và các biện pháp có liên quan đối với tất cả các công ty, và cam kết sẽ không thực hiện biện pháp này trong tương lai. Không áp dụng thuế kỹ thuật số mới ban hành và các biện pháp có liên quan đối với bất kỳ công ty nào từ ngày 8/10/2021 đến 31/12/2023 hoặc đến khi Hiệp định đa phương có hiệu lực. Phương thức xóa bỏ thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số và các biện pháp liên quan sẽ được phối hợp phù hợp. Diễn đàn IF ghi nhận báo cáo từ một số thành viên về việc các nước này đang khẩn trương thực hiện các biện pháp, kế hoạch chuyển tiếp các quy định.

Thực hiện

Hiệp định đa phương về việc thực hiện Khoản A sẽ được xây dựng và đề mở cho các thành viên ký kết vào năm 2022, với Khoản A sẽ được áp dụng vào năm 2023. Kế hoạch thực hiện chi tiết được nêu tại Phụ lục.

Trụ cột 2

Thiết kế tổng thể

Trụ cột Hai bao gồm:

- Hai quy tắc nội luật (cùng với quy tắc Chống xói mòn nguồn thu toàn cầu - GloBE): (i) quy tắc tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (Income Inclusion Rule - IIR), cho phép đánh thuế bổ sung vào công ty mẹ đối với thu nhập chịu thuế ở mức thấp hơn của công ty con thành viên trong tập đoàn; và (ii) quy tắc đối với khoản thanh toán chịu thuế dưới mức tối thiểu (Undertaxed Payment Rule - UTPR), theo đó không cho phép giảm trừ chi phí hoặc thực hiện điều chỉnh tương ứng đối với thu nhập chịu thuế ở mức thấp của công ty thành viên trong tập đoàn mà chưa chịu thuế tối thiểu theo IIR; và

- Quy tắc khấu trừ thuế tại nguồn (the Subject to Tax Rule - STTR) cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập đánh thuế ở mức giới hạn đối với một số khoản thanh toán cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức tối thiểu. Thuế thu nhập theo STTR được coi là thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy tắc GloBE.

Tình hình quy tắc

Quy tắc GloBE được thực hiện theo cách tiếp cận chung. Điều này có nghĩa là các thành viên của IF:

- Không bắt buộc thực hiện quy tắc GloBE, nhưng nếu lựa chọn thực hiện, thì các nước sẽ phải tổ chức quản lý và thực hiện các quy tắc theo phương thức thống nhất với các quy định tại Trụ cột Hai, phù hợp với các quy tắc mẫu và hướng dẫn của IF đã được thống nhất trong IF;

- Chấp nhận việc áp dụng quy tắc GloBE của các thành viên IF khác bao gồm việc thống nhất quy tắc về trình tự và áp dụng bất kỳ quy định miễn trừ nào.

Phạm vi

Quy tắc GloBE sẽ được áp dụng đối với các MNE đáp ứng ngưỡng 750 triệu euro được quy định tại Báo cáo Hành động 13 của BEPS (báo cáo lợi nhuận liên quốc gia). Các nước đều có thể áp dụng IIR đối với trụ sở chính của các MNE tại nước đó, trong cả trường hợp các doanh nghiệp đó không đáp ứng ngưỡng doanh thu.

Các Chính phủ, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi lợi nhuận, quỹ lương hưu, quỹ đầu tư là tổ chức công ty mẹ tối cao (Ultimate Parent Entities – UPE) của một tập đoàn đa quốc gia hoặc các chế định nắm giữ cổ phần khác được các thực thể, tổ chức, các quỹ sử dụng thì không thuộc phạm vi áp dụng quy tắc GloBE.

Xây dựng Quy tắc

Quy tắc thuế tối thiểu (IIR) phân bổ phần thuế bổ sung dựa trên phương pháp tiếp cận từ trên xuống dưới phải thực hiện quy tắc phân chia quyền sở hữu đối với các cổ phần nắm giữ thấp hơn 80%.

Quy tắc đánh thuế đối với các khoản thanh toán dưới mức tối thiểu (UTPR) phân bổ phần lợi nhuận bổ sung đối với các thực thể chịu thuế thấp, bao gồm các thực thể đặt ở các nước công ty mẹ tối cao. Không áp dụng mức thuế suất tối thiểu toàn cầu đối với các MNE ở trong giai đoạn đầu hoạt động quốc tế, được định nghĩa là những MNE có tối đa 50 triệu EUR tài sản hữu hình ở nước ngoài và hoạt động tại không quá 5 quốc gia/vùng lãnh thổ khác². Loại trừ này được giới hạn trong khoảng thời gian 5 năm sau khi MNE lần đầu tiên thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy tắc GloBE. Đối với các MNE thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy tắc GloBE khi quy tắc GloBE có hiệu lực, thời hạn 5 năm sẽ bắt đầu từ thời điểm quy tắc UTPR có hiệu lực.

Tính mức thuế suất hiện hành

Các quy tắc GloBE sẽ được vận dụng để áp dụng thuế bổ sung bằng cách xác định thuế suất thực tế được tính toán trên cơ sở từng quốc gia và vận dụng định nghĩa chung về các loại thuế thuộc phạm vi điều chỉnh và căn cứ tính thuế được xác định bằng cách căn cứ vào thu nhập kế toán tài chính (với những điều

² Một MNE được coi là hoạt động tại một nước/vùng lãnh thổ nếu MNE này có một công ty/tổ chức thành viên tại một nước/vùng lãnh thổ đó được định nghĩa theo quy định của GloBE.

chính thống nhất với các mục tiêu chính sách thuế của Trụ cột Hai và các cơ chế giải quyết sự khác biệt về thời gian hạch toán).

Về các hệ thống thuế đối với việc phân chia thu nhập hiện hành, sẽ không phát sinh nghĩa vụ thuế bổ sung nếu thu nhập được phân chia trong vòng 4 năm và bị đánh thuế bằng hoặc cao hơn mức tối thiểu.

Mức thuế suất tối thiểu

Mức thuế suất tối thiểu áp dụng đối với IIR và UTPR là 15%.

Loại trừ

Các quy tắc GloBE quy định công thức loại trừ theo bản chất thu nhập, theo đó cho phép loại trừ một khoản thu nhập tương ứng 5% giá trị tài sản hữu hình và tổng tiền lương lao động. Trong giai đoạn chuyển đổi 10 năm, phần thu nhập được loại trừ này được tính là 8% giá trị tài sản hữu hình và 10% tổng tiền lương lao động, hàng năm sẽ giảm 0.2 điểm phần trăm trong 5 năm đầu. Trong 5 năm tiếp theo sẽ giảm 0.4 điểm phần trăm đối với tài sản hữu hình và giảm 0.8 điểm phần trăm đối với tổng tiền lương lao động.

Các quy tắc GloBE cũng quy định loại trừ với mức tối thiểu đối với các nước nơi MNE có doanh thu dưới 10 triệu euro và lợi nhuận dưới 1 triệu euro.

Các loại trừ khác

Các quy tắc GloBE cũng quy định loại trừ đối với thu nhập từ vận tải quốc tế theo định nghĩa thu nhập từ vận tải quốc tế nêu tại Mẫu hiệp định thuế của OECD.

Đơn giản hóa

Để đảm bảo quản lý tốt các quy tắc GloBE theo đúng định hướng, tránh chi phí tuân thủ và chi phí hành chính không tương xứng với các mục tiêu chính sách, kế hoạch thực hiện sẽ bao gồm các quy định miễn trừ trách nhiệm và/hoặc các cơ chế khác.

Cùng áp dụng với các quy định GILTI (thu nhập chịu thuế thấp đối với tài sản vô hình toàn cầu)

Thống nhất Trụ cột Hai sẽ áp dụng thuế suất tối thiểu trên cơ sở từng nước. Trong bối cảnh đó, sẽ xem xét các điều kiện mà chế độ GILTI của Hoa Kỳ sẽ cùng áp dụng đồng thời với các quy tắc GloBE, để đảm bảo sự bình đẳng.

Quy tắc quyền đánh thuế của nước nguồn - Subject to tax rule (STTR)

Các thành viên IF công nhận rằng STTR là một phần không thể thiếu để đạt được sự đồng thuận về Trụ cột Hai cho các nước đang phát triển³. Các thành viên IF áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp danh nghĩa thấp hơn mức tối thiểu STTR đối với lãi tiền vay, tiền bản quyền và nhóm các khoản thanh toán

³ Theo nội dung này, các nước đang phát triển được định nghĩa là các nước có GNI theo đầu người tính theo phương pháp Atlas của Ngân hàng Thế giới (WB), ở mức 12.535 USD trở xuống vào thời điểm năm 2019, được cập nhật thường kỳ.

khác được xác định cụ thể sẽ đưa STTR vào các hiệp định song phương với các nước thành viên IF đang phát triển khi được yêu cầu.

Quyền đánh thuế sẽ bị giới hạn ở mức chênh lệch giữa thuế suất tối thiểu và thuế suất trên khoản thanh toán. Thuế suất tối thiểu cho STTR là 9%.

Thực hiện

Trụ cột Hai sẽ được đưa vào luật vào năm 2022 và có hiệu lực vào năm 2023, với quy tắc UPTR có hiệu lực vào năm 2024. Kế hoạch chi tiết được nêu tại Phụ lục.

Phụ lục – Kế hoạch thực hiện chi tiết

Phụ lục này mô tả công việc cần thiết để thực hiện giải pháp hai trụ cột được mô tả trong phần nội dung của Tuyên bố. Phụ lục đưa ra mốc thời gian cho quá trình thực hiện, bao gồm các mốc thực hiện quan trọng cho Diễn đàn IF tiến hành trong tương lai, lưu ý rằng hỗ trợ kỹ thuật theo yêu cầu riêng sẽ dành cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ tất cả các phương diện của quá trình thực hiện. Các thành viên IF nhận thức được mong muốn thực chất từ các mốc thời gian trong kế hoạch thực hiện này và hoàn toàn cam kết thực hiện mọi nỗ lực trong khuôn khổ quy trình lập pháp của từng nước để đạt được mục tiêu đó.

Trụ cột 1

Về Khoản A: loại bỏ tất cả Thuế dịch vụ kỹ thuật số và các biện pháp tương tự có liên quan khác đối với tất cả các công ty và Khoản B sẽ được thực hiện theo giải pháp Trụ cột Một, như được mô tả bên dưới.

Khoản A

Khoản A sẽ được thực hiện thông qua Hiệp định đa phương (Multilateral Convention -MLC), và khi cần thiết, được thực hiện thông qua những thay đổi tương ứng đối với luật trong nước, nhằm cho phép khoản A có hiệu lực vào năm 2023.

Hiệp định đa phương

Để tạo điều kiện cho việc triển khai nhanh chóng và nhất quán, một MLC sẽ được xây dựng để đưa ra một khuôn khổ đa phương cho tất cả các nước tham gia, bất kể có hiệp định thuế hiện tại giữa các nước đó hay không. MLC có các quy tắc cần thiết để xác định và phân bổ Số tiền A và loại bỏ đánh thuế hai lần, cũng như quy trình quản lý đơn giản hóa, quy trình trao đổi thông tin và các quy trình ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp theo cách thức bắt buộc và ràng buộc giữa tất cả các nước, trong trường hợp hợp lý cho phép các nước đó lựa chọn áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp ràng buộc đối với các vấn đề liên quan đến Khoản A, theo đó đảm bảo tính nhất quán và chắc chắn trong việc áp dụng Khoản A cũng như tính chắc chắn đối với các vấn đề liên quan đến Khoản A. MLC kèm theo văn bản giải thích mô tả mục đích và việc vận dụng các quy tắc và quy trình. Trường hợp có hiệp định thuế giữa các bên tham gia MLC, hiệp định thuế đó sẽ vẫn có hiệu lực và tiếp tục điều chỉnh việc đánh thuế xuyên biên giới ngoài Khoản A, nhưng MLC sẽ giải quyết những mâu thuẫn với các hiệp định thuế hiện có

trong phạm vi cần thiết để giải pháp đối với Khoản A có hiệu lực. MLC cũng giải quyết quan hệ tương tác giữa MLC và các hiệp định thuế trong tương lai. Trong trường hợp không có hiệp định thuế nào có hiệu lực giữa các bên, MLC sẽ tạo mối quan hệ cần thiết để đảm bảo việc áp dụng hiệu quả tất cả các nội dung liên quan đến Khoản A.

IF yêu cầu Đơn vị Đặc nhiệm về Kinh tế Kỹ thuật số (TFDE) xác định và làm rõ các đặc điểm của Khoản A (ví dụ: loại bỏ đánh thuế hai lần, cơ chế miễn trừ trách nhiệm thực hiện đối với hoạt động Tiếp thị và Phân phối), xây dựng MLC và đàm phán các nội dung, để tất cả các nước đã cam kết với Tuyên bố này sẽ có thể tham gia. TFDE sẽ hoàn tất nội dung của MLC và bản Giải thích MLC vào đầu năm 2022, để MLC nhanh chóng sẵn sàng cho các bên ký và một buổi lễ ký kết hiệp định cấp cao có thể được tổ chức vào giữa năm 2022. Sau khi ký kết, các nước dự kiến sẽ phê chuẩn MLC càng sớm càng tốt, với mục tiêu cho phép MLC có hiệu lực vào năm 2023 khi một số lượng lớn các nước đã phê chuẩn MLC.

Xóa bỏ và dừng tất cả các loại thuế dịch vụ kỹ thuật số và các biện pháp tương tự khác

Hiệp định đa phương (MLC) yêu cầu các bên xóa bỏ tất cả thuế dịch vụ kỹ thuật số (Digital Services Taxes – DST) và các biện pháp tương tự khác đối với tất cả các công ty, và các bên cam kết không áp dụng các biện pháp đó trong tương lai. Định nghĩa chi tiết về những cấu thành của các biện pháp tương tự sẽ được hoàn thiện như một phần của việc thông qua MLC và văn bản giải thích MLC.

Các thay đổi trong nội luật

Các thành viên IF có thể cần phải thực hiện những thay đổi đối với luật trong nước để thực hiện các quyền đánh thuế mới đối với Khoản A. Để tạo điều kiện thống nhất trong cách tiếp cận của các nước và hỗ trợ việc thực hiện trong nước phù hợp với các mốc thời gian đã thỏa thuận và quy trình lập pháp trong nước, IF yêu cầu TFDE xây dựng các quy tắc mẫu cho luật trong nước vào đầu năm 2022 để Khoản A có hiệu lực. Các quy tắc mẫu có kèm phần bình luận mô tả mục đích và việc vận dụng các quy tắc.

Khoản B

IF yêu cầu Ban công tác số 6 và Diễn đàn FTA MAP cùng hoàn thành công việc về Khoản B vào cuối năm 2022. Công việc kỹ thuật sẽ bắt đầu bằng cách xác định các hoạt động tiếp thị và phân phối cơ sở trong nước trong phạm vi của Khoản B. Ban công tác 6 và Diễn đàn FTA MAP sau đó sẽ cùng phát triển phần còn lại của các thành phần của Khoản B, với mục tiêu đưa ra quy định cuối cùng về Khoản B vào cuối năm 2022.

Trụ cột Hai

Các quy tắc mẫu GloBE sẽ được phát triển vào cuối tháng 11 năm 2021. Các quy tắc mẫu xác định phạm vi và đưa ra cơ chế của các quy tắc GloBE. Nội dung sẽ bao gồm các quy tắc để xác định mức thuế suất thực tế (effective tax rate

- ETR) trên cơ sở từng nước và các khoản loại trừ có liên quan, chẳng hạn như công thức loại trừ dựa trên bản chất thu nhập. Các quy tắc mẫu cũng sẽ bao gồm các quy định hành chính về nghĩa vụ kê khai của MNE và việc vận dụng các quy định miễn trừ trách nhiệm hành chính. Các quy tắc mẫu sẽ bao gồm thêm các quy định chuyển tiếp. Các quy tắc mẫu có kèm bình luận giải thích mục đích và việc vận dụng các quy tắc, đồng thời giải quyết yêu cầu về quy định chuyển tiếp trong các hiệp định cụ thể và trong các trường hợp các bên ký kết đã cam kết sử dụng phương pháp miễn.

Điều khoản hiệp định mẫu đối với STTR được phát triển vào cuối tháng 11 năm 2021. Điều khoản hiệp định mẫu sẽ kèm theo bình luận giải thích mục đích và việc vận dụng STTR. Sẽ có thỏa thuận về quy trình hỗ trợ khi thực hiện STTR.

IF sẽ phát triển một hiệp định đa phương (MLI) vào giữa năm 2022 để tạo điều kiện cho việc thực hiện nhanh chóng và thống nhất STTR trong các hiệp định song phương có liên quan.

Muộn nhất là cuối năm 2022, một kế hoạch thực hiện sẽ được xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp thực hiện các quy tắc GloBE. Khung khổ thực hiện này bao gồm các thủ tục hành chính đã được thống nhất (ví dụ: nghĩa vụ kê khai chi tiết, quy trình rà soát đa phương) và các quy định miễn trừ trách nhiệm để tạo điều kiện thuận lợi cho các MNE tuân thủ và thuận lợi cho việc quản lý của cơ quan thuế. Là một phần công việc trong khung khổ thực hiện, các thành viên IF sẽ xem xét tính chất và nội dung có thể có của một hiệp định đa phương để đảm bảo sự phối hợp tốt hơn và thực hiện thống nhất các quy tắc GloBE.

Tham vấn

Trong phạm vi hạn chế về thời gian quy định trong kế hoạch thực hiện này, công việc sẽ tiếp tục tiến triển với sự tham vấn của các bên liên quan.

Phụ lục 4

NỘI DUNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

1. Đối tượng áp dụng

Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu (Quy định GloBE) sẽ được áp dụng đối với các Tập đoàn công ty đa quốc gia (MNE) có mức doanh thu hợp nhất hàng năm đạt tối thiểu 750 triệu EUR (*khoảng 19.500 tỷ đồng¹*) căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn. Nếu ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm tính thuế mà doanh thu hợp nhất đạt từ 750 triệu EUR trở lên thì tập đoàn đó thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. Các nước đều có thể áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu đối với các công ty mẹ tối cao của các Tập đoàn công ty đa quốc gia tại nước mình, trong cả trường hợp các doanh nghiệp không đáp ứng ngưỡng doanh thu hợp nhất nêu trên.

Ví dụ: Công ty A tại Việt Nam, có trụ sở Công ty mẹ tối cao (*Tập đoàn A*) tại Hàn Quốc. Hàn Quốc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu vào năm 2024. Để xem xét xem Tập đoàn A có thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu năm 2024 hay không thì cần xem xét doanh thu hợp nhất của Tập đoàn A trong 4 năm liền kề trước đó (2020 – 2023). Nếu trong 4 năm từ 2020 – 2023 có ít nhất 2 năm doanh thu hợp nhất của Tập đoàn A đạt từ 750 triệu EUR trở lên thì Tập đoàn A sẽ thuộc đối tượng áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu. Như vậy, Công ty A tại Việt Nam có khả năng sẽ phải nộp thuế bổ sung tại Hàn Quốc.

Các tổ chức được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu:

- Các tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao của Tập đoàn MNE, tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn MNE hoặc bất kỳ hình thức nào của các đối tượng này đều không chịu điều chỉnh của quy định Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Cơ chế Thuế tối thiểu toàn cầu quy định loại trừ tối thiểu theo quốc gia, theo đó loại trừ các Công ty thành viên có doanh thu ít hơn 10 triệu EUR (*khoảng 260 tỷ đồng*) và thu nhập ròng ít hơn 1 triệu EUR (*khoảng 26 tỷ đồng*) hoặc lỗ ròng tính trung bình trong 3 năm (*bao gồm năm xem xét và 2 năm liền kề trước đó*).

- Đối với các Tập đoàn MNE có thu nhập từ vận tải quốc tế (*bao gồm cả vận tải hàng hoá và vận tải hành khách*), thì thu nhập từ hoạt động này nếu đáp ứng điều kiện sẽ được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu

2.1. Quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (Income Inclusion Rule - IIR):

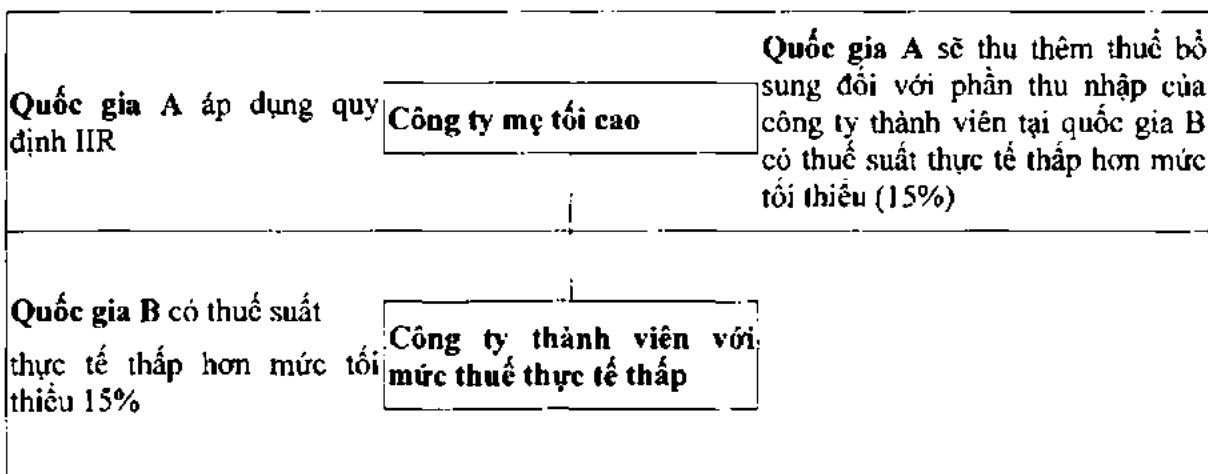
- Là quy định đánh thuế từ trên xuống, theo đó cho phép quốc gia nơi đặt

¹ Nếu tính theo tỷ giá 1 EUR = 26.000 đồng.

trụ sở của công ty mẹ tối cao được quyền đánh thuế bổ sung công ty mẹ tối cao đối với thu nhập của công ty thành viên ở các nước mà chịu thuế thực tế thấp hơn mức thuế tối thiểu 15%.

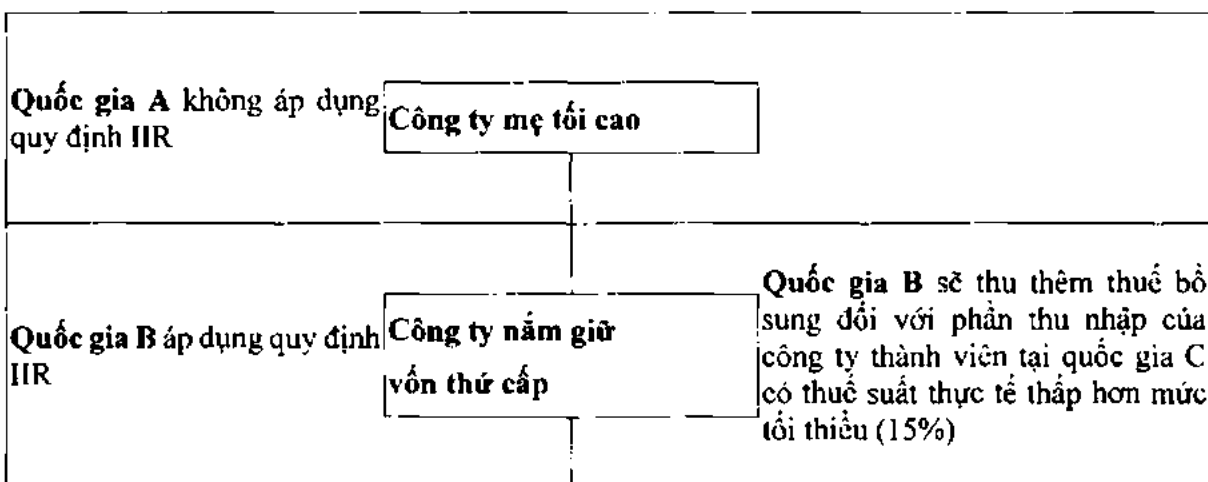
Vi dụ: Tập đoàn A của Hàn Quốc sở hữu 100% công ty thành viên B hoạt động tại Việt Nam. Công ty B được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất thực tế là 7%. Như vậy, mức thuế suất ở Việt Nam thấp hơn mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 8% ($=15\% - 7\%$). Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu Tập đoàn A nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu (15%) của công ty thành viên B tại Việt Nam.

- Cơ chế vận hành Quy định IIR cơ bản:



- Trường hợp công ty mẹ tối cao cư trú tại quốc gia chưa áp dụng IIR, thì công ty nắm giữ vốn thứ cấp kế tiếp trong chuỗi cơ cấu sở hữu của Tập đoàn (*Công ty mẹ trung gian*²) sẽ tính toán và nộp phần thuế bổ sung cho các công ty thành viên đang được hưởng thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu.

- Cơ chế vận hành IIR khi quốc gia có công ty mẹ tối cao không áp dụng quy định IIR:



² Công ty mẹ trung gian: Là một pháp nhân cấu thành trong tập đoàn mà trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu pháp nhân cấu thành khác trong cùng một nhóm MNE và không đủ điều kiện là công ty mẹ tối cao, công ty mẹ sở hữu một phần, cơ sở thường trú hoặc thực thể đầu tư.

Quốc gia C có thuế suất thực tế dưới 15%	Công ty thành viên với mức thuế thực tế thấp
--	--

- Trường hợp có công ty mẹ bị sở hữu một phần³ tại quốc gia áp dụng quy định IIR thì công ty này sẽ phải tính toán và nộp phần thuế bổ sung cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn MNE đang được hưởng thuế suất thực tế thấp hơn mức tối thiểu.

2.2. Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (Undertaxed Payment Rule - UTPR): Quy định này được thiết kế để hỗ trợ cho quy định IIR nêu trên, áp dụng trong trường hợp công ty thành viên đang chịu thuế thực tế thấp hơn mức tối thiểu nhưng chưa bị đánh thuế bổ sung theo quy định IIR tại một nước nào khác (do quốc gia có công ty mẹ tối cao hoặc công ty nắm giữ vốn thứ cấp chưa áp dụng IIR) thì các quốc gia có công ty thành viên thuộc tập đoàn (nếu các quốc gia này áp dụng quy định UTPR) sẽ có quyền thu thuế bổ sung đối với công ty thành viên ở quốc gia đó, bao gồm cả các công ty thành viên đặt tại quốc gia đặt trụ sở của công ty mẹ tối cao.

Trong trường hợp có nhiều quốc gia nơi hoạt động của các công ty thành viên của Tập đoàn MNE áp dụng quy định UTPR, mỗi quốc gia sẽ được phân bổ⁴ một phần của số thuế bổ sung dựa trên số lượng nhân viên và giá trị sổ sách ròng của tài sản hữu hình ở mỗi quốc gia. Số thuế mà công ty thành viên đó phải nộp bổ sung theo quy định UTPR được thực hiện bằng cách giảm trừ vào chi phí được trừ hoặc cộng vào nghĩa vụ thuế của công ty thành viên đó.

Ví dụ:

Tập đoàn A có trụ sở chính tại Hàn Quốc, có các công ty thành viên hoạt động tại các quốc gia: Hàn Quốc (công ty thành viên tại chính quốc), Singapore, Hồng Kông và Ấn Độ. Nếu Hàn Quốc không áp dụng các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu (quy định GloBE) thì quy định UTPR được áp dụng như sau:

+ Trường hợp chỉ có Singapore áp dụng quy định UTPR, Singapore sẽ có quyền thu thuế bổ sung của các công ty thành viên của Tập đoàn A tại Hàn Quốc,

³ Công ty mẹ bị sở hữu một phần: Là công ty thành viên (không phải công ty mẹ tối cao, cơ sở thường trú hoặc tổ chức đầu tư) mà:

- Sở hữu (trực tiếp hoặc gián tiếp) công ty thành viên của Tập đoàn MNE; và
- Có hơn 20% lợi nhuận của mình được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi những người không phải các công ty thành viên của Tập đoàn MNE.

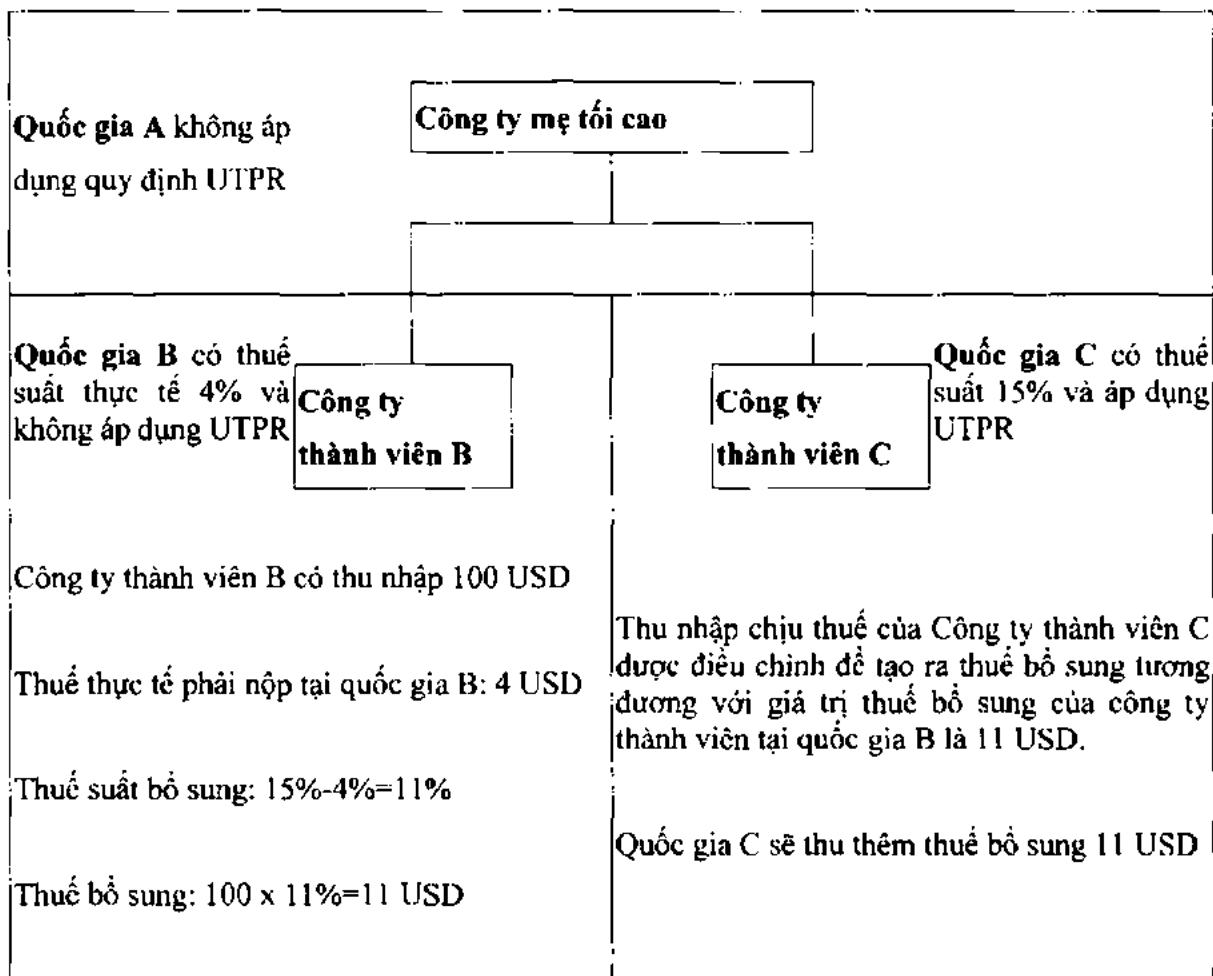
⁴ Tỷ lệ phân bổ theo quy định UTPR được xác định theo công thức sau:

$$50\% \times \frac{\text{Số nhân viên ở quốc gia áp dụng UTPR}}{\text{Số nhân viên ở tất cả các QG áp dụng UTPR}} + 50\% \times \frac{\text{Tổng giá trị sổ sách ròng của các TS hữu hình ở quốc gia áp dụng UTPR}}{\text{Tổng giá trị sổ sách ròng của các TS hữu hình ở tất cả các QG áp dụng UTPR}}$$

Hồng Kông và Ấn Độ theo quy định UTPR.

+ Trường hợp có Singapore và Hồng Kông áp dụng quy định UTPR, Ấn Độ không áp dụng quy định UTPR thì Singapore và Hồng Kông sẽ được phân bổ một phần thuế bổ sung thu được từ các công ty thành viên của Tập đoàn A tại Hàn Quốc và Ấn Độ theo quy định UTPR.

- Cơ chế vận hành cơ bản của UTPR:



2.3. Quy định thuế khấu trừ tại nguồn tối thiểu (The Subject to Tax Rule-STTR) cho phép quốc gia nguồn nơi phát sinh thu nhập (như lãi tiền vay, tiền bản quyền) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán thu nhập nêu trên cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác. Số thuế phải nộp theo quy định STTR sẽ được coi là một loại thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu. Để thực hiện quy định STTR thì các nước phải ký Hiệp định đa phương nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận (MLI).

Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Ai-len quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty liên kết tại Ai-len, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Ai-len thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung bằng hình thức khấu trừ tại nguồn phân chênh lệch giữa thuế suất danh nghĩa (5%) và thuế suất tối thiểu (9%), mặc dù Hiệp định thuế giữa Việt

Nam và Ai-len trước đó đã quy định mức thuế suất danh nghĩa đối với tiền bản quyền là 5%.

2.4. Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) là quy định quan trọng đối với các quốc gia để giành quyền đánh thuế bổ sung trước các quốc gia khác, được quy định tại Điều 10.1 trong tài liệu Quy định mẫu của OECD. Theo quy định mẫu của OECD, các nước có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế thấp hơn 15% được quyền ban hành quy định pháp luật để giành quyền thu thuế bổ sung theo quy định QDMTT trước các quốc gia khác (*Các quốc gia đang áp dụng quy định IIR và UTPR nêu trên*). Việc ban hành các quy định này phải bảo đảm “*đạt tiêu chuẩn*” theo hướng dẫn của OECD.

Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (*thường dành cho nước nhận đầu tư*) là một loại thuế tối thiểu được quy định tại nội luật của một nước, theo đó:

- Xác định các khoản Thu nhập chịu thuế tối thiểu (*sau khi giảm trừ các khoản thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động*) của các Công ty thành viên tại một nước (*Thu nhập chịu thuế tối thiểu nội địa*) theo cách tính tương đương với Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu;

- Quy định nhằm tăng nghĩa vụ thuế nội địa đối với Thu nhập chịu thuế tối thiểu nội địa lên Mức tối thiểu tính cho các Công ty thành viên tại nước đó trong Năm tài chính; và

- Được thực hiện và quản lý sao cho tương ứng với kết quả được quy định theo các Quy định Thuế tối thiểu toàn cầu và Tài liệu diễn giải, với điều kiện là nước đó không cho các công ty được hưởng bất kỳ lợi ích nào liên quan trực tiếp đến các Quy định đó.

Quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn có thể quy định tính thu nhập chịu thuế tối thiểu trong nước dựa trên Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận để ngăn chặn mọi sự thay đổi có ảnh hưởng trọng yếu đến cạnh tranh, thay vì chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối chiếu với quy định IIR và UTPR nêu trên, khi áp dụng QDMTT thì số thuế bổ sung theo quy định QDMTT sẽ được trừ khi tính thuế bổ sung tại Công ty mẹ tối cao áp dụng IIR hoặc UTPR theo công thức Thuế tối thiểu toàn cầu.

Ví dụ: Nếu Việt Nam quy định QDMTT tại nội luật, các công ty thành viên đặt tại Việt Nam của các Tập đoàn MNE (*bao gồm cả Tập đoàn MNE nước ngoài và Tập đoàn MNE có vốn đầu tư trong nước*) thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu sẽ nộp thuế bổ sung theo quy định QDMTT tại Việt Nam trước, và phần thuế bổ sung này sẽ được trừ khỏi thuế bổ sung phải nộp tại quốc gia có công ty mẹ hoặc các công ty khác trong tập đoàn khi các quốc gia đó áp dụng quy định IIR hoặc UTPR.

2.5. Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax

Credit - QRTC)

Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn (*QRTC*) là khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả với điều kiện khoản giảm trừ này thực tế phải được trả bằng tiền hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng 4 năm kể từ khi Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện được giảm trừ thuế thu nhập theo luật của nước cho giảm trừ. Khoản giảm trừ thuế thu nhập đạt chuẩn không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào được giảm trừ hoặc được hoàn trả theo các quy định cho phép khấu trừ thuế của công ty vào nghĩa vụ thuế của cổ đông.

3. Thứ tự ưu tiên trong thực hiện các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu

Quy định thuế khấu trừ tại nguồn tối thiểu (*STTR*) sẽ được ưu tiên áp dụng trước quy định GloBE (*Quy định IIR và UTPR*), trong đó số thuế đã nộp theo quy định STTR sẽ được tính vào số thuế của quy định GloBE. Trong quy định GloBE thì quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (*IIR*) sẽ được ưu tiên áp dụng trước cho công ty mẹ tối cao tại quốc gia nơi công ty mẹ tối cao đặt trụ sở chính. Trường hợp quốc gia của công ty mẹ tối cao không thực hiện quy định IIR thì quốc gia của công ty nắm giữ vốn thứ cấp kế tiếp trong chuỗi cơ cấu sở hữu của Tập đoàn sẽ được thực hiện quy định IIR đối với công ty này. Trong trường hợp các quốc gia có công ty mẹ tối cao hoặc công ty nắm giữ vốn thứ cấp không áp dụng quy định IIR thì quy định UTPR sẽ được áp dụng cho công ty thành viên. Tuy nhiên, các quốc gia được ưu tiên áp dụng quy định QDMTT để giành quyền đánh thuế trước các quốc gia áp dụng quy định IIR và UTPR.

Ngoài ra, trong một số trường hợp thì hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa các nước có thể thực hiện việc tránh đánh thuế 2 lần theo cơ chế loại trừ (*tức là một khoản thu nhập đã được đánh tại quốc gia này thì sẽ không bị đánh thuế tại quốc gia kia bất kể thuế suất là bao nhiêu*) thay vì cơ chế bù trừ (*tức là số thuế đã thu đối với một khoản thu nhập tại quốc gia này sẽ được bù trừ khi tính thuế đối với khoản thu nhập đó tại quốc gia kia*). Trong trường hợp này, một quy định chuyển nguồn tại Hiệp định có thể được thêm vào để có thể thực hiện quy định IIR.

4. Nguyên tắc áp dụng

Theo nguyên tắc áp dụng của Thuế tối thiểu toàn cầu mà OECD/G20 công bố thì các nước thành viên IF:

- **Không bắt buộc phải áp dụng** các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu, nhưng nếu lựa chọn áp dụng các quy định này thì các nước sẽ phải thực hiện nhất quán theo hướng dẫn của Thuế tối thiểu toàn cầu, phù hợp với quy định mẫu và hướng dẫn của IF; và

- Trong trường hợp một nước **không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận** các quy định Thuế tối thiểu toàn cầu được các thành viên IF khác áp dụng.

5. Thiết kế quy định

- Trong trường hợp công ty mẹ tối cao sở hữu dưới 80% cổ phần của công ty thành viên chịu thuế thấp thì số thuế bổ sung theo quy định IIR sẽ được tính

theo nguyên tắc phân bổ.

- Quy định UTPR sẽ phân bổ thuế cho các quốc gia áp dụng quy định UTPR có các công ty thành viên của công ty mẹ tối cao (*trong trường hợp quốc gia của công ty mẹ tối cao không áp dụng quy định IIR*).

- Quy định GloBE cho phép loại trừ quy định UTPR đối với các MNE đang trong giai đoạn đầu sản xuất kinh doanh quốc tế, cụ thể là các MNE có tối đa 50 triệu EUR tài sản hữu hình ở nước ngoài và hoạt động tại không quá 06 quốc gia. Việc loại trừ này được giới hạn **trong 5 năm** sau khi MNE lần đầu thuộc đối tượng của quy định GloBE. Đối với các MNE thuộc đối tượng của quy định GloBE khi các quy định này có hiệu lực thì thời gian 5 năm sẽ được bắt đầu kể từ khi quy định UTPR có hiệu lực.

6. Cách tính thuế bổ sung theo quy định GloBE

<p>Bước 1: Xác định đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu</p> <p>Xác định các Tập đoàn MNE thuộc đối tượng áp dụng (<i>loại trừ các đối tượng dưới ngưỡng doanh thu và thu nhập</i>) và nước đầu tư của các Tập đoàn.</p>
<p>Bước 2: Xác định thu nhập GloBE theo từng quốc gia</p> <p>Thu nhập GloBE của một quốc gia = Thu nhập GloBE của các Công ty thành viên – Lỗ GloBE của các Công ty thành viên</p>
<p>Bước 3: Xác định thuế đã nộp theo từng quốc gia</p> <p>Tính số thuế đã nộp sau điều chỉnh theo từng quốc gia bằng tổng số thuế đã nộp sau điều chỉnh của các công ty thành viên trong năm tài chính đó</p>
<p>Bước 4: Tính thuế suất thực tế theo từng quốc gia</p> <p>Tính toán thuế suất thực tế của Tập đoàn MNE và chọn các Tập đoàn MNE có thuế suất thực tế dưới mức tối thiểu</p>
<p>Bước 5: Tính thuế bổ sung theo từng quốc gia</p> <p>Tính thuế bổ sung theo quy định IIR hoặc UTPR cho từng quốc gia</p>

Cụ thể, các bước tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung theo từng quốc gia và thuế bổ sung của từng công ty thành viên (*Bước 4*) như sau:

Thuế đã nộp sau điều chỉnh tính trên cơ sở từng quốc gia	=	Thuế suất thực tế của từng quốc gia
Thu nhập GloBE tính trên cơ sở từng quốc gia		
Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu = Thu nhập GloBE – Thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động (SBIE*)	X	Thuế suất bổ sung = Thuế suất tối thiểu (15%) – Thuế suất thực tế theo từng quốc gia
Thuế bổ sung của từng quốc gia = (Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu x Thuế suất bổ sung) – Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)		

7. Quy định giảm trừ khoản thu nhập gắn với tài sản hữu hình và lao động (Substance-based Income Exclusion – SBIE)

Một cấu phần quan trọng trong quy định GloBE có ảnh hưởng tới hệ thống thuế nội địa là quy định giảm trừ các khoản thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động (*SBIE*). Quy định này loại trừ một phần thu nhập khi tính toán thu nhập chịu thuế tối thiểu do vậy làm giảm tác động của GloBE đối với các công ty thành viên chịu thuế thấp mà có thu nhập cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động. Việc giảm này dựa trên giá trị đầu tư tài sản hữu hình và lao động tại quốc gia có nguồn thu nhập phát sinh. Nói tóm lại, khi một công ty thành viên chịu thuế thấp đã xác định được tài sản hữu hình hoặc chi phí lao động thì thu nhập chịu thuế tối thiểu sẽ giảm. Khi thuế suất thực tế dưới 15% thì thu nhập chịu thuế tối thiểu sẽ giảm nhờ quy định này. Theo như OECD giải thích thì quy định này cho phép các nước nhận đầu tư tiếp tục đưa ra ưu đãi thuế giúp làm giảm thuế trên thu nhập thông thường từ đầu tư vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản gắn với tài sản hữu hình và lao động mà không tạo thêm thuế bổ sung.

Quốc gia A có thuế suất 20% và áp dụng IIR	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Công ty mẹ tối cao</div>	Công ty mẹ tối cao có nguồn tinh thuế 60 USD
Quốc gia B có thuế suất thực tế 5%	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Công ty thành viên</div>	<p>Công ty thành viên có thu nhập 100 USD. Thuế suất thực tế 5%. Về mặt danh nghĩa tạo ra thuế suất bổ sung 10% (=15% - 5%), tương ứng số thuế bổ sung 10 USD.</p> <p>Khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế theo SBIE được ngoại trừ của Công ty thành viên là 40 USD.</p> <p>Khoản thu nhập của Công ty thành viên để tính thuế là 60 USD (=100 - 40).</p> <p>Thuế bổ sung là 10% x 60 USD = 6 USD</p>

Các quy định GloBE cho phép giảm trừ một khoản vào lợi nhuận tương ứng 5% giá trị tài sản hữu hình trừ khấu hao và chi phí tiền lương. Trong giai đoạn chuyển tiếp 10 năm, phần thu nhập này được tính 8% giá trị tài sản hữu hình trừ khấu hao của năm đầu tiên và 10% chi phí tiền lương của năm đầu tiên; giảm hàng năm 0,2 điểm phần trăm (0,2%) trong 5 năm đầu; trong 5 năm còn lại, hàng năm giảm 0,4 điểm phần trăm (0,4%) đối với tài sản hữu hình trừ khấu hao và giảm 0,8 điểm phần trăm (0,8%) đối với chi phí tiền lương.

8. Ví dụ trường hợp tính thuế bổ sung khi Việt Nam áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu nhưng chưa áp dụng Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn

Tập đoàn A ở Hàn Quốc có 3 Công ty thành viên (B, C, D) đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Hàn Quốc thực hiện thu thuế bổ sung theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu và Việt Nam chưa áp dụng quy định thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

Trong đó:

- Số thuế phải nộp của Tập đoàn A tại Việt Nam bằng tổng số thuế các công ty thành viên phải nộp tại Việt Nam.

- Thu nhập trước thuế của Tập đoàn A tại Việt Nam bằng tổng thu nhập trước thuế của các công ty thành viên tại Việt Nam.

Đơn vị: Triệu USD

Stt	Công ty thành viên tại Việt Nam	Số thuế phải nộp tại Việt Nam	Thu nhập trước thuế tại Việt Nam	Thuế suất thực tế của công ty thành viên tại Việt Nam
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty thành viên B	70	500	14%
2	Công ty thành viên C	50	600	8,3%
3	Công ty thành viên D	105	700	15%
	Tập đoàn A	225	1.800	12,5%

Công ty mẹ	Số thuế phải nộp tại Việt Nam	Thu nhập trước thuế tại Việt Nam	Thuế suất thực tế	Thuế suất bổ sung	Chi phí tiền lương	Tài sản hữu hình	Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu	Thuế bổ sung phải nộp tại Hàn Quốc
(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = 15% - (8)	(10)	(11)	(12) = (7) - 5%*((10)+(11))	(13) = (9)*(12)
Tập đoàn A	225	1.800	12,5%	2,5%	100	1.200	1.735	43,375

9. Một số điểm lưu ý quan trọng trong hướng dẫn về Thuế tối thiểu toàn cầu

Theo hướng dẫn chi tiết về Thuế tối thiểu toàn cầu được Diễn đàn hợp tác chung IF đưa ra vào tháng 3/2022 thì có một số điểm quan trọng trong quy định GloBE như sau:

9.1. Về tỷ giá quy đổi

Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu là các Tập đoàn MNE đạt được doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất 2 năm trong 4 năm liên tiếp trước năm xem xét. Khi nội luật hóa quy định này sẽ cần tỷ giá quy đổi sang Việt Nam Đồng. Để tránh việc tỷ giá có thể biến động dẫn đến một số nước có thể có ngưỡng thấp hơn hoặc cao hơn đáng kể mức 750 triệu EUR, Thuế tối thiểu toàn cầu yêu cầu các nước phải đánh giá lại tỷ giá quy đổi mỗi năm một lần, thời gian đánh giá tùy vào quy định nội luật.

9.2. Về việc tính toán số thuế được phân bổ theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu

Theo quy định UTPR thì các quốc gia nơi có (các) công ty thành viên sẽ chỉ được thu thêm thuế đúng bằng số tiền được phân bổ theo quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu. Việc này có thể kéo dài 15 tháng kể từ khi năm tài chính kết thúc để Công ty mẹ tối cao có thể hợp nhất và tính toán số thuế phân bổ cho từng quốc gia. Trong trường hợp các doanh nghiệp điều chỉnh số thuế phải nộp do điều chỉnh theo UTPR thì các quốc gia không được phạt nộp tờ khai muộn.

9.3. Về việc khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định GloBE

Khi áp dụng các quy định GloBE, công ty thành viên phải nộp Tờ khai thông tin theo quy định GloBE cho cơ quan quản lý thuế. Trường hợp Tập đoàn MNE có nhiều công ty thành viên tại một quốc gia thì Tập đoàn có thể chỉ định một công ty thành viên nộp Tờ khai.

Tờ khai thông tin theo quy định GloBE sẽ được thiết kế theo mẫu tiêu chuẩn được phát triển theo Khung triển khai GloBE và sẽ bao gồm các thông tin liên quan đến Tập đoàn MNE.

Tờ khai thông tin theo quy định GloBE sẽ được nộp cho cơ quan quản lý thuế của quốc gia áp dụng quy định GloBE không quá 15 tháng sau ngày cuối cùng của năm tài chính.

9.4. Về Chuẩn mực kế toán được áp dụng

Chuẩn mực kế toán được áp dụng khi thực hiện quy định GloBE bao gồm Chuẩn mực kế toán được công nhận và Chuẩn mực toán được chấp nhận:

- Chuẩn mực kế toán được chấp nhận là Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận của Úc, Brazil, Canada, Các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, các Quốc gia Thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga,

Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

- Chuẩn mực kế toán tài chính được công nhận, đối với bất kỳ tổ chức nào, là một tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được Cơ quan Kế toán có thẩm quyền tại nước đặt trụ sở của tổ chức đó cho phép áp dụng.

9.5. Về quá trình thực hiện rà soát đồng cấp

Khi một quốc gia nội luật hóa các quy định GloBE tại nội luật, quá trình rà soát đồng cấp sẽ được thực hiện để xem xét liệu quy định tại nội luật của quốc gia đó có đạt chuẩn hay không.

Quá trình rà soát đồng cấp bao gồm 2 bước:

Bước 1: Tự rà soát, đánh giá;

Bước 2: Rà soát, đánh giá chi tiết. Bước này được thực hiện bởi Nhóm công tác số 11 của OECD. Đây là Nhóm công tác của OECD, bao gồm đại diện của các quốc gia thành viên IF.

Ví dụ, khi trường hợp quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa được đánh giá là đạt chuẩn thì số thuế đã nộp theo quy định này sẽ được khấu trừ toàn bộ vào khoản thuế bổ sung phát sinh theo các quy tắc mẫu GloBE tại một quốc gia, nghĩa là nếu Việt Nam áp dụng QDMTT, thu nhập của công ty thành viên phát sinh tại Việt Nam sẽ không phải chịu thêm bất kì khoản thuế bổ sung nào theo các quy tắc mẫu GloBE tại bất kì quốc gia nào khác. Trong trường hợp một hình thức thuế bổ sung nội địa khác không đạt chuẩn được áp dụng (*như áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động*), sẽ có rủi ro là thuế đã nộp ở Việt Nam có thể không được ghi nhận toàn bộ vào công thức tính Thuế áp dụng điều chỉnh theo đúng quy định, do đó có thể phát sinh thuế bổ sung, ảnh hưởng đến lợi ích của công ty đầu tư tại Việt Nam.

Kết quả rà soát đồng cấp sẽ được công khai trên website của OECD, là cơ sở quan trọng để các tập đoàn tự tính toán số thuế phải nộp và các quốc gia khác tính toán số thuế được thu bổ sung. _____

Phụ lục 5
TÌNH HÌNH ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI CÁC NƯỚC
(Cập nhật ngày: 31/3/2023)

Chú thích:

(*) Đã xác định: bôi đậm; kế hoạch/chưa xác định: không bôi đậm

(**) Trạng thái luật hóa:

A: Chưa công bố kế hoạch luật hóa,

B: Đã công bố kế hoạch luật hóa,

C: Quốc Hội đang xem xét/thẩm định,

D: Hoàn thành Dự thảo Luật,

E: Phát hành Nghị định,

F: Hoàn thành thủ tục luật hóa (bao gồm cả Luật, văn bản hướng dẫn chi tiết)

- Về cơ bản các quốc gia thuộc EU phải áp dụng đồng nhất nội luật hóa như đề cập ở trên vì lý do là quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của EU Directive, tuy nhiên trường hợp của Hà Lan, Đức, Ba Lan, Hungary đã trình bày vào cột riêng vì có hạng mục cần chú ý.

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IIR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
EU (Đối tượng áp dụng của EU Directive)					
Hi Lạp	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> EU Directive được thông qua vào tháng 12/2022 nên các quốc gia thuộc EU sẽ phải hoàn thành thủ tục nội luật hóa trong năm 2023 để thực hiện Thuế tối thiểu toàn cầu theo kỳ hạn dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> - IIR: ngày 1/1/2024 - UTPR: ngày 1/1/2025
Đan Mạch	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Ru-ma-ni	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Bỉ	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Tây Ban Nha	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Slovakia	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Slovenia	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Ireland	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Áo	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IIR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
Italia	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Séc	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Croatia	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Bồ Đào Nha	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Pháp	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Phần Lan	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Lúc-xăm-bua	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định		
Thụy Điển	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	C-D	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng nghĩa vụ nội luật hóa giống như trên vì là quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của EU Directive • Ngày 07/2/2023, đã trình Thủ Tướng và Bộ Tài Chính dự thảo Luật về thuế bổ sung đối với công ty thuộc các Tập đoàn lớn (<i>A Law on additional tax for companies in large groups</i>), trong đó nội dung về QDMTT được đề xuất trong Chương 9 về Thuế nội địa bổ sung (<i>Additional National Tax hoặc National surtax</i>)
Hà Lan	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	C	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng nghĩa vụ nội luật hóa giống như trên vì là quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của EU Directive • Hoàn thành xin ý kiến sau khi công bố bản Dự thảo sửa đổi luật Hệ thống thuế Quốc tế, trong đó QDMTT được quy định tại Chương 3. Thuế nội địa bổ sung.
Đức	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày 20/3/2023, Bộ Tài chính Đức đã công bố dự thảo luật để thực hiện chi thị EU về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các tập đoàn doanh nghiệp đa quốc gia và tập đoàn nội địa lớn trong nước (Đạo luật thực hiện chi thị về thuế tối thiểu - <i>MinBestRI-UmsG</i>).

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	HR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
					<ul style="list-style-type: none"> Dự thảo Luật bao gồm hướng dẫn chi tiết về Thuế bổ sung toàn cầu và Thuế bổ sung nội địa (Phần 10). Ngoài ra, Dự thảo có hướng dẫn về nguyên tắc "Safe Harbour" liên quan đến QDMTT.
Ba Lan	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Là thành viên EU, tháng 6.2022 phản đối EU Directive tuy nhiên gần đây đã đồng ý Áp dụng nghĩa vụ nội luật hóa giống như trên vì là quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của EU Directive
Hungary	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Thuộc EU nhưng đã không tham gia ý kiến tại buổi bỏ phiếu mà đã được nhất trí toàn bộ của EU Directive, tuy nhiên do là đối tượng áp dụng của EU Directive nên cũng phải áp dụng nghĩa vụ nội luật hóa giống như trên Có động thái sẽ áp dụng QDMT
Châu Âu (Các quốc gia không thuộc thành viên EU)					
Thụy Sĩ	'24.1.1	'24.1.1	'24.1.1	D-E	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 16/12/2022, Quốc hội Thụy Sĩ đã thông qua Sắc lệnh của Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ về việc sửa đổi Hiến pháp để thực hiện Quy tắc Mẫu Hai Trụ cột của OECD quy định mức thuế tối thiểu toàn cầu. Việc sửa đổi hiến pháp sẽ được trưng cầu dân ý công khai vào tháng 6 năm 2023. Bản Dự thảo Pháp lệnh quy định mức thuế tối thiểu đối với các tập đoàn đa quốc gia lớn thông qua việc đóng thuế bổ sung trên phần lợi nhuận của các công ty dựa trên 2 trường hợp: "Thuế bổ sung của Thụy Sĩ" (Swiss Supplementary Tax); và "Thuế bổ sung quốc tế" (International Supplementary Tax).

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IIR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
Vương quốc Anh	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	C-D	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 23/3/2023, Vương quốc Anh đã công bố Dự thảo luật Tài chính mùa xuân 2023 (dự thảo luật) bao gồm IIR và QDMTT. Dự thảo luật rất toàn diện bao gồm các khía cạnh liên quan của Quy tắc mẫu, Bình luận và Hướng dẫn chi tiết đã xuất bản khác của OECD. Đặc biệt, dự thảo quy định Quy tắc IIR (được đặt tên là Thuế bổ sung đa quốc gia) và Thuế bổ sung nội địa (có thể hiểu là QDMTT).
Na Uy	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	B	<ul style="list-style-type: none"> Đang lấy ý kiến (~15.4.2023) về dự thảo luật cải cách thuế Na Uy một cách toàn diện trong đó bao gồm vấn đề thuế suất tối thiểu toàn cầu (mục tiêu áp dụng từ năm 2024)
Liechtenstein	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	C	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 29/03/2023, công bố dự thảo luật để thực hiện Quy tắc Trụ cột Hai GloBE, bao gồm IIR, UTPR và QDMTT. Dự thảo Luật sẽ được lấy ý kiến cho đến ngày 2/6/2023, với dự kiến bản cuối cùng sẽ được trình Quốc hội vào đầu tháng 9/2023.
Châu Á và Châu Đại Dương					
Hàn Quốc	'24.1.1	'24.1.1	chưa xác định	E	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành thủ tục luật hóa Dự kiến ban hành Nghị định và văn bản hướng dẫn trong năm 2023
Nhật Bản	'24.4.1	'25.4.1	'25.4.1	C	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 28/3/2023, Hạ viện đã thông qua Dự thảo luật sửa đổi một phần Đạo luật thuế thu nhập. Hiệp Hội Tiêu chuẩn Kế Toán Nhật Bản (ASBJ) sẽ ban hành bản chính thức của Báo cáo Ứng phó Thực tế đối với các xử lý thuế đặc biệt trong ngắn hạn liên quan đến thuế hoãn lại phát sinh từ Thuế tối thiểu Toàn

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IIR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
					<ul style="list-style-type: none"> câu. Luật này chỉ bao gồm nội dung về IIR. QDMIT và UTPR dự kiến sẽ được đưa vào Dự thảo Cải cách thuế năm 2024.
Trung Quốc	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Đang vận hành tổ công tác(TF) với thành viên chủ chốt là Bộ Tài chính và Tổng cục thuế Dự kiến thực hiện luật hóa theo hướng có thể thúc đẩy tăng trưởng FDI của các công ty đa quốc gia Ngày 27/2/2023, hoạt động tham vấn thực hiện bởi Bộ Tài chính đã kết thúc.
Ấn Độ	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến sẽ tìm kiếm phương án sửa đổi Luật thuế trong nước sau khi rà soát nghiên cứu quy tắc lập pháp và Hướng dẫn chi tiết của OECD Dự kiến sẽ đề cập đối sách ứng phó thuế suất tối thiểu toàn cầu trong báo cáo ngân sách được công bố vào tháng 2.2023
Malaysia	'24.1.1	'24.1.1	'24.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> Đang vận hành tổ công tác đặc biệt (TF) bao gồm Bộ Tài chính, cơ quan thuế, và các bộ ngành liên quan với mục đích phân tích tác động ảnh hưởng và luật hóa Thuế suất tối thiểu toàn cầu Tháng 8.2022: mở buổi công khai lấy ý kiến liên quan đến Trụ cột 2 Trong bài phát biểu về Kế hoạch ngân sách 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Malaysia có mục tiêu sẽ áp dụng QDMIT từ năm 2024.
Singapore	'25.1.1	'25.1.1	'25.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> Đã công bố kế hoạch áp dụng thuế suất tối thiểu toàn cầu thông qua Kế hoạch ngân sách năm 2023

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IRR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
Indonesia	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định	B	<ul style="list-style-type: none"> Dang tiến hành nghiên cứu rà soát về tác động tương hỗ giữa thuế suất tối thiểu toàn cầu và chính sách miễn giảm thuế TNDN, đánh giá mức độ ảnh hưởng...
Thái Lan	'25.1.1	'25.1.1	'25.1.1	A	<ul style="list-style-type: none"> 7/3/2023, Nội các Thái Lan, đã phê duyệt các biện pháp hỗ trợ thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu theo đề xuất của Ủy ban Đầu tư Thái Lan. Cục Doanh thu cũng cho biết họ đang trong quá trình soạn thảo dự luật thu thuế bổ sung để dự thảo luật được công bố để phê duyệt trong năm 2023 và có hiệu lực vào năm 2025.
Hong Kong	'25.1.1	'25.1.1	'25.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> 22/2/2023, công bố kế hoạch áp dụng thuế tối thiểu từ 2025 trong Kế hoạch ngân sách 2023
Đài Loan	'24.1.1	'24.1.1	'24.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến chuẩn bị Dự thảo luật để chính phủ tăng thuế suất tối thiểu trong nước của Đài Loan từ 12% lên 15%, có hiệu lực sớm nhất kể từ 1.1.2024
New Zealand	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành lấy ý kiến vào tháng 5.2022 Dự kiến công bố Dự thảo luật vào tháng 3.2023 và thông qua vào tháng 9.2023
Úc	'24.1.1	'25.1.1	chưa xác định	B	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành lấy ý kiến công khai về việc có luật hóa hay không(cho tới tháng 11/2022)
Châu Mỹ					
Hoa Kỳ	'23.1.1	'25.1.1	chưa xác định	B	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 9/3/2023, Nhà Trắng đã công bố Kế hoạch Ngân sách năm tài chính 2024, cùng với phân giải thích chung (Greenbook) bởi Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Trong đó đề xuất một vài nội dung liên quan đến thuế quốc tế trong bối cảnh Trụ cột 2: <ul style="list-style-type: none"> Nâng mức thuế suất tối thiểu của Global intangible low-

Quốc gia	Lịch trình áp dụng (*) (theo tiêu chuẩn nội luật hóa)				Ghi chú
	IIR	UTPR	QDMT	Trạng thái luật hóa(**)	
					<p>taxed income – GILTI (một cơ chế thuế tối thiểu của hiện hành của Mỹ) từ 10.5% lên 21% và sửa đổi các quy tắc liên quan để phù hợp với các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Trụ cột Hai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế Thuế chống lạm dụng xói mòn cơ sở (BEAT) bằng "quy tắc lợi nhuận dưới thuế" (UTPR) phù hợp với UTPR trong quy tắc Trụ cột Hai. - Ngân sách cũng nhắc đến Thuế bổ sung tối thiểu nội địa nhằm ngăn cản việc các quốc gia khác áp đặt UTPR.
Canada	'24.1.1	'25.1.1	'24.1.1	B	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 28/3/2023 đã công bố Ngân sách quốc gia năm 2023, xác nhận rằng Canada sẽ ban hành luật thực hiện IIR và QDMTT áp dụng cho các tập đoàn Đa quốc gia của Canada, có hiệu lực từ 2024. UTPR sẽ có hiệu lực vào 2025.
Châu Phi					
Các quốc gia Châu Phi	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	A	<ul style="list-style-type: none"> Để hỗ trợ các quốc gia châu Phi muốn ban hành QDMT, ATAF (Diễn đàn quản lý thuế châu Phi) đã phát triển Phương pháp tiếp cận đề xuất đề soạn thảo luật thuế bổ sung tối thiểu trong nước.
Nam Phi	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	B	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2023, Chính phủ sẽ công bố quan điểm dự thảo về việc thực hiện Trụ cột Hai để lấy ý kiến công chúng và dự thảo luật sẽ được chuẩn bị để đưa vào Dự luật sửa đổi Luật Thuế năm 2024.

TÓM TẮT NỘI DUNG QDMTT CỦA CÁC QUỐC GIA

1. THUY SỸ¹

Văn bản: Dự thảo pháp lệnh về Thuế tối thiểu đối với các công ty thuộc Tập đoàn lớn

Ngày ban hành: 17/08/2022

Thời gian dự kiến áp dụng: Từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đối với IIR, UTPR và QDMTT

Các nội dung chính

PHẦN 1 - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi

1. Sắc lệnh này điều chỉnh mức thuế tối thiểu đối với các nhóm doanh nghiệp đa quốc gia lớn bằng cách áp dụng một loại thuế bổ sung được tính trên lợi nhuận của các công ty con của họ, bao gồm:

- Thuế kết nối đến Thụy Sĩ (thuế bổ sung của Thụy Sĩ);
- Thuế không kết nối tài chính đến Thụy Sĩ (thuế bổ sung quốc tế).

2. Kết nối thuế được xác định bởi Khoản 50 đến 52 của Đạo luật ngày 14 tháng 12 năm 1990 về thuế liên bang trực tiếp (LIFD).

Điều 2. Luật áp dụng

1. Theo các điều khoản của Sắc lệnh này và theo luật liên bang về thuế thu nhập doanh nghiệp, "Quy tắc xói mòn cơ sở toàn cầu (Trụ cột thứ hai)" được phê duyệt vào ngày 14 tháng 12 năm 2021 theo Diễn đàn Hợp tác chung của OECD/G20 về BEPS (Quy tắc mẫu) sẽ được áp dụng.

2. Đặc biệt, các quy tắc mẫu nên được giải thích cùng với bình luận kèm theo và các quy định có liên quan của OECD và G20.

3. Theo mục đích của các quy tắc mẫu, Thụy Sĩ được coi là:

- quốc gia thực thi theo định nghĩa tại Điều 2.1, 2.4, 2.6, 6.5, 8, 9.3.5, 9.4.1 và 10.1.1. của Quy tắc mẫu;
- quốc gia tham chiếu theo định nghĩa tại Điều 9.3.5 của Quy tắc mẫu

Điều 3. Công ty thành viên

Công ty thành viên được định nghĩa là Công ty thành viên được đề cập trong Điều 1.3.1. các Quy tắc Mẫu.

¹ Nguồn:

https://www.fedlex.admin.ch/filestore/fedlex.data.admin.ch/eli/dl/proj/2022/14/cons_1/doc_1/fr/pdf-a/fedlex-data-admin-ch-cli-dl-proj-2022-14-cons_1-doc_1-fr-pdf-a.pdf

PHẦN 2 - THUẾ BỔ SUNG CỦA THỤY SĨ

Điều 4. Phạm vi

1. Lợi nhuận của các công ty thành viên là đối tượng cư trú thuế tại Thụy Sĩ của một tập đoàn có công ty mẹ tối cao ghi nhận, theo báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm, doanh thu hàng năm ít nhất là 750 triệu EUR, phải chịu thuế bổ sung của Thụy Sĩ.

2. Nếu quốc gia cư trú thuế nơi công ty mẹ cuối cùng của tập đoàn đặt trụ sở áp dụng ngưỡng doanh thu hợp nhất hàng năm thấp hơn, thì lợi nhuận của các công ty con là đối tượng cư trú thuế tại Thụy Sĩ cũng phải chịu thuế bổ sung của Thụy Sĩ.

3. Lợi nhuận của một công ty thành viên là đối tượng cư trú thuế của Thụy Sĩ phải chịu thuế bổ sung của Thụy Sĩ không liên quan đến quốc gia mà công ty mẹ cuối cùng là đối tượng cư trú thuế.

Điều 5. Tính toán

Thuế bổ sung của Thụy Sĩ được tính tương tự theo Điều 5.1-5.6 của Quy tắc mẫu; Các quy định đặc biệt có liên quan cũng sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp. Khi tính toán theo Điều 5.2.3 của Quy tắc mẫu, thuế bổ sung của Thụy Sĩ không được khấu trừ.

PHẦN 3 - THUẾ BỔ SUNG QUỐC TẾ

Điều 6. Phạm vi

1. Thuế bổ sung quốc tế được tính trên cơ sở lợi nhuận của các công ty thành viên không đặt tại Thụy Sĩ của một nhóm công ty có công ty mẹ tối cao ghi nhận, theo báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm, doanh thu hàng năm ít nhất là 750 triệu EUR.

2. Thuế bổ sung quốc tế theo Điều. 2.1 đến 2.3 của Quy tắc mẫu về Quy tắc bao gồm thu nhập (IIR) sẽ được tính toán trên cơ sở lợi nhuận của các công ty thành viên là đối tượng cư trú thuế của các quốc gia khác và:

- a. Có công ty mẹ tối cao đặt trụ sở tại Thụy Sĩ, hoặc
- b. trong đó một công ty không phải là công ty mẹ tối cao đặt tại Thụy Sĩ và lợi nhuận của họ không phải tuân theo nguyên tắc IIR ở nước ngoài.

3. Theo Điều 2.4 và 2.5 của Quy tắc mẫu về Quy tắc các khoản thanh toán bị đánh thuế thấp (UTPR), thuế bổ sung quốc tế được áp dụng cho lợi nhuận của các công ty con là đối tượng cư trú thuế tại quốc gia khác và công ty mẹ cuối cùng của công ty con là đối tượng cư trú thuế tại quốc gia khác, với điều kiện là ít nhất một công ty thành viên của nhóm công ty là đối tượng cư trú thuế của Thụy Sĩ và lợi nhuận của các công ty thành viên nước ngoài có liên quan đó không phải tuân theo nguyên tắc IIR ở nước ngoài.

Điều 7. Tính thuế bổ sung quốc tế

Thuế bổ sung quốc tế được tính theo Điều. 5.1-5.6 của Quy tắc mẫu; Các

quy định đặc biệt có liên quan cũng được áp dụng.

MỤC 4 - PHÂN BỐ THUẾ BỔ SUNG CHO CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Điều 8

1. Thuế bổ sung của Thụy Sĩ đối với một nhóm công ty được phân bổ cho các công ty thành viên riêng lẻ theo số tiền thuế bổ sung phát sinh từ việc tính toán dựa trên báo cáo tài chính riêng lẻ của các công ty thành viên. Vì mục đích này, các loại thuế bao gồm, lợi nhuận xác định và lợi nhuận thặng dư cho từng công ty thành viên sẽ được tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính được lập cho từng công ty thành viên theo các quy tắc tiêu chuẩn.

2. Số tiền thuế bổ sung quốc tế áp dụng theo UTPR được phân bổ cho các công ty thành viên theo cùng tiêu chí như quy định tại Điều 2.6 của Quy tắc mẫu.

3. Nếu một công ty thành viên bị đánh thuế ở một số bang, thì thuế bổ sung được phân bổ cho các đối tượng này theo các quy tắc của luật liên bang liên quan đến việc cấm đánh thuế hai lần ở các bang.

PHẦN 5 - PHÂN CHIA TỔNG SỐ TIỀN THUẾ THU ĐƯỢC

Điều 9

1. Tổng số tiền thu được từ thuế bổ sung của Thụy Sĩ từ các hoạt động được miễn thuế thu nhập theo Điều 56 LIFD của các công ty thành viên thuộc Liên bang, các bang và xã liên quan đến mức thuế tối thiểu theo các quy tắc mẫu là trách nhiệm của các cơ quan công quyền có liên quan.

2. Ngoài ra, phần phân chia số tiền thuế theo bang được chuyển về các bang theo mối liên hệ thuế của các công ty thành viên chịu thuế bổ sung. Nếu một công ty thành viên có các đối tượng thuế ở một số bang, tổng số tiền thu tích lũy cho các bang sẽ được phân bổ cho các đối tượng này.

PHẦN 6 - CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 10 Sửa đổi một đạo luật khác

1. Sắc lệnh ngày 22 tháng 8 năm 1967 về khấu trừ thuế nước ngoài thu tại nguồn được sửa đổi như sau:

Điều 8 Đoạn 2, Câu 2e

2 Thuế bổ sung theo nghĩa của lệnh ... Thuế tối thiểu⁸ không được khấu trừ để tính số tiền tối đa.

Điều 11 Hiệu lực

Sắc lệnh này có hiệu lực kể từ ngày ...

2. HÀ LAN²

Văn bản: Dự thảo sửa đổi luật Hệ thống thuế Quốc tế

Ngày ban hành: 24/10/2022

Thời gian dự kiến áp dụng: Dự kiến Hà Lan sẽ áp dụng IIR, QDMTT từ 31/12/2023 và UTPR từ 31/12/2024.

Các nội dung chính: Bao gồm cả 03 nguyên tắc QDMTT, IIR và UTPR.

CHƯƠNG 1 – CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1.1. Thuế tối thiểu

Trong phạm vi của Thuế tối thiểu, các công ty được nêu tại Đoạn văn đầu tiên của Điều 2.1 sẽ chịu các loại thuế sau:

- a. Thuế bổ sung theo nội địa, theo hướng dẫn tại Chương 3
- b. Thuế bổ sung theo nguyên tắc gộp thu nhập, theo hướng dẫn tại Chương 4
- c. Thuế bổ sung theo nguyên tắc thanh toán thuế tối thiểu, theo hướng dẫn tại Chương 5

Điều 1.2. Định nghĩa:

1. Phục vụ cho quy định của Luật này và các điều khoản hướng dẫn, các định nghĩa sau sẽ được sử dụng:

Thuế tối thiểu nội địa đạt tiêu chuẩn: Một loại thuế được áp dụng theo nội luật của Bang, với điều kiện Bang đó không cung cấp các lợi ích liên quan đối với khoản thuế này, trong đó có quy định:

a. Cách xác định lợi nhuận thặng dư của các công ty thành viên trong tập đoàn tại Bang đó và việc áp dụng thuế suất bổ sung của Bang lên lợi nhuận thặng dư của các công ty thành viên trong Tập đoàn theo các nguyên tắc được hướng dẫn tại Chỉ thị EU 2022/PM, hoặc nếu liên quan đến Bang thứ 3, các Quy tắc mẫu của OECD

b. Được áp dụng thống nhất với các nguyên tắc được hướng dẫn tại Chỉ thị EU 2022/PM, hoặc nếu liên quan đến Bang thứ 3, các Quy tắc mẫu của OECD

CHƯƠNG 2 - PHẠM VI

Điều 2.1 Phạm vi

1. Luật này áp dụng đối với các công ty thành viên trong năm báo cáo, ngoài các tổ chức được loại trừ nêu tại Điều 2.2, là một phần của tập đoàn đa quốc gia hoặc tập đoàn lớn trong nước, có doanh thu ít nhất 750.000.000 € mỗi năm trong ít nhất hai trong bốn năm báo cáo ngay trước năm xem xét theo báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao của tập đoàn, bao gồm cả doanh thu của

² Nguồn: [Netherlands launches online consultation on draft bill for the proposed Minimum Tax Rate Act 2024 | News item | Government.nl](#)

các công ty bị loại trừ nêu tại Điều 2.2. Nếu ít hơn bốn năm báo cáo trước năm được xem xét, Luật này sẽ được áp dụng nếu doanh thu được đề cập trong câu đầu tiên đã đạt được trong ít nhất hai trong số các năm báo cáo ngay trước năm được xem xét.

2. Nếu một hoặc nhiều năm báo cáo ngay trước năm xem xét dài hơn hoặc ngắn hơn khoảng thời gian mười hai tháng, số tiền € 750.000.000 cho năm hoặc các năm báo cáo đó sẽ được tăng hoặc giảm tương ứng với số tháng trong năm hoặc các năm báo cáo.

CHƯƠNG 3 - THUẾ BỔ SUNG NỘI ĐỊA

Điều 3.1. Nghĩa vụ nộp thuế bổ sung nội địa

1. Đối tượng chịu thuế là các công ty thành viên được thành lập tại Hà Lan theo quy định tại đoạn văn đầu của Điều 2.1, mà là các công ty nộp thuế thấp.

2. Trong trường hợp các công ty thành viên tại Khoản 1 cùng thuộc một Tập đoàn, thuế bổ sung nội địa sẽ được đánh trên cơ sở coi toàn bộ các công ty này là một thực thể chịu thuế, trên cơ sở rằng thu nhập theo chuẩn của các công ty này cho mục đích hướng dẫn tại Điều 8.2, đoạn thứ 5, là thu nhập theo chuẩn của công ty được nêu tại đoạn (a) và (b) sau. Cụ thể, Thuế bổ sung nội địa sẽ được đánh cho các đối tượng sau:

(a) Công ty mẹ được thành lập tại Hà Lan và không được sở hữu bởi bất kỳ công ty nào khác được thành lập tại Hà Lan;

(b) Một thành viên được chỉ định bởi Tập đoàn hoặc bởi một bên thanh tra được thành lập tại Hà Lan trong trường hợp có nhiều công ty mẹ được thành lập tại Hà Lan hoặc không có công ty mẹ nào được thành lập tại Hà Lan. Trong trường hợp này, bên thanh tra có thể quyết định công ty thành viên nào phải nộp thuế tối thiểu nội địa.

3. Nếu Đoạn (b) của Đoạn văn thứ 2 áp dụng, bên thanh tra, mặc dù có hay không có yêu cầu của công ty thành viên, sẽ quyết định công ty thành viên nào được thành lập tại Hà Lan sẽ phải thực hiện nộp thuế bổ sung nội địa.

4. Bằng hoặc thông qua các thủ tục hành chính chung, các quy tắc chi tiết có thể được đưa ra để thực hiện đoạn 3 nêu trên.

Điều 3.2. Mức thuế bổ sung tối thiểu nội địa

1. Thuế bổ sung trong nước được tính bằng với thuế bổ sung đối với Tập đoàn tại Hà Lan được tính theo công thức tại Điều 8.2, đoạn thứ hai, nhưng không bao gồm số thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn trong năm của Hà Lan.

2. Cho mục đích của đoạn thứ nhất, khoản lợi nhuận thặng dư nêu tại Điều 8.2, đoạn thứ hai và thứ tư, thay vì dựa trên cơ sở chuẩn mực báo cáo tài chính được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ cuối cùng, có thể được xác định theo chuẩn mực báo cáo tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực báo cáo tài chính được cho phép với điều kiện là dữ liệu trong báo cáo tài chính đã được điều chỉnh để ngăn chặn bất kỳ sự bóp méo trọng yếu nào của cạnh tranh.

3. Nếu một khoản thuế bổ sung nội địa được coi là một loại thuế bổ sung thêm trên cơ sở Điều 8.4, đoạn thứ ba, thì khoản thuế bổ sung đó sẽ không được tính toán cho mục đích của đoạn thứ nhất.

CHƯƠNG 8 - TÍNH TOÁN THUẾ SUẤT HIỆU QUẢ VÀ THUẾ BỔ SUNG

Điều 8.1 Tính thuế suất hiệu quả

1. Thuế suất hiệu quả của một tập đoàn đa quốc gia hoặc tập đoàn lớn trong nước trong năm báo cáo sẽ được tính cho từng Bang nơi các công ty con của tập đoàn đó được thành lập, nếu có thu nhập ròng đủ điều kiện được tại Bang đó, như được đề cập tại đoạn thứ hai, theo công thức: $E = (B / I) \times 100\%$ với các định nghĩa sau:

E: thuế suất hiệu quả cho năm báo cáo của một Bang, được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm được làm tròn số học đến bốn chữ số thập phân;

B: tổng số thuế đã điều chỉnh liên quan trong năm được xem xét của tất cả các công ty con trong tập đoàn được thành lập tại Bang đó, được tính theo hướng dẫn của Chương 7;

I: thu nhập ròng đạt chuẩn cho năm báo cáo của tất cả các công ty con trong tập đoàn được thành lập tại Bang đó, được tính trên cơ sở của đoạn thứ hai.

2. Thu nhập hoặc lỗ ròng đạt chuẩn trong một năm báo cáo của tất cả các công ty trong tập đoàn được thành lập tại một Bang được tính theo công thức: $I = W - V$ với các định nghĩa sau:

I: thu nhập hoặc lỗ ròng đạt chuẩn trong một năm báo cáo của tất cả các công ty con được thành lập tại một Bang;

W: tổng thu nhập đạt chuẩn cho năm báo cáo của tất cả các công ty trong tập đoàn được thành lập tại Bang đó, được tính trên cơ sở của Chương 6;

V: tổng các khoản lỗ đạt chuẩn cho năm báo cáo của tất cả các công ty trong tập đoàn được thành lập tại Quốc gia đó, được tính trên cơ sở của Chương 6.

3. Vì mục đích của đoạn thứ nhất và thứ hai, các loại thuế đã điều chỉnh có liên quan và thu nhập hoặc tổn thất đạt chuẩn của các công ty trong tập đoàn là các công ty đầu tư sẽ không được tính đến.

4. Thuế suất hiệu quả của một tổ chức không xác định được quốc gia cư trú trong một năm báo cáo được tính riêng biệt với thuế suất hiệu quả của tất cả các công ty khác.

Điều 8.2. Cách tính thuế bổ sung

1. Trường hợp trong năm báo cáo, thuế suất hiệu quả của tập đoàn đa quốc gia hoặc tập đoàn lớn trong nước tại Bang nơi thành lập các pháp nhân của tập đoàn thấp hơn mức thuế suất tối thiểu thì tập đoàn đa quốc gia hoặc tập đoàn lớn trong nước tính thuế bổ sung:

a. Đối với Bang đó, theo các đoạn từ thứ hai đến thứ tư; Và

b. đối với mỗi công ty trong tập đoàn có thu nhập đạt chuẩn được tính vào tổng thu nhập ròng đạt chuẩn của Bảng đó, theo đoạn thứ năm và thứ sáu.

2. Số thuế phải nộp tăng thêm cho một năm báo cáo là số dương được tính theo công thức:

$S = (P \times O) + A - N$ trong đó được hiểu là:

S: tiền thuế trong năm báo cáo của một Bang;

P: mức thuế suất cho năm báo cáo đối với Bang đó, được tính trên cơ sở của đoạn thứ ba;

O: lợi nhuận thặng dư cho năm báo cáo đó, được tính trên cơ sở của đoạn thứ tư;

A: số tiền thuế bổ sung được bổ sung cho năm báo cáo, được tính toán trên cơ sở Điều 8.4;

N: số tiền trong năm được xem xét cho Bang đó.

3. Thuế suất bổ sung của một tập đoàn đa quốc gia hoặc tập đoàn lớn trong nước đối với một Quốc gia trong năm báo cáo là chênh lệch tính theo phần trăm, nếu dương, được tính theo công thức: $P = M - E$ khi áp dụng các định nghĩa sau:

P: mức thuế suất bổ sung cho một năm báo cáo của một Bang;

M: mức thuế tối thiểu;

E: thuế suất hiệu quả cho năm báo cáo của Bang đó, được tính trên cơ sở Điều 8.1, đoạn đầu tiên.

4. Phần lợi nhuận thặng dư trong năm báo cáo ở một bang là số dương được tính theo công thức: $O = I - R$ trong đó được hiểu là:

O: số lợi nhuận thặng dư cho một năm báo cáo tại một Bang;

I: thu nhập ròng đạt chuẩn cho năm được xem xét tại Bang đó, được tính toán trên cơ sở Điều 8.1, đoạn thứ hai;

R: thu nhập được loại trừ theo bản chất cho năm báo cáo trong báo cáo đó, được tính trên cơ sở của Điều 8.3.

5. Khoản thuế bổ sung cho một công ty trong tập đoàn cho một năm báo cáo là số tiền được tính theo công thức: $H = S \times (G / W)$ khi áp dụng các định nghĩa sau:

H: khoản thuế bổ sung cho một năm báo cáo đối với một công ty trong tập đoàn;

S: tiền thuế cho năm báo cáo đối với Quốc gia nơi tập đoàn đó được thành lập, được tính trên cơ sở của đoạn thứ hai;

G: thu nhập đạt chuẩn của công ty thuộc tập đoàn đó trong năm được xem xét, được tính trên cơ sở của Chương 6;

W: tổng thu nhập đạt chuẩn cho năm báo cáo của tất cả các công ty trong

tập đoàn được thành lập tại Bang đó, được đề cập trong Điều 8.1, đoạn thứ hai.

6. Nếu thuế bổ sung cho một Bang là kết quả của việc tính toán lại theo Điều 8.4, đoạn đầu tiên và không có thu nhập ròng đạt chuẩn tại Bang đó trong năm được xem xét, thì thuế bổ sung sẽ được phân bổ cho từng công ty trong tập đoàn dựa trên cơ sở của công thức trong đoạn thứ năm đối điều kiện thu nhập đạt chuẩn của các công ty trong tập đoàn trong các năm báo cáo mà việc tính toán lại dựa trên Điều 8.4, đoạn đầu tiên, đã được thực hiện.

7. Việc tính thuế bổ sung đối với công ty trong tập đoàn được thành lập tại một Bang theo tiểu đoạn (b) của đoạn đầu tiên sẽ được bỏ qua nếu công ty mẹ cuối cùng áp dụng nguyên tắc thu nhập gộp và nắm giữ toàn bộ lợi ích trong từng công ty con được thành lập tại Bang đó.

8. Khoản thuế bổ sung đối với mỗi công ty con không xác định quốc gia cư trú trong năm báo cáo được tính riêng biệt với khoản thuế bổ sung của tất cả các công ty con khác.

9. Bằng cách loại bỏ đoạn đầu tiên, một Bang và các công ty con được thành lập tại Bang đó sẽ không phải nộp khoản thuế bổ sung nào trong năm báo cáo nếu các công ty con đó đã nộp một khoản thuế bổ sung nội địa đạt tiêu chuẩn cho năm báo cáo đó được tính trên cơ sở của:

a. Chuẩn mực báo cáo tài chính được chấp nhận sử dụng để thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ cuối cùng; hoặc

b. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS hoặc tương đương IFRS được EU chấp thuận theo Quy định (EC) số 1606/2002 của Ủy ban Nghị viện châu Âu và Hội đồng của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng Liên minh Châu Âu ngày 19 tháng 7 năm 2002 về việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế (OJ 2002 L 243)).

3. DIỄN ĐÀN QUẢN LÝ THUẾ CHÂU PHI (AFTA)³

Văn bản: Cách tiếp cận đề xuất đề nội luật hóa Thuế tối thiểu nội địa của Diễn đàn Quản lý Thuế Châu Phi

Ngày ban hành: 31/01/2023

Thời gian dự kiến áp dụng: chưa xác định

Nội dung chính:

Đây là đề xuất đề của ATAF để hỗ trợ các nước Châu Phi nếu muốn thực hiện Thuế tối thiểu nội địa (Domestic Minimum Tax – DMT) thì cần thiết kế nội luật sao cho phù hợp với nguyên tắc IIR với 02 lý do:

(i) Nếu thuế tối thiểu nội địa không được thiết kế phù hợp để được coi là “đạt chuẩn” bởi OECD (thông qua một quy trình rà soát đa Phương – Peer review process), thuế phải nộp theo DMT sẽ không được trừ ra khỏi công thức tính thuế bổ sung (top-up tax) cho mục đích IIR ở Công ty mẹ. Có nghĩa là thuế bổ sung trên lợi nhuận thặng dư vẫn bị thu ở Công ty mẹ tối cao

(ii) nếu DMT không hài hòa chặt chẽ với IIR thì có thể dẫn đến kết quả là DMT không thu được hết thuế bổ sung ở các nước Châu Phi hoặc thu nhiều hơn số thuế bổ sung cần thu – dẫn đến hệ lụy tiêu cực đến môi trường đầu tư nước ngoài

Đề xuất này gồm 13 Điều – gần như là đưa nguyên các điều khoản theo Quy tắc Globe cho IIR, có điều chỉnh 1 số mục liên quan đến việc tính toán Thuế suất hiệu quả, Thuế bổ sung và kê khai.

Điều 1. Phạm vi áp dụng của Thuế tối thiểu nội địa (DMTT)

1.1. Điều này áp dụng cho đối tượng cư trú thuế tại [TÊN QUỐC GIA] là Thành viên của Tập đoàn Đa quốc gia có doanh thu hằng năm:

a) Từ 750 triệu EUR trở lên theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao; hoặc

b) ở một mức bằng với mức tối thiểu được áp dụng theo nguyên tắc IIR đạt chuẩn mà bất kỳ Thành viên nào đó của Tập đoàn Đa quốc gia phải áp dụng dụng, nếu mức đó thấp hơn 750 triệu EUR;

trong ít nhất hai trong bốn năm Tài Chính ngay trước năm Tài chính xem xét.

Điều 8. Phân bổ số thuế bổ sung

8.1. Thuế bổ sung của một công ty được xác định như sau.

8.2. Một công ty mà không có thu nhập trong Năm tài chính thì sẽ không phải chịu Thuế bổ sung

8.3. Thuế suất hiệu quả của mỗi Công ty còn lại sẽ phải được xác định theo Năm tài chính, bằng Số thuế được bao gồm đã điều chỉnh (được xác định tại Điều

³ Nguồn: [ATAF Admin \(ataftax.org\)](http://ATAFAdmin(ataftax.org))

4) chia cho Thu nhập ròng của Công ty đó (được xác định tại Điều 3).

8.4. Công ty mà có Thuế suất hiệu quả bằng hoặc lớn hơn 15% sẽ không phải chịu Thuế bổ sung

8.5. Thuế bổ sung của các công ty không thuộc đối tượng tại Khoản 8.2 và Khoản 8.4 sẽ được xác định theo công thức như sau:

Tổng số thuế bổ sung x (Thuế bổ sung của từng Công ty / Tổng số thuế bổ sung của các Công ty)

Trong đó:

a) Thuế bổ sung của từng Công ty là thuế suất bổ sung của từng Công ty nhân với lợi nhuận thặng dư của Công ty đó

b) Lợi nhuận thặng dư của Công ty là Thu nhập ròng của Công ty đó trừ đi Các khoản loại trừ thu nhập theo bản chất được xác định theo Điều 9 của Công ty cho Năm tài chính (nếu có)

c) Tổng số tiền thuế bổ sung của các Công ty khác là tổng số tiền thuế bổ sung của tất cả các Công ty như được tính tại Điểm a) ở trên.

8.6. Nếu Tiêu mục 7.5 hoặc Tiêu mục 7.6 được áp dụng trong Năm tài chính trong đó tổng Thu nhập Ròng của các Công ty bằng hoặc nhỏ hơn 0, thì Thuế bổ sung được tính theo đó Các tiêu mục đó được phân bổ theo cách mà các Công ty lựa chọn. Tất cả các Công ty chịu trách nhiệm chung và riêng cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền Thuế bổ sung như vậy. Bất kỳ các khoản thanh toán bù trừ được thực hiện giữa các Công ty nhằm mục đích phân bổ khoản thanh toán Thuế bổ sung này sẽ không được quan tâm cho các mục đích của [luật thuế TÊN QUỐC GIA.]

Điều 12. Điều khoản quản lý

12.1. Các công ty phải chỉ định một Công ty trong [TÊN QUỐC GIA] để thực hiện kê khai tờ khai thông tin Thuế Bổ sung (Công ty được Chỉ định) theo biểu mẫu được quy định tại [Luật quản lý thuế của TÊN QUỐC GIA]. Các Công ty có thể chỉ định một công ty khác là Công ty được Chỉ định bằng việc đăng ký một chỉ định mới.

12.2. Mặc dù quy định tại 12.1, Tất cả các Công ty phải kê khai thông tin nếu có các trường hợp sau:

(a) Không thực hiện việc chỉ định theo Điều 12.1

(b) Công ty được chỉ định không còn là thành viên của cùng Tập đoàn như các Công ty khác

(c) Công ty được chỉ định không tuân thủ nghĩa vụ kê khai thông tin

12.3. Tất cả thủ tục và quyền hạn theo [về quản lý thuế tại TÊN QUỐC GIA] theo [pháp luật về quản lý thuế tại TÊN QUỐC GIA] được áp dụng để đảm bảo việc tuân thủ của Thuế Bổ sung.

Điều 13. Diễn giải và quy định

13.1. Bộ Tài Chính sẽ ban hành quy định, nếu cần thiết, để cung cấp thêm các hướng dẫn để thực hiện Thuế bổ sung

13.2. Quy tắc GloBe sẽ được dùng là nguồn để diễn giải quy định về Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn

13.3. Việc xác định thuế bổ sung và các nghĩa vụ tính toán liên quan sẽ được ấn định là phải tuân theo Tờ khai thông tin Globe nếu việc tính toán đó phải thực hiện cho IIR đạt chuẩn và UTPR đạt chuẩn.

4. THỤY ĐIỂN⁴

Văn bản: Luật về thuế bổ sung đối với công ty thuộc các Tập đoàn lớn

Ngày ban hành: 07/02/2023

Thời gian dự kiến áp dụng:

- IIR sẽ có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2024.

- UTPR và QDMTT sẽ được áp dụng cho năm tính thuế bắt đầu vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nội dung chính:

Dự thảo nằm trong Báo cáo giữa kỳ về một số vấn đề thuế doanh nghiệp quốc tế, nộp cho Thủ Tướng và Bộ trưởng Bộ Tài chính. Báo cáo này chỉ tập trung chủ yếu vào các yêu cầu bắt buộc liên quan đến Chi Thị về Thuế tối thiểu, đề xuất *nên có một Luật riêng – gọi là Luật thuế bổ sung (Additional Tax Law)*.

Trong đó có một quy định về Thuế bổ sung nội địa (Additional National Tax hoặc National surtax) ở Chương 9 cho phép Quốc gia mà có công ty là đối tượng cư trú thuế bị đánh thuế thấp có cơ hội đảm bảo rằng không có nước nào thu phần thuế đó thông qua thuế bổ sung toàn cầu. Nội dung về QDMT được đề xuất trong **Chương 9 - Thuế bổ sung nội địa (Additional National Tax)** có các nội dung đáng chú ý như sau:

Điều 9.1. Giới thiệu:

Chi thị về thuế tối thiểu cho các quốc gia thành viên quyền lựa chọn áp dụng thuế bổ sung nội địa. Loại thuế này sẽ được tính toán và chi trả dựa trên lợi nhuận thặng dư của tất cả các công ty thành viên chịu thuế thấp được coi là cư trú tại Thụy Điển, theo Điều 1(2) của Chi thị. Thuế bổ sung nội địa được đánh tại quốc gia thành viên nơi những công ty con chịu thuế thấp cư trú, thay vì tại quốc gia thành viên nơi công ty mẹ cư trú. Do đó, thuế bổ sung nội địa có thể cung cấp nguồn thu thuế cho những quốc gia nơi công ty thành viên chịu thuế thấp đặt trụ sở. Việc áp dụng loại thuế này hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của từng quốc gia thành viên.

Điều 9.2. Thông tin chung về thuế bổ sung nội địa:

Mục đích của thuế bổ sung nội địa là để đảm bảo nguồn thu thuế từ thuế bổ sung khi có những công ty thành viên chịu thuế thấp đặt trụ sở tại Thụy Điển. Tương tự, thuế bổ sung nội địa nộp tại từng bang sẽ có ảnh hưởng đến thuế bổ sung nội địa của công ty mẹ tại Thụy Điển. Cụ thể, thuế bổ sung nội địa nộp tại bang cư trú của công ty thành viên sẽ được trừ khỏi thuế bổ sung nội địa nộp bởi công ty mẹ tại Thụy Điển. Trong trường hợp thuế bổ sung nội địa được nộp một cách đầy đủ cho các công ty thành viên chịu thuế thấp tại bang cư trú, thì thuế bổ sung của công ty mẹ tập đoàn đó sẽ giảm xuống bằng không.

⁴ Nguồn: [En lag om tilläggs-katt för företag i stora koncerner, SOU 2023: 6 \(regeringen.se\)](#)

Điều 9.3. Cách thiết kế quy định cho thuế bổ sung nội địa:

9.3.1. Các yêu cầu khi thiết kế quy định:

Cách thiết kế quy định về thuế bổ sung nội địa cần bám sát theo Chỉ thị về thuế bổ sung (EU Directive). Các tập đoàn đa quốc gia hay tập đoàn nội địa cần được áp dụng đồng đều. Mục đích là để đảm bảo thuế bổ sung nội địa đáp ứng theo các yêu cầu của Chỉ thị và tương đồng với Luật EU. Quy định cần hiệu quả và dễ áp dụng.

Chỉ thị và quy tắc mẫu: Quy tắc mẫu không có các điều khoản quy định hình thức của luật. Tuy nhiên, quy tắc mẫu cũng như Chỉ thị đều bao hàm định nghĩa thế nào là thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn. Mục đích là để phân biệt giữa thuế bổ sung nội địa với các loại thuế khác không có cùng chức năng, các loại thuế này sẽ được bao gồm trong số thuế theo Chương 3. Thuế bổ sung nội địa cần được áp dụng trên lợi nhuận điều chỉnh của các công ty thành viên thuộc quyền quản lý của chính phủ, bao gồm cả công ty con và công ty mẹ, theo đó sẽ làm tăng mức nộp thuế tại chính phủ đó.

Luật EU nói chung: Theo Luật EU, các quốc gia thành viên có quyền tự do xác lập nội luật. Việc phân biệt đối xử đối với công ty của quốc gia thành viên khác so với công ty thuộc quốc gia của mình là không được phép.

9.3.2. Những công ty nào phải thuộc phạm vi chịu thuế bổ sung nội địa:

Phạm vi áp dụng đối với thuế bổ sung nội địa tương tự với phạm vi áp dụng của thuế bổ sung toàn cầu. Tức là chỉ những công ty thành viên tại Thụy Điển được quy định tại Chương 1 thuộc phạm vi áp dụng thuế bổ sung nội địa.

9.3.3. Thuế bổ sung nội địa được tính thế nào: Trước hết cần đánh giá các công ty thành viên trong tập đoàn có phải là các công ty chịu mức thuế suất thấp hay không, điều này cần thống nhất với các nguyên tắc được áp dụng cho thuế tối thiểu toàn cầu. Thuế bổ sung được **tính cho từng công ty** chịu mức thuế suất thấp theo nguyên tắc tương tự thuế tối thiểu toàn cầu. Cụ thể, thuế bổ sung nội địa sẽ được tính trên lợi nhuận thặng dư của các công ty thành viên chịu mức thuế suất thấp

9.3.4. Công ty nào có trách nhiệm nộp thuế bổ sung nội địa: Việc nộp thuế bổ sung cần được thực hiện sát sao nhất có thể với nguyên tắc thuế bổ sung toàn cầu. Thông thường tại Thụy Điển, thuế doanh nghiệp được đánh theo từng công ty riêng biệt thay vì theo một nhóm các công ty, thực tế cũng chưa có quy định nào về việc một công ty nộp thuế thay cho các công ty liên quan khác. Tuy nhiên, để thống nhất với quy tắc quốc tế, tại Thụy Điển, **công ty mẹ trung gian đứng đầu chuỗi sở hữu của nhóm các công ty con Thụy Điển** chịu mức thuế suất thấp sẽ chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế bổ sung nội địa. Nếu công ty thành viên chịu mức thuế suất **thấp không có công ty mẹ tại Thụy Điển, hoặc được sở hữu một phần** bởi một công ty nước ngoài khác, **công ty thành viên đó** sẽ chịu trách nhiệm nộp thuế bổ sung nội địa của chính công ty.

9.3.5. Thuế bổ sung nội địa được kê khai như thế nào và vào thời điểm nào:

Do thuế bổ sung nội địa chỉ có thể được đánh giá và quyết định khi toàn bộ chi phí thuế trong công ty thành viên đã được làm rõ, không thể kê khai thuế bổ sung nội địa cùng thời điểm với thời điểm kê khai thuế lần đầu. Theo đó, thuế bổ sung nội địa sẽ phải kê khai và quyết định trong giai đoạn sau khi đã có quyết định về việc kê khai thuế lần đầu (có thể sau ngày thứ 15 của tháng thứ 12 sau khi kết thúc năm tính thuế).

Số thuế bổ sung toàn cầu và thuế bổ sung nội địa của một bang sẽ được thể hiện trên báo cáo thuế bổ sung. Báo cáo này có thể được chuẩn bị và kê khai bởi công ty thành viên chịu thuế, một công ty thành viên Thụy Điển khác, hoặc một công ty thành viên nước ngoài.

9.3.6. Cách xử lý thuế bổ sung nội địa:

Thuế bổ sung nội địa sẽ được trừ đi khỏi thuế bổ sung toàn cầu. Mức thuế bổ sung nội địa được trừ được **giới hạn trong 04 năm** kể từ năm phát sinh. Sau khi hết thời hạn 04 năm, số thuế bổ sung nội địa sẽ phải được cộng vào thuế toàn cầu bổ sung, tức là Thụy Điển có thể mất quyền đánh thuế đối với số thuế bổ sung nội địa này.

Điều 9.4. Có nên áp dụng thuế nội địa tối thiểu tại Thụy Điển hay không:

03 yếu tố cần được đánh giá để quyết định có nên áp dụng thuế bổ sung nội địa tại Thụy Điển hay không:

(i) Việc áp dụng thuế bổ sung nội địa có đem lại thu ngân sách cho Thụy Điển hay không

(ii) Việc áp dụng thuế bổ sung nội địa có mang lại gánh nặng về việc quản lý hay không

(iii) Lý do gì cho lợi ích của các công ty thành viên Thụy Điển khi áp dụng thuế nội địa tối thiểu

9.4.1. Thuế nội địa tối thiểu có thể đem lại nguồn thu gì:

Thuế bổ sung nội địa có thể chỉ đem lại một nguồn thu thuế vô cùng hạn chế. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Thụy Điển cao hơn mức thuế suất tối thiểu. Tuy nhiên, cơ sở tính thuế trong Đạo luật Thuế khác với cơ sở tính thuế trong Đạo luật thuế bổ sung. Về lý thuyết, các khoản giảm trừ theo luật thuế Thụy Điển có thể không được trừ cho mục đích thuế bổ sung, theo đó vẫn có thể khiến các công ty Thụy Điển chịu thuế thấp. Tuy nhiên, không thể xác định được liệu khác biệt này có dẫn đến các tập đoàn tại Thụy Điển chịu thuế thấp. Theo đánh giá, quy định về thuế bổ sung nội địa đối với các công ty thành viên Thụy Điển chịu thuế thấp sẽ không đem lại nguồn thu thuế đáng kể.

9.4.2. Gánh nặng về quản lý thuế:

Gánh nặng hành chính tại Thụy Điển sẽ tăng nhẹ nếu áp dụng thuế bổ sung nội địa. Tuy nhiên tại một khía cạnh nhất định, sự gia tăng này sẽ được bù trừ với việc giảm bớt gánh nặng hành chính tương ứng ở các bang khác. Đối với doanh

ngiệp, việc thuế bổ sung nội địa có được áp dụng hay không cũng sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa vụ về các thủ tục hành chính, do công ty vẫn phải tính toán lợi nhuận điều chỉnh, thuế suất hiệu quả và thuế bổ sung. Cơ quan thuế sẽ có trách nhiệm thực hiện và quản lý quy định mới. Tuy nhiên, phần lớn khối lượng công việc mà Cơ quan thuế phải làm vào thời kỳ đầu có thể được phối hợp với việc thực hiện và áp dụng quy định về thuế toàn cầu bổ sung. Bao gồm thay đổi về thủ tục hành chính, hệ thống kỹ thuật, các thông tin trọng yếu và các hoạt động tập huấn nội bộ.

9.4.3. Một hình thức giảm thiểu thuế toàn cầu bổ sung:

Nếu Thụy Điển áp dụng thuế bổ sung nội địa, các công ty thành viên của Thụy Điển có thể sẽ không bị ảnh hưởng bởi thuế toàn cầu bổ sung.

9.4.4. Thuế bổ sung nội địa nên được đưa vào như thế nào:

Để hài hòa, thuế bổ sung nội địa nên được áp dụng tại Thụy Điển đồng thời với Đạo luật thuế bổ sung. Gánh nặng về quản lý thuế phát sinh thêm là không đáng kể. Hơn nữa, xét về một vài khía cạnh, việc áp dụng thuế nội địa tối thiểu có thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, do các công ty Thụy Điển chỉ cần làm việc với cơ quan thuế Thụy Điển về các vấn đề liên quan đến thuế.

9.4.5. Các giải pháp thay thế khác:

Một phương thức khác để đảm bảo nguồn thu thuế liên quan đến lợi nhuận phát sinh tại Thụy Điển không bị thu tại nước khác là cần rà soát lại hệ thống thuế Thụy Điển và những thay đổi về luật có thể dẫn đến việc thuế doanh nghiệp dưới 15%. Bản thân quy định về thuế Thụy Điển không phải là vấn đề, do thuế suất cơ bản đã cao hơn 15%, do đó việc các công ty Thụy Điển chịu thuế thấp là do các quy định nội địa khác. Tuy nhiên, việc rà soát một cách đầy đủ những quy định này hiện chưa được thực hiện.

5. ĐÚC⁵

Văn bản: Dự thảo Đạo luật về thuế tối thiểu

Ngày ban hành: 20/03/2023

Thời gian dự kiến áp dụng:

- IIR và QDMTT: Dự kiến sẽ có hiệu lực từ năm tài chính sau ngày 30 tháng 12 năm 2023.

- UTPR sẽ được áp dụng từ năm tài chính sau ngày 30 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, đối với các công ty thành viên thuộc tập đoàn có công ty mẹ tối cao đặt trụ sở tại các nước thành viên của EU hiện đang hoãn áp dụng IIR và UTPR (theo Điều 50 của Chỉ thị EU), thì UTPR sẽ bắt đầu áp dụng từ sau 30 tháng 12 năm 2023

Nội dung chính:

PHẦN 5 - XÁC ĐỊNH THUẾ SUẤT HIỆU QUẢ VÀ SỐ THUẾ BỔ SUNG

Điều 46. Xác định thuế bổ sung

(1) Đối với quốc gia trong năm tài chính, thuế bổ sung được xác định như sau:

Thuế suất bổ sung x Tổng lợi nhuận tối thiểu sau điều chỉnh + Thuế bổ sung theo Điều 39, 49 – Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn

(2) Thuế suất bổ sung tương ứng với chênh lệch dương giữa Thuế suất tối thiểu và Thuế suất hiệu quả theo quy định tại Điều 45 (1). Thuế suất tối thiểu là 15%. Lợi nhuận tối thiểu sau điều chỉnh tương ứng với chênh lệch dương giữa tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm tài chính và thu nhập được loại trừ trên cơ sở bản chất theo Điều 50

(3) Theo Điều 49 (3), số thuế bổ sung tại Khoản 1 điều này sẽ được phân bổ cho các công ty thành viên cư trú thuế dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế tối thiểu đã được xác định theo Phần 3 Luật này, như sau:

$$\text{Thuế bổ sung} \quad \times \quad \frac{\text{Lợi nhuận chịu thuế tối thiểu của từng công ty}}{\text{Tổng lợi nhuận chịu thuế tối thiểu của toàn bộ các công ty thành viên trên địa bàn thuế}}$$

Trong trường hợp mà không phát sinh thu nhập chịu thuế tối thiểu trong năm tài chính và có phát sinh thuế tại Khoản (1) nêu trên do phát sinh từ việc tính toán lại theo Điều 49(1), thuế bổ sung sẽ được phân bổ cho các công ty thành viên như hướng dẫn tại câu 1 cho các năm tài chính mà liên quan đến việc tính toán lại theo Điều 49(1).

⁵ Nguồn: Draft Act

MỤC 3 – NGUYÊN TẮC ‘SAFE-HABOUR’

Điều 70. Điều kiện áp dụng

(1) Cơ chế “safe-habour” có thể được áp dụng cho quốc gia theo các Điều 71, 72 và 75 đến 78 trừ các trường hợp:

1. Thuế tối thiểu theo Điều 2 có thể phát sinh nếu thuế suất hiệu quả được tính cho Quốc gia áp dụng cơ chế “safe-habour” thấp hơn thuế suất tối thiểu;
2. Công ty con chịu thuế được yêu cầu chứng minh bởi cơ quan thuế có thẩm quyền việc thỏa mãn các điều kiện áp dụng trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày nộp báo cáo thuế tối thiểu, trong đó nêu rõ lý do đặc biệt; và
3. Các đối tượng chịu thuế không chứng minh được trong vòng sáu tháng kể từ khi yêu cầu.

(2) Khi cơ quan có thẩm quyền nhận thức được những lý do có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc đáp ứng đủ điều kiện của cơ chế “safe-habour” sau khi thời điểm nhận được báo cáo thuế tối thiểu, khoảng thời gian nêu tại điểm (2) của khoản 1 sẽ không bắt đầu tính cho đến thời điểm đó.

Điều 71. Thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn

Số thuế bổ sung trong phạm vi Điều 46 (1) sẽ được giảm xuống bằng không nếu thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn được áp dụng cho năm tài chính liên quan bằng cách áp dụng nguyên tắc kế toán mà công ty mẹ tối cao áp dụng hoặc bằng Nguyên tắc Kế toán Quốc tế.

PHẦN 10 – THUẾ BỔ SUNG NỘI ĐỊA

Điều 79: Phạm vi áp dụng

(1) Đối với mỗi công ty con chịu thuế theo Điều 1, không ảnh hưởng đến Điều 8 và 11, một khoản thuế bổ sung (thuế bổ sung nội địa) sẽ phát sinh trong năm tài chính bằng với số thuế bổ sung được xác định cho Cộng hòa Liên bang Đức và được phân bổ theo Điều 46 (3) hoặc Điều 49. Thuế tối thiểu theo câu 1 là thuế bổ sung nội địa đạt chuẩn theo nghĩa của Đạo luật này.

(2) Đoạn 1 sẽ áp dụng những sửa đổi phù hợp đối với các liên doanh, công ty con liên doanh và cơ sở thường trú của liên doanh hoặc của công ty con liên doanh ở trong nước. Cho mục đích của câu 1, thuế bổ sung của liên doanh hoặc thành viên liên doanh phân bổ cho công ty mẹ theo Điều 59 (2) sẽ không bị giới hạn.

(3) Ngoại trừ các quy định khác trong Phần này, phần 3 đến 9 của Đạo luật này sẽ áp dụng những sửa đổi phù hợp đối với việc đánh thuế được đề cập trong đoạn 1 và 2.

Điều 80: Thuế bổ sung nội địa đối với các công ty không quốc tịch

Cho mục đích thuế bổ sung nội địa, các đơn vị, liên doanh và công ty con liên doanh không quốc tịch sẽ được coi là đối tượng cư trú thuế của nước nơi nó được thành lập. Cơ sở cố định không quốc tịch của một đơn vị kinh doanh hoặc

liên doanh hoặc công ty con liên doanh (theo Điều 6(3)(4)) sẽ được coi là đối tượng cư trú thuế của nước nơi nó hoạt động. Điều 45 (2) sẽ áp dụng sửa đổi phù hợp cho các đơn vị kinh doanh này.

Điều 81: Phân bổ thuế nộp tại nước ngoài vào số thuế được bao gồm

Điều 41 sẽ được áp dụng với sửa đổi phù hợp, với điều kiện là thuế nộp tại nước ngoài không được phân bổ vào số thuế được bao gồm cho những đơn vị chịu thuế bổ sung nội địa theo Điều 1.

Điều 82: Trường hợp không áp dụng thuế bổ sung nội địa

Điều 46 sẽ được áp dụng nếu cơ chế thuế bổ sung nội địa không được áp dụng cho mục đích tính thuế bổ sung.

PHẦN 11 - THỦ TỤC THUẾ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 84. Nghĩa vụ kê khai và nộp thuế

(1) Người nộp thuế tại Điều 1 phải nộp tờ khai thuế cho năm dương lịch và tự kê khai thuế. Tờ khai thuế cần được nộp theo phương thức điện tử qua giao diện được thiết kế sẵn theo mẫu quy định. Thời hạn nộp thuế là 01 tháng sau khi nộp tờ khai. Nếu mức thuế tối thiểu được ấn định cao hơn so với thuế đã kê khai, khoản chênh lệch sẽ phải được nộp sau một tháng kể từ khi nhận được thông báo đánh giá thuế. Nếu mức thuế tối thiểu được xác định trên cơ sở không nộp tờ khai thuế thì khoản thuế tối thiểu phải được nộp sau một tháng kể từ ngày thông báo ấn định thuế. Đối với nhóm công ty được quy định tại Điều 3, chủ sở hữu của nhóm phải nộp tờ khai thuế theo câu 1; trong tất cả các trường hợp khác khác, các câu từ 1 đến 5 sẽ được áp dụng tương ứng

6. VƯƠNG QUỐC ANH⁶

Văn bản: Dự luật Tài chính số 2 và Thuyết minh

Ngày ban hành: 23/03/2023

Thời gian dự kiến áp dụng:

- IIR và QDMTT: Dự kiến sẽ có hiệu lực từ năm tài chính sau ngày 30 tháng 12 năm 2023.

- UTPR: Chưa xác định

Nội dung chính:

Trong Dự luật Tài chính năm 2023, Anh Quốc đã công bố dự thảo luật nhằm đưa Quy tắc mẫu của Trụ cột hai vào hệ thống pháp luật, trong đó bao gồm những nội dung về Thuế nội địa bổ sung. Cụ thể, những nội dung liên quan được quy định trong PHẦN 4 – THUẾ NỘI ĐỊA BỔ SUNG. Những nội dung về cách xác định số thuế nội địa bổ sung được quy định tại

PHẦN 3 – THUẾ BỔ SUNG ĐA QUỐC GIA

CHƯƠNG 6 – TÍNH THUẾ BỔ SUNG

Mục 193. Số thuế bổ sung

Thực hiện các bước sau để xác định thành viên tiêu chuẩn của tập đoàn đa quốc gia (thành viên liên quan) có thuế bổ sung cho kỳ kế toán liên quan. Nếu có, số thuế sẽ được tính như sau –

Bước 1. Xác định, theo mục 194, tổng số thuế bổ sung trong kỳ kế toán cho lãnh thổ nơi thành viên liên quan đặt trụ sở

Bước 2. Nếu tổng số thuế bổ sung của lãnh thổ bằng 0, thành viên liên quan sẽ không có thuế bổ sung. Trong trường hợp khác, tiến hành Bước 3

Bước 3. Xác định lợi nhuận sau điều chỉnh của thành viên liên quan (theo Chương 4).

Bước 4. Nếu thành viên không có lợi nhuận (sau khi đã xác định lợi nhuận điều chỉnh), thành viên liên quan sẽ không có thuế bổ sung. Trong trường hợp khác, tiến hành Bước 5

Bước 5. Nếu không có thành viên tiêu chuẩn nào của tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở tại lãnh thổ ngoài thành viên liên quan, số thuế bổ sung của thành viên liên quan sẽ bằng tổng số thuế bổ sung của lãnh thổ. Trong trường hợp khác, tiến hành Bước 6

Bước 6. Xác định (theo Chương 4) lợi nhuận sau điều chỉnh của toàn bộ các thành viên tiêu chuẩn khác của tập đoàn có trụ sở tại cùng lãnh thổ với thành viên liên quan

Bước 7. Cộng lợi nhuận điều chỉnh của toàn bộ các thành viên tiêu chuẩn

⁶ Nguồn: <https://publications.parliament.uk/pa/bills/cbill/58-03/0276/220276v2.pdf>

có lợi nhuận của tập đoàn trong lãnh thổ (bao gồm cả thành viên liên quan)

Bước 8. Chia lợi nhuận của thành viên liên quan cho kết quả tại Bước 7

Bước 9. Thuế bổ sung của thành viên sẽ là tích của tổng thuế bổ sung trong lãnh thổ với kết quả tại Bước 8

Mục 194. Tổng số thuế bổ sung của một lãnh thổ

(1) Tiến hành các bước sau để xác định tổng số thuế bổ sung của một kỳ kế toán trong lãnh thổ -

Bước 1. Trừ thuế suất hiệu quả của thành viên tiêu chuẩn của tập đoàn trong lãnh thổ đó (được xác định theo mục 132) cho 15%

Bước 2. Nếu kết quả tại Bước 1 là 0 hoặc âm, tổng thuế bổ sung của lãnh thổ bằng 0. Trong trường hợp khác, tiến hành Bước 3

Bước 3. Trừ tổng lỗ của các thành viên khác trong tập đoàn (được xác định theo lợi nhuận sau điều chỉnh) với tổng lợi nhuận của các thành viên còn lại (được xác định theo lợi nhuận sau điều chỉnh)

Bước 4. Trừ thu nhập được loại trừ theo bản chất trong lãnh thổ khỏi kết quả tại Bước 3

Bước 5. Nếu kết quả của Bước 4 là 0 hoặc âm, thuế bổ sung của lãnh thổ bằng 0. Trong trường hợp khác, tiến hành Bước 6

Bước 6. Nhân kết quả tại Bước 4 (số %) cho kết quả tại Bước 4

PHẦN 4 – THUẾ NỘI ĐỊA BỔ SUNG

CHƯƠNG 1 – GIỚI THIỆU

Mục 265. Giới thiệu về thuế nội địa bổ sung

(1) Mục đích của Phần này là để đưa ra quy định đối với Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn theo định nghĩa của quy tắc trong Trụ cột Hai.

(2) Cho mục đích đó, Phần này quy định một khoản thuế phải nộp đối với các công ty đủ điều kiện (được đặt trụ sở tại Vương quốc Anh) có thuế suất (được xác định theo Phần này) nhỏ hơn 15%.

(3) Loại thuế này được gọi là “thuế bổ sung nội địa”.

(4) Phần này áp dụng (với những sửa đổi phù hợp) các quy định của Phần 3 (thuế bổ sung đa quốc gia) cho các mục đích sau:

- (a) xác định nghĩa vụ thuế bổ sung nội địa, và
- (b) quản lý thuế bổ sung nội địa.

(5) Trừ khi có quy định khác, các cách diễn đạt được sử dụng trong Phần này và trong Phần 3 (thuế bổ sung đa quốc gia) có cùng ý nghĩa.

Mục 266. Những công ty đủ điều kiện

(1) Một công ty được coi là đủ điều kiện trong một kỳ kế toán nếu nó không phải là một công ty DTT được loại trừ, hoặc một công ty đầu tư, đáp ứng điều

kiện A trong giai đoạn trên và

(a) nếu không phải là thành viên của một tập đoàn, thì cần đáp ứng điều kiện B trong giai đoạn trên, hoặc

(b) nếu thành viên của một tập đoàn, thì cần đáp ứng điều kiện C trong giai đoạn trên.

(2) Điều kiện A được đáp ứng bởi một công ty trong một kỳ kế toán nếu nó được đặt trụ sở tại Vương quốc Anh trong giai đoạn trên (xem mục 239, Phần 3).

(3) Điều kiện B được đáp ứng bởi một công ty trong một kỳ kế toán nếu công ty có doanh thu vượt quá ngưỡng quy định trong tiêu mục (6) trong ít nhất 2 trên 4 kỳ kế toán trước.

(4) Cho mục đích của điều kiện B, doanh thu của một công ty không phải là thành viên của một tập đoàn sẽ được xác định bằng cách tham khảo báo cáo tài chính hợp lệ

(5) Điều kiện C được đáp ứng bởi một thành viên của tập đoàn trong một kỳ kế toán nếu các thành viên trong tập đoàn có doanh thu vượt ngưỡng quy định tại tiêu mục (6) trong ít nhất 2 trên 4 kỳ kế toán trước.

(6) Ngưỡng cho một kỳ kế toán là số tiền được tính bằng cách nhân 750 triệu EURO với thương số của số ngày trong kỳ kế toán với 365.

(7) Cho mục đích của điều kiện C, doanh thu của các thành viên trong tập đoàn trong

kỳ sẽ được xác định bằng cách tham khảo báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao trong giai đoạn đó (xem mục 126(2) và 249, Phần 3).

(8) Điều 130 và 131 Phần 3 (thay đổi thành phần tập đoàn đa quốc gia) áp dụng điều kiện C trong trường hợp—

(a) các tham chiếu đến “tập đoàn đa quốc gia” là “tập đoàn”,

(b) trong phần 130—

(i) trong tiêu mục (1), đối với “điều kiện A trong mục 129(2)” đã có “điều kiện C trong mục 266(5)” được thay thế,

(ii) trong tiêu mục (4), đối với “mục 129(4)” đã có “phần 266(6)” được thay thế,

(c) trong mục 131(1)—

(i) đối với “mục 129” đã có “mục 266” được thay thế,

(ii) đối với “tiêu mục (2)” đã có “tiêu mục (5)” được thay thế,

(iii) đối với “điều kiện A” đã có “điều kiện C” được thay thế, và

(iv) đối với “mục 129(4)” đã có “mục 266(6) được thay thế và

(d) trong mục 131(2), đối với “điều kiện A trong mục 129(2)” đã có “điều kiện C trong mục 266(5)” được thay thế

(9) Trong Phần này, các tham chiếu đến một “tập đoàn” (ngoại trừ “tập đoàn đa quốc gia”) có nghĩa là một tập đoàn hợp nhất (xem mục 126(2) trong Phần 3).

(10) Cho mục đích của Phần này, “các báo cáo tài chính hợp lệ” liên quan đến

một công ty có nghĩa là—

(a) báo cáo tài chính của công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán được chấp nhận, hoặc

(b) khi không thể chuẩn bị báo cáo như trên, các báo cáo tài chính được chuẩn bị (dù đơn vị có bắt buộc phải chuẩn bị các báo cáo như vậy hay không) phù hợp với một chuẩn mực kế toán là—

(i) một chuẩn mực kế toán được chấp nhận, hoặc

(ii) một chuẩn mực kế toán tài chính mà việc áp dụng được điều chỉnh để ngăn chặn các chênh lệch trọng yếu (xem phần 249(4))

Mục 267. Các công ty DTT được loại trừ

(1) Một công ty được coi là công ty DTT được loại trừ nếu-

(a) Công ty này rơi vào tiêu mục (3), mục 127, Phần 3 (công ty được loại trừ),

(b) Công ty này là thành viên của một tập đoàn đa quốc gia và rơi vào tiêu mục (4) mục này, hoặc

(c) Công ty này là thành viên của một tập đoàn không phải là tập đoàn đa quốc gia, nhưng rơi vào tiêu mục trên với tư cách một tập đoàn đa quốc gia

(2) Một công ty DTT được loại trừ rơi vào tiêu mục (1) (và đồng thời không được coi là công ty đủ điều kiện) sẽ được coi là không thuộc bất kì tập đoàn nào, cho mục đích của những điều khoản trong Phần này thay vì mục 266 và mục này

(3) Một công cụ chuyên đổi đạt tiêu chuẩn không phải là thành viên của một tập đoàn đa quốc gia cũng là một công ty DTT bị loại trừ.

(4) Trong phần này, “công cụ chuyên đổi đạt tiêu chuẩn” có nghĩa là—

(a) một công cụ chuyên đổi đạt tiêu chuẩn theo định nghĩa của Quy định về chuyên đổi rủi ro (Thuế) 2017 (S.I. 2017/1271), hoặc

(b) một phần của công ty tể bào được bảo vệ là công cụ chuyên đổi đạt tiêu chuẩn theo định nghĩa trong Quy định trên.

Mục 268. Cơ sở thường trú

Mục (232(3) (cơ sở thường trú được coi như độc lập khỏi công ty) áp dụng cho mục đích của Phần này tương tự như cách áp dụng cho mục đích của Phần 3.

CHƯƠNG 2 – NGHĨA VỤ THUẾ BỔ SUNG NỘI ĐỊA

Mục 269. Đối tượng áp dụng

- (1) Một đối tượng chịu thuế bổ sung nội địa cho một kỳ kế toán nếu –
- (a) đối tượng này là công ty đủ điều kiện trong giai đoạn này và là một công ty, hoặc một hợp danh không phải là công ty, hoặc
 - (b) đối tượng này chịu thuế đối với một công ty -
 - (i) là một công ty đủ điều kiện trong giai đoạn trên, và
 - (ii) không phải là một công ty hoặc một hợp danh không phải là công ty
- (2) Một đối tượng chịu thuế đối với một công ty nếu lợi nhuận của công ty này, theo các giả định có liên quan, được coi là lợi nhuận của đối tượng này cho mục đích thuế thu nhập và thuế doanh nghiệp.
- (3) Các giả định liên quan bao gồm –
- (a) công ty có lợi nhuận chịu thuế thu nhập hoặc thuế doanh nghiệp, và
 - (b) đối tượng là cư trú tại Vương Quốc Anh cho mục đích của loại thuế này
- (4) Trường hợp một hợp danh không phải là công ty chịu thuế bổ sung nội địa do tiêu mục (1)(a)-
- (a) đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế là các đối tác chịu trách nhiệm, và
 - (b) nghĩa vụ trên là của chung
- (5) Tham chiếu trong tiêu mục (4) đến “các đối tác chịu trách nhiệm” là tất cả những cá nhân là thành viên của hợp danh này tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán
- (6) Một hợp danh sẽ được coi là cho mục đích của mục này nếu vẫn tiếp tục là hợp danh kể cả trong trường hợp có thay đổi thành viên, với điều kiện một cá nhân từng là thành viên trước khi có thay đổi sẽ vẫn là thành viên sau khi thay đổi.
- (7) Trong trường hợp có nhiều hơn một cá nhân chịu thuế đối với một công ty đủ điều kiện theo áp dụng của tiêu mục (2), từng người sẽ cùng có nghĩa vụ nộp thuế bổ sung nội địa.

Mục 270. Nghĩa vụ thuế

(1) Trong trường hợp một đối tượng là công ty đủ điều kiện hoặc phải chịu thuế cho một công ty phải nộp thuế bổ sung nội địa cho một kỳ kế toán, số tiền nghĩa vụ được xác định như sau –

Bước 1. Xác định công ty đó có phải nộp thuế bổ sung hay không và số tiền là bao nhiêu

Bước 2. Xác định tổng số tiền nêu trên

Bước 3. Nếu kết quả không phải là đồng bảng Anh thì sẽ quy đổi ra đồng bảng Anh

(2) Nhìn chung, một công ty đủ điều kiện sẽ phải nộp thuế bổ sung cho một kỳ kế toán nếu nó (hoặc tập đoàn của nó) có lợi nhuận trong giai đoạn này và mức

thuế suất hiệu quả thấp hơn 15%.

(3) Chương 3 Phần này đưa ra các điều khoản, bằng cách áp dụng theo nguyên tắc (với những sửa đổi phù hợp) được đưa ra trong Phần 3, để xác định –

(a) Thuế suất hiệu quả của một công ty đủ điều kiện bằng cách tham chiếu đến

(i) Lợi nhuận và số thuế phải nộp bởi các công ty thành viên của tập đoàn đặt trụ sở tại Anh, trong trường hợp công ty là thành viên của một tập đoàn, hoặc

(ii) Lợi nhuận và thuế phải nộp bởi chính công ty đó, trong trường hợp công ty không phải là thành viên của một tập đoàn

(b) Lợi nhuận của công ty,

(c) Những loại thuế nào (được gọi là “thuế được bao gồm”) được cân nhắc cho việc xác định thuế suất hiệu quả,

(d) Số thuế bổ sung, và

(e) Số thuế bổ sung nộp thêm

Mục 271. Bầu chọn để một thành viên trong tập đoàn chịu trách nhiệm nộp thuế

(1) Trong trường hợp nhiều thành viên trong tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế bổ sung nội địa trong kỳ kê toán, thành viên kê khai của tập đoàn có thể bầu chọn rằng chỉ có một thành viên được chọn trong buổi bầu chọn (“thành viên chịu trách nhiệm”) có nghĩa vụ nộp thuế bổ sung nội địa trong kỳ kê toán đó.

(2) Khi thực hiện bầu chọn theo mục này, -

(a) Không thành viên nào khác ngoài thành viên chịu trách nhiệm được yêu cầu nộp thuế bổ sung nội địa, và

(b) Thành viên chịu trách nhiệm phải nộp thuế bổ sung nội địa số tiền mà bất kỳ thành viên nào của tập đoàn phải nộp nếu như không diễn ra bầu chọn

(3) Tiêu mục (2) không áp dụng nếu thành viên chịu trách nhiệm không đồng thuận với kết quả bầu chọn

(4) Đoạn 2 của Kế hoạch 15 (bầu chọn thường niên) áp dụng đối với cuộc bầu chọn theo mục này, và có hiệu lực cho mục đích này với những giả định: tờ khai thông tin hoặc thông báo tờ khai nước ngoài là tờ khai tự đánh giá hoặc thông báo dưới ngưỡng.

CHƯƠNG 3 – ÁP DỤNG NHỮNG ĐIỀU KHOẢN VỀ THUẾ BỔ SUNG ĐA QUỐC GIA

Mục 272. Xác định số thuế bổ sung của công ty là công ty thành viên của một tập đoàn

(1) Chương 3, 6, 8 và 9 Phần 3 được áp dụng cho mục đích thuế bổ sung nội địa, để xác định một công ty đủ điều kiện và là thành viên của một tập đoàn có phải nộp thuế bổ sung hoặc thuế bổ sung phải nộp thêm hay không, và số thuế

là bao nhiêu. Những chương này được áp dụng cho mục đích thuế bổ sung nội địa tương tự như cho mục đích thuế bổ sung đa quốc gia.

(2) Nếu tập đoàn trên không phải là tập đoàn đa quốc gia, Phần trên vẫn có hiệu lực cho mục đích thuế bổ sung nội địa cho tập đoàn này tương tự như một tập đoàn đa quốc gia.

(3) – (8) Các tiểu mục này chi tiết về những điều khoản trong Phần 3 cần được loại bỏ hoặc bổ sung, và những giả định khi áp dụng cho mục đích thuế nội địa

Mục 273. Xác định thuế bổ sung của công ty không phải là thành viên một tập đoàn

(1) Chương 3 đến 6, 8 và 9 Phần 3 áp dụng cho mục đích thuế nội địa để xác định công ty đủ điều kiện không phải là thành viên tập đoàn có phải nộp thuế bổ sung hay không, số thuế là bao nhiêu. Những chương này được áp dụng cho mục đích thuế bổ sung nội địa tương tự như cho mục đích thuế bổ sung đa quốc gia.

(2) - (4) Các tiểu mục này chi tiết về những điều khoản trong Phần 3 cần được loại bỏ hoặc bổ sung, và những giả định khi áp dụng cho mục đích thuế nội địa

Mục 274 – 276. Những mục này quy định về việc áp dụng một vài điều khoản tại Phần 3 và một vài Kế hoạch trong luật này cho mục đích thuế nội địa (quản lý thuế, điều khoản chuyển tiếp....).

Phụ lục 6

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Luật thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Luật Đầu tư ngày 17/6/2020.

Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

2. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.

4. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ hai mươi người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.

5. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.

6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.

7. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

8. Thu nhập từ chuyên nhượng chứng chỉ giám phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giám phát thải.

9. Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu; thu nhập từ hoạt động tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội; thu nhập của các quỹ tài chính nhà nước và quỹ khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật; thu nhập của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

10. Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã.

11. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

1. Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường;

c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt mười nghìn tỷ đồng/năm, chậm nhất sau ba năm kể từ năm có doanh thu;

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng

trên ba nghìn lao động.

đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.

Chính phủ quy định Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại điểm này.

e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu mười hai nghìn tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật công nghệ cao, Luật khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 của Luật nhà ở;

c) Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, kể cả quảng cáo trên báo in theo quy định của Luật báo chí; thu nhập của cơ quan xuất bản từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản;

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;

đ) Thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trừ thu nhập của hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này.

3. Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có

điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản này được áp dụng thuế suất 17%.

3a. Áp dụng thuế suất 15% đối với: thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Áp dụng thuế suất 20% đối với thu nhập của Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô được áp dụng thuế suất 17%.

5. Việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được quy định như sau:

a) Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm nhưng thời gian kéo dài thêm không quá mười lăm năm;

b) Đối với dự án quy định tại điểm e khoản 1 Điều này đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản xuất sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh toàn cầu, doanh thu đạt trên 20.000 tỷ đồng/năm chậm nhất sau năm năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư;

- Sử dụng thường xuyên trên 6.000 lao động;

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng kinh tế kỹ thuật, bao gồm: đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga, năng lượng mới, năng lượng sạch, công nghiệp tiết kiệm năng lượng, dự án lọc hóa dầu.

Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại điểm này nhưng thời gian kéo dài thêm không quá mười lăm năm.

5a. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng thuế suất ưu đãi giảm không quá 50% so với thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này; thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này và được kéo dài thêm không quá 15 năm và không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư.

6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ

năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.

Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế

1. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.

1a. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo.

2. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.

3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Luật này được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ hai mươi tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này

hoặc từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư;

c) Công suất thiết kế tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi đầu tư.

Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế theo quy định của Luật này mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì áp dụng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh.

Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động.

Điều 15. Các trường hợp giảm thuế khác

1. Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động nữ.

2. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

3. Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ.

Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện dự án đầu tư mới quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với các trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này với thu

nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu của doanh nghiệp.

3. Thuế suất 20% quy định tại khoản 2 Điều 10 và quy định về ưu đãi thuế tại khoản 1 và khoản 4 Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với:

a) Thu nhập từ chuyên nhượng vốn, chuyên nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyên nhượng bất động sản, trừ nhà ở xã hội quy định tại Điều 13 của Luật này; thu nhập từ chuyên nhượng dự án đầu tư, chuyên nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyên nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;

b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản;

c) Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

d) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

4. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

2. DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ theo Phụ lục III, Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Stt	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
1	Bắc Kạn	Toàn bộ các huyện, thị xã và thành phố Bắc Kạn	
2	Cao Bằng	Toàn bộ các huyện và thành phố Cao Bằng	
3	Hà Giang	Toàn bộ các huyện và thành phố Hà Giang	
4	Lai Châu	Toàn bộ các huyện và thành phố Lai Châu	
5	Sơn La	Toàn bộ các huyện và thành phố Sơn La	

Stt	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
6	Điện Biên	Toàn bộ các huyện, thị xã và thành phố Điện Biên	
7	Lào Cai	Toàn bộ các huyện và thị xã Sapa	Thành phố Lào Cai
8	Tuyên Quang	Các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Lâm Bình	Các huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang
9	Bắc Giang	Huyện Sơn Động	Các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hòa
10	Hòa Bình	Các huyện Đà Bắc, Mai Châu	Các huyện Kim Bôi, Lương Sơn, Lạc Thủy, Tân Lạc, Cao Phong, Lạc Sơn, Yên Thủy và Thành phố Hòa Bình
11	Lạng Sơn	Các huyện Bình Gia, Đình Lập, Cao Lộc, Lộc Bình, Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng	
12	Phú Thọ	Các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	Các huyện Đoan Hùng, Hạ Hòa, Phù Ninh, Thanh Ba, Tam Nông, Cẩm Khê
13	Thái Nguyên	Các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ.	Huyện Phú Bình, thị xã Phổ Yên
14	Yên Bái	Các huyện Lục Yên, Mù Cang Chải, Trạm Tấu	Các huyện Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Yên Bình, thị xã Nghĩa Lộ
15	Quảng Ninh	Các huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, bãi đảo thuộc tỉnh	Các huyện Vân Đồn, Tiên Yên, Hải Hà, Đầm Hà
16	Hải Phòng	Các huyện đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải	
17	Hà Nam		Các huyện Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục
18	Nam Định		Các huyện Giao Thủy, Xuân Trường, Hải Hậu, Nghĩa Hưng
19	Thái Bình		Các huyện Thái Thụy, Tiền Hải
20	Ninh Bình		Các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Kim Sơn, Tam Điệp, Yên Mô

Stt	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
21	Thanh Hóa	Các huyện Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân	Các huyện Thạch Thành, Nông Cống
22	Nghệ An	Các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Anh Sơn	Các huyện Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thanh Chương và thị xã Thái Hòa
23	Hà Tĩnh	Các huyện Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Lộc Hà, Kỳ Anh	Các huyện Đức Thọ, Nghi Xuân, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Can Lộc và thị xã Kỳ Anh
24	Quảng Bình	Các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, Bố Trạch	Các huyện còn lại và thị xã Ba Đồn
25	Quảng Trị	Các huyện Hướng Hóa, Đa Krông, huyện đảo cồn cò và các đảo thuộc tỉnh	Các huyện còn lại
26	Thừa Thiên Huế	Các huyện A Lưới, Nam Đông	Các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang và thị xã Hương Trà
27	Đà Nẵng	Huyện đảo Hoàng Sa	
28	Quảng Nam	Các huyện Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Núi Thành (các xã: Tam Sơn, Tam Thành, Tam Mỹ Đông, Tam Mỹ Tây, Tam Trà, Tam Hải), Nông Sơn, Thăng Bình (các xã: Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Quý, Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế) và đảo Cù Lao Chàm	Các huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Phú Ninh, Duy Xuyên (các xã: Duy Châu, Duy Hòa, Duy Phú, Duy Sơn, Duy Tân, Duy Thu, Duy Trinh, Duy Trung), Núi Thành (các xã: Tam Xuân I, Tam Xuân II, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam), Thăng Bình (các xã: Bình Nguyên, Bình Tú, Bình An, Bình Trung)
29	Quảng Ngãi	Các huyện Ba Tơ, Trà Đông, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Bình Sơn, Sơn Tịnh và huyện đảo Lý Sơn	Huyện Nghĩa Hành
30	Bình Định	Các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Mỹ	Huyện Tuy Phước
31	Phú Yên	Các huyện Sông Hinh, Đồng Xuân, Sơn Hòa, Phú Hòa, Tây	Thị xã Sông Cầu; thị xã Đông

Stt	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
		Hòa	Hòa, huyện Tuy An
32	Khánh Hòa	Các huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, huyện đảo Trường Sa và các đảo thuộc tỉnh	Các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa, thành phố Cam Ranh
33	Ninh Thuận	Toàn bộ các huyện	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
34	Bình Thuận	Huyện Phú Quý	Các huyện Bắc Bình, Tuy Phong, Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân
35	Đắk Lắk	Toàn bộ các huyện và thị xã Buôn Hồ	Thành phố Buôn Ma Thuột
36	Gia Lai	Toàn bộ các huyện và thị xã	Thành phố Pleiku
37	Kon Tum	Toàn bộ các huyện và thành phố	
38	Đắk Nông	Toàn bộ các huyện và thị xã	
39	Lâm Đồng	Toàn bộ các huyện	Thành phố Bảo Lộc
40	Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Côn Đảo	Thị xã Phú Mỹ, Châu Đức, Xuyên Mộc
41	Tây Ninh	Các huyện Tân Biên, Tân Châu, Châu Thành, Bến Cầu	Các huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, thị xã Hòa Thành và thị xã Trảng Bàng
42	Bình Phước	Các huyện Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng	Các huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Hớn Quản, thị xã Bình Long, Phước Long
43	Long An	Các huyện Đức Huệ, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng	Thị xã Kiến Tường; các huyện Tân Thạnh, Đức Hòa, Thạnh Hóa
44	Tiền Giang	Các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông	Các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây
45	Bến Tre	Các huyện Thạnh Phú, Ba Tri, Bình Đại	Các huyện còn lại
46	Trà Vinh	Các huyện Châu Thành, Trà Cú	Các huyện Cầu Ngang, Cầu Kê, Tiểu Cần, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải, Càng Long, thành phố Trà Vinh

Stt	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
47	Đồng Tháp	Các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười và thị xã Hồng Ngự	Các huyện còn lại
48	Vĩnh Long		Các huyện Trà Ôn, Bình Tân, Vũng Liêm, Mang Thít, Tam Bình
49	Sóc Trăng	Toàn bộ các huyện và thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm	Thành phố Sóc Trăng
50	Hậu Giang	Toàn bộ các huyện, thị xã Long Mỹ và thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
51	An Giang	Các huyện An Phú, Tri Tôn, Thoại Sơn, Tịnh Biên và thị xã Tân Châu	Thành phố Châu Đốc và các huyện còn lại
52	Bạc Liêu	Toàn bộ các huyện và thị xã	Thành phố Bạc Liêu
53	Cà Mau	Toàn bộ các huyện và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh	Thành phố Cà Mau
54	Kiên Giang	Toàn bộ các huyện, các đảo, hải đảo thuộc tỉnh và thị xã Hà Tiên	Thành phố Rạch Giá
55		Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ)	Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ

Phụ lục 7
QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2021/QĐ-TTg NGÀY 06/10/2021 CỦA THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2021/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về mức, thời gian và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

2. Quyết định này áp dụng với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ưu đãi đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư.

2. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển là toàn bộ các chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư, được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước

1. Dự án đáp ứng tiêu chí công nghệ cao theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) được xác định như sau:

a) Dự án công nghệ cao mức 1 là dự án có hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đáp ứng đồng thời 3 điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao đạt ít nhất 70% tổng doanh thu thuần hàng năm của dự án;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trên tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm của dự án đầu tư đạt ít nhất 0,5%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của dự án đầu tư của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 1%.

b) Dự án công nghệ cao mức 2 là dự án có hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đáp ứng đồng thời 3 điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao đạt ít nhất 80% tổng doanh thu thuần hàng năm của dự án;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trên tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm của dự án đầu tư đạt ít nhất 1%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của dự án đầu tư của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 2%.

2. Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được xác định như sau:

a) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 1 là trường hợp có doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tham gia chuỗi giá trị và đáp ứng đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có từ 30% đến 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 30% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

b) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 2 là trường hợp có doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tham gia chuỗi giá trị và đáp ứng đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có trên 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 40% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

3. Giá trị gia tăng là giá thành toàn bộ hàng hóa, dịch vụ trừ đi các khoản chi phí trả cho bên nước ngoài (không bao gồm nguyên vật liệu nhập khẩu hoặc nhập khẩu tại chỗ có Chứng nhận xuất xứ Việt Nam theo quy định hiện hành), gồm:

a) Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, khấu hao tài sản cố định máy móc thiết bị, chi phí công cụ, dụng cụ nhập khẩu từ nước ngoài;

b) Phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ, chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tài chính và các loại chi phí khác phải trả cho bên nước ngoài.

4. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

a) Chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển;

b) Chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế, các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam;

c) Chi hợp tác nghiên cứu và phát triển với tổ chức, cá nhân; chi thuê khoán hoặc tài trợ cho tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

d) Phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam;

đ) Khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

5. Lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển gồm lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên đáp ứng đồng thời 02 tiêu chí sau:

a) Lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%;

b) Đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn làm việc tại bộ phận nghiên cứu và phát triển hoặc bộ phận có chức năng tương tự của doanh nghiệp.

6. Tiêu chí chuyển giao công nghệ được xác định như sau:

a) Chuyển giao công nghệ mức 1

- Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển

giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện chuyển giao công nghệ cho dưới 03 doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chuyển giao công nghệ mức 2

- Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện chuyển giao công nghệ cho từ 03 doanh nghiệp Việt Nam trở lên trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn 05 năm theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng, điều chỉnh ưu đãi đầu tư đặc biệt

Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và các nguyên tắc sau:

1. Ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng cho dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

2. Ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi thực tế ở mức nào thì hưởng ưu đãi ở mức đó cho thời gian ưu đãi còn lại. Thời gian áp dụng ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi theo điều kiện hưởng ưu đãi thực tế trừ đi tương ứng số năm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, số năm áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, số năm miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được áp dụng trước đó.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức kinh tế không thực hiện đúng cam kết và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, tổ chức kinh tế không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Quyết định này;

b) Trường hợp đã kê khai hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt nhưng thực tế không

đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi thì không được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, đồng thời tổ chức kinh tế phải kê khai, nộp số tiền đã hưởng ưu đãi của các năm không đáp ứng điều kiện ưu đãi (nếu có) và số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thời điểm áp dụng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi 9% trong thời gian 30 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế từ thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

2. Thuế suất ưu đãi 7% trong thời gian 33 năm áp dụng đối với thu nhập từ dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

- Là dự án công nghệ cao mức 1;
- Có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 1;
- Giá trị gia tăng chiếm từ trên 30% đến 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng do tổ chức kinh tế cung cấp;
- Đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 1.

3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 37 năm áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

- Là dự án công nghệ cao mức 2;
- Có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi mức 2;
- Giá trị gia tăng chiếm trên 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp;
- Đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 2.

Điều 6. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 18 năm và giảm 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức kinh tế tự kê khai việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện; thực hiện các thủ tục xác nhận việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện (nếu có) và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý thuế, tài chính xem xét việc hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về đất đai.

Điều 9. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Sau 5 năm triển khai thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng kết, đánh giá tác động và hiệu quả của chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
(đã ký)
Phạm Bình Minh

Phụ lục 8

SO SÁNH GIỮA ÁP DỤNG MỨC ƯU ĐÃI CỦA LUẬT THUẾ TNDN HIỆN HÀNH VÀ ÁP DỤNG TRỤ CỘT 2 (THUẾ SUẤT 15% TRONG SUỐT THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG, KHÔNG ƯU ĐÃI MIỄN GIẢM)

Giá định 1: Dự án đầu tư có phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động, không chuyển lỗ, thu nhập tính thuế ổn định 100 tỷ/năm

Phương án	Ưu đãi		Số thuế phải nộp trong thời gian được miễn thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)
	Thuế suất	Miễn giảm					
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	10% trong 15 năm	Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 9 năm tiếp theo	0	720	320	765	365
Trụ cột 2	15% suốt đời		15 tỷ/năm			750	450
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	10% trong 30 năm	Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 9 năm tiếp theo	0	570	170	615	215
Trụ cột 2	15% suốt đời		15 tỷ/năm			750	450
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	15% trong 12 năm	Miễn thuế 2 năm đầu, giảm 8 năm tiếp theo	0	790	390	850	450
Trụ cột 2	15% suốt đời		15 tỷ/năm			750	450
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	15% trong 12 năm	Miễn thuế 3 năm đầu, giảm 7 năm tiếp theo	0	790	390	842,5	442,5
Trụ cột 2	15% suốt đời		15 tỷ/năm			750	450

Phương án	Ưu đãi		Số thuế phải nộp trong thời gian được miễn thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian được giảm thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)
	Thuế suất	Miễn giảm						
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	17% trong 10 năm	Miễn thuế 2 năm đầu, giảm 4 năm tiếp theo	0	34	868	468	902	502
Trụ cột 2	15% suất đời			15 tỷ/năm			750	450
Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2021	5% trong 37 năm	Miễn thuế 6 năm đầu, giảm 13 năm tiếp theo	0	32,5	350	55	382,5	87,5
Trụ cột 2	15% suất đời			15 tỷ/năm			750	450
Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2022	7% trong 33 năm	Miễn thuế 6 năm đầu, giảm 12 năm tiếp theo	0	42	445	84	487	126
Trụ cột 2	15% suất đời			15 tỷ/năm			750	450
Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2023	9% trong 30 năm	Miễn thuế 5 năm đầu, giảm 10 năm tiếp theo	0	45	535	135	580	180
Trụ cột 2	15% suất đời			15 tỷ/năm			750	450
Luật Đầu tư nước ngoài (trước năm 2004)	10% suất đời						500	300
Trụ cột 2	15% suất đời			15 tỷ/năm			750	450

Giả định 2: Dự án đầu tư có phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động, không chuyên lỗ, thu nhập tính thuế năm đầu là 100 tỷ, tăng trưởng ổn định 5%/năm

Phương án	Ưu đãi		Số thuế phải nộp trong thời gian được miễn thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)
	Thuế suất	Miễn giảm					
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	10% trong 15 năm	Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 9 năm tiếp theo	0	3.794	935,8	3.861	1.003
Trụ cột 2	15% suốt đời		64,6	2.874,5	730,8	3.140	997
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	10% trong 30 năm	Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 9 năm tiếp theo	0	3.345,4	487,2	3.412	554
Trụ cột 2	15% suốt đời		64,6	2.874,5	805,8	3.140	1.071
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	15% trong 12 năm	Miễn thuế 2 năm đầu, giảm 8 năm tiếp theo	0	3.918,7	730,8	3.998	810
Trụ cột 2	15% suốt đời		30,7	2.951,5	807,9	3.140	997
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	15% trong 12 năm	Miễn thuế 3 năm đầu, giảm 7 năm tiếp theo	0	3.918,7	1.060,59	3.989	1.131
Trụ cột 2	15% suốt đời		47,2	2.951,5	807,9	3.140	997
Theo Luật thuế TNDN hiện hành	17% trong 10 năm	Miễn thuế 2 năm đầu, giảm 4 năm tiếp theo	0	4.033,5	1.175,4	4.074	1.216
Trụ cột 2	15% suốt đời		30,7	3.038,1	894,5	3.140	997
Quyết định số	5% trong 37	Miễn thuế 6 năm	0	2.509,8	179,4	2.569	239

Phương án	Ưu đãi		Số thuế phải nộp trong thời gian được miễn thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian được giảm thuế (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Số thuế phải nộp trong thời gian còn lại đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 50 năm (tỷ đồng)	Tổng số thuế phải nộp đối với dự án hoạt động trong 30 năm (tỷ đồng)
	Thuế suất	Miễn giảm						
29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2021	năm	dầu, giảm 13 năm tiếp theo						
Trụ cột 2	15% suất đời		102	356	2.682,1	538,4	3.140	997
Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2022	7% trong 33 năm	Miễn thuế 6 năm dầu, giảm 12 năm tiếp theo	0	74,6	2.949,2	268,1	3.024	343
Trụ cột 2	15% suất đời		102	319,9	2.718,2	574,5	3.140	997
Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6/10/2023	9% trong 30 năm	Miễn thuế 5 năm dầu, giảm 10 năm tiếp theo	0	72,2	3.261,9	403,7	3.334	476
Trụ cột 2	15% suất đời		82,8	240,7	2.816,5	672,9	3.140	997
Luật Dầu tự nước ngoài (trước năm 2004)	10% suất đời						2.093	664
Trụ cột 2	15% suất đời						3.140	997

Phụ lục 9

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU, ĐÁT ĐAI

I. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

Theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2016.

Điều 16. Miễn thuế

6. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu.

Sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế.

7. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

8. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước.

11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

13. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm,

kê từ khi bắt đầu sản xuất.

Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá trị thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

14. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

15. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí, bao gồm cả trường hợp lắp ráp, tái xuất;

b) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp động cơ hoặc sử dụng động cơ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị cần bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cho hoạt động dầu khí;

c) Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước chưa sản xuất được.

16. Dự án, cơ sở đóng tàu thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi theo quy định của pháp luật về dầu và dầu tự được miễn thuế đối với:

a) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của cơ sở đóng tàu, bao gồm: máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp động cơ hoặc sử dụng động cơ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải trong dây chuyền công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động đóng tàu; vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được;

b) Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được phục vụ cho việc đóng tàu;

c) Tàu biển xuất khẩu.

18. Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm.

19. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được để thu gom, vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải, rác thải, khí thải, quan trắc và phân tích môi trường, sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường, ứng phó, xử lý sự cố môi trường;

b) Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.

20. Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho giáo dục.

21. Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ.

II. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Theo Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.

Điều 9. Miễn thuế

1. Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng trên 50% số lao động là thương binh, bệnh binh.

2. Đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

9. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế.

Điều 10. Giảm thuế

Giảm 50% số thuế phải nộp cho các trường hợp sau đây:

1. Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng từ 20% đến 50% số lao động là thương binh, bệnh binh;

4. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất từ 20% đến 50% giá tính thuế.

III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ TIỀN THUÊ ĐẤT

Theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2016.

Điều 19. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp, khu chế xuất được Nhà nước cho thuê đất hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất để thực hiện theo quy hoạch

được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

c) Dự án sử dụng đất xây dựng kỹ túc xa sinh viên bằng tiền từ ngân sách nhà nước, đơn vị được giao quản lý sử dụng cho sinh viên ở không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

d) Đất xây dựng công trình sử dụng của các tổ chức sự nghiệp công; đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có) bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thí nghiệm.

e) Đất xây dựng cơ sở, công trình cung cấp dịch vụ hàng không tư đất xây dựng cơ sở, công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hàng không.

h) Đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ.

i) Đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

k) Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai.

2. Miền tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

3. Miền tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

a) Ba (3) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư; đối với cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.

b) Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Việc miễn tiền thuê đất đối với Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều này.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể.

7. Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

8. Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn và được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

10. Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản quy định tại Khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

a) 11 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Toàn bộ thời gian thuê đất nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 20. Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các trường hợp sau:

b) Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại.

c) Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh mà không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối hoặc không phải trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này khi bị thiên tai, hỏa hoạn, tai

nản bất khả kháng thì được giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong thời gian ngừng sản xuất kinh doanh.

3. Việc giảm tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn.

IV. MIỀN, GIÀM TIỀN THUẾ ĐẤT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT, CHO THUẾ ĐẤT TRONG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

Theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, có hiệu lực từ ngày 20/6/2017.

Điều 8. Miền, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Việc miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được thực hiện theo từng dự án đầu tư gắn với việc cho thuê đất mới.

2. Không áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án khai thác tài nguyên khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước sau khi làm các thủ tục đề được miễn, giảm theo quy định.

4. Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm và đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về miễn, giảm nếu thực hiện chuyển dự án hoặc chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình trên đất gắn liền với đất thuê theo quy định của pháp luật và người nhận chuyển nhượng hoặc người mua tài sản trên đất tiếp tục được Nhà nước cho thuê đất cho thời gian thuê đất còn lại với mục đích sử dụng đất theo đúng mục đích khi nhận chuyển nhượng thì việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện như sau:

a) Người chuyển nhượng không được tính số tiền thuê đất đã được miễn, giảm vào giá chuyển nhượng.

b) Người nhận chuyển nhượng tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian ưu đãi còn lại.

Trường hợp sau khi nhận chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng không tiếp tục sử dụng theo đúng mục đích khi nhận chuyển nhượng và chuyển sang sử dụng vào mục đích khác thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này.

5. Trường hợp người thuê đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định này nhưng trong quá trình quản lý, sử dụng đất không đáp ứng các điều kiện đề được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước có nguyên nhân từ phía người thuê đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật

đất đai thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được miễn, giảm và cộng thêm khoản tiền tương đương với mức thu tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn, giảm.

6. Mức miễn, giảm tiền thuê đất cụ thể như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

- 11 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

- 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- 15 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

- 17 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

- 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời hạn thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động trong Khu kinh tế hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu kinh tế để thực hiện theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công trong Khu kinh tế.

- Đặt để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng trong Khu kinh tế theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ.

- Đặt xây dựng công trình cấp nước trong Khu kinh tế bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hồ trữ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

d) Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản quy định tại điểm a khoản này, cụ thể như sau:

- 11 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

- 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

- Toàn bộ thời gian thuê đất nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Trong hợp Khu kinh tế nằm trên phạm vi nhiều huyện thì việc ưu đãi miễn tiền thuê đất được xác định theo diện tích tương ứng ở từng huyện.

7. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất kinh doanh tạm ngừng dự án đầu tư do bất khả kháng thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động.

10. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất trong Khu kinh tế để thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì áp dụng mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 14. Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao

1. Nguyên tắc miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

2. Miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Đất xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất có mặt nước, công viên sử dụng công nghệ theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được phê duyệt.

b) Đất xây dựng công trình sử dụng công nghệ cao để thực hiện công nghiệp lắp.

c) Đất xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

d) Đất thực hiện dự án nhà ở cho chuyên gia, người lao động thuê khi làm việc tại Khu công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền

phê duyệt.

đ) Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao).

3. Mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này cụ thể như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản:

- 15 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư đầu tư; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao.

- 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất kinh doanh tạm ngừng dự án đầu tư do bất khả kháng thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

5. Trường hợp người sử dụng đất thuê đất trong Khu công nghệ cao để thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì áp dụng mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

V. MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, có hiệu lực thi hành từ ngày ký (ngày 06/10/2021).

Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 18 năm và giảm 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

VI. TRÍCH KHẤU HAO NHANH

Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định về trích khấu hao nhanh:

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

2.2. Chi khấu hao tài sản cố định thuộc một trong các trường hợp sau:

Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được trích khấu hao nhanh nhưng tới đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ đổi với một số tài sản cố định theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

Phụ lục 10
CHƯƠNG III - ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA LUẬT ĐẦU TƯ SỐ
61/2020/QH14 NGÀY 17/6/2020, CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/01/2021

Chương III
ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;

d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;

d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;
- g) Đầu tư kinh doanh chuỗi sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.
4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.
5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:
- a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;
- b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;
- c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.
6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.
7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.
8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.
- Điều 16. Ngân hàng, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư**
1. Ngân hàng, nghề ưu đãi đầu tư bao gồm:
- a) Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm hình thành từ kết quả hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;
- b) Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- c) Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trình độ cao, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô, đồng hồ;
- d) Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển;

- d) Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số;
- e) Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học;
- g) Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải;
- h) Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị;
- i) Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học;
- k) Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bảo quản thuốc; nghiên cứu khoa học về công nghệ bảo chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới; sản xuất trang thiết bị y tế;
- l) Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- m) Đầu tư trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa;
- n) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;
- o) Sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành.

2. Địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- b) Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

3. Căn cứ ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư; xác định ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Điều 17. Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư

Căn cứ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư.

Điều 18. Hình thức hỗ trợ đầu tư

1. Các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm:

- a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong

va ngoài hàng rào dự án đầu tư;

b) Hồ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

c) Hồ trợ tín dụng;

d) Hồ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hồ trợ cơ sở sản xuất;

kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;

d) Hồ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyên giao công nghệ;

e) Hồ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin;

g) Hồ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cần đổi ngân

sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giao dúc, phổ biến pháp luật và các đổi tương khác.

Điều 19. Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

1. Căn cứ quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng thuộc khu kinh tế.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và vốn tín dụng ưu đãi để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng ưu đãi và áp dụng các phương thức huy động vốn khác để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu kinh tế, khu công nghệ cao.

Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới do) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ

đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Phụ lục 11

DANH SÁCH 335 DỰ ÁN FDI CÓ SỐ VỐN ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ TRÊN 100 TRIỆU USD

I. DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TRÊN 1 TỶ USD

Đơn vị: USD

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	KHU LIÊN HỢP GANG THÉP VÀ CẢNG SƠN DƯƠNG FORMOSA HÀ TĨNH	KKT Vũng Áng	Hà Tĩnh	Đài Loan	10.687.052.000
2	CÔNG TY TNHH LỘC HÓA DẦU NGHII SƠN	KKT Nghi Sơn	Thanh Hóa	Nhật Bản	9.000.000.000
3	SAMSUNG DISPLAY VIỆT NAM	KCN Yên Phong I	Bắc Ninh	Hàn Quốc	6.500.000.000
4	DỰ ÁN I.G DISPLAY HẢI PHÒNG	KCN Tráng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	4.650.000.000
5	CÔNG TY TNHH INTEL PRODUCTS VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hà Lan	4.115.000.000
6	TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP CAO SAMSUNG THÁI NGUYÊN - GIAI ĐOẠN 2	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	3.000.000.000
7	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SAMSUNG HCMC CE COMPLEX	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	2.841.108.580
8	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	2.537.000.000
9	KHU TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP SAMSUNG.	KCN Yên Phong I	Bắc Ninh	Singapore	2.500.000.000
10	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	2.000.000.000
11	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUNG NGHIỆP FORMOSA	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	Đài Loan	1.638.402.000

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
12	DỰ ÁN LG ELECTRONICS VIỆT NAM HẢI PHÒNG	KCN Tràng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	1.500.000.000
13	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH POLYTEX FAR EASTERN (VIỆT NAM)	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Đài Loan	1.370.000.000
14	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH LEGO MANUFACTURING VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Dan Mạch	1.318.391.562
15	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỘP XE CỦA BRIDGESTONE TẠI HẢI PHÒNG VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Singapore	1.224.100.000
16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT POLYPROPYLENE (PP) VÀ KHIO NGÂM CHỨA KHÍ DẦU MỎ HÓA LÔNG (LPG) TẠI VIỆT NAM	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	1.201.000.000
17	NHÀ MÁY CHINA STEEL SUMKIN VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đài Loan	1.148.000.000
18	NHÀ MÁY SẢN XUẤT THÉP POSCO	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	1.128.000.000
19	CÔNG TY TNHH WINDTEK VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Samoa	1.120.000.000
20	CÔNG TY TNHH HYOSUNG VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hàn Quốc	1.116.964.950
21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY CÔNG TY TNHH CHENG LOONG BÌNH DƯƠNG PAPER	KCN An Tây	Bình Dương	Đài Loan	1.100.000.000
22	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT FIRST SOLAR VIỆT NAM	KCN Đông Nam	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	1.066.994.603
23	DỰ ÁN NHÀ MÁY LG INNOTEK HẢI PHÒNG	KCN Tràng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	1.051.000.824
24	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Hồng Kông	1.000.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
25	DỰ ÁN CHẾ TẠO LỚP XE RADIANT	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	1.000.000.000
TỔNG CỘNG:					65.813.014.519

II. DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 500 TRIỆU USD ĐẾN 1 TỶ USD

Đơn vị: USD

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HYOSUNG ĐỒNG NAI	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Thổ Nhĩ Kỳ	925.000.000
2	PEGATRON VIỆT NAM	KCN Nam Đình Vũ - Khu II	Hải Phòng	Đài Loan	800.000.000
3	CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY AQUA VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Singapore	750.000.000
4	DỰ ÁN POSCO SS - VINA	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	704.300.000
5	CÔNG TY TNHH TECHTRONIC TOOLS (VIỆT NAM)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hồng Kông	650.000.000
6	NHÀ MÁY THIẾT KẾ, SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO CÁC LOẠI BẢNG MẠCH IN ĐIỆN TỬ (PCB), LẮP RÁP LINH KIỆN ĐIỆN TỬ LÊN PCB, LẮP RÁP CÁC LOẠI SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ HOÀN CHỈNH	KCN Thạch Thát - Quốc Oai	Hà Nội	Hồng Kông	650.000.000
7	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FULIAN	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	621.000.000
8	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY KRAFT VINA CÔNG SUẤT 800.000 TẤN/NĂM	KCN Bình Xuyên II	Vĩnh Phúc	Nhật Bản	611.400.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
9	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HANA MICRON VINA	KCN Văn Trung	Bắc Giang	Hàn Quốc	591.000.000
10	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI BROTEX VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	570.000.000
11	NHÀ MÁY NIPRO VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	570.000.000
12	NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MÀNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC DA PHƯƠNG TIỆN.	KCN Quê Võ 1	Bắc Ninh	Hồng Kông	565.654.000
13	CÔNG TY TNHH SMC MANUFACTURING (VIỆT NAM)	KCN Long Đức	Đồng Nai	Nhật Bản	549.400.000
14	NHÀ MÁY FUKANG TECHNOLOGY	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	539.000.000
15	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	534.476.087
16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẬP RÁP VÀ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU, THIẾT BỊ BÀN DÀN	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Singapore	529.567.520
17	NHÀ MÁY DỆT KIM, MAY MẶC CAO CẤP GAIN LUCKY (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	British Virgin Islands	500.000.000
18	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH COMPAL VIỆT NAM TẠI VINH PHÚC	KCN Bá Thiện	Vinh Phúc	British Virgin Islands	500.000.000
TỔNG CỘNG:					11.160.797.607

III. DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 200 - 500 TRIỆU USD

Đơn vị: USD

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP TẾ BÀO QUANG ĐIỆN JINKO SOLAR PV VIỆT NAM.	KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Hồng Kông	498.044.906
2	CÔNG TY TNHH HUALON CORPORATION VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Đài Loan	477.134.598
3	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SHING MARK VINA.	KCN Bàu Xéo	Đồng Nai	British Virgin Islands	471.000.000
4	CÔNG TY TNHH WONDERFUL SÀI GÒN ELECTRICS	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Nhật Bản	450.000.000
5	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đồng Nai	Singapore	441.000.000
6	SẢN XUẤT LẮP RÁP ROBOT, CÁC BỘ PHẬN CỦA ROBOT VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	426.000.000
7	(ĐỆT PACIFIC) CTY TNHH ĐỆT PACIFIC VIỆT NAM	KCN Lai Vu	Hải Dương	Hồng Kông	425.000.000
8	NHÀ MÁY BOSCH POWERTRAIN SOLUTIONS TẠI VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hà Lan	424.000.000
9	DỰ ÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM KÍNH NỔI	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	418.526.934
10	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VAI MÀNH (CÔNG SUẤT 39.600 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)	KKT mở Chu Lai	Quảng Nam	Hàn Quốc	410.000.000
11	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM ĐÁT IHIEM	KCN Định Vũ	Hải Phòng	Nhật Bản	407.250.000
12	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP	KCN Amata	Đồng Nai	Thụy Sĩ	402.000.000

Sit	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
	LONG BINH (AMATA) - NHÀ MÁY TRI AN				
13	ÁU TỬ XÂY DỰNG CHUỖI DÂY CHUYỀN CÔNG NGHIỆP DỆT MAY TẠI KHIU CÔNG NGHIỆP TEXHONG HẢI HƯA	KCN Hải Yên	Quảng Ninh	Hồng Kông	401.520.000
14	(KEFICO) SX CÁC PHỤ TÙNG VÀ BỘ PHẬN PHỤ TRỢ CHO XE CỎ ĐỘNG CƠ VÀ Đ. CƠ XE	KCN Đại An	Hải Dương	Hàn Quốc	400.000.000
15	CÔNG TY TNHH LỚP ADVANCE VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	387.385.040
16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ (UNTC)	KCN Thủy Vân	Phủ Thọ	Hàn Quốc	383.000.000
17	NHÀ MÁY BIA CÔNG SUẤT 1.100 TRIỆU LÍT/NĂM	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Lan	381.300.147
18	DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP TẠM SILIC JINKO SOLAR VIỆT NAM (JINKO2)	KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Trung Quốc	365.629.003
19	DỰ ÁN NHÀ MÁY SỢI, VẢI MÀU LƯ THAI (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	360.000.000
20	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC VÀ MŨ GIÀY CAO CẤP WORLDON VIỆT NAM	KCN Đông Nam	TP. Hồ Chí Minh	British Virgin Islands	360.000.000
21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT POLYESTER VÀ SỢI TÔNG HỢP BILLION VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	358.000.000
22	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI ÁO SỘ MI CAO CẤP VIỆT NAM	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hồng Kông	350.000.000
23	DỰ ÁN SEOUL SEMICONDUCTOR VINA	KCN Đông Văn I	Hà Nam	Hàn Quốc	350.000.000
24	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỚP KUMHO VIỆT NAM	KCN Mỹ Phước	Bình Dương	Hồng Kông	348.193.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
25	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SÀI GÒN STEC TẠI KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM-SINGAPORE II	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II	Bình Dương	Nhật Bản	340.000.000
26	CTY TNHH KHOANG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT-TRUNG	KCN Tăng L.ông	Lào Cai	Trung Quốc	337.500.000
27	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI NGHE, DÂY KẾT NỐI NEW WING	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	330.000.000
28	NHÀ MÁY CHÈ TẠO CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MẠNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ÁM THANH ĐA PHƯƠNG TIỆN	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	325.000.000
29	CÔNG NGHIỆP NĂNG DOOSAN VIỆT NAM	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Hàn Quốc	315.000.000
30	CTY TNHH CANON VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	306.700.000
31	NHÀ MÁ SẢN XUẤT GIẤY CÙNG BAO BÌ CAO CẤP SẢN LƯỢNG 420.000 TẤN/NĂM	KCN Sông Hậu	Hậu Giang	Trung Quốc	303.000.000
32	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỚP XE RADIANT JINYU (VIỆT NAM).	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	300.000.000
33	NHÀ MÁY KÍNH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI FLAT VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Hồng Kông	300.000.000
34	DỰ ÁN NHÀ MÁY NIPPON MEKTRON	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	300.000.000
35	CTY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TEXHONG NGÂN LONG	KCN Hải Yên	Quảng Ninh	Hồng Kông	300.000.000
36	CÔNG TY TNHH JABIL VIỆT NAM (JABIL)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	300.000.000
37	CTY TNHH POSSCO VST, TEN CU LA CTY TNHH ASIA STAINLES, SX THÉP KHÔNG G	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	300.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
38	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POSCO VST	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	300.000.000
39	NHÀ MÁY FUSHAN TECHNOLOGY (VIỆT NAM).	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	British Virgin Islands	294.934.525
40	NHÀ MÁY SỢI MÀU SHUNDADO	KCN Thuận Đạo	Long An	Hồng Kông	290.630.000
41	DỰ ÁN CHẾ TẠO LỚP XE RADIANT TOÀN THÉP ACTR	KCN Phước Đông - Bờ Lởi	Tây Ninh	Trung Quốc	280.000.000
42	CÔNG TY TNHH JA SOLAR VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Trung Quốc	280.000.000
43	CTY TNHH XƯƠNG GIẤY CHÁNH DƯƠNG	KCN Mỹ Phước	Bình Dương	Cayman Islands	280.000.000
44	DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ PIN LITHIUM	KKT Vũng Áng	Hà Tĩnh	Hoa Kỳ	275.000.000
45	CÔNG TY TNHH TRINA SOLAR WAFER (VIỆT NAM)	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	275.000.000
46	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FUYU	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	274.500.000
47	DỰ ÁN VICTORY – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ CÔNG NGHỆ CAO TẠI ĐỒNG VĂN, HÀ NAM	KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Đài Loan	273.913.043
48	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM.	KCN Bầu Xéo	Đồng Nai	Hồng Kông	270.000.000
49	NHÀ MÁY ĐIỆN TỬ BYD VIỆT NAM	KCN Phú Hà	Phú Thọ	Hồng Kông	269.165.744
50	NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÀN HÌNH LCD-QISDA VIỆT NAM.	KCN Đồng Văn 4	Hà Nam	Đài Loan	263.000.000
51	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH COMPAL ELECTRONICS (VIỆT NAM).	Khu kinh tế tỉnh Thái Bình	Thái Bình	British Virgin Islands	260.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
52	CÔNG TY SẢN PHẨM MÁY TÍNH FUJITSU VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN.	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Nhật Bản	259.000.000
53	NHÀ MÁY SỮA CHỮA, DÒNG MỜI CÁC LOẠI TÀU BIỂN VÀ GIA CÔNG KẾT CẤU TIẾP	KCN Ninh Thủy	Khánh Hòa	Iran Quốc	250.070.688
54	DỰ ÁN NHÀ MÁY MÔI NIPRO PHARMA VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	250.000.000
55	NHÀ MÁY SẢN XUẤT DAO CẠO RÀU CỦA CÔNG TY TNHH PROCTER & GAMBLE DÔNG DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hoa Kỳ	247.849.624
56	CÔNG TY CHIANG SIHN VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	KCN Dệt may Nhơn Trạch	Đồng Nai	Hàn Quốc	247.375.862
57	NHÀ MÁY GIẤY MARUBENI TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	KCN Phú Mỹ III	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	244.093.755
58	DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME GROUP	KCN Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Thái Lan	239.693.193
59	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH LONGWELL.	KCN Dầu Giấy	Đồng Nai	Samoa	236.000.000
60	CÔNG TY TNHH NHÓM TOAN CẦU VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Australia	234.822.000
61	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION	KCX Linh Trung I	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	232.705.000
62	CÔNG TY TNHH ĐÈN HÌNH ORION-HANEL	KCN Sai Đồng B	Hà Nội	Hàn Quốc	230.546.257
63	DỰ ÁN SẢN XUẤT NẸN THỦY TINH CHO ĐĨA TỪ	KCN Thăng Long	Hà Nội	Hà Lan	230.000.000
64	CTY TNHH CÔNG NGHIỆP CAO SU CHÍNH TÂN VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	BritishVirginIslands	230.000.000
65	DỰ ÁN SẢN XUẤT, CHẾ TẠO VÀ LẮP RÁP CÁC LOẠI MÁY MÓC VÀ	KCN Quang Minh	Hà Nội	Nhật Bản	229.500.000

Sit	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
	TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, DỰNG CỤ VÀ ĐỒ DÙNG Y TẾ, CÁC LOẠI BÀN TIỀNH PHẠM LIÊN QUAN.				
66	XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ MDF VRG DONGWHA.	KCN Minh Hưng III	Bình Phước	Hồng Kông	228.000.000
67	CTY TNHH DENSO VIỆT NAM, SXKD THIẾT KẾ P.TÙNG ÔTÔ	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	226.164.000
68	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH UNI-PRESIDENT VIỆT NAM	KCN Sông Thần 2	Bình Dương	Cayman Islands	225.210.054
69	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÂM TẾ BẢO QUANG ĐIỆN VINA CELL TECHNOLOGY	KCN Văn Trung	Bắc Giang	Hồng Kông	224.435.727
70	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT MĂNG POLYESTER.	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	220.000.000
71	DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI LỘP KVT-1	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Hàn Quốc	220.000.000
72	DỰ ÁN SẢN XUẤT BẢNG VI MẠCH DÈO ĐÉ XUẤT KHẨU.	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	220.000.000
73	CÔNG TY TNHH KYUNGBANG VIỆT NAM	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Samoa	219.254.000
	DỰ ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BIA ANHEUSER-BUSCH INBEV VIỆT NAM TẠI VSIP II-A, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hà Lan	218.500.000
75	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY CAO SU KENDA (VIỆT NAM) TẠI KCN GIANG ĐIỆN TỈNH ĐỒNG NAI	KCN Giang Điền	Đông Nai	Đài Loan	216.000.000
76	CÔNG TY TNHH SI FILIX VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hàn Quốc	216.000.000
77	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỬA USI TẠI VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Đài Loan	215.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
78	KNT ASIA	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hoa Kỳ	215.000.000
79	CTY TNHH GIẤY KRAFT VINA	KCN Mỹ Phước 3	Bình Dương	Thái Lan	215.000.000
80	NHÀ MÁY DỆT KIM TẠI KCN TEXIONG HẢI HẢ	KCN Texhong Hải Hà - Giai đoạn 1	Quảng Ninh	Hồng Kông	214.000.000
81	HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	213.815.000
82	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU XE MÁY MANG NHÃN HIỆU HONDA, SẢN XUẤT VÀ/HOẶC KINH DOANH, XUẤT KHIẾU LINH KIỆN, CHI TIẾT VÀ PHỤ TÙNG XE MÁY, CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HẠN, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ SAU BÁN HÀNG CHO XE MÁY VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NHÀ Ở TẬP THỂ	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Nhật Bản	212.461.632
83	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP BELLINTURF VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	212.000.000
84	XUỐNG LUYỆN - CÁN THẬP CÔNG SUẤT 500.000 TẤN/NĂM	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	212.000.000
85	DỰ ÁN SẢN XUẤT VẢI CAO CẤP LOUVRE	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Singapore	210.000.000
86	DỰ ÁN CÔNG NGHỆ TẾ BÀO QUANG ĐIỆN JA SOLAR PV VIỆT NAM.	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	210.000.000
87	NHÀ MÁY KINH NÓI MIỀN NAM VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	207.690.000
88	NHÀ MÁY KANGLONGDA HUẾ	KCN Phong Điền ABC	Thừa Thiên Huế	Hồng Kông	206.990.000
89	CTY DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN	KCN Cái Lân	Quảng Ninh	Singapore	206.296.244

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
90	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VAI KHÔNG DỆT TẠI KCN TEXHONG - HẢI HÀ	KCN Texhong Hải Hà - Giai đoạn 1	Quảng Ninh	Trung Quốc	206.000.000
91	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NIDDEC TOSOK (VIỆT NAM)	KCX Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	205.602.498
92	CÔNG TY TNHH BAO BỊ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐỘNG NAI	KCN Tam Phước	Dồng Nai	Malaysia	205.500.000
93	NHÀ MÁY PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRINA SOLAR	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	203.000.000
94	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TOP TEXTILES	KCN dệt may Rạng Đông	Nam Định	Hồng Kông	203.000.000
95	NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CELL NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	KCN Cẩm Khê	Phụ Thọ	Nhật Bản	200.000.000
96	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ PHỤ TÙNG Ô TÔ JU TENG	KCN Hoàng Mai	Nghệ An	Samoa	200.000.000
97	DỰ ÁN NHÀ MÁY GREENWORKS THÁI BÌNH VIỆT NAM.	Khu kinh tế tỉnh Thái Bình	Thái Bình	Trung Quốc	200.000.000
98	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LEVERWIN PRECISION (VIỆT NAM)	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Hồng Kông	200.000.000
99	DỰ ÁN AVC TECHNOLOGY VIỆT NAM	KCN Đông Văn III	Hà Nam	Đài Loan	200.000.000
100	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI VI MẠCH ĐIỆN TỬ	Khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	Nhật Bản	200.000.000
101	NIDDEC TECHNO MOTOR VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Nhật Bản	200.000.000
102	NHÀ MÁY HANWHA AERO ENGINES TẠI VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Hàn Quốc	200.000.000
103	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LENS VIỆT NAM.	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hồng Kông	200.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
104	CÔNG TY TNHH PAIHONG VIỆT NAM	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Samoa	200.000.000
105	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI THÀNH PHẨM	KCN Phước Đông - Bờ I.ôl	Tây Ninh	Hàn Quốc	200.000.000
106	CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	200.000.000
107	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Nhật Bản	200.000.000
108	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG GIẤY, DỤNG CỤ THÊ THAO	KCN Thuận Đạo	Long An	British West Indies	200.000.000
TỔNG CỘNG:					30.006.902.474

IV. DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 100 - 200 TRIỆU USD

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	CÔNG TY HỮU HẠN SỢI TAINAN (VIỆT NAM)	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Dài Loan	198.000.000
2	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HỢP CHẤT ZIRCONIUM VIỆT NAM	KCN Cai Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	197.179.611
3	NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÔI THÉP VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM THIẾP CÁN NÓNG	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dài Loan	196.500.000
4	SẢN XUẤT, LẬP RÁP, GIA CÔNG TÂM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI.	KCN Vân Trung	Bắc Giang	Hồng Kông	192.019.283
5	NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÁNH KẸO KINH ĐO BÌNH DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Singapore	190.695.920

Đơn vị: USD

Sit	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
6	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH LUXSHARE-ICT (VẠN TRUNG).	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	190.000.000
7	(TINH LỢI) DỰ ÁN TNHH LỢI 2	KCN Lai Vu	Hải Dương	Vương quốc Anh	189.500.000
8	DỰ ÁN SẢN XUẤT MÁY VÀ THIẾT BỊ CHO VĂN PHÒNG	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	187.500.000
9	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH NITTO DENKO VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Nhật Bản	186.270.000
10	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ UNILEVER VIỆT NAM	KCN Tây Bắc Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Hà Lan	181.574.382
11	NHÀ MÁY TİM SEMICONDUCTOR VIETNAM - BẮC NINH	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
12	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM IL SHIN VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
13	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH DREAMTECH VIỆT NAM	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
14	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY, DỆP POU HUNG VIỆT NAM	KCN Chà Là	Tây Ninh	Hồng Kông	180.000.000
15	CÔNG TY TNHH RITEK VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Đài Loan	180.000.000
16	NHÀ MÁY CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MÀNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ÂM THANH ĐA PHƯƠNG THỨC - GOERTEK 2	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	175.000.000
17	CÔNG TY TNHH TERUMO BCT VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đồng Nai	Nhật Bản	174.700.000
18	NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Đài Loan	174.517.000
19	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH LUXSHARE - ICT (VIỆT NAM)	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hồng Kông	174.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
20	NHÀ XUỐNG MAY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Hồng Kông	174.000.000
21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY THIẾ THAO	KCN Hưng Phú 2B	Cần Thơ	Hàn Quốc	171.487.093
22	TRUNG TÂM SẢN XUẤT ĐIỆN TỬ CHILISIN TẠI VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Hồng Kông	170.279.436
23	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN HÀNG KHÔNG VŨ TRỤ SUNSHINE	Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Đà Nẵng	Singapore	170.000.000
24	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ EVER GROWTH (VIỆT NAM)	KCN Long Khánh	Đồng Nai	Samoa	170.000.000
25	ĐẦU TƯ THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH SAPPORO VIỆT NAM	KCN Đức Hòa III - Việt Hóa	Long An	Nhật Bản	170.000.000
26	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HWASEUNG VINA	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	170.000.000
27	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FORMOSA TAFFETA DONG NAI.	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	Đài Loan	169.660.000
28	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	169.500.000
29	CÔNG TY TNHH SCHAEFFLER VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	CHLB Đức	166.725.000
30	SẢN XUẤT SẢN PHẨM KHÓA CHÓT VÀ DẬP ĐỊNH HÌNH BOLTUN VIỆT NAM.	KKT ven biển Quảng Yên	Quảng Ninh	Đài Loan	165.000.000
31	NHÀ MÁY YKK HẢI NAM	KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Nhật Bản	165.000.000
32	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BIFEL CRYSTAL (VIỆT NAM)	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	British Virgin Islands	165.000.000
33	DNCX NITORI VIỆT NAM - CN BRVT	KCN Phú Mỹ III	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	164.698.708
34	DỰ ÁN MDF DONGWHA VIỆT NAM	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hàn Quốc	163.210.000

Sit	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
35	SẢN XUẤT TẠM PIN VÀ MODULE CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	KCN Song Khê - Nội Hoàng khu phía Bắc	Bắc Giang	Trung Quốc	163.000.000
36	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS (VIETNAM)	KCX Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	162.762.600
37	NHÀ MÁY SEWS-COMPONENTS VIỆT NAM	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	160.000.000
38	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA SAMSUNG SDI VIỆT NAM	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	160.000.000
39	DỰ ÁN NHÀ MÁY TOTO VIỆT NAM THỨ TƯ	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Singapore	159.640.000
40	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM - TIỀN GIANG	KCN Mỹ Tho	Tiền Giang	Malaysia	158.427.383
41	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI TỒNG HỢP DỪNG CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VÀ CÁC NGÀNH KHÁC	KCN Phước Đông - Bờ Lởi	Tây Ninh	Hồng Kông	155.000.000
42	CÔNG TY TNHH AUTOLIV VIỆT NAM	KCN Sông Khai	Quảng Ninh	Thụy Điển	154.000.000
43	(BEST PACIFIC) BEST PACIFIC - VIETNAM	KCN Cẩm Điền - Lương Yên	Hải Dương	Hồng Kông	154.000.000
44	HEESUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	KCN Trảng Dục	Hải Phòng	Hàn Quốc	154.000.000
45	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH LOCK & LOCK VINA	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	150.800.000
46	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ/ CÔNG TY TNHH PARTRON VINA	KCN Khai Quang	Vĩnh Phúc	Hàn Quốc	150.500.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
47	LUXSHARE - ICT (NGHỆ AN) 2	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Hồng Kông	150.000.000
48	DỰ ÁN MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ JNTC GIAI ĐOẠN II	KCN Thủy Vân	Phù Thọ	Hàn Quốc	150.000.000
49	DỰ ÁN LENS VIỆT NAM	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	150.000.000
50	NHÀ MÁY SEOJIN VIỆT NAM	KCN Song Khê - Nội Hoàng khu phía Bắc	Bắc Giang	Hàn Quốc	150.000.000
51	DỰ ÁN THIẾT KẾ, PHÁT TRIỂN, SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY CỦA GEMTEK VIỆT NAM.	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Đài Loan	150.000.000
52	NHÀ MÁY SEOJIN AUTO VINA - BẮC NINH	KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn	Bắc Ninh	Hàn Quốc	150.000.000
53	DỰ ÁN SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ KINH DOANH SE SŌI, DỆT KIM VÀ SẢN PHẨM MAY MẶC	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Đài Loan	150.000.000
54	CÔNG TY TNHH LONG FA (VIỆT NAM)	KCN Minh Hưng III	Bình Phước	British Virgin Islands	150.000.000
55	CÔNG TY TNHH HANSOL ELECTRONIC VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	150.000.000
56	NHÀ MÁY DỆT SỢI NIJON TRẠCH I	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hồng Kông	150.000.000
57	CÔNG TY CỔ PHẦN TKG TAEKWANG VINA	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Hàn Quốc	150.000.000
58	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH III - GIAI ĐOẠN II.	KCN Long Đức	Đồng Nai	Hàn Quốc	148.000.000
59	NHÀ MÁY CÀ PHÊ OUTSPAN VIỆT NAM	KCN Nhứt Chánh	Long An	Singapore	147.000.000

Sit	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
60	CTY TNHH PANASONIC INDUSTRIAL DEVICES VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	146.820.000
61	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CAMERA MÔĐUN VÀ LINH KIỆN ĐIỆN TỬ	KCN Phúc Sơn	Ninh Bình	Hàn Quốc	142.000.000
62	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NWFESTERN SOLAR VIỆT NAM 1 TẠI BẮC GIANG	KCN Văn Trung	Bắc Giang	Trung Quốc	140.000.000
63	DỰ ÁN THIẾT KẾ, SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG MÀN HÌNH CẢM ỨNG, MÀN HÌNH ĐIỆN TỬ, I-CON, KÍNH QUANG HỌC VÀ PHỤ KIỆN KÍNH QUANG HỌC VÀ CÁC LOẠI LINH KIỆN ĐIỆN TỬ ĐI KÈM: LẮP RÁP PHỤ KIỆN VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI MÀN HÌNH HIỆN THỊ HÌNH ẢNH; CẮT DÁN VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI M	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	Hà Nội	Samoa	140.000.000
64	DỰ ÁN SẢN XUẤT PHỤ TÙNG Ô TÔ	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	140.000.000
65	CÔNG TY TNHH MITSUBA VIỆT NAM.	KCN Long Bình (LOTFCO)	Đông Nai	Nhật Bản	140.000.000
66	CN CTY TNHH ROBERT BOSCH VIỆT NAM TẠI ĐÔNG NAI	KCN Long Thành	Đông Nai	Hà Lan	138.502.050
67	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA LONG VƯƠNG HẢI PHÒNG	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Hồng Kông	138.000.000
68	DỰ ÁN KORTEK VINA.	KCN Đông Văn 4	Hà Nam	Hàn Quốc	138.000.000
69	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỒNG MẮT KÍNH HOYA LENS VIỆT NAM 2 – DUNG QUẤT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Nhật Bản	138.000.000
70	DỰ ÁN CHINHÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NƯỚC	KCN Phú An Thạnh	Long An	Singapore	136.382.262

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
	GIẢI KHÁT COCA-COLA VIỆT NAM TẠI LONG AN				
71	CHI NIÊN CÔNG TY TNHH CAI. OFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM	KCN Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	136.348.868
72	CTY TNHH GIẤY ANNORA VIỆT NAM	KKT Nghi Sơn	Thanh Hóa	Đài Loan	135.500.000
73	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SHARP MANUFACTURING VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Nhật Bản	135.000.000
74	CÔNG TY TNHH DỆT MÁY S. POWER (VIỆT NAM)	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Hồng Kông	135.000.000
75	DỰ ÁN SẢN XUẤT GIẤY XUẤT KHẨU	KCN Hòa Phú	Vĩnh Long	Seychelles	133.453.342
76	CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK BÌNH DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Singapore	133.200.000
77	NHÀ MÁY HAMADEN VIỆT NAM	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	133.000.000
78	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI YONGJIN VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	132.500.000
79	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHÓM HYUNDAI ALUMINUM VINA	KCN Phố Nối A	Hưng Yên	Hàn Quốc	131.375.000
80	NHÀ MÁY TÁCH VÀ HÓA LONG KHÍ CÔNG NGHIỆP	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	CHLB Đức	130.200.000
81	CTY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN VÙNG TÂY	KCN Mỹ Xuân B1 Tiến Hưng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	130.000.000
82	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ CÔNG NGHỆ CAO (NAMUGA PHÚ THỌ)	KCN Thụy Vân	Phú Thọ	Hàn Quốc	130.000.000
83	VECO	KCN Phú An Thạnh	Long An	Singapore	130.000.000
84	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẾ VÔ;	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Nhật Bản	130.000.000

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN SƠN				
85	CÔNG TY TNHH PHẦN BÓN HÀN - VIỆT	KCN An Hạ	TP. Hồ Chí Minh	Hàn Quốc	129.515.000
86	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG KỸ THUẬT CAO VÀ CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KỸ THUẬT CAO KHÁC.	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Hàn Quốc	128.644.000
87	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẬP RÁP CÁC LOẠI MÁY XỬ LÝ HÌNH ẢNH VÀ CÁC LOẠI BỘ PHẬN, LINH KIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ LIÊN QUAN BẢNG KỸ THUẬT CAO.	KCN Phố Nối A	Hưng Yên	Nhật Bản	128.568.000
88	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NEW VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Nhật Bản	126.157.092
89	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY KINH NÓI THỦ NHẤT	KCN Quế Võ 1	Bắc Ninh	Nhật Bản	126.000.000
90	NHÀ MÁY KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI TÂN VIỆT	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	125.225.179
91	DỰ ÁN NHÀ MÁY TOYO VIỆT NAM THỦ BA	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Singapore	125.067.000
92	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI THIEP VÀ SỢI THIEP BỀN BEKAERT VIỆT NAM- DUNG QUẤT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Bi	125.000.000
93	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG GIẤY DỆP (CTY TNHH FREEWELL (VIỆT NAM))	KCN Bắc Đông Phú	Bình Phước	British Virgin Islands	125.000.000
94	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NYLON-VN2	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hàn Quốc	124.679.000
95	CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Thụy Sĩ	124.454.600
96	NHÀ MÁY DAIKIN VIETNAM	KCN Phố Nối B	Hưng Yên	Nhật Bản	123.285.344

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC (Thăng Long II)	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
97	NHÀ MÁY DỆT NHUỘM SUNRISE VIỆT NAM	KCN Báo Minh	Nam Định	Trung Quốc	122.398.000
98	NHÀ MÁY ĐIỆN TỬ MOBASE VIỆT NAM	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Hàn Quốc	122.000.000
99	CÔNG TY TNHH PANASONIC SYSTEM NETWORKS VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	121.945.000
100	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SAMIL PHARMACEUTICAL	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hàn Quốc	121.106.632
101	DỰ ÁN NHÀ MÁY I.OTES THAI THUY VIỆT NAM	KCN Nguyễn Đức Cảnh	Thái Bình	Đài Loan	120.000.000
102	NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN, KINH DOANH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ SẢN PHẨM NHỰA	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hồng Kông	120.000.000
103	NHÀ MÁY INTCO MEDICAL VIỆT NAM	KCN Bim Sơn	Thanh Hóa	Singapore	120.000.000
104	CÔNG TY TNHH FULL WAY	KCN Long Đức	Đồng Nai	Marshall Islands	120.000.000
105	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MÁY MẠC CỦA CÔNG TY TNHH MAPLE	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Singapore	120.000.000
106	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC THIẾT BỊ KHÔNG DÂY CỦA ACE ANTENNA'S	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Hàn Quốc	120.000.000
107	CTY LIÊN DOANH NAM PHƯƠNG TEXTILE	KCN Việt Hương 2	Bình Dương	Hồng Kông	120.000.000
108	(AIDEN) NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ TẠO VÀ LẬP RÁP CÁC BỘ PHẬN, CHI TIẾT, LINH KIỆN VÀ SẢN PHẨM ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ; CÁC LOẠI KHIUỐN MÀU VÀ SẢN PHẨM, BỘ PHẬN ÉP DẬP	KCN Nam Sách	Hải Dương	Nhật Bản	120.000.000

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
109	CÔNG TY TNHH NIDFC SANKYO VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	120.000.000
110	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ VIỆT HOA	KCN Hòa Khánh	Đà Nẵng	Nhật Bản	119.000.000
111	XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÁY PHOTOCOPY VÀ MÁY IN	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Singapore	119.000.000
112	NHÀ MÁY XÂY LƯA MÌ INTERFLOUR	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	British Virgin Islands	117.280.000
113	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÀ PHÊ HOA TÂN MARUBENI TẠI VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	115.000.000
114	CÔNG TY TNHH POU PHONG VIỆT NAM	KCN Bàu Xéo	Đồng Nai	British Virgin Islands	115.000.000
115	NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỆN TỬ HIAESUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	KCN An Dương	Hải Phòng	Hàn Quốc	115.000.000
116	DỰ ÁN SẢN XUẤT VỎ LON, SẢN XUẤT NÁP LON VÀ LON HOÀN THIÊN ĐỐI VỚI CÁC LON GIẢI KHÁT BẰNG NHÔM.	KCN Hanaka	Bắc Ninh	Nhật Bản	114.397.025
117	THÀNH LẬP CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA TẠI KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG-BẮC NINH.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	114.119.652
118	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH LON NƯỚC GIẢI KHÁT TBC-BALL VIỆT NAM TẠI VSIP II-A	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hồng Kông	114.100.000
119	(SUMIDENSO) CTY TNHH SUMIDENSO VIỆT NAM, SX KINH DOANH MANG DÂY ĐIỆN	KCN Đại An	Hải Dương	Nhật Bản	114.000.000
120	NHÀ MÁY AXC VIỆT NAM	KCN Quế Võ 1	Bắc Ninh	Singapore	113.800.000

SĐT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
121	DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM VÀ DỆT THOI FENGQIANG VIỆT NAM	KKT cửa khẩu Mộc Bài	Tây Ninh	Singapore	113.000.000
122	CTY TNHH FUHONG PRECISION COPONENT (BẮC GIANG)-ĐA HỮU NGHỊ(FRIENDSHIP	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	113.000.000
123	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC LOẠI Ó TRỰC, VÒNG BI	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	112.700.000
124	CÔNG TY TNHH KCC (VIỆT NAM NHON TRACH).	KCN Nhơn Trạch VI	Đồng Nai	Singapore	112.500.000
125	CTY TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	KCN Gò Dầu	Đồng Nai	Thái Lan	111.500.000
126	CTY TNHH SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES (VIỆT NAM)	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	111.300.000
127	DỰ ÁN ĐẦU TƯ GF ENERGY HẢI PHÒNG	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Hoa Kỳ	111.000.000
128	NHÀ MÁY BÔNG SEN	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Thụy Sĩ	110.960.000
129	NHÀ MÁY THỰC PHẨM - CÔNG TY TNHH CPV FOOD	KCN Becamex-Binh Phước	Binh Phước	Thái Lan	110.298.722
130	CÔNG TY TNHH HYOSUNG FINANCIAL SYSTEM VINA.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	110.043.000
131	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU BÁN DẪN UNITED STATES ENTERPRISES	Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Đà Nẵng	Hoa Kỳ	110.000.000
132	NHÀ MÁY HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HO NAI.	KCN Hồ Nai	Đồng Nai	Hàn Quốc	110.000.000
133	NHÀ MÁY SUNNY OPOTECH VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hồng Kông	110.000.000
134	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YÊN	KCN Phố Nối B	Hưng Yên	Hồng Kông	110.000.000

SĐT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
135	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MÁY MÀC CỦA CÔNG TY TNHH PEONY.	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Singapore	110.000.000
136	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY THẾ THAO	KCN Tân Phú Thành	Hậu Giang	Đài Loan	110.000.000
137	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OLYMPUS VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Nhật Bản	110.000.000
138	FRIENDSHIP PROJECT.	KCN Quê Võ 1	Bắc Ninh	Đài Loan	110.000.000
139	CTLD VIỆT NAM SUZUKI < SX XE TẢI, CHỖ HÀNG, DU LỊCH >	KCN Long Bình (LOTECO)	Đồng Nai	Nhật Bản	109.500.000
140	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY KÍNH NỘI SIÊU TRĂNG	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung Quốc	108.711.509
141	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH HIAYAT KIMYA VIỆT NAM	KCN Becamex-Bình Phước	Bình Phước	Hà Lan	108.173.880
142	DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DONG YANG HẢI PHÒNG	KCN Trảng Duyệt	Hải Phòng	Hàn Quốc	107.800.000
143	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHIẾU BIA VÀ ĐỒ UỐNG KHÔNG CÒN KHÁC	KCN Phú Bái (GD 1&2)	Thừa Thiên Huế	Dan Mạch	107.706.781
144	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MARBUCHI MOTOR VIỆT NAM.	KCN Biên hoá II	Đồng Nai	Nhật Bản	107.629.924
145	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SỢI, VẢI VÀ HẠT NHỰA HAO SHENG VINA	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	British Virginislands	106.500.000
146	CÔNG TY TNHH NIDDEC COPAL PRECISION VIỆT NAM (NIDDEC COPAL)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	106.500.000
147	NHÀ MÁY CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OM DIGITAL SOLUTIONS VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Nhật Bản	105.714.286

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
148	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT KÍNH CÁN SIÊU TRẮNG CÔNG SUẤT 650 TẤN/NGÀY.	KCN Yên Phong I	Bắc Ninh	Trung Quốc	105.598.150
149	CÔNG TY TNHH MARUZEN FOODS VIỆT NAM	KCN Mỹ Phước 3	Bình Dương	Nhật Bản	105.274.038
150	CHI NHÁNH MỚI CÔNG TY TNHH SUHEUNG VIỆT NAM.	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hàn Quốc	105.000.000
151	DỰ ÁN NS BLUESCOPE VIỆT NAM	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	105.000.000
152	DỰ ÁN SẢN XUẤT HỆ THỐNG DÂY DẪN ĐIỆN SỬ DỤNG TRONG XE HƠI	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Nhật Bản	105.000.000
153	NHÀ MÁY THIẾT BLUE SCOPE	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Australia	105.000.000
154	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam số 2	KCN Yên Phong I	Bắc Ninh	Hàn Quốc	104.600.000
155	NHÀ MÁY TÒN PHƯƠNG NAM NHON TRACH	KCN Nhơn Trạch II	Đồng Nai	Malaysia	104.600.000
156	CÔNG TY TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (VIỆT NAM)	KCN Tân Hương	Tiền Giang	British Virgin Islands	104.000.000
157	DỰ ÁN MỞ RỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM LINH KIỆN ĐÁN BẾ MẶT SMD (LAN 2)	KCN Phố Mới A	Hưng Yên	Nhật Bản	103.799.321
158	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN NHỰA SPC VÀ SẢN GỖ NHỰA WPC	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	103.000.000
159	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI XINDADONG TEXTILES - DUNG QUÁT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Trung Quốc	103.000.000
160	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DONG-IL VIỆT NAM	KCN Lộc An - Bình Sơn	Đồng Nai	Hàn Quốc	102.960.000

Sst	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
161	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA	KCN Mỹ Phước 2	Bình Dương	Hàn Quốc	101.500.000
162	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎI RỬA TOTO VIỆT NAM	KCN Thăng Long Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Singapore	100.000.000
163	TIỀN NHỊ LẬP SHINNSIN VIỆT NAM THỨ NHẤT	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Cayman Islands	100.000.000
164	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHANG SHIN DONG NAI	KCN Tân Phú	Đông Nai	Hàn Quốc	100.000.000
165	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP LINH KIỆN ĐIỆN TỬ MEIKO QUANG MINH	KCN Quang Minh	Hà Nội	Nhật Bản	100.000.000
166	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHANG SHIN VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ.	KCN Long Đức	Đông Nai	Hàn Quốc	100.000.000
167	HANWHA TECHWIN SECURITY VIỆT NAM	KCN Quê Võ I	Bắc Ninh	Hàn Quốc	100.000.000
168	CÔNG TY TNHH POWERKNIT VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đông Nai	British Virgin Islands	100.000.000
169	DỰ ÁN NHÀ MÁY UNIBEN	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Singapore	100.000.000
170	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DELICACY VIỆT NAM	KCN Bầu Bàng	Bình Dương	Cayman Islands	100.000.000
171	CÔNG TY TNHH UNITED JUMBO	KCN Suối Trè	Đông Nai	British West Indies	100.000.000
172	DỰ ÁN NHÀ MÁY VẢI DỆT KIM NEW WIDE VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Seychelles	100.000.000
173	NHÀ MÁY ALUTEC VINA	KCN Diêm Thủy	Thái Nguyên	Hàn Quốc	100.000.000
174	DỰ ÁN SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIỄN THÔNG VÀ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG	KCN Đồng Văn I	Hà Nam	Hàn Quốc	100.000.000
175	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA PVC	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	100.000.000

Stt	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
176	CÔNG TY TNHH SỢI LONG THẠI TỬ	KCN Nhơn Trạch II	Đồng Nai	Đài Loan	100.000.000
177	DỰ ÁN SUNTORY PEPSICO ĐỒNG NAI	KCN Amata	Đồng Nai	Hà Lan	100.000.000
178	CÔNG TY TNHH TCIE VIỆT NAM	KCN Hòa Khánh mở rộng	Đà Nẵng	Malaysia	100.000.000
179	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY	KKI cửa khẩu Mộc Bài	Tây Ninh	Hàn Quốc	100.000.000
180	(UMC) CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN TỬ UMC VIỆT NAM	KCN Tân Trường	Hải Dương	Nhật Bản	100.000.000
181	(CÔNG NGHIỆP BROTHER) CTY TNHH CÔNG NGHIỆP BROTHER VIỆT NAM	KCN Phúc Điền	Hải Dương	Nhật Bản	100.000.000
182	CTY TNHH NISSEI ELECTRIC HÀ NỘI	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	100.000.000
183	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GLOBAL DYEING	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hàn Quốc	100.000.000
184	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KAO VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Nhật Bản	100.000.000
TỔNG CỘNG:					24.325.039.073

Phụ lục 12
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

Đơn: đồng

STT	Tên tập đoàn (Công ty đa quốc gia)	Quốc gia	Thu nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất thực tế	C. hình thức Thuế suất bổ sung	Thu nhập bổ sung	Thuế bổ sung
1	AAC TECHNOLOGIES PTE.LTD	Singapore	460.943.218.387	7.392.266.832.747	10%	5%	271.315.017.236	13.036.793.080
2	AICA KOKYO COMPANY LIMITED	Nhật Bản	1.348.808.394.604	135.126.620.094	11%	4%	82.230.338.111	3.225.114.333
3	ALL WELLS INTERNATIONAL CO.,LTD	Bahar Loan	125.696.200.118	1.239.448.817.086	9%	6%	141.159.943.222	8.599.262.870
4	Altemira Co. Ltd	Nhật Bản	181.375.794.236	3.495.423.090.374	11%	4%	7.338.112.949	266.848.275
5	AMPIENOL CORP	Hoa Kỳ	1.345.824.649.918	184.257.315.028	6%	9%	384.439.118.111	33.998.345.668
6	ANHUI BANGHUI AUTOMOBILE GROUP CORP.,LTD	Trung Quốc	11.783.000.000	529.653.666.667	14%	1%	20.031.440.000	291.290.689
7	ASSA ABLLOY AB	Thụy Điển	1.440.838.870.018	116.056.457.349	12%	3%	199.969.894.813	5.267.174.844
8	AXON ENTERPRISE, INC	Hoa Kỳ	33.359.585.670	402.614.238.769	7%	8%	2.063.301.952	156.751.688
9	AYALA CORPORATION	Philippines	248.069.988.539	20.046.000.000	0%	15%	302.655.124.175	44.686.105.089
10	BAYER AG	Đức	1.818.373.513.000	4.605.984.483.000	11%	4%	354.268.208.501	14.426.494.158
11	BILLERUD AB	Thụy Điển	16.403.091.613	338.746.082.197	14%	1%	23.259.732.395	336.245.958
12	CANADIAN SOLAR INC	Singapore	214.981.571.942	3.143.482.095.098	5%	10%	199.448.847.207	19.388.126.797
13	CANON INCORPORATED	Nhật Bản	40.110.181.973.191	1.288.043.045.757	10%	5%	974.516.532.732	48.471.371.566
14	COMPAGNIE DE SAINT-GOBAIN	Canada	775.223.079.028	163.218.348.668	6%	9%	158.908.456.693	14.824.036.309
15	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MOWI VIET NAM	Singapore	29.347.588.777	301.483.624.103	15%	0%	27.658.056.731	68.268.255
16	COVESTRO AG	Đức	29.992.487.000	431.505.854.667	2%	13%	15.173.725.022	1.949.523.253
17	CP ALL PCL	Thái Lan	891.203.428	264.209.206.477	4%	11%	18.866.718.490	2.069.519.937
18	DATSANG CORP	Hàn Quốc	3.528.331.750.701	102.457.696.370	10%	5%	460.675.381	24.985.900
19	DAIKI ALUMINIUM INDUSTRY CO.,LTD	Nhật Bản	12.264.040.959	712.277.747.782	0%	15%	12.952.430.387	1.942.864.538
20	DAIWA HOUSE INDUSTRY CO.,LTD	Nhật Bản	1.286.407.186.478	75.501.999.073	14%	1%	89.856.852.041	599.159.154
21	DENSO CORPORATION	Nhật Bản	886.435.209.393	8.148.342.100.259	13%	2%	580.969.395.560	14.034.321.188
22	Diageo Holdings NETHERLANDS BV	Netherlands	223.567.653.403	267.343.230.333	14%	1%	353.821.485.912	3.538.214.860
23	DOOSAN ENERGY CO., LTD	Hàn Quốc	7.024.574.816.387	1.943.682.399.844	1%	14%	2.464.884.496.314	342.936.375.220
24	DOW INC	Hoa Kỳ	1.748.482.043.347	310.742.938.578	11%	4%	199.953.362.982	8.724.657.216
25	ENEOS HOLDINGS INC	Nhật Bản	815.239.109.363	15.563.905.101	6%	9%	6.809.019.782	584.026.729
26	FALREXIA	Pháp	1.093.064.333.208	139.820.027.658	8%	7%	141.669.912.704	10.161.419.284
27	FEDEX CORP	Hoa Kỳ	2.891.204.634	1.770.037.724.845	0%	15%	3.736.630.854	560.494.628
28	FLAT GLASS GROUP CO., LTD	Hồng Kông	543.074.576.733	3.432.053.129.208	0%	15%	607.023.501.139	91.053.525.171
29	FREEMILLS SE & CO KGAA	Đức	64.520.699.772	898.847.154.149	8%	7%	10.528.037.784	704.008.418
30	GETAC TECHNOLOGY CORPORATION	Bahar Loan	1.873.901.312.530	370.445.842.718	4%	11%	178.049.139.171	19.944.260.617
31	Geonex Inc	Hongkong	3.954.347.138.228	61.457.344.199.093	0%	15%	3.588.867.026.728	525.682.389.400
32	GUNZE LIMITED	Nhật Bản	1.236.666.789.660	105.724.776.607	10%	5%	99.404.049.974	4.697.272.758
33	HAJIMEDDY HOLDINGS INCORPORATED	Nhật Bản	1.266.553.937.559	42.879.886.289	14%	1%	38.866.245.640	577.929.053
34	HANWA CO., LTD	Nhật Bản	3.210.533.439.308	72.530.659.956	7%	8%	39.892.319.666	3.277.673.071
35	HANWHA CORPORATION	Hàn Quốc	5.779.275.556.365	123.092.978.653	11%	4%	277.921.187.253	10.958.228.062
36	HON HAI PRECISION IND. CO., LTD	Trung Quốc	103.439.719.600.227	4.708.653.229.736	6%	9%	6.098.488.498.161	553.873.890.972
37	HUAFU FASHION CO., LTD	Trung Quốc	3.838.777.046.464	525.033.089.994	2%	13%	442.090.980.472	58.694.430.691
38	HYOSUNG ADVANCED MATERIALS CORPORATION	Hàn Quốc	35.208.244.269.744	3.075.853.967.778	11%	4%	2.137.981.592.349	82.989.364.211
39	HYUNDAI MOTOR COMPANY	Hàn quốc	1.156.678.015.713	26.625.520.819.384	12%	3%	179.823.787.138	5.163.258.284
40	IDEMITSU KOSAN CO., LTD	Nhật Bản	1.549.697.937.623	150.479.981.130	10%	5%	96.269.933.507	5.285.373.913
41	INTEL CORPORATION	Hoa Kỳ	7.190.821.133.802	46.165.647.433.778	1%	14%	2.178.081.650.456	1.018.831.605.347
42	Intops Co., Ltd	Hàn Quốc	474.606.538.596	9.265.526.196.668	5%	10%	564.202.989.269	53.970.594.705

STT	Tên tập đoàn Công ty đa quốc gia	Quốc gia	Theo nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất nhập khẩu	Chiếm lĩnh thuế suất bổ sung	Theo nhập bổ sung	Thuế bổ sung
43	JABIL INC	Hoa Kỳ	996.920.637.432	24.760.141.773.992	5%	10%	1.606.146.867.333	155.216.298.202
44	JIFA GROUP CO., LTD	Trung Quốc	17.814.168.166	11.367.788.158	8%	7%	17.067.088.535	1.109.360.755
45	JOTUN AS	Na Ly	701.364.666.667	3.347.538.000.000	7%	8%	547.376.020.000	44.422.008.830
46	KIN WAI TRUST	Hong Kong	230.330.273.598	3.787.700.686.775	10%	5%	126.050.270.668	6.152.453.687
47	KITOKU SHIMRYO CO LTD	Nhật Bản	4.933.235.400	335.368.435.749	12%	3%	7.607.241.134	231.507.065
48	KYOCERA CORPORATION	Nhật Bản	382.361.013.262	10.134.886.709.625	7%	8%	28.827.960.209	2.357.436.724
49	Linking Vano Pte Ltd	Singapore	63.337.819.507	1.579.040.555.987	0%	15%	109.750.801.067	16.300.527.274
50	LIAR CORP	Mauritius	117.944.480.385	482.734.605.886	1%	2%	129.202.901.129	2.863.931.132
51	LEE & MAN PAPER MANUFACTURING LIMITED	Trung Quốc	579.414.864.449	6.200.229.973.259	5%	10%	67.979.323.939	6.491.144.617
52	LEGRAND	Hong Kong, China	7.329.448.487	465.991.013.661	0%	15%	31.269.084.996	4.690.363.749
53	LG CHEM LTD	Hàn Quốc	973.456.370.985	46.077.859.603	2%	13%	16.911.955.590	2.122.597.614
54	LG CNS CO., LTD	Hàn Quốc	42.549.042.494	703.701.032.522	5%	10%	53.563.826.507	5.432.783.725
55	LG CORP	Hàn Quốc	9.929.042.262.124	385.921.280.252	7%	8%	352.202.142.947	27.797.631.179
56	LG ELECTRONICS INC	Hàn Quốc	96.108.437.376.786	3.634.330.630.515	7%	8%	2.178.422.495.021	167.409.193.029
57	LG INNOTEK CO., LTD	Hàn Quốc	2.631.751.159.425	58.327.842.652.549	6%	9%	1.780.261.494.373	165.110.825.110
58	LOREAL	Hoa Kỳ	214.961.777.167	2.609.574.718.849	0%	15%	294.290.587.132	44.143.588.070
59	LOTTE CHEMICAL CORPORATION	Hàn Quốc	154.484.333.333	2.330.429.000.000	9%	6%	134.046.560.100	7.831.755.783
60	LUXSHARE PRECISION INDUSTRY CO., LTD	Trung Quốc	90.233.031.086.012	1.732.762.483.072	10%	5%	1.502.135.613.723	78.759.741.963
61	Malaya Glass Products Sdn Bhd	Malaysia	120.401.730.117	924.103.929.699	10%	5%	121.152.257.014	6.511.621.126
62	Mekong Energy Company Ltd	Nhật Bản, Viet Nam	165.433.327.469	5.320.605.404.530	7%	8%	175.820.786.975	13.554.301.830
63	MISUMI Group Inc	Nhật Bản	42.708.366.593	740.112.562.343	11%	4%	40.961.420.405	1.854.419.725
64	MISUMI GROUP INC.	Nhật Bản	76.856.304.093	2.658.722.024.715	0%	15%	37.351.546.854	5.607.232.028
65	MITSUBI CORPORATION	Hàn Quốc	33.301.517.815.262	2.943.421.660.321	12%	3%	2.268.635.457.272	70.706.499.136
66	MONDELEZ INTERNATIONAL, INC.	Singapore	5.667.627.513.917	439.121.426.335	14%	1%	361.418.170.927	3.648.047.504
67	NAMUGA CO LTD	Hàn Quốc	135.511.444.108	9.817.925.295.182	0%	15%	83.359.772.044	12.503.945.813
68	NICHIAS CORPORATION	Nhật Bản	846.504.341.361	81.687.721.889	14%	1%	61.202.569.008	702.726.308
69	NILKON PARKERING CO., LTD	Nhật Bản	53.422.429.083	245.287.237.446	14%	1%	66.126.711.528	653.342.712
70	NIPPO BOWAY ALLOY MATERIAL COMPANY LIMITED	Trung Quốc	8.338.938.302.091	404.291.593.160	4%	11%	1.596.300.326.148	178.210.975.274
71	NIPPON SUISEI KASHA LTD	Nhật Bản	36.630.659.665	495.304.349.815	6%	9%	45.039.411.482	3.839.172.895
72	NIPPON TELEGRAPH AND TELEPHONE CORPORATION	Nhật Bản	3.000.591.724.771	316.091.891.736	3%	12%	336.279.200.361	40.088.648.311
73	NISHIMATSU CONSTRUCTION CO., LTD	Nhật Bản	-2.189.197.069	334.743.471.572	0%	15%	14.387.564.365	2.158.133.655
74	NOVARTIS AG	Thụy Sĩ	60.694.643.176	2.249.555.573.047	6%	9%	65.510.908.222	5.680.478.100
75	NSK LTD	Nhật Bản	104.714.844.305	401.159.614.841	0%	15%	51.710.120.191	7.756.518.029
76	OBAYASHI CORPORATION	Nhật Bản	64.930.797.151	2.137.942.670.734	11%	4%	102.483.057.881	1.221.433.605
77	OII HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	4.395.802.903.076	340.803.063.068	15%	0%	88.786.360.345	3.474.482.498
78	Pavonic Asia Pte Ltd	Đài Loan	107.573.469.947	882.953.656.606	0%	15%	88.786.360.345	13.285.018.971
79	PULARDS INC.	Mỹ	51.413.767.680	1.024.506.325.256	11%	4%	80.769.639.359	3.350.706.162
80	QISDA CORPORATION	Đài Loan	10.999.026.892.442	247.831.150.022	0%	15%	707.580.632.315	106.137.099.847
81	RICKIT HINCKESBRO GROUP PLC	Anh	23.614.775.798	1.461.967.793.232	0%	15%	17.804.048.638	2.684.107.296
82	RENESAS ELECTRONICS CORPORATION	Nhật Bản	74.333.189.384	1.032.012.306.983	10%	5%	82.100.185.254	3.713.087.477
83	S P SETIA BHD	Malaysia	334.389.666.667	89.018.968.436	0%	15%	114.447.965.710	17.167.194.856
84	SAILUN GROUP CO., LTD	Trung Quốc	3.833.386.125.253	15.782.767.051.240	5%	10%	2.778.514.842.674	276.355.909.743
85	SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS CO., LTD	Hàn Quốc	1.784.964.113.442	40.841.405.117.889	5%	10%	521.077.540.543	51.047.151.227
86	SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD	Hàn Quốc	##	107.807.344.263.576	6%	9%	106.076.269.592.912	9.521.881.116.650
87	SAMSUNG SDI CO., LTD	Hàn Quốc	1.070.460.619.478	28.057.980.128.145	5%	10%	743.511.063.921	74.894.220.105
88	SANOFI	Pháp	503.407.769.834	4.977.177.710.876	12%	3%	690.296.741.497	20.169.113.191

STT	Tên tập đoàn Công ty đa quốc gia	Quốc gia	Thu nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất thực tế	Chênh lệch Thuế suất bỏ sung	Thu nhập bỏ sung	Thuế bỏ sung
89	Sapporo Breweries Limited	Nhật Bản	95,953,731,816	576,019,957,251	0%	5%	113,168,281,331	16,975,242,200
90	SATO HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	10,604,362,183	767,507,516,287	2%	13%	36,730,603,212	4,670,112,590
91	SATO HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	10,604,362,183	767,507,516,287	2%	13%	36,730,603,212	4,670,112,590
92	SFCOM CO LTD	Nhật Bản	299,943,022,620	20,520,218,979	9%	6%	16,701,635,619	992,203,037
93	SHENGHERESOURCESHOLDINGCO.LTD	Singapore	1,653,269,117,754	126,386,345,729	5%	10%	210,621,389,061	20,381,615,435
94	SHEKWIN WILLIAMS COMPANY (THE)	Malaysia	96,207,000,000	1,159,549,000,000	0%	15%	54,487,280,000	8,173,092,000
95	SHISEIDO COMPANY LIMITED	Nhật Bản	2,862,987,439,281	195,212,671,334	14%	1%	56,411,998,025	514,081,631
96	SIAM CITY CEMENT PCL	Nhật Bản	497,833,299,658	5,996,427,925,015	8%	7%	99,121,150,235	7,383,887,424
97	SSI Logistics, Solvado Holdings Pte Ltd	Philap, Singapore, Viet Nam	223,881,319,861	529,324,815,875	10%	5%	184,973,014,644	8,530,523,825
98	SUMITOMO FORESTRY CO LTD	Nhật Bản	3,483,700,133,820	571,238,477,060	12%	3%	630,022,961,113	19,359,632,270
99	SUNNY OPTICAL TECHNOLOGY (GROUP) COMPANY LIMITED	Trung quốc	244,853,947,729	537,484,785,920	0%	15%	585,046,322,871	87,260,661,136
100	TAISHO PHARMACEUTICAL HOLDINGS CO.LTD	Nhật Bản	5,185,357,100,000	1,023,137,519,324	14%	1%	998,908,990,875	12,877,103,736
101	TAKASHIMAYA COMPANY LIMITED	Brit Virgin IS	1,456,285,616,747	217,711,873,303	14%	1%	248,147,284,706	1,711,317,947
102	THAI BEVERAGE PCL	Thái Lan	37,491,365,456,958	4,905,605,135,985	13%	2%	5,241,127,828,167	94,211,084,802
103	THAIFOODS GROUP PCL	Thái Lan	108,842,382,096	1,050,194,048,648	11%	4%	327,490,856	13,706,692
104	THE YOKOJAMA RUBBER COMPANY LIMITED	Nhật Bản	132,807,333,333	1,273,400,333,333	0%	15%	96,270,140,000	14,440,521,000
105	THK Co. Ltd	Nhật Bản	54,178,666,667	575,167,000,000	10%	5%	32,906,320,000	1,627,942,220
106	TOKYU CORPORATION	Nhật Bản	118,641,333,333	659,980,000,000	0%	15%	86,759,840,000	13,013,976,000
107	TOTALENERGIES SE	Pháp	2,955,639,186,945	96,844,048,952	0%	15%	39,670,208,490	5,950,531,303
108	UNI-PRESENTID ENTERPRISES CORP	Đài Loan	3,944,760,503,447	294,070,207,405	12%	3%	329,984,488,806	9,242,835,747
109	VESTAS WIND SYSTEMS A/S	Đan Mạch	-114,290,701,019	2,983,852,431,811	0%	15%	227,374,271,887	34,106,140,783
110	VINCI	Pháp	389,011,100,907	12,654,422,549	0%	15%	21,379,739,954	3,206,960,993
111	VIVENDI SE	Pháp	595,133,693,898	52,020,967,476	5%	10%	53,938,018,315	5,218,554,828
112	WACOAL HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	8,301,878,785	1,202,856,722,293	1%	14%	4,769,180,901	686,047,523
113	WPP PLC (NEW)	Anh	3,477,309,673,332	155,282,133,583	9%	6%	122,338,685,521	7,215,884,175
114	YALDEA GROUP HOLDINGS LTD	Trung Quốc	12,157,016,567	323,301,144,445	0%	15%	49,177,730,258	7,376,659,539
115	Yara International ASA	Na Uy	19,568,805,900	659,498,928,599	14%	1%	25,382,448,701	240,608,867
116	YIP INC	Trung Quốc	3,990,163,417,684	229,915,862,305	8%	7%	83,298,826,744	5,539,204,208
117	YOUNGONE HOLDINGS CO.LTD	Hàn Quốc	7,800,161,814,852	1,223,724,748,889	15%	0%	1,583,367,770,047	4,157,546,980
118	YTO EXPRESS GROUP CO.LTD	Trung Quốc	27,752,840,325	562,119,335,219	0%	15%	29,084,321,039	4,362,648,156
119	ZHEJIANG SANHUA INTELLIGENT CONTROLS CO.LTD	Singapore	-12,412,187,139	1,196,407,392,255	0%	15%	28,678,656,726	4,301,798,509
120	ZHEJIANG YONGJIN METAL TECHNOLOGY CO.LTD	Trung Quốc	61,749,499,560	4,402,446,156,425	0%	15%	77,169,026,783	11,575,354,017
121	ZOIT SE & CO. KG	Đức	78,427,710,462	831,564,545,487	0%	15%	50,630,844,490	7,594,626,673
122	ZYF CONSTRUCTION GROUP CO.LTD	Trung Quốc	-2,821,131,558	807,949,902,577	0%	15%	1,916,985,766	287,547,865
							TỔNG CỘNG:	14,641,894,484,605

Phụ lục 13
HIỆP ĐỊNH BẢO HỘ ĐẦU TƯ (EVIPA)

CHƯƠNG 2
BẢO HỘ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 2.1
Phạm vi

1. Chương này áp dụng đối với:

- (a) các khoản đầu tư được bảo hộ, và
- (b) các nhà đầu tư của một Bên liên quan đến các khoản đầu tư được bảo hộ của họ.

2. Điều 2.3 (Đối xử quốc gia) và 2.4 (Đối xử tối huệ quốc) không áp dụng đối với:

- (a) dịch vụ nghe nhìn;
- (b) khai khoáng, sản xuất và chế biến¹ các vật liệu hạt nhân;
- (c) sản xuất hoặc buôn bán vũ khí, đạn dược và vật liệu chiến tranh;
- (d) vận tải đường biển nội địa;²
- (e) dịch vụ vận tải hàng không quốc tế và nội địa, kể cả định kỳ hay không định kỳ, và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến thương quyền bay, ngoại trừ:
 - (i) dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng máy bay khi máy bay không hoạt động;
 - (ii) bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không;
 - (iii) các dịch vụ đặt, giữ chỗ qua máy tính (CRS);
 - (iv) các dịch vụ khai thác mặt đất; và
 - (v) dịch vụ vận hành sân bay;
- và
- (f) các dịch vụ được cung cấp và các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước.

3. Điều 2.3 (Đối xử quốc gia) và 2.4 (Đối xử tối huệ quốc) không áp dụng đối với trợ cấp của các Bên.³

4. Chương này không áp dụng cho các hệ thống an sinh xã hội tương ứng của các Bên hoặc các hoạt động trên lãnh thổ của mỗi Bên liên quan đến việc thực hiện thẩm quyền chính thức, cho dù là không thường xuyên.

5. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp ảnh hưởng đến thể nhân tìm cách tiếp cận thị trường việc làm của một Bên, cũng như không áp dụng đối với các biện pháp liên quan đến quốc tịch, cư trú hoặc làm việc dài hạn.

6. Ngoại trừ Điều 2.1 (Phạm vi), 2.2 (Đầu tư và Biện pháp quản lý và Mục tiêu) và 2.5 (Đối xử đầu tư) đến 2.9 (Thế quyền), không có quy định nào khác trong Hiệp định này được hiểu là hạn chế nghĩa vụ của các Bên theo Chương 9 (Mua sắm của Chính phủ) của Hiệp định Thương mại Tự do hoặc áp đặt thêm bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan đến mua sắm của chính phủ. Nhằm giải thích rõ hơn, các biện pháp liên quan đến mua sắm của chính phủ phù hợp với Chương 9 (Mua sắm của Chính phủ) của Hiệp định Thương mại Tự do không bị xem là vi phạm Điều 2.1 (Phạm vi), 2.2 (Đầu tư và Biện pháp quản lý và Mục tiêu) và 2.5 (Đối xử đầu tư) đến 2.9 (Thế quyền).

ĐIỀU 2.2

Đầu tư và Biện pháp quản lý và Mục tiêu

1. Các Bên tái xác nhận quyền đưa ra quy định trong lãnh thổ của mình để đạt được mục tiêu chính sách hợp pháp, ví dụ như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc đạo đức xã hội, bảo vệ xã hội hoặc người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy và bảo vệ đa dạng văn hóa.

2. Nhằm giải thích rõ hơn, Chương này không được diễn giải là cam kết của một Bên không thay đổi khung pháp lý, bao gồm việc thay đổi có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động đầu tư hoặc kỳ vọng lợi nhuận của nhà đầu tư.

3. Nhằm giải thích rõ hơn và tuân theo khoản 4, việc một Bên quyết định không cấp, gia hạn hoặc duy trì một khoản trợ cấp hoặc viện trợ không hoàn lại không cấu thành vi phạm Chương này trong những trường hợp sau:

(a) không có cam kết với nhà đầu tư của Bên kia hoặc một khoản đầu tư được bảo hộ theo luật hoặc hợp đồng để cấp, gia hạn hoặc duy trì khoản trợ cấp hoặc viện trợ không hoàn lại đó;

(b) phù hợp với các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc cấp, gia hạn hoặc duy trì trợ cấp hoặc viện trợ không hoàn lại.

4. Nhằm giải thích rõ hơn, không có quy định nào trong Chương này được hiểu là ngăn cản một Bên ngừng việc trợ cấp¹ hoặc yêu cầu bồi hoàn, hoặc yêu cầu Bên đó bồi thường nhà đầu tư nếu việc ngừng trợ cấp được làm theo lệnh của một trong những cơ quan có thẩm quyền liệt kê tại Phụ lục 1 (Cơ quan có thẩm quyền).

ĐIỀU 2.3

Đối xử quốc gia

1. Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ, liên quan đến hoạt động của các khoản đầu tư được bảo hộ, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và các khoản đầu tư của mình trong hoàn cảnh tương tự.

2. Bất kể quy định tại khoản 1 và, phù hợp với Phụ lục 2 (Ngoại lệ cho Việt Nam về Đối xử quốc gia) trong trường hợp của Việt Nam, một Bên có thể thông qua hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến hoạt động của một khoản đầu tư được bảo hộ với điều kiện biện pháp đó không trái với các cam kết tương ứng nêu tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam) của Hiệp định Tự do Thương mại, khi biện pháp đó là:

(a) một biện pháp được ban hành vào hoặc trước ngày có hiệu lực của Hiệp định này;

(b) một biện pháp nêu tại điểm (a) được tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này, với điều kiện biện pháp đó không kém phù hợp hơn với khoản 1 sau khi biện pháp đó được tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi so với biện pháp đã tồn tại trước khi tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi; hoặc

(c) một biện pháp không thuộc điểm (a) hoặc (b), với điều kiện biện pháp đó không được áp dụng đối với hoặc theo cách gây ra thiệt hại⁵ cho khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên đó trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó.

ĐIỀU 2.4

Đối xử tối huệ quốc

1. Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ, liên quan đến hoạt động của các khoản đầu tư được bảo hộ, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của một nước thứ ba và các khoản đầu tư của nhà đầu tư của nước thứ ba đó trong hoàn cảnh tương tự.

2. Khoản 1 không áp dụng đối với các ngành sau:

(a) dịch vụ truyền thông, ngoại trừ dịch vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông;

(b) dịch vụ giải trí, văn hóa và thể thao;

(c) thủy sản và nuôi trồng thủy sản;

(d) lâm nghiệp và săn bắn; và

(e) khai khoáng, bao gồm dầu và khí.

3. Khoản 1 không được hiểu là bắt buộc một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên kia hoặc khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư đó lợi ích từ bất kỳ sự đối xử nào được cam kết tại các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương đã có hiệu lực trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

4. Khoản 1 không được hiểu là bắt buộc một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên kia hoặc khoản đầu tư được bảo hộ của các nhà đầu tư đó lợi ích từ:

(a) bất kỳ sự đối xử nào theo cam kết tại các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương mà bao gồm cam kết xóa bỏ đáng kể tất cả các rào cản đối

với đầu từ giữa các bên hoặc yêu cầu sự tương đương của pháp luật của các bên trong một hoặc nhiều ngành kinh tế;⁶

(b) bất kỳ sự đối xử từ các hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần hoặc các hiệp định quốc tế khác hoặc các thỏa thuận liên quan toàn bộ hoặc một phần đến thuế; hoặc

(c) bất kỳ sự đối xử từ các biện pháp nhằm công nhận các trình độ chuyên môn, giấy phép hoặc các biện pháp thận trọng phù hợp với Điều VII của GATS⁷ hoặc các Phụ lục về Dịch vụ tài chính thuộc GATS.

5. Nhằm giải thích rõ hơn, “sự đối xử” nêu tại khoản 1 không bao gồm các cơ chế và thủ tục giải quyết tranh chấp, như quy định tại Mục B (Giải quyết tranh chấp Nhà đầu tư và các Bên) của Chương 3 (Giải quyết tranh chấp), được quy định trong các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương. Các nghĩa vụ trọng yếu trong các hiệp định đó không tự tạo ra “sự đối xử” và do đó không thể được xem xét khi đánh giá một vi phạm của Điều này. Các biện pháp của một Bên theo các nghĩa vụ trọng yếu sẽ được coi là “sự đối xử”.

6. Điều này sẽ được giải thích phù hợp với nguyên tắc *cùng loại (ejusdem generis)*.⁸

ĐIỀU 2.5

Đối xử đầu tư

1. Mỗi Bên phải dành sự đối xử công bằng và bình đẳng và sự bảo hộ và an toàn đầy đủ cho nhà đầu tư của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ phù hợp với các khoản từ 2 đến 7 và Phụ lục 3 (Biên bản ghi nhớ Đối xử đầu tư).

2. Một Bên vi phạm nghĩa vụ đối xử công bằng và bình đẳng nêu tại khoản 1 nếu một biện pháp hoặc một loạt các biện pháp cấu thành:

- (a) sự từ chối xét xử tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính;
- (b) vi phạm cơ bản quy trình tố tụng tư pháp và hành chính công bằng;
- (c) biểu hiện sự tùy ý;
- (d) phân biệt đối xử có mục đích có căn cứ sai rõ ràng, như giới tính, dân tộc hoặc niềm tin tôn giáo;
- (e) đối xử khắc nghiệt như ép buộc, lạm quyền hoặc hành vi xấu tương tự; hoặc
- (f) vi phạm bất kỳ yếu tố nào khác của nghĩa vụ đối xử công bằng và bình đẳng mà các Bên thông qua phù hợp với khoản 3.

3. Những hình thức đối xử không liệt kê tại khoản 2 có thể cấu thành vi phạm đối xử công bằng và bình đẳng nếu các Bên thỏa thuận như vậy là vi phạm phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 4.3 (Sửa đổi).

4. Khi áp dụng khoản 1 đến khoản 3, cơ quan giải quyết tranh chấp theo Chương 3 (Giải quyết tranh chấp) có thể xem xét việc một Bên đưa ra một mô tả

cụ thể cho một nhà đầu tư của Bên kia đề thuyết phục khoản đầu tư được bảo hộ tạo ra sự kỳ vọng chính đáng mà nhà đầu tư dựa vào đó để quyết định đầu tư hoặc duy trì đầu tư nhưng sau đó Bên đó không thực hiện được.

5. Nhằm giải thích rõ hơn, thuật ngữ “bảo hộ đầy đủ và an toàn” nêu tại khoản 1 nghĩa là nghĩa vụ phải thực hiện của một Bên cần thiết để bảo vệ an toàn của nhà đầu tư và khoản đầu tư được bảo hộ.

6. Nếu một Bên ký kết một văn bản thỏa thuận với nhà đầu tư của Bên kia hoặc khoản đầu tư được bảo hộ đáp ứng tất cả điều kiện sau, Bên đó không được vi phạm thỏa thuận này thông qua việc thực hiện chức năng nhà nước. Các điều kiện bao gồm:

(a) văn bản thỏa thuận được ký kết và có hiệu lực sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này;⁹

(b) nhà đầu tư dựa vào văn bản thỏa thuận để quyết định hoặc duy trì khoản đầu tư được bảo hộ thay vì chính văn bản thỏa thuận đó và vi phạm gây ra thiệt hại thực tế đến khoản đầu tư đó;

(c) văn bản thỏa thuận¹⁰ tạo ra sẽ trao đổi quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư nói trên, có giá trị ràng buộc các bên; và

(d) văn bản thỏa thuận không có điều khoản về giải quyết tranh chấp giữa các bên bằng hình thức trọng tài quốc tế.

7. Một vi phạm điều khoản khác của Hiệp định này hoặc của hiệp định quốc tế khác không cấu thành vi phạm Điều này.

ĐIỀU 2.6

Bồi thường thiệt hại

1. Các khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư của một Bên bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc bạo loạn trên lãnh thổ của Bên kia sẽ được Bên kia áp dụng sự đối xử có liên quan đến việc hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc giải pháp khác không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên kia dành cho các nhà đầu tư của mình hay của bất kỳ nước thứ ba nào.

2. Không ảnh hưởng đến khoản 1, nhà đầu tư của một Bên trong bất cứ trường hợp nào được nêu tại khoản 1 bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên kia phải được Bên kia hoàn trả hoặc bồi thường đầy đủ và hiệu quả nếu những thiệt hại này là do:

(a) các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên kia trưng thu khoản đầu tư được bảo hộ; hoặc

(b) các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên kia phá hủy khoản đầu tư được bảo hộ mà không phải là do hành động chiến đấu hoặc không phải là do tính thiết yếu của tình hình.

ĐIỀU 2.7

Trung dụng

1. Một Bên không được quốc hữu hóa hoặc trung dụng các khoản đầu tư được bảo hộ của các nhà đầu tư của Bên kia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với quốc hữu hóa hoặc trung dụng (sau đây gọi là “trung dụng”), ngoại trừ:

- (a) vì mục đích công cộng;
- (b) được thực hiện thông qua quy trình hợp pháp;
- (c) dựa trên cơ sở không phân biệt đối xử; và
- (d) được bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả.

2. Khoản bồi thường nêu tại khoản 1 phải bằng giá trị thực của khoản đầu tư được bảo hộ ngay trước khi bị trung dụng hoặc trước khi nguy cơ bị trung dụng trở nên công khai, tùy trường hợp nào xảy ra trước, các khoản bồi thường như vậy cũng bao gồm cả lãi suất tính theo lãi suất thương mại thông thường cho tới ngày thanh toán. Khoản bồi thường như vậy được thực thi một cách hiệu quả, tự do chuyển nhượng phù hợp với Điều 2.8 (Chuyển nhượng) và được thực hiện không chậm trễ.

3. Bất kể quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp Việt Nam là Bên trung dụng, bất kỳ biện pháp trung dụng trực tiếp nào liên quan đến đất đai phải:

- (a) vì mục đích phù hợp với pháp luật và quy định nội địa hiện hành¹¹; và
- (b) thanh toán tiền bồi thường tương đương với giá thị trường, có sự thừa nhận của pháp luật và quy định nội địa hiện hành.

4. Việc cấp li-xăng cưỡng bức liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ không tạo thành hành vi trung dụng trong phạm vi khoản 1, miễn là việc cấp li-xăng phù hợp với Hiệp định các khía cạnh liên quan thương mại của quyền sở hữu trí tuệ trong Phụ lục 1C của Hiệp định WTO (sau đây gọi là “Hiệp định TRIPS”).

5. Nhà đầu tư bị ảnh hưởng bởi việc trung dụng phải có quyền, theo luật của Bên trung dụng, yêu cầu cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác của Bên đó xem xét khiếu nại của mình và định giá khoản đầu tư của mình.

6. Điều này phải được diễn giải phù hợp với Phụ lục 4 (Biên bản ghi nhớ về Trung dụng).

ĐIỀU 2.8

Chuyển tiền

Mỗi Bên phải cho phép việc chuyển tiền liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ bằng bất kỳ đồng tiền tự do chuyển đổi nào, mà không có hạn chế hay sự

chậm trễ nào và với tỉ giá thị trường hối đoái vào thời điểm chuyển đổi. Việc chuyển tiền bao gồm:

(a) góp vốn, ví dụ vốn ban đầu hoặc vốn góp thêm để duy trì, phát triển hoặc tăng khoản đầu tư;

(b) lợi nhuận, cổ tức, thu nhập từ vốn hoặc các nguồn thu khác từ việc bán toàn bộ hay một phần khoản đầu tư hoặc từ việc thanh khoản một phần hay toàn bộ khoản đầu tư;

(c) các khoản thanh toán tiền lãi, tiền bản quyền, phí quản lý, và hỗ trợ kỹ thuật và các khoản phí khác;

(d) các khoản thanh toán theo một hợp đồng do nhà đầu tư ký kết hoặc khoản đầu tư được bảo hộ, bao gồm các khoản thanh toán thỏa thuận vay;

(e) thu nhập và khoản thù lao khác của nhân sự làm việc ở nước ngoài và có liên quan đến khoản đầu tư;

(f) các khoản thanh toán căn cứ vào Điều 2.6 (Bồi thường thiệt hại) và Điều 2.7 (Trung dụng); và

(g) các khoản thanh toán thiệt hại căn cứ vào phán quyết theo Mục B (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà đầu tư và các Bên) của Chương 3 (Giải quyết tranh chấp).

ĐIỀU 2.9 **Thế quyền**

Nếu một Bên hoặc cơ quan của Bên đó thực hiện thanh toán khoản đền bù, bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo hiểm ký kết liên quan đến một khoản đầu tư của nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên kia, Bên kia phải công nhận thế quyền hoặc chuyển bộ toàn bộ các quyền khiếu nại liên quan đến khoản đầu tư. Bên đó hoặc cơ quan của Bên đó có quyền thực hiện thế quyền hoặc quyền chuyển nhượng hoặc khiếu nại với cùng nội dung với quyền hoặc khiếu nại gốc của nhà đầu tư. Quyền này có thể được thực hiện bởi Bên đó hoặc cơ quan Bên đó, hoặc nhà đầu tư chỉ trong trường hợp được Bên đó hoặc cơ quan của Bên đó ủy quyền.

¹ *Nhằm giải thích rõ hơn, chế biến các vật liệu hạt nhân bao gồm tất cả các hoạt động nêu tại Bảng phân loại ngành tiêu chuẩn quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế quy định trong Tài liệu thống kê, Văn phòng Thống kê của Liên hiệp quốc, Nhóm M, Số 4, ISIC REV 3.1, 2002 mã 2330.*

² *Không ảnh hưởng đến phạm vi của các hoạt động cấu thành vận tải theo luật pháp và quy định trong nước, vận tải đường biển nội địa trong Mục này bao gồm vận tải hành khách hoặc hàng hóa giữa một cảng hoặc một địa điểm được đặt tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam và một cảng hoặc một địa điểm khác tại nước thành viên đó của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam, bao gồm thêm lục địa của nước đó như nêu tại UNCLOS, và việc*

vận chuyển bắt đầu và kết thúc tại cùng một cảng hoặc một địa điểm tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam.

³ Đối với Liên minh châu Âu, "trợ cấp" bao gồm các "viện trợ nhà nước" được quy định trong luật Liên minh châu Âu. Đối với Việt Nam, "trợ cấp" bao gồm ưu đãi đầu tư, và hỗ trợ đầu tư chẳng hạn như hỗ trợ địa điểm sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động tăng cường năng lực cạnh tranh như hỗ trợ công nghệ, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ pháp lý, thông tin thị trường và xúc tiến thị trường.

⁴ Đối với Liên minh châu Âu, "trợ cấp" bao gồm các "viện trợ nhà nước" được quy định trong luật Liên minh châu Âu. Đối với Việt Nam, "trợ cấp" bao gồm ưu đãi đầu tư, và hỗ trợ đầu tư chẳng hạn như hỗ trợ địa điểm sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động tăng cường năng lực cạnh tranh như hỗ trợ công nghệ, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ pháp lý, thông tin thị trường và xúc tiến thị trường.

⁵ Với mục đích của điểm này, các Bên hiểu rằng nếu một Bên đã dành một khoảng thời gian hợp lý để thực hiện một biện pháp hoặc nếu một Bên đã thực hiện bất kỳ nỗ lực nào khác để giải quyết các tác động của biện pháp đó đối với các doanh nghiệp được thành lập trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó, các yếu tố này sẽ được xem xét trong quá trình xác định liệu biện pháp đó có gây thiệt hại cho doanh nghiệp đã được thực hiện trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó.

⁶ Nhằm giải thích rõ hơn, Cộng đồng kinh tế ASEAN được coi là một hiệp định khu vực theo khoản này.

⁷ Như quy định tại Phụ lục 1b của Hiệp định Marrakesh về Thành lập Tổ chức Thương mại Quốc tế, ký tại Marrakesh ngày 15 tháng 4 năm 1994.

⁸ Nhằm giải thích rõ hơn, khoản này không được hiểu là ngăn cản sự giải thích của các điều khoản khác của Hiệp định này, khi thích hợp, phù hợp với nguyên tắc cùng loại (*ejusdem generis*).

⁹ Nhằm giải thích rõ hơn, một văn bản thỏa thuận được ký kết và có hiệu lực sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này không bao gồm nội dung gia hạn của văn bản đó phù hợp với hiệp định gốc, và có tất cả hoặc đa số các điều khoản và điều kiện của văn bản gốc, được ký kết và có hiệu lực trước ngày có hiệu lực của Hiệp định này.

¹⁰ Thuật ngữ "văn bản thỏa thuận" là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa một Bên với một nhà đầu tư của Bên kia hoặc khoản đầu tư của họ và được thương lượng và thực hiện bởi cả hai bên, dù được ký thành một hay nhiều văn kiện.

¹¹ Pháp luật và quy định trong nước hiện hành là Luật đất đai số 45/2014/QH13 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP điều chỉnh giá đất của Việt Nam, tính đến ngày có hiệu lực của Hiệp định.